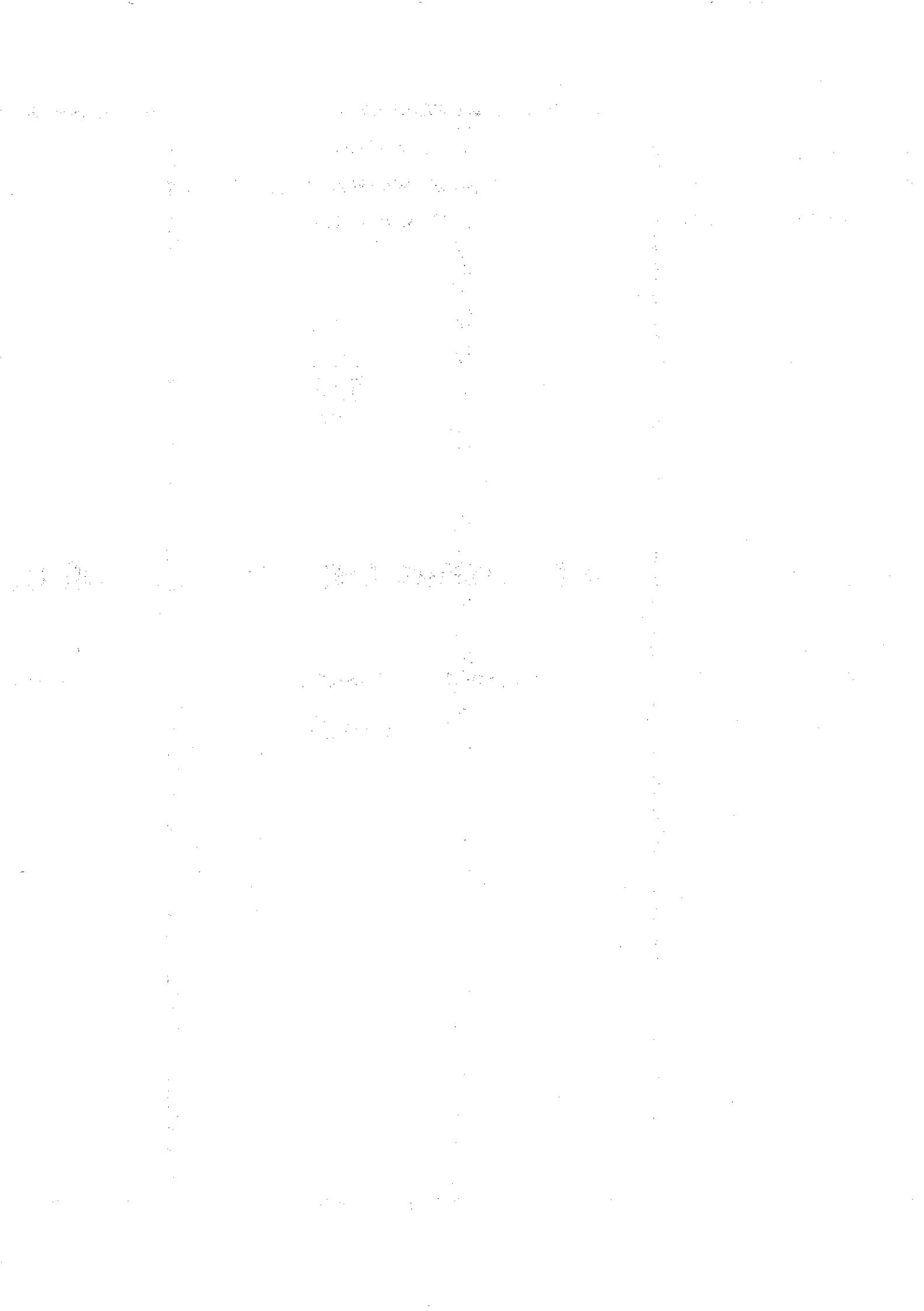


BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
KHÓA 2020



Số: 107/QĐ-UEF

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Đề cương học phần thuộc Chương trình đào tạo
trình độ đại học, hệ chính quy**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 1272/QĐ-TTg ngày 24 tháng 09 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kinh tế-Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kinh tế-Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDDT ngày 16 tháng 04 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 18 tháng 10 năm 2016 về việc Phê duyệt Khung trình độ quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 107/QĐ-UEF, ngày 07 tháng 05 năm 2020 của Hiệu Trưởng Trường Đại học Kinh tế-Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các Khoa quản lý ngành đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề cương học phần thuộc Chương trình đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy 25 ngành đào tạo của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

(theo danh mục đính kèm)

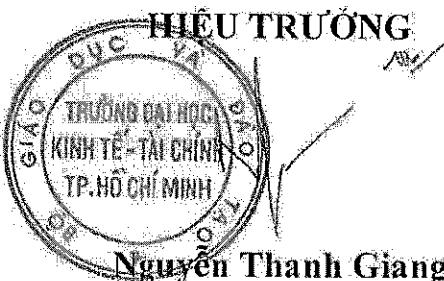


Điều 2. Đề cương học phần thuộc các chương trình đào tạo này được áp dụng từ khóa tuyển sinh năm 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng các đơn vị chức năng trực thuộc Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Công bố trang thông tin điện tử;
- Nhu Điều 3 (dể t/h);
- Lưu: VP, PDT, Khoa.



**DANH MỤC NGÀNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC, HỆ CHÍNH QUY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 10/Ts/QĐ-UEF, ngày 01/ tháng 5/ năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Ngành đào tạo		Mã ngành
	Tiếng Việt	Tiếng Anh	
1	Quản trị kinh doanh (Song ngữ, Quốc tế UEF)	Business Administration	7340101
2	Kinh doanh quốc tế (Song ngữ, Quốc tế UEF)	International Business	7340120
3	Kinh doanh thương mại	Commercial Business	7340121
4	Marketing	Marketing	7340115
5	Quản trị nhân lực	Human Resources Management	7340404
6	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	Logistics and Supply Chain Management	7510605
7	Kế toán	Accounting	7340301
8	Tài chính – Ngân hàng	Finance and Banking	7340201
9	Luật	Law	7380101
10	Luật kinh tế	Economic Law	7380107
11	Luật quốc tế	International Law	7380108
12	Quan hệ quốc tế	International Relations	7310206
13	Quản trị khách sạn (Song ngữ, Quốc tế UEF)	Hospitality Management	7810201
14	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Tourism and Travel Services Management	7810103
15	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Restaurant and Culinary Management	7810202
16	Công nghệ thông tin	Information Technology	7480201
17	Thương mại điện tử	Electronic Commerce	7340122
18	Khoa học dữ liệu	Data Science	7480109
19	Công nghệ truyền thông	Communication Technology	7320106
20	Quan hệ công chúng	Public Relations	7320108
21	Quảng cáo	Advertising	7320110
22	Ngôn ngữ Anh	English Language	7220201
23	Ngôn ngữ Nhật	Japanese Language	7220209
24	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Korean Language	7220210
25	Ngôn ngữ Trung Quốc	Chinese Language	7220204



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

DANH MỤC ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành : CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (Information Technology)

Trình độ: Đại học Mã Số: 7480201

*(Ban hành kèm theo Quyết định số : 107/QĐ-UEF, ngày 07/05/2020
 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Tp. Hồ Chí Minh)*

TT	MÃ MH	Tên học phần	TC
1	ITE1102	Nhập môn công nghệ thông tin	3
2	ITE1203	Nhập môn lập trình	3
3	ITE1205	Kỹ thuật lập trình	3
4	ITE1209	Lý thuyết đồ thị	3
5	ITE1206	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	3
6	ITE1207	Cơ sở dữ liệu	3
7	ITE1208	Lập trình hướng đối tượng	3
8	ITE1218	Trí tuệ nhân tạo	3
9	ITE1115E	Hệ điều hành	3
10	ITE1210E	Mạng máy tính	3
11	ITE1264E	Phát triển ứng dụng desktop	3
12	ITE1125E	Công nghệ phần mềm	3
13	ITE1214	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3
14	ITE1257E	Bảo mật thông tin	3
15	ITE1265E	Phát triển ứng dụng Web	3
16	ITE1221E	Lập trình trên thiết bị di động	3
17	ITE1219E	Công nghệ Java	3
18	ITE1459	Đồ án	3
19	ITE1360	Thực tập tốt nghiệp	3
20	ITE1461	Khóa luận tốt nghiệp	12
21	ITE1133E	Công nghệ phần mềm nâng cao	3
22	ITE1140E	Quản trị dự án phần mềm	3
23	ITE1231E	Kiểm chứng chất lượng phần mềm	3
24	ITE1166E	Kiến trúc phần mềm	3
25	ITE1224E	Cơ sở dữ liệu nâng cao	3
26	ITE1237E	Oracle	3

27	ITE1152E	Kho dữ liệu và OLAP	3
28	ITE1153E	Dữ liệu lớn	3
29	ITE1235E	Mạng máy tính nâng cao	3
30	ITE1267E	Thiết kế mạng máy tính	3
31	ITE1241E	Quản trị mạng	3
32	ITE1255E	Lập trình mạng máy tính	3
33	ITE1268E	An toàn thông tin cho ứng dụng Web	3
34	ITE1223E	An toàn hệ thống mạng máy tính	3
35	ITE1258E	Điều tra số	3
36	ITE1239E	Phân tích và đánh giá an toàn thông tin	3
37	ITE1173E	Máy học	3
38	ITE1174E	Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo	3
39	ITE1175E	Nhận dạng mẫu	3
40	ITE1176E	Khai thác dữ liệu và ứng dụng	3
41	MAT1103	Toán cao cấp	3
42	STA1101	Xác suất thống kê	3
43	MAT1104	Toán rời rạc	3
44	POL1111	Triết học Mác – Lê nin	3
45	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lê nin	2
46	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
47	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
48	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2
49	LAW1101	Pháp luật đại cương	3
50	ITE1201	Tin học đại cương	3
51	SKI1107	Project design 1	3
52	SKI1108	Project design 2	3
53	MGT1101	Quản trị học	3
54	ENG2101	Tiếng Anh 1	4
55	ENG2102	Tiếng Anh 2	4
56	ENG2103	Tiếng Anh 3	4
57	ENG2104	Tiếng Anh 4	4
58	ENG2105	Tiếng Anh 5	4
59	ENG2106	Tiếng Anh 6	4
60	ENG2107	Tiếng Anh 7	4

TRƯỜNG KHOA

Ualau

Nguyễn Thanh Giang



TS. Nguyễn Thành Giang

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Nhập môn công nghệ thông tin Tên tiếng Anh: Introduction to Information Technology
2. Mã học phần	ITE1102
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 135 tiết
5. Học phần học trước	Không
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9)
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin

8. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Hiểu các kiến thức về thông tin và xử lý thông tin.	PLO2	3.0
G2	Hiểu các kiến thức về hệ xử lý thông tin tự động.	PLO2	3.0
G3	Hiểu về internet và các dịch vụ trên internet.	PLO2	3.0
G4	Hiểu về cách biểu diễn thông tin trong máy tính.	PLO2	3.0
G5	Hiểu được các chuyên ngành và các nghề nghiệp liên quan đến CNTT.	PLO2	4.0
G6	Nắm vững các kiến thức văn hoá, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và các khía cạnh luật lệ.	PLO2	3.0
G7	Thảo luận các ảnh hưởng của công nghệ và tri thức mới trong lĩnh vực CNTT.	PLO2	4.0
G8	Sử dụng kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm.	PLO4, PLO8	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu các kiến thức về thông tin và xử lý thông tin.	I
G2.1	Hiểu các kiến thức về hệ xử lý thông tin tự động.	I
G3.1	Hiểu về internet và các dịch vụ trên internet.	I
G4.1	Hiểu về cách biểu diễn thông tin trong máy tính.	T,U
G5.1	Hiểu được các chuyên ngành và các nghề nghiệp liên quan đến CNTT	I
G6.1	Nắm vững các kiến thức văn hoá, đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm và các khía cạnh luật lệ.	T,U
G7.1	Thảo luận các ảnh hưởng của công nghệ và tri thức mới trong lĩnh vực CNTT.	I
G8.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình.	U
G8.2	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Cung cấp cho sinh viên kiến thức về biểu diễn thông tin gồm các hệ đếm, chuyển đổi giữa các hệ đếm, các phép toán (số học, logic), số nguyên có dấu và số thực (biểu diễn, phép toán).
- Nhận dạng và phân biệt một hệ thống mã hóa của các ký tự (ASCII, Unicode).
- Giới thiệu khái quát về nghề nghiệp CNTT và các chuyên ngành về CNTT.
- Một số về luật lệ và quy định xã hội gồm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả, quyền riêng tư, đạo đức nghề nghiệp.

Biết được các ảnh hưởng của công nghệ và tri thức mới trong lĩnh vực CNTT.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Thông tin và xử lý thông tin <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Giới thiệu 1.2 Xử lý thông tin 1.3 Tin học 1.4 Công nghệ thông tin 1.5 Lịch sử máy tính 	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi.	A1.1

2	Bài 2: Hệ xử lý thông tin tự động 2.1 Nguyên lý Turing 2.2 Nguyên lý Von Neumann Hệ xử lý thông tin tự động	G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi.	A1.1
3	Bài 3: Internet và các dịch vụ 3.1 Mạng máy tính 3.2 Mạng internet 3.3 Các dịch vụ trên mạng internet virut máy tính	G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1
4,5,6,7,8	Bài 4: Biểu diễn thông tin trong máy tính 4.1 Giới thiệu 4.2 Hệ thống đếm 4.3 Chuyển đổi giữa các hệ đếm 4.4 Các phép toán số học và logic trên hệ nhị phân 4.5 Số nhị phân có dấu 4.6 Số thực 4.7 Hệ thống mã hóa	G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
9,10	Bài 5: Các chuyên ngành CNTT 5.1 CNTT và các ứng dụng trong đời sống 5.2 Các chuyên ngành CNTT 5.3 CNTT tại Việt Nam 5.4 Khoa CNTT - Trường đại học Kinh tế - Tài chính Tp.HCM	G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi.	A1.1
11	Bài 6: Giới thiệu về nghề nghiệp CNTT và đào tạo 6.1 Nghiên cứu khoa học và vai trò, chức danh trong nghiên cứu khoa học 6.2 Nghiên cứu thuật toán 6.3 Xây dựng và phát triển hệ thống phần cứng - phần mềm	G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi.	A1.1
12	Bài 7: Một số luật lệ và quy định xã hội 7.1 Quyền sở hữu trí tuệ 7.2 Quyền tác giả 7.3 Quyền riêng tư 7.4 Đạo đức và nghề nghiệp	G6.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi.	A1.1
13-15	Thảo luận nhóm	G7.1 G8.2	Học: SV trình bày nhóm, thảo luận	A1.1 A2

		G8.2	Dạy: Đặt câu hỏi, nhận xét.	
	TỔNG CỘNG:		45 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x) Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1.1, G2.1, G3.1, G4.1 10%
		A1.2 Bài tập: AM2		G4.1 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Tự luận/trắc nghiệm AM4		G3.1 G5.1 G6.1 G7.1 20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án: AM7		G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1 G7.1 50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Biểu diễn được tất cả các hệ đếm, chuyển đổi giữa các hệ đếm, các phép toán, số nguyên có dấu và số thực. Hiểu và giải thích được các khái niệm cơ bản về CNTT, các chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp, các luật lệ.	Có khả năng biểu diễn được các hệ đếm, chuyển đổi giữa các hệ đếm, các phép toán, số nguyên có dấu và số thực. Hiểu được các khái niệm cơ bản về CNTT, các chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp, các luật lệ.	Có khả năng biểu diễn được các hệ đếm cơ bản, chuyển đổi giữa các hệ đếm, các phép toán, số nguyên có dấu và số thực. Hiểu được các khái niệm cơ bản về CNTT, các chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp, các luật lệ.	Có khả năng biểu diễn được các hệ đếm cơ bản. Hiểu được các khái niệm cơ bản về CNTT, các chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp, các luật lệ.	Còn hạn chế nhiều trong việc hiểu và biểu diễn các hệ đếm, chuyển đổi giữa các hệ đếm, các phép toán, số nguyên có dấu và số thực, các khái niệm cơ bản về CNTT, các chuyên ngành, đạo đức nghề nghiệp, các luật lệ.	Hầu như không có kiến thức về các khái niệm cơ bản về CNTT

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Michael J. Quinn (2015). <i>Ethics for the Information Age 5th Edition</i>. Pearson 	
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Tạ Minh Châu (2005). <i>Giáo trình tin học đại cương</i>. NXB Đại học Quốc gia TP. HCM 	
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> Luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, http://www.vietlaw.gov.vn/LAWNET/ 	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Thông tin và xử lý thông tin	9	Đọc trước giáo trình chương 1
	Bài 2: Hệ xử lý thông tin tự động	18	Đọc trước giáo trình chương 1
	Bài 3: Internet và các dịch vụ	18	Đọc trước giáo trình chương 3,7,8
	Bài 4: Biểu diễn thông tin trong máy tính	45	Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 5: Các chuyên ngành CNTT	18	Đọc trước giáo trình chương 10
	Bài 6: Giới thiệu về nghề nghiệp CNTT và đào tạo	18	Đọc trước giáo trình chương 10
	Bài 7: Một số luật lệ và quy định xã hội	9	Đọc trước giáo trình chương 4,6,9
Tổng số tiết tự học		135	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, linhnth@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Minh Tuấn, tuannm@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 8 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Hoài Linh

Văn Khí Khiêm Grüng

Nguyễn Thị Hoài Linh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Nhập môn lập trình Tên tiếng Anh: Introduction to Programming																				
2. Mã học phần	ITE1203																				
3. Trình độ đào tạo	Đại học																				
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết																				
5. Học phần học trước	Không																				
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 																				
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin																				
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CDR của CTĐT (PLOx)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td> <td>Kiến thức về cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, các phép toán số học và logic cơ bản.</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G2</td> <td>Kiến thức cơ bản về lập trình thông qua ngôn ngữ C</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G3</td> <td>Kỹ năng giải bài toán theo hướng tiếp cận có tính hệ thống bằng cách vận dụng lưu đồ khối vào tư duy giải thuật.</td> <td>PLO2</td> <td>4.0</td> </tr> <tr> <td>G4</td> <td>Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính cũng như thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.</td> <td>PLO2, PLO10</td> <td>4.0</td> </tr> </tbody> </table>	Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL	G1	Kiến thức về cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, các phép toán số học và logic cơ bản.	PLO2	3.0	G2	Kiến thức cơ bản về lập trình thông qua ngôn ngữ C	PLO2	3.0	G3	Kỹ năng giải bài toán theo hướng tiếp cận có tính hệ thống bằng cách vận dụng lưu đồ khối vào tư duy giải thuật.	PLO2	4.0	G4	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính cũng như thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	PLO2, PLO10	4.0
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL																		
G1	Kiến thức về cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính, các phép toán số học và logic cơ bản.	PLO2	3.0																		
G2	Kiến thức cơ bản về lập trình thông qua ngôn ngữ C	PLO2	3.0																		
G3	Kỹ năng giải bài toán theo hướng tiếp cận có tính hệ thống bằng cách vận dụng lưu đồ khối vào tư duy giải thuật.	PLO2	4.0																		
G4	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính cũng như thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	PLO2, PLO10	4.0																		
9. Chuẩn đầu ra của học phần																					

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được cách biểu diễn dữ liệu trên máy tính	I, T
G1.2	Sử dụng được các phép toán số học và logic cơ bản trên dữ liệu máy tính.	I, U
G2.1	Mô tả được cách giải quyết vấn đề bài toán dưới dạng ngôn ngữ tự nhiên, mã giả, lưu đồ.	T, U
G2.2	Ứng dụng các kiểu dữ liệu cơ bản, biến, hằng, các phép toán và cấu trúc điều khiển của ngôn ngữ C trong lập trình giải các bài toán đơn giản.	T, U
G2.3	Có khả năng thiết kế chương trình hướng cấu trúc đơn giản với ngôn ngữ lập trình C	T, U
G2.4	Sử dụng được kiểu dữ liệu mảng, tổ chức chương trình theo hàm, các lệnh nhập/xuất có định dạng để biểu diễn kết quả của chương trình viết bằng C.	T, U
G3.1	Vận dụng lưu đồ khối vào tư duy giải thuật cho bài toán lập trình.	T, U
G3.2	Giải bài toán theo hướng tiếp cận có tính hệ thống bằng lưu đồ khối.	T, U
G4.1	Hình thành nhận thức về phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính.	T, U
G4.2	Luyện tập khả năng tự định hướng, thể hiện thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lập trình thông qua ngôn ngữ lập trình C. Môn học này là nền tảng để tiếp thu hầu hết các môn học khác trong chương trình đào tạo. Mặt khác, nắm vững môn này là cơ sở để phát triển tư duy và kỹ năng lập trình để giải các bài toán và các ứng dụng trong thực tế.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về lập trình 1.1 Chương trình máy tính 1.2 Cấu trúc dữ liệu 1.3 Lưu đồ giải thuật	G1.1, G1.2, G2.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
2	Bài 2: Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C 2.1 Lịch sử ngôn ngữ C 2.2 Các khái niệm 2.3 Ký hiệu và các phép toán	G2.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả	A1.1 A1.2 A3

	2.4 Cấu trúc cơ bản của chương trình C 2.5 Hàm nhập xuất dữ liệu		lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
3, 4, 5	Bài 3: Cấu trúc điều khiển 3.1 Các khái niệm về lệnh và khối lệnh 3.2 Cấu trúc điều khiển: rẽ nhánh, lựa chọn, lặp	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
6, 7, 8	Kiểm tra tự luận Bài 4: Chương trình con 4.1 Khái niệm 4.2 Cấu trúc tổng quát của hàm 4.3 Phương pháp xác định nguyên mẫu hàm 4.2 Các bài tập cơ bản với hàm	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A1.3 A3
9	Bài 5: Mảng 1 chiều 5.1 Khái niệm 5.2 Khai báo và truy xuất các phần tử của mảng 5.3 Một số thao tác cơ bản trên mảng số nguyên	G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
10	Bài 5: Mảng 1 chiều (tiếp theo) 5.3 Một số dạng bài tập trên mảng Ôn tập	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Làm quen với Visual studio (hoặc DevC). Các câu lệnh nhập, xuất dữ liệu.	G1.1, G1.2, G2.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Cấu trúc điều khiển - Cấu trúc rẽ nhánh (if ... else)	G2.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2

3	Bài thực hành 3: Câu trúc điều khiển - Câu trúc lựa chọn (switch ... case)	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Câu trúc điều khiển (tiếp theo) - Câu trúc lặp (for)	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Câu trúc điều khiển (tiếp theo) - Câu trúc lặp (while, do ... while)	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 6: Chương trình con	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 7: Chương trình con (tiếp theo)	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 8: Mảng 1 chiều	G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Mảng 1 chiều (tiếp theo) Kiểm tra thực hành	G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Ôn tập	G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ	
12. Phương pháp đánh giá	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1-G4	10%	
	A1.2 Bài tập: AM2, Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2, Thi Thực hành: AM9	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi Tự luận AM4	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng mô tả giải thuật dạng lưu đồ cho các bài toán phức tạp. Viết được chương trình theo hàm cho các bài toán cơ bản và một số bài toán nâng cao	Có khả năng mô tả giải thuật dạng lưu đồ cho một số bài toán phức tạp. Viết được chương trình theo hàm cho các bài toán cơ bản và một số bài toán nâng cao	Có khả năng mô tả giải thuật dạng lưu đồ. Tổ chức, viết được chương trình C theo hàm, vận dụng linh hoạt các cấu trúc điều khiển.	Có khả năng mô tả giải thuật dạng lưu đồ cho các bài toán đơn giản. Có khả năng viết chương trình C đơn giản, với các cấu trúc điều khiển cơ bản.	Còn hạn chế nhiều trong tư duy giải thuật, các cấu trúc điều khiển chương trình, cấu trúc chương trình C cơ bản.	Hầu như không có kiến thức về lập trình.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	• “Giáo trình Nhập môn lập trình”. UEF				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Brain W.Kernighan & Dennis Ritchie (1988). The C programming language. Prentice Hall Publisher. • Phạm Hữu Khang chủ biên ; Hoàng Đức Hải, Đoàn Thiện Ngân (2005). Giáo trình nhập môn lập trình VB6. NXB Lao động Xã hội 				
	Trang Web/ CDs tham khảo	https://www.cprogramming.com/tutorial				

	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Bài 1: Tổng quan về lập trình	10	Đọc trước giáo trình chương 1
	Bài 2: Các thành phần cơ bản của ngôn ngữ C	10	Đọc trước giáo trình chương 2, chương 3 Làm các bài tập chương 1
	Bài 3: Cấu trúc điều khiển	20	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập chương 2, 3
	Bài 4: Chương trình con	20	Làm lại tất cả các bài tập chương 1, 2, 3 Đọc trước giáo trình chương 5
	Bài 5: Mảng 1 chiều	20	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập chương 5
	Bài 5: Mảng 1 chiều (tiếp theo) Ôn tập	10	Làm bài tập chương 6 và các bài tập ôn tập
Tổng số tiết tự học		90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Văn Thị Thiên Trang, trangvtt@uef.edu.vn 2. ThS. Phạm Đức Thành, phamducthanh@huflit.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trang

Văn Thị Thiên Trang

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Kỹ thuật lập trình Tên tiếng Anh: Advanced Computer Programming																				
2. Mã học phần	ITE1205																				
3. Trình độ đào tạo	Đại học																				
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết																				
5. Học phần học trước	ITE1203 – Nhập môn lập trình																				
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 																				
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin																				
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CDR của CTDT (PLOx)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td> <td>Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về lập trình thông qua ngôn ngữ C.</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G2</td> <td>Giải quyết một số bài toán đơn giản và nâng cao bằng ngôn ngữ C.</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G3</td> <td>Kỹ năng thảo luận, phát hiện và xử lý vấn đề trong giải toán bằng máy tính với C/C++.</td> <td>PLO2</td> <td>4.0</td> </tr> <tr> <td>G4</td> <td>Hình thành được tính nghiêm túc, tư duy tổ chức một cách có hệ thống và tác phong nghề nghiệp về lập trình máy tính.</td> <td>PLO4, PLO10</td> <td>4.0</td> </tr> </tbody> </table>	Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTDT (PLOx)	TĐNL	G1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về lập trình thông qua ngôn ngữ C.	PLO2	3.0	G2	Giải quyết một số bài toán đơn giản và nâng cao bằng ngôn ngữ C.	PLO2	3.0	G3	Kỹ năng thảo luận, phát hiện và xử lý vấn đề trong giải toán bằng máy tính với C/C++.	PLO2	4.0	G4	Hình thành được tính nghiêm túc, tư duy tổ chức một cách có hệ thống và tác phong nghề nghiệp về lập trình máy tính.	PLO4, PLO10	4.0
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTDT (PLOx)	TĐNL																		
G1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về lập trình thông qua ngôn ngữ C.	PLO2	3.0																		
G2	Giải quyết một số bài toán đơn giản và nâng cao bằng ngôn ngữ C.	PLO2	3.0																		
G3	Kỹ năng thảo luận, phát hiện và xử lý vấn đề trong giải toán bằng máy tính với C/C++.	PLO2	4.0																		
G4	Hình thành được tính nghiêm túc, tư duy tổ chức một cách có hệ thống và tác phong nghề nghiệp về lập trình máy tính.	PLO4, PLO10	4.0																		
9. Chuẩn đầu ra của học phần																					

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được phương pháp lập trình có cấu trúc, cách phân chia chương trình lớn thành các hàm.	I, T
G2.1	Vận dụng trực tiếp các cấu trúc dữ liệu: mảng một chiều, mảng hai chiều, mảng các cấu trúc trong lưu trữ và xử lý dữ liệu cho các bài toán thực tế.	T, U
G2.2	Cài đặt được một số bài toán cơ bản bằng con trỏ và đệ quy.	T, U
G2.3	Sử dụng được kiểu dữ liệu tập tin để lưu trữ dữ liệu và các thao tác trên tập tin.	T, U
G3.1	Có kỹ năng thảo luận, phát hiện và xử lý vấn đề trong giải toán bằng máy tính với ngôn ngữ C.	T, U
G3.2	Phân tích ưu, khuyết điểm của giải thuật và đề xuất cải tiến.	T, U
G4.1	Nhận thức được tầm ảnh hưởng của tổ chức dữ liệu đến thuật toán.	T, U
G4.2	Thể hiện thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giúp sinh viên nâng cao kỹ năng lập trình, biết xử lý những bài toán trên mảng, biết cách dùng con trỏ, đệ quy, đọc và ghi file, kiểu dữ liệu nhiều thành phần để giải quyết những bài toán có cấu trúc trong tin học.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Bài 1: Mảng một chiều 1.1 Khai báo, khởi động, truyền tham số. 1.2 Một vài thuật toán trên mảng một chiều. 1.3 Chuỗi ký tự.	G1.1, G2.1, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
3	Bài 2: Mảng hai chiều 2.1 Khái niệm. 2.2 Khai báo mảng hai chiều. 2.3 Nhập, xuất dữ liệu cho mảng hai chiều. 2.4 Một vài thuật toán trên mảng hai chiều.	G2.1, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
4, 5, 6	Bài 3: Kiểu dữ liệu có cấu trúc 3.1 Khái niệm	G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi.	A1.1 A1.2

3	Bài thực hành 3: Mảng hai chiều	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 3: Mảng hai chiều (tiếp theo). - Ma trận vuông	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Kiểu dữ liệu có cấu trúc	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 6: Kiểu dữ liệu có cấu trúc (tiếp theo) - Mảng một chiều có phần tử kiểu cấu trúc	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 7: Kiểu dữ liệu có cấu trúc (tiếp theo) Kiểm tra thực hành	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 8: Kiểu con trỏ	G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Đệ quy	G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Bài thực hành 10: Tập tin	G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

	3.2 Cách khai báo và sử dụng kiểu dữ liệu cấu trúc. 3.3 Mảng cấu trúc 3.4 Một vài giải thuật trên mảng cấu trúc.	G4.1, G4.2	Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A3
7, 8	Kiểm tra tự luận Bài 4: Kiểu con trỏ 4.1 Khái niệm về địa chỉ ô nhớ và con trỏ. 4.2 Khai báo và sử dụng biến con trỏ. 4.3 Các phép toán trên con trỏ. 4.4 Cấp phát và thu hồi bộ nhớ động cho con trỏ. 4.5 Con trỏ và mảng 1 chiều. 4.6 Con trỏ và kiểu dữ liệu có cấu trúc.	G2.1, G2.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
9	Bài 5: Đệ quy 5.1 Khái niệm 5.3 Kỹ thuật giải bài toán bằng đệ quy. 5.4 So sánh cấu trúc lặp và đệ quy.	G2.2, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
10	Bài 6: Tập tin 6.1 Khái niệm. 6.2 Các thao tác trên tập tin. 6.3 Truy cập tập tin văn bản. 6.4 Truy cập tập tin nhị phân.	G2.3, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

TỔNG CỘNG: **30** tiết

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Mảng một chiều.	G1.1, G1.2, G2.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Chuỗi kí tự.	G2.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2

Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
12. Phương pháp đánh giá	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1-G4	10%
	A1.2 Bài tập: AM2, Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A2. Bài tập trên máy: AM2 Thi Thực hành: AM9	G1.1 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A3. Thi Tự luận AM4	G1.1 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Vận dụng các cấu trúc dữ liệu cho các bài toán thực tế, sử dụng các giải thuật tối ưu. Vận dụng được đệ quy cho các bài toán nâng cao.	Viết được chương trình theo hàm, vận dụng linh hoạt các cấu trúc dữ liệu: mảng, con trỏ, struct, tập tin. Vận dụng được các cấu trúc này cho các bài toán thực tế. Vận dụng được kỹ thuật đệ quy trong giải quyết vấn đề.	Nắm được phương pháp lập trình có cấu trúc. Tổ chức, viết được chương trình C theo hàm, vận dụng được các cấu trúc dữ liệu mảng, con trỏ, struct, tập tin với các thao tác cơ bản. Vận dụng được đệ quy cho các bài toán đơn giản.	Hiểu được phương pháp lập trình có cấu trúc, cách phân chia chương trình C theo hàm, vận dụng thành các hàm. Nắm được các cấu trúc mảng, struct nhưng còn hạn chế trên thao tác.	Còn hạn chế nhiều trong tư duy giải thuật, các cấu trúc điều khiển không chia chương trình thành các hàm.	Hầu như không có kiến thức về lập trình theo hàm, chương trình, các cấu trúc không nắm được các cấu trúc dữ liệu mảng, struct, các cấu trúc dữ liệu cơ bản.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	• “Giáo trình Kỹ thuật lập trình”. UEF				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Brain W.Kernighan & Dennis Ritchie (1988). The C programming language. Prentice Hall Publisher. • Trần Hoàng Thọ. Giáo trình Kỹ thuật lập trình nâng cao 				

	Trang Web/ CDs tham khảo	https://www.cprogramming.com/tutorial	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Mảng một chiều	10	Đọc trước giáo trình chương 1
	Bài 2: Mảng hai chiều	10	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập chương 1
	Bài 3: Kiểu dữ liệu có cấu trúc	20	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập chương 2
	Bài 4: Kiểu con trỏ	20	Làm lại tất cả các bài tập chương 1, 2, 3 Đọc trước giáo trình chương 4
	Bài 5: Đệ quy	20	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập chương 4
	Bài 6: Tập tin	10	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm bài tập chương 5, 6 và các bài tập ôn tập
Tổng số tiết tự học		90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Văn Thị Thiên Trang, trangvtt@uef.edu.vn 2. ThS. Tạ Thị Thu Thủy, thuyta@uit.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Vũ Giang

Văn Thị Thiên Trang

Võ Thị Thu Thủy

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Lý thuyết đồ thị Tên tiếng Anh: Graph Theory
2. Mã học phần	ITE1209
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
5. Học phần học trước	ITE1205 – Kỹ thuật lập trình
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20).
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin

8. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ, các định lý, các thuật toán cơ bản trong lý thuyết đồ thị.	PLO2	3.0
G2	Hiểu được cách mô hình hóa bài toán thực tế sang bài toán tin học bằng công cụ lý thuyết đồ thị.	PLO2	3.0
G3	Tổ chức được các cấu trúc dữ liệu để lưu trữ đồ thị và cài đặt các thuật toán trong lý thuyết đồ thị.	PLO2	3.0
G4	Nhận diện và giải được các bài toán cơ bản trong thực tế bằng cách áp dụng lý thuyết đồ thị trên máy tính.	PLO5	4.0
G5	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính cũng như thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	PLO10	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được các khái niệm, thuật ngữ, các định lý, các thuật toán cơ bản trong lý thuyết đồ thị.	T,U
G2.1	Hiểu được cách mô hình hóa bài toán thực tế sang bài toán tin học bằng công cụ lý thuyết đồ thị.	T,U
G3.1	Tổ chức được các cấu trúc dữ liệu để lưu trữ đồ thị và cài đặt các thuật toán trong lý thuyết đồ thị.	T,U
G4.1	Nhận diện và giải được các bài toán cơ bản trong thực tế bằng cách áp dụng lý thuyết đồ thị trên máy tính.	T,U
G4.2	Phát hiện được các vấn đề của các thuật toán cơ bản trong lý thuyết đồ thị	T,U
G5.1	Hình thành được tinh nghiêm túc, tư duy tự học, tự nghiên cứu về các thuật toán, thuật giải.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Lý thuyết đồ thị cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về đồ thị như định của đồ thị, cạnh của đồ thị, bậc của đỉnh, đường đi, chu trình,... Sinh viên cũng được học một số định lý cơ bản trong lý thuyết đồ thị. Dựa trên các khái niệm, các định lý này, sinh viên sẽ được học các thuật toán để giải quyết các bài toán trên đồ thị như: các phương pháp duyệt đồ thị, tìm đường đi giữa hai đỉnh, giữa mọi cặp đỉnh, tìm đường đi ngắn nhất, tìm cây khung nhỏ nhất,...

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Đại cương về đồ thị 1.1 Một số định nghĩa. 1.2 Biểu diễn đồ thị. 1.3 Thành phần liên thông.	G1.1 G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
2, 3	Bài 2: Đồ thị EULER và đồ thị Hamilton 2.1 Đồ thị EULER. 2.2 Đồ thị Hamilton	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G5.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
4, 5, 6	Bài 3: Cây 3.1 Định nghĩa và các tính chất cơ bản. 3.2 Cây khung và bài toán cây khung ngắn nhất. 3.3 Cây có gốc 3.4 Duyệt cây nhị phân	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G5.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

7, 8	Kiểm tra tự luận Bài 4: Các bài toán đường đi 4.1 Giới thiệu 4.2 Thuật toán Dijkstra 4.3 Thuật toán Floyd	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G5.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
9, 10	Bài 5: Bài toán ghép cặp 5.1 Bài toán ghép cặp 5.2 Bài toán giao việc tối ưu 5.3 Bài toán giao việc của GALE Ôn tập	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G5.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Cài đặt đọc ghi thông tin của ma trận kè đồ thị	G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Cài đặt các thuật toán tìm kiếm chu trình và đường đi EULER	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Cài đặt các thuật toán tìm kiếm chu trình và đường đi Hamilton	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Cài đặt các thuật toán duyệt cây theo chiều rộng	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Cài đặt các thuật toán duyệt cây theo chiều sâu	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 6: Cài đặt các thuật toán tìm cây khung tối đại	G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

		G5.1	Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	
7	Bài thực hành 7: Cài đặt các thuật toán tìm cây khung tối đại (tt)	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Thi giữa kỳ Bài thực hành 8: Cài đặt các thuật toán tìm đường đi ngắn nhất.	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Cài đặt các thuật toán tìm đường đi ngắn nhất.(tt)	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Bài thực hành 10: Ôn tập	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G5.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài ôn	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		10%
		A1.2 Bài tập: AM2 , kiểm tra tự luận: AM4		G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 , kiểm tra thực hành: AM9		G3.1 G5.1 20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi Tự luận AM4		G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 50%
Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)				

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng hiểu được các thuật toán. Tổ chức, viết được chương trình theo các thuật toán, vận dụng linh hoạt các thuật toán cho các bài toán bài toán nâng cao.	Có khả năng hiểu được các thuật toán. Tổ chức, viết được chương trình theo các thuật toán, vận dụng linh hoạt các thuật toán cho các bài toán cơ bản và một số bài toán nâng cao.	Có khả năng hiểu được các thuật toán cơ bản. Tổ chức, viết được chương trình các thuật toán cơ bản.	Có khả năng viết chương trình đọc và xuất thông tin của một đồ thị.	Còn hạn chế nhiều trong tư duy thuật toán và cài đặt các thuật toán trên máy tính.	Hầu như không có kiến thức về thuật toán.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • “Giáo trình Lý thuyết đồ thị”. UEF 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Kenneth H. Rosen (2002). <i>Toán rời rạc và Ứng dụng trong tin học</i>. NXB Khoa học và Kỹ thuật. • Michael O. Albertson, Joan P. Hutchinson (1988). <i>Discrete mathematics with algorithms</i>. Wiley • Trần Nam Dũng (2009). <i>Toán rời rạc và nhập môn lý thuyết đồ thị</i>. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính 				
	Trang Web/ CDs tham khảo					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		
	Bài 1: Đại cương về đồ thị		9	Đọc trước giáo trình chương 1 Trả lời các câu hỏi trong chương 1		
	Bài 2: Đồ thị Euler và đồ thị Hamilton		18	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập chương 1		
	Bài 3: Cây		27	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập chương 2		
	Bài 4: Các bài toán đường đi		18	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập chương 3		
	Bài 5: Bài toán ghép cặp		18	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập chương 4		

	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, linhnth@uef.edu.vn 2. ThS. Lê Văn Hạnh, levanhanhv@gmail.com		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

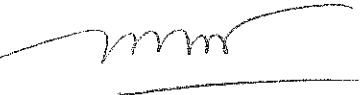
TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Hoài Linh



Lê Văn Hạnh



Nguyễn Thị Hoài Linh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Tên tiếng Anh: Data structures and Algorithms																								
2. Mã học phần	ITE1206																								
3. Trình độ đào tạo	Đại học																								
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết																								
5. Học phần học trước	ITE1205 - Kỹ thuật lập trình <ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20). 																								
6. Phương pháp giảng dạy	Khoa Công nghệ thông tin																								
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin																								
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CĐR của CTĐT (PLOx)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td> <td>Hiểu được tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu, là hai thành tố quan trọng nhất cho một chương trình.</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G2</td> <td>Hiểu rõ cách thức quản lý bộ nhớ và cách sử dụng các luồng nhập xuất.</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G3</td> <td>Sử dụng được các cấu trúc dữ liệu mảng, danh sách liên kết để giải quyết các bài toán liên quan.</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G4</td> <td>Biết phân tích và trình bày cách giải quyết bài toán, vấn đề dựa vào các nguyên lý lập trình cấu trúc.</td> <td>PLO2</td> <td>4.0</td> </tr> <tr> <td>G5</td> <td>Cài đặt được cái bài toán cơ bản trên cây, cây nhị phân, các bài toán tìm kiếm, sắp xếp.</td> <td>PLO2</td> <td>3.0</td> </tr> </tbody> </table>	Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL	G1	Hiểu được tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu, là hai thành tố quan trọng nhất cho một chương trình.	PLO2	3.0	G2	Hiểu rõ cách thức quản lý bộ nhớ và cách sử dụng các luồng nhập xuất.	PLO2	3.0	G3	Sử dụng được các cấu trúc dữ liệu mảng, danh sách liên kết để giải quyết các bài toán liên quan.	PLO2	3.0	G4	Biết phân tích và trình bày cách giải quyết bài toán, vấn đề dựa vào các nguyên lý lập trình cấu trúc.	PLO2	4.0	G5	Cài đặt được cái bài toán cơ bản trên cây, cây nhị phân, các bài toán tìm kiếm, sắp xếp.	PLO2	3.0
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL																						
G1	Hiểu được tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu, là hai thành tố quan trọng nhất cho một chương trình.	PLO2	3.0																						
G2	Hiểu rõ cách thức quản lý bộ nhớ và cách sử dụng các luồng nhập xuất.	PLO2	3.0																						
G3	Sử dụng được các cấu trúc dữ liệu mảng, danh sách liên kết để giải quyết các bài toán liên quan.	PLO2	3.0																						
G4	Biết phân tích và trình bày cách giải quyết bài toán, vấn đề dựa vào các nguyên lý lập trình cấu trúc.	PLO2	4.0																						
G5	Cài đặt được cái bài toán cơ bản trên cây, cây nhị phân, các bài toán tìm kiếm, sắp xếp.	PLO2	3.0																						
9. Chuẩn đầu ra của học phần																									

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được tầm quan trọng của giải thuật và cách tổ chức dữ liệu	T
G2.1	Hiểu rõ cách thức quản lý bộ nhớ, độ phức tạp thuật toán.	T,U
G3.1	Sử dụng được các cấu trúc dữ liệu mảng, danh sách liên kết để giải quyết các bài toán liên quan.	T,U
G4.1	Biết phân tích và trình bày cách giải quyết bài toán, vấn đề dựa vào các nguyên lý lập trình cấu trúc.	T,U
G5.1	Cài đặt được cái bài toán cơ bản trên cây, cây nhị phân, các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp.	T,U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên cách phân tích và trình bày cách giải quyết bài toán, vấn đề dựa vào các nguyên lý lập trình cấu trúc, kiến thức cơ bản về cách thức xây dựng các cấu trúc dữ liệu cơ bản. Hiểu rõ cách thức quản lý bộ nhớ, độ phức tạp thuật toán. Sử dụng các cấu trúc dữ liệu mảng, danh sách liên kết, các thuật toán tìm kiếm, sắp xếp, duyệt cây.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về cấu trúc dữ liệu và giải thuật <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Vai trò của cấu trúc dữ liệu trong một đề án tin học. 1.2 Các tiêu chuẩn đánh giá cấu trúc dữ liệu. 1.3 Trừu tượng hóa dữ liệu. 1.4 Kiểu dữ liệu cơ bản. 1.5 Độ phức tạp của giải thuật. 	G1.1 G2.1 G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
2	Bài 2: Tìm kiếm <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Giới thiệu về bài toán tìm kiếm. 2.2 Tìm kiếm tuyến tính. 2.3 Tìm kiếm nhị phân. 	G1.1 G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
3, 4	Bài 3: Sắp xếp <ul style="list-style-type: none"> 3.1 Giới thiệu về bài toán sắp xếp. 3.2 Các giải thuật sắp xếp 	G1.1 G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

5, 6, 7, 8	Bài 4: Danh sách 4.1 Khái niệm 4.2 Cấu trúc danh sách 4.3 Phương pháp cài đặt danh sách 4.4 Hiện thực danh sách kê 4.5 Hiện thực danh sách liên kết đơn 4.6 Các loại danh sách liên kết khác 4.7 Stack và Queue Kiểm tra tự luận	G3.1 G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
9, 10	Bài 5: Cấu trúc cây 5.1 Cấu trúc cây tổng quát 5.2 Cây nhị phân 5.3 Cây nhị phân tìm kiếm 5.4 Cây AVL Ôn tập	G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Cài đặt các bài toán cơ bản với kiểu dữ liệu mảng, struct	G1.1 G2.1 G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Cài đặt các thuật toán tìm kiếm	G1.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Cài đặt các thuật toán sắp xếp	G1.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Cài đặt các thuật toán sắp xếp (tt)	G3.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Cài đặt danh sách liên kết đơn	G3.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

			Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	
6	Bài thực hành 6: Cài đặt Stack	G3.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 7: Cài đặt Queue	G3.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2.1
8	Kiểm tra giữa kỳ Bài thực hành 8: Cây nhị phân	G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Cây nhị phân tìm kiếm	G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Bài thực hành 10: Cây AVL	G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài ôn	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1.1 G2.1	10%
		A1.2 Bài tập: AM2 , kiểm tra tự luận: AM4	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 , kiểm tra thực hành: AM9	G3.1 G5.1	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi Tự luận AM4	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9

	Có khả năng hiểu được các giải thuật sắp xếp và tìm kiếm. Tô chức, viết được chương trình phurt tapt, vận dụng linh hoạt các cấu trúc danh sách liên kết, cấu trúc cây cho các bài toán các bài toán nâng cao.	Có khả năng hiểu được các giải thuật sắp xếp và tìm kiếm. Tô chức, viết được chương trình theo hàm, vận dụng linh hoạt các cấu trúc danh sách liên kết, cấu trúc cây cho các bài toán cơ bản và một số bài toán nâng cao.	Có khả năng hiểu được các giải thuật sắp xếp và tìm kiếm. Tô chức, viết được chương trình theo hàm, vận dụng linh hoạt các cấu trúc danh sách liên kết, cấu trúc cây cho các bài toán cơ bản.	Có khả năng hiểu được các giải thuật sắp xếp và tìm kiếm. Có khả năng viết chương trình đơn giản áp dụng các giải thuật tìm kiếm và sắp xếp.	Còn hạn chế nhiều trong tư duy giải thuật, các cấu trúc chương trình, cấu trúc chương trình C cơ bản.	Hầu như không có kiến thức về giải thuật.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • “Giáo trình Cấu trúc dữ liệu và giải thuật”. UEF 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Dương Anh Đức, Trần Hạnh Nhi (2008). <i>Cấu trúc dữ liệu và thuật toán</i>. Đại học Khoa học Tự nhiên, Tp. Hồ Chí Minh • Đinh Mạnh Tường (2008). <i>Cấu trúc dữ liệu và thuật toán : Cách tiếp cận định hướng đối tượng sử dụng C++</i>. NXB Đại học quốc gia Hà Nội • Nguyễn Văn Linh, Trần Cao Đệ, Trương Thị Thanh Tuyền. <i>Cấu trúc dữ liệu</i> • Nguyễn Việt Hương (2007). <i>Ngôn ngữ lập trình C++ và cấu trúc dữ liệu</i>. NXB Giáo dục 				
	Trang Web/ CDs tham khảo					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		
	Bài 1: Tổng quan về cấu trúc dữ liệu và giải thuật		9	Đọc trước giáo trình chương 1 Trả lời các câu hỏi trong giáo trình chương 1		
	Bài 2: Tìm kiếm		9	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập chương 1		
Bài 3: Sắp xếp		18	Đọc trước giáo trình chương 3			

			Làm các bài tập chương 2
Bài 4: Danh sách	27		Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập chương 3
Bài 5: Cấu trúc cây	27		Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập chương 4
Tổng số tiết tự học	90		
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Văn Thị Thiên Trang, trangvtt@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, linhnth@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trang

Văn Thị Thiên Trang

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Cơ sở dữ liệu Tên tiếng Anh: Introduction to Database		
2. Mã học phần	ITE1207		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Trình bày được các khái niệm cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, mô hình quan hệ	PLO2, PLO4, PLO8	3.0
G2	Giải thích và sử dụng được ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc SQL.	PLO2, PLO4, PLO8	4.0
G3	Giải thích được các phép toán đại số quan hệ	PLO2, PLO4, PLO8	3.0
G4	Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu.	PLO2, PLO4, PLO8	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Trình bày được các khái niệm cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu	I, T
G1.2	Trình bày được các khái niệm mô hình dữ liệu quan hệ	I, T
G2.1	Giải thích và sử dụng được ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc SQL.	T, U
G3.1	Giải thích được các phép toán đại số quan hệ	I, T
G4.1	Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần giúp sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu, tính độc lập dữ liệu, kiến trúc của một hệ cơ sở dữ liệu và phân loại các hệ cơ sở dữ liệu; mô hình dữ liệu, ngôn ngữ định nghĩa và thao tác dữ liệu, lý thuyết thiết kế cơ sở dữ liệu, tổ chức dữ liệu vật lý, tối ưu hóa câu hỏi, an toàn và toàn vẹn dữ liệu.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1. Giới thiệu về cơ sở dữ liệu (CSDL) 1.1 Giới thiệu 1.2 Quá trình phát triển 1.3 Một số đặc tính của CSDL 1.4 Người sử dụng CSDL 1.5 Kiến trúc của HQT CSDL 1.6 Các tính năng của HQT CSDL 1.7 Các khái niệm 1.8 Ngôn ngữ CSDL	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
2	Bài 2. Mô Hình Dữ liệu Quan hệ 2.1 Giới thiệu 2.2 Các khái niệm của mô hình dữ liệu quan hệ 2.3 Các đặc trưng của quan hệ	G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
3,4,5	Bài 3. Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc (SQL – Structured Query Language)	G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi,	A1.1 A1.2 A2.1

	3.1 Giới thiệu 3.2 Ngôn ngữ Định nghĩa dữ liệu 3.3 Ngôn ngữ Truy vấn dữ liệu 3.4 Ngôn ngữ Cập nhật dữ liệu 3.5 Khung nhìn (view)		minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A3
6,7	Bài 4. Đại số Quan hệ 4.1 Giới thiệu 4.2 Đại số quan hệ 4.3 Phép toán tập hợp 4.4 Phép chọn 4.5 Phép chiếu 4.6 Phép tích Cartesian 4.7 Phép kết 4.8 Phép chia	G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
8,9	Bài 5. Ràng buộc toàn vẹn 5.1 Các khái niệm về ràng buộc toàn vẹn 5.2 Các đặc trưng của ràng buộc toàn vẹn 5.3 Phân loại ràng buộc toàn vẹn 5.4 Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn trong SQL	G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
10	Ôn tập		Dạy: ôn lại các Bài quan trọng, đặt câu hỏi Học: trả lời câu hỏi, viết trả lời trên giấy	A1.1 A1.2 A3

TỔNG CỘNG: 30 tiết

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Cài đặt hệ quản trị SQL Server	G1.1 G1.2 G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Cài đặt CSDL Company - Tạo các bảng và các ràng buộc	G1.1 G1.2 G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: SQL	G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

			Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	
4	Bài thực hành 4: SQL	G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Thi giữa kỳ			A2
6	Bài thực hành 5: Đại số quan hệ	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 6: Đại số quan hệ	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 7: Các ràng buộc toàn vẹn	G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 8: Các ràng buộc toàn vẹn	G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Ôn tập	G1.1 G1.2 G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài ôn	

TỔNG CỘNG:**30 tiết**

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần AM1 A1.2 Bài tập AM2 Kiểm tra tự luận AM4	G1.1-G1.2	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra thực hành AM9	G2.1	20%
	A3. Điểm thi	Thi trắc nghiệm AM5	G1.1 G1.2	50%

	cuối kỳ (50%)				G2.1 G3.1 G4.1	
Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CÂN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng sử dụng thành thạo các khái niệm cơ sở dữ liệu, các phép toán đại số quan hệ, ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc. Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu.	Có khả năng sử dụng khá thành thạo các khái niệm cơ sở dữ liệu, các phép toán đại số quan hệ, ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc. Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu.	Có khả năng sử dụng các khái niệm cơ sở dữ liệu, các phép toán đại số quan hệ, ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc. Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu.	Có khả năng giải thích các khái niệm cơ sở dữ liệu, các phép toán đại số quan hệ, ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc. Cài đặt các ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu.	Còn hạn chế khi sử dụng các phép toán đại số quan hệ, ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc. Viết lệnh truy vấn có đại số quan hệ, Chưa cài đặt được các ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu.	Hầu như không có kiến thức về cơ sở dữ liệu.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Silberschatz, Korth and Sudarshan, Database System Concepts (6th Edition), McGrawHill, 2011 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Phương Lan chủ biên ; Hoàng Đức Hải (2007). Giáo trình nhập môn cơ sở dữ liệu. NXB Lao động – Xã hội • Nguyễn Nam Thuận, Lữ Đức Hào (2006). Quản lý cơ sở dữ liệu với Microsoft SQL Server 2005. NXB Giao thông vận tải • Nguyễn Thị Ngọc Mai, Nguyễn Thị Kim Trang ; Đoàn Thiện Ngân (2007) Lý thuyết cơ sở dữ liệu T1,2. NXB Lao động – Xã hội 				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		
	Buổi 1:		9	Đọc trước giáo trình chương 1		
	Buổi 2:		9	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu		
	Buổi 3:		9	Đọc trước giáo trình chương 3 Ngôn ngữ Định nghĩa dữ liệu Làm các bài tập được yêu cầu		
	Buổi 4:		9	Đọc trước giáo trình chương 3 Ngôn ngữ Truy vấn dữ liệu Làm các bài tập được yêu cầu		
	Buổi 5:		9	Đọc trước giáo trình chương 3 Ngôn ngữ Cập nhật dữ liệu Làm các bài tập được yêu cầu		
	Buổi 6:		9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu		

	Buổi 7:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 8:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 9:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 10:	9	Ôn lại tất cả các chương theo đề cương ôn tập, làm trước đề mẫu
	Tổng số tiết tự học	90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Minh Tuấn, tuannm@uef.edu.vn 2. ThS. Ngô Văn Công Bằng, bangnvc@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Khiêm Trang

Nguyễn Thị Khiêm Trang

Nguyễn Minh Tuấn

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Lập trình hướng đối tượng Tên tiếng Anh: Object-Oriented Programming		
2. Mã học phần	ITE1208		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1205 - Kỹ thuật lập trình - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20)		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức: cung cấp cho sinh viên những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình hướng đối tượng.	PLO2	3.0
G2	Kiến thức: áp dụng những nguyên lý đó xây dựng những ứng dụng thực tế.	PLO2	3.0
G3	Luyện tập các kỹ năng để xây dựng, thiết kế chương trình theo hướng đối tượng và các kỹ thuật lập trình trên ngôn ngữ lập trình Java.	PLO5	4.0
G4	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính cũng như thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	PLO10	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu, phát biểu và giải thích được các khái niệm căn bản về hướng đối tượng.	I, T
G1.2	Phân tích, thiết kế và hiện thực được một chương trình theo phương pháp hướng đối tượng.	I, U
G2.1	Áp dụng các phương pháp lập trình hướng đối tượng xây dựng những ứng dụng thực tế.	T, U
G3.1	Có kỹ năng lập trình trên ngôn ngữ lập trình java.	T, U
G3.2	Có kỹ năng xây dựng, thiết kế chương trình theo hướng đối tượng.	T, U
G4.1	Hình thành nhận thức về phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính.	T, U
G4.2	Luyện tập khả năng tự định hướng, thể hiện thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giúp sinh viên tiếp cận với phương pháp lập trình hướng đối tượng, phân tích, thiết kế và hiện thực được một chương trình theo phương pháp hướng đối tượng.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về lập trình hướng đối tượng (OOP) <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Một số khái niệm 1.2 Một số ngôn ngữ hỗ trợ lập trình hướng đối tượng 1.3 Một số tính chất OOP 1.4 Ví dụ so sánh hai phương pháp lập trình 	G1.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
2	Bài 2: Giới Thiệu Về Java <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Giới thiệu chung 2.2. Môi trường JAVA 2.3. Các dạng chương trình ứng dụng của JAVA 2.4. Cấu trúc file chương trình JAVA 2.5. Các phần tử cơ sở 2.6. Cấu trúc điều khiển và cấu trúc lặp 2.7. Mảng 	G1.1, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

3,4, 5	Bài 3: Lớp và đối tượng 3.1 Một số khái niệm 3.2 Cấu trúc một lớp 3.3 Định nghĩa biến đối tượng 3.4 Từ khóa this 3.5 Overloading một phương thức 3.6 Phương thức khởi tạo 3.7 Phương thức hủy 3.8 Thành phần static	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
6,7	Bài 4: Tính Ké Thừa Và Đa Hình 4.1 Tính kế thừa 4.2 Tính đa hình 4.3 Từ khóa final 4.4 Quan hệ giữa các lớp	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
8	Bài 5: Lớp Trừu Tượng 5.1 Khái niệm lớp trừu tượng 5.2 Hiện thực lớp trừu tượng 5.3 Đặc điểm lớp trừu tượng	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
9	Bài 6: Exception 6.1 Các loại lỗi của chương trình 6.2 Cấu trúc các lớp quản lý lỗi 6.3 Bắt lỗi bằng try ... catch ... finally 6.4 Lan truyền lỗi 6.5 Xuất Exception 6.6 Tự định nghĩa Exception	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
10	Bài 7: Interface Và Package 7.1 Interface là gì? 7.2 Khai báo interface 7.3 Hiện thực interface trong một lớp 7.4 Interface thừa kế 7.5 Định nghĩa trực tiếp đối tượng bằng interface 7.6 Package là gì? 7.7 Sử dụng package	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

	Ôn tập			
	TỔNG CỘNG:		30 tiết	
THỰC HÀNH:				
Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Tuần 1: làm quen ngôn ngữ java	G1.1, G3.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Tuần 2: xây dựng lớp – tạo đối tượng	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Tuần 3: lớp - phương thức khởi tạo	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Tuần 4: lớp - phương thức khởi tạo, static	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Tuần 5: Kế thừa và đa hình	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 6: Tuần 6: quan hệ giữa các lớp: thừa kế và bao gói	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2

		G4.1, G4.2		
7	Kiểm tra thực hành giữa kỳ Bài thực hành 7: Tuần 7: lớp trừu tượng	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 8: Tuần 8: interface, package	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Tuần 9: exception, garbage collection	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Ôn tập	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1.1-G4.2
		A1.2 Bài tập: AM2, kiểm tra tự luận: AM4		10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2, kiểm tra thực hành: AM9		G1.1-G1.2 G2.1-G2.2 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm AM5		20%
			G1.1-G1.2 G2.1-G2.2 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	
			50%	

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng nắm chắc và vận dụng các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như lớp, đối tượng, tính kế thừa, đa hình, trừu tượng... vào bài toán thực tế ở mức nâng cao.	Có khả năng nắm chắc và vận dụng các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như lớp, đối tượng, tính kế thừa, đa hình, trừu tượng... vào bài toán thực tế vừa và nhỏ.	Có khả năng nắm chắc các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như lớp, đối tượng, tính kế thừa, đa hình, trừu tượng... làm các toán cụ thể trong giáo trình.	Có khả năng mô tả tư duy giải thuật, các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như lớp, đối tượng, tính kế thừa, đa hình, trừu tượng... làm các toán cụ thể trong giáo trình.	Còn hạn chế nhiều trong tư duy giải thuật, các khái niệm cơ bản về lập trình hướng đối tượng như lớp, đối tượng, tính kế thừa, đa hình, trừu tượng...	Hầu như không có kiến thức về lập trình hướng đối tượng.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> “Giáo trình Lập trình hướng đối tượng”. UEF 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Đoàn Văn Ban (205). Lập trình hướng đối tượng với Java. NXB Khoa học Kỹ thuật. Phạm Văn Át, Lê Trường Thông (2009). Giáo trình C++ và lập trình hướng đối tượng. NXB Hồng Đức C. Thomas, Wu Boston (2010). An introduction to object-oriented programming with Java / C. McGraw Hill Higher Education 				
	Trang Web/ CDs tham khảo	https://www.w3schools.com/java/java_oop.asp				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		
	Bài 1: Tổng quan về lập trình hướng đối tượng (OOP)		9	Đọc trước giáo trình chương 1		
	Bài 2: Giới Thiệu Về Java		9	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập chương 1		
Bài 3: Lớp và đối tượng			27	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập chương 2		

	Bài 4: Tính Ké Thừa Và Đa Hình	24	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập chương 3
	Bài 5: Lớp Trừu Tượng	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập chương 4
	Bài 6: Exception	3	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập chương 5
	Bài 7: Interface Và Package Ôn tập	9	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập chương 6 ôn tập
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Minh Tuấn, tuannm@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Thị Phương Trang, phuongtrang06@gmail.com		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trang

Nguyễn Minh Tuấn

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Trí tuệ nhân tạo Tên tiếng Anh: Artificial Intelligence		
2. Mã học phần	ITE1218		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 135 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1209 – Lý thuyết đồ thị		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20) + Tham luận (TLM3) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo.	PLO2	3.0
G2	Biết được các lĩnh vực có liên quan tới trí tuệ nhân tạo	PLO2	
G3	Biết được các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong cuộc sống.	PLO2	3.0
G4	Hiểu được cách giải một số bài toán điển hình trong trí tuệ nhân tạo như tô màu đồ thị, tìm kiếm lời giải, biểu diễn và xử lý tri thức, phân lớp	PLO2	3.0
G5	Nhận diện và giải được các bài toán cơ bản trong thực tế bằng cách áp dụng các bài toán điển hình trong trí tuệ nhân tạo.	PLO5	4.0

G6	Hình thành được tính nghiêm túc, tư duy tự học, tự nghiên cứu về các thuật toán, thuật giải.	PLO10	4.0
----	--	-------	-----

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo.	T,U
G2.1	Biết được các lĩnh vực có liên quan tới trí tuệ nhân tạo	I
G3.1	Biết được các ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong cuộc sống.	I
G4.1	Hiểu được cách giải một số bài toán điển hình trong trí tuệ nhân tạo như tô màu đồ thị, tìm kiếm lời giải, biểu diễn và xử lý tri thức, phân lớp	T,U
G5.1	Nhận diện và giải được các bài toán cơ bản trong thực tế bằng cách áp dụng các bài toán điển hình trong trí tuệ nhân tạo.	T,U
G6.1	Nhận thức được tầm quan trọng của trí tuệ nhân tạo.	I,T
G6.1	Thể hiện thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao, tính tự học, tự nghiên cứu cái mới.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Trí tuệ nhân tạo cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về trí tuệ nhân tạo, cách giải một số bài toán điển hình trong trí tuệ nhân tạo như tô màu đồ thị, tìm kiếm lời giải, biểu diễn và xử lý tri thức, phân lớp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về Trí Tuệ Nhân Tạo (TTNT) 1.1 Khái niệm về TTNT. 1.2 Sự hình thành khoa học về TTNT. 1.3 Một số hướng nghiên cứu và ứng dụng của TTNT.	G1.1 G2.1 G3.1 G6.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
2, 3, 4, 5, 6, 7	Bài 2: Phương pháp giải quyết vấn đề và thuật giải Heuristic 2.1 Vấn đề và giải quyết vấn đề 2.2 Thuật toán và thuật giải 2.3 Thuật giải heuristic 2.4 Không gian trạng thái 2.5 Các chiến lược tìm kiếm	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
8, 9, 10, 11	Bài 3: Biểu diễn tri thức 3.1 Vấn đề biểu diễn tri thức.	G1.1 G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi.	A1.1 A1.2

	3.2 Logic mệnh đề. 3.3 Logic vị từ 3.4 Mạng ngữ nghĩa 3.5 Hệ luật dẫn	G3.1 G4.1 G5.1 G6.2	Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
12, 13, 14, 15	Bài 4: Máy học 4.1 Giới thiệu 4.2 Mô hình cây quyết định 4.3 Phương pháp học quy nạp	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A2

TỔNG CỘNG:

45 tiết

Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
12. Phương pháp đánh giá	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1.1 G2.1 G3.1	10%
	A1.2 Bài tập: AM2	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.2	20%
	Thuyết trình nhóm: AM3	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1 G6.2	20%
A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng hiểu và ứng dụng linh hoạt các thuật toán trí tuệ nhân tạo cho các bài toán thực tế cơ bản và nâng cao.	Có khả năng hiểu và ứng dụng được các thuật toán cơ bản của trí tuệ nhân tạo. Tô chúc, viết được chương trình theo các thuật toán cơ bản và một số thuật toán phức tạp.	Có khả năng hiểu được các thuật toán cơ bản của trí tuệ nhân tạo. Tô chúc, viết được chương trình theo các thuật toán cơ bản và một số thuật toán phức tạp.	Có khả năng hiểu được các thuật toán cơ bản. Có khả năng viết được các chương trình các thuật toán cơ bản.	Còn hạn chế nhiều trong việc hiểu và cài đặt các thuật toán của trí tuệ nhân tạo.	Hầu như không có kiến thức về trí tuệ nhân tạo.

	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Stuart Russel, Peter Norvig (2010). <i>Artificial Intelligence A Modern Approach 3rd Edition (I, II, III, V)</i>. Pearson 	
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Amit Konar (2000). Artificial intelligence and soft computing : behavioral and cognitive modeling of the human brain. CRC press Christopher Thornton (1998). Artificial Intelligence Strategies, Applications, and Models Through SEARCH. Intellect. Nguyễn Đình Thúc, Hoàng Đức Hải (2000). Giáo trình mạng trí tuệ nhân tạo mạng Noron : phương pháp & ứng dụng. NXB Giáo dục. Nguyễn Đình Thúc, Hoàng Đức Hải (2002). Trí tuệ nhân tạo máy học. NXB Lao động – Xã hội. 	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Tổng quan về Trí Tuệ Nhân Tạo (TTNT)	9	Đọc I: Artificial Intelligence. Sách <i>Artificial Intelligence A Modern Approach 3rd Edition</i> Làm các bài tập trong phần I
	Bài 2: Phương pháp giải quyết vấn đề và thuật giải Heuristic	54	Đọc II: Problem-solving. Sách <i>Artificial Intelligence A Modern Approach 3rd Edition</i> Làm các bài tập trong phần II
	Bài 3: Biểu diễn tri thức	36	Đọc III: Knowledge, reasoning, and Planning. Sách <i>Artificial Intelligence A Modern Approach 3rd Edition</i> Làm các bài tập trong phần III
	Bài 4: Máy học	36	Đọc V: Learning. Sách <i>Artificial Intelligence A Modern Approach 3rd Edition</i> Làm các bài tập trong phần V
	Tổng số tiết tự học	135	

15. Giảng
viên
tham gia
giảng dạy
(dự kiến)

1. TS. Đỗ Trọng Hợp, dotronghop@gmail.com
2. ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, linhnth@uef.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Văn Thị Kiều Trang

Nguyễn Hà Giang

mmv

Văn Thị Kiều Trang

JL
Nguyễn Thị Hoài Linh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Hệ điều hành Tên tiếng Anh: Operating System		
2. Mã học phần	ITE1115E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (ITE1206)		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Minh họa trực tiếp và hướng dẫn sinh viên làm các bài tập trên lớp. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức tổng quan về các vấn đề trong hệ điều hành.	PLO2	2.0
G2	Kiến thức chuyên sâu về hệ điều hành. Các nguyên lý để xây dựng hệ điều hành.	PLO3	3.0
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực hệ điều hành.	PLO4, PLO7	4.0
G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực hệ điều hành để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	

G1.1	Trình bày các khái niệm cơ bản về hệ điều hành: định nghĩa, lịch sử phát triển hệ điều hành và phân loại các hệ điều hành.	T, U
G1.2	Trình bày về các lời gọi hệ thống và các khối chức năng trong hệ điều hành.	T, U
G2.1	Trình bày mô hình tổng quát và các thành phần của hệ điều hành	T, U
G2.2	Trình bày các nguyên lý cơ bản và giải thuật về quản lý tiến trình.	T, U
G2.3	Trình bày các nguyên lý cơ bản và giải thuật về quản lý bộ nhớ.	T, U
G2.4	Trình bày các nguyên lý cơ bản và giải thuật về quản lý hệ thống tập tin.	T, U
G2.5	Trình bày các nguyên lý cơ bản và giải thuật về quản lý hệ thống nhập xuất.	T, U
G3.1	Làm việc hiệu quả trong một nhóm.	T, U
G3.2	Trình bày trước đám đông về các vấn đề thiết yếu trong hệ điều hành.	T, U
G4.1	Trình bày tổng quát một hệ điều hành cụ thể.	T, U
G4.2	Triển khai, sử dụng các hệ điều hành cụ thể.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về hệ điều hành, bao gồm: mô hình tổng quát, cấu trúc, chức năng, các thành phần cơ bản của hệ điều hành. Các module chức năng của hệ điều hành như quản lý CPU, quản lý process & thread, giám sát và điều khiển sự giao tiếp giữa các process, quản lý bộ nhớ ảo, quản lý hệ thống file, quản lý các thiết bị I/O, an ninh hệ thống Các chiến lược, giải pháp và thuật toán được dùng để hiện thực từng module chức năng.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1: Tổng quan về hệ điều hành <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Định nghĩa hệ điều hành. 1.2 Lịch sử phát triển hệ điều hành. 1.3 Phân loại các hệ điều hành. 1.4 Nhắc lại phần cứng máy tính. 1.5 Các khái niệm cơ bản về hệ điều hành. 1.6 Các lời gọi hệ thống (System call). 1.7 Cấu trúc hệ điều hành. 	G1.1, G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

	1.7 Cấu trúc hệ điều hành.			
2, 3	<p>Bài 2: Quản lý tiến trình</p> <p>2.1 Tiến trình và các vấn đề liên quan</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiến trình (Process-Job). + Tiểu trình (Thread-luồng). + Cây tiến trình. + Trạng thái tiến trình + Chế độ xử lý tiến trình + Khối quản lý tiến trình (PCB- Process Control Block) + Khối quản lý tài nguyên (RCB-Resource Control Block). + Cài đặt tiến trình trong Hệ điều hành <p>2.2 Điều phối tiến trình (CPU Scheduler).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu. + Tổ chức điều phối + CT điều phối (Scheduler) và phân phối (Dispatcher) + Chiến lược điều phối Tiến trình. 	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
4, 5	<p>Bài 2: Quản lý tiến trình (tiếp theo)</p> <p>2.3 Liên lạc giữa các tiến trình (Process Communication).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bảng tín hiệu. + Truyền thông điệp (IPC InterProcess Communication) + Liên lạc trong hệ thống Client - Server <p>2.4 Đồng bộ tiến trình (Process Synchronization).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giới thiệu + Vấn đề tranh đoạt điều khiển. + Miền Gắn (Critical-Section) + Giải pháp. + Vấn đề cỗ điển của đồng bộ. 	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
6	<p>Bài 2: Quản lý tiến trình (tiếp theo)</p> <p>2.5 Tắt nghẽn (Deadlock).</p> <ul style="list-style-type: none"> + Định nghĩa. + Đặc trưng của Deadlock. + Đò thị cấp phát tài nguyên. + Ngăn chặn Deadlock 	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài	A1.1 A1.2 A3

	+ Tránh Deadlock. + Phát hiện Deadlock. + Khôi phục HT sau Deadlock		tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	
7	Bài 3: Quản lý bộ nhớ 3.1 Tổng quan + Quản lý và cấp phát bộ nhớ trong các hệ điều hành. + Các vấn đề và khái niệm liên quan. 3.2 Cấp phát bộ nhớ liên tục + Kỹ thuật phân vùng cố định. + Kỹ thuật phân vùng động.	G2.1, G2.3, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
8	Bài 3: Quản lý bộ nhớ (tiếp theo) 3.3 Cấp phát bộ nhớ không liên tục + Kỹ thuật phân trang (Paging). + Kỹ thuật phân đoạn (Segmentation). + Kỹ thuật phân đoạn kết hợp (Segmentation with Paging).	G2.1, G2.3, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
9, 10	Bài 3: Quản lý bộ nhớ (tiếp theo) 3.4 Bộ nhớ ảo + Tổ chức bộ nhớ ảo. + Quản lý khung trang trong bộ nhớ ảo. 3.5 Lỗi trang + Quá trình truy xuất trang. + Các giải thuật thay trang. 3.6 Chiến lược cấp phát khung trang. 3.7 Working set. Thi giữa kỳ tự luận	G2.1, G2.3,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A2 A3
11, 12	Bài 4: Quản lý hệ thống tập tin 4.1 Các khái niệm cơ bản 4.2 Thư mục 4.3 Hiện thực hệ thống file 4.4 Hệ thống files trong Unix/Linux 4.5 Hệ thống files trong Windows	G2.1, G2.4, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
13, 14	Bài 5: Quản lý hệ thống nhập xuất (I/O) 5.1 Các thiết bị nhập xuất. 5.2 Polling và interrupt-driven. 5.3 Direct Memory Access (DMA).	G2.1, G2.5, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài	A1.1 A1.2 A3

	5.4 Bộ điều khiển thiết bị (device drivers). 5.5 I/O buffering và I/O caching. 5.6 Cơ chế quản lý nhập xuất của Unix, Windows.		tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	
15	Ôn tập	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3, G2.4, G2.5, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CĐR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1.1-G1.2
		A1.2 Bài tập: AM2 Thuyết trình: AM3		G2.1-G2.5 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi tự luận AM4		G1.1-G1.2 G2.1-G2.5 G4.1-G4.2 G4.1-G4.2 G3.1-G3.2
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi tự luận: AM4		G1.1-G1.2 G2.1-G2.5 G4.1-G4.2
Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)				

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng mô tả, tư vấn và xử lý các vấn đề phức tạp liên quan đến hệ điều hành. Có kỹ năng tư vấn, thiết kế và phát triển các module chức năng trong hệ điều hành.	Có khả năng mô tả, tư vấn và xử lý một số vấn đề phức tạp liên quan đến hệ điều hành. Có kỹ năng tư vấn, thiết kế và phát triển một số module chức năng cơ bản trong hệ điều hành.	Có khả năng mô tả các khái niệm, chức năng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến hệ điều hành.	Hiểu, phát biểu và giải thích được các vấn đề cơ bản liên quan đến hệ điều hành.	Còn hạn chế nhiều trong nhận thức về các vấn đề liên quan đến hệ điều hành.	Hầu như không có kiến thức về hệ điều hành.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Andrew S. Tanenbaum, Herbert Bos (2015). Modern operating systems, 4th edition. Pearson. 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Roderick W. Smith (2012), Linux essentials. Wiley 				
	Trang Web/ CDs tham khảo					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
	Bài 1: Tổng quan về hệ điều hành	12	Đọc trước chương 1 sách giáo trình: “Modern operating systems”.			
	Bài 2: Quản lý tiến trình	24	Đọc trước chương 2 sách giáo trình: “Modern operating systems”. Làm các bài tập chương 2			
	Bài 3: Quản lý bộ nhớ	24	Đọc trước chương 3 sách giáo trình: “Modern operating systems”. Làm các bài tập chương 3			
	Bài 4: Quản lý hệ thống tập tin	18	Đọc trước chương 4 sách giáo trình: “Modern operating systems”. Làm các bài tập chương 4			

	Bài 5: Quản lý hệ thống nhập xuất (I/O)	12	Đọc trước chương 5 sách giáo trình: “Modern operating systems”. Làm các bài tập chương 5
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Quang Minh, minhnq@uef.edu.vn 2. TS. Huỳnh Trọng Thừa, huynht2@gmail.com		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hà Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Khoa Kỹ Thuật Trung

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Huỳnh Trọng Thừa

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Mạng máy tính Tên tiếng Anh: Computer Networking		
2. Mã học phần	ITE1210E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Minh họa trực tiếp và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mờ (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức về các khái niệm căn bản của mạng máy tính, đặc điểm của các loại mạng máy tính; mô hình mạng OSI và TCP/IP; cấu trúc của địa chỉ IPv4, IPv6, kỹ thuật chia mạng con; đặc điểm của các mô hình quản trị mạng; nguyên tắc hoạt động của một số dịch vụ mạng phổ biến.	PLO2	2.0
G2	Khả năng thực hiện các kỹ thuật chia mạng con, quy hoạch địa chỉ IP, cài đặt và cấu hình một số dịch vụ mạng căn bản, thiết kế một hệ thống mạng đơn giản hiệu quả.	PLO3	3.0
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực mạng máy tính.	PLO4, PLO7	4.0

G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực mạng máy tính để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9	4.0
----	--	-------------	-----

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Trình bày về vai trò của mạng máy tính trong thời đại ngày nay; khái niệm căn bản về các mô hình mạng, đặc điểm của các thiết bị mạng phổ biến, các ứng dụng mạng phổ biến, nguyên tắc truyền/nhận dữ liệu qua hệ thống mạng.	I, T
G1.2	Trình bày được đặc điểm của địa chỉ IP, cấu trúc của địa chỉ IPv4 và phân lớp của địa chỉ IPv4; các kỹ thuật chia mạng con, VLSM, CIDR trên địa chỉ IPv4; đặc điểm của IPv6, so sánh với IPv4.	T, U
G1.3	Phân biệt được mô hình mạng Workgroup và Domain.	T, U
G1.4	Trình bày được đặc điểm và nguyên tắc hoạt động của một số kỹ thuật trên hạ tầng mạng: Định tuyến, VLAN, STP.	T, U
G1.5	Trình bày được đặc điểm và nguyên tắc hoạt động của một số dịch vụ mạng phổ biến: DNS, DHCP, FTP, Web, Email, SNMP.	T, U
G1.6	Trình bày được vai trò và đặc điểm của bảo mật mạng, hệ thống giám sát mạng.	T, U
G2.1	Hoạch định địa chỉ IP bằng kỹ thuật chia mạng con, VLSM theo mô hình thiết kế.	T, U
G2.2	Cài đặt và cấu hình được các kỹ thuật trên hạ tầng mạng: Định tuyến, VLAN, STP	T, U
G2.3	Cài đặt và cấu hình được các dịch vụ mạng phổ biến: DNS, Web, Email, FTP	T, U
G3.1	Làm việc hiệu quả trong một nhóm.	T, U
G3.2	Trình bày trước đám đông về các vấn đề thiết yếu trong mạng máy tính.	T, U
G4.1	Thiết kế, đánh giá và lựa chọn phương pháp triển khai một hệ thống mạng đơn giản phù hợp cho yêu cầu thực tế.	T, U
G4.2	Xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt và cấu hình các dịch vụ mạng căn bản.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần chọn cách trình bày theo hướng tiếp cận top-down và sử dụng các giao thức thực tế của mạng để minh họa. Theo đó các nội dung sẽ trình bày theo thứ tự: các khái niệm cơ bản trong mạng máy tính, mô hình kiến trúc mạng, dịch vụ ứng dụng mạng, nguyên lý hoạt động mạng lõi, và các kỹ thuật/tiêu chuẩn hạ tầng mạng cục bộ. Trong học phần này, sinh viên cũng được tiếp cận làm quen với việc cấu hình thiết bị mạng cơ bản, phân tích giao thức, thiết kế hệ thống mạng đơn giản bằng các công cụ như Telnet, Wireshark, giúp cung cấp các nội dung đã tìm hiểu về lý thuyết.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Bài 1: Giới thiệu tổng quan về mạng máy tính 1.1 Mạng Internet. 1.2 Các thành phần mạng (Network edge): end systems, access networks, links. 1.3 Các khái niệm của mạng lõi (Network core): circuit switching, packet switching, network structure. 1.4 Giao thức phân tầng, mô hình dịch vụ. 1.5 Lịch sử phát triển của mạng máy tính và Internet.	G1.1, G1.3, G1.6	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
3, 4	Bài 2: Tầng ứng dụng (Application Layer) 2.1 Các nguyên tắc hoạt động của tầng ứng dụng mạng 2.2 Dịch vụ Web và giao thức HTTP 2.3 Giao thức FTP 2.4 Dịch vụ Electronic Mail: các giao thức SMTP, POP3, IMAP 2.5 Dịch vụ DNS 2.6 Lập trình Socket với TCP/UDP	G1.1, G1.5, G2.3, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
5	Bài 3: Tầng vận chuyển (Transport Layer) 3.1 Tầng vận chuyển và các dịch vụ của tầng vận chuyển. 3.2 Khái niệm Multiplexing và demultiplexing 3.3 Dịch vụ không cầu nối UDP 3.4 Các nguyên tắc truyền tải đảm bảo tin cậy (reliable transport) 3.5 Dịch vụ hướng cầu nối TCP	G1.1, G1.5, G2.3, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
6, 7, 8	Bài 4: Tầng mạng (Network Layer) 4.1 Tầng mạng và các dịch vụ tầng mạng	G1.1, G1.2, G1.4, G1.5, G2.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài	A1.1 A1.2 A3

	<p>4.2 Mạng chuyên mạch gói và nguyên lý hoạt động của các Router.</p> <p>4.3 Giao thức IP - Internet Protocol</p> <p>4.4 Các giải thuật tìm đường (Routing algorithms): Link state, Distance Vector, Hierarchical routing</p> <p>4.5 Tìm đường trong mạng Internet: RIP, OSPF, BGP</p>	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2,	tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	
9, 10	<p>Bài 5: Tầng kết nối dữ liệu và các mạng cục bộ</p> <p>5.1 Tầng kết nối dữ liệu và các dịch vụ</p> <p>5.2 Các nguyên tắc phát hiện và sửa lỗi bit (Error detection and correction)</p> <p>5.3 Giao thức đa truy cập đường truyền</p> <p>5.4 Địa chỉ tầng Datalink</p> <p>5.5 Mạng Ethernet</p> <p>5.6 Mạng không dây và đặc trưng</p> <p>5.7 Mạng wi-fi (IEEE 802.11 wireless LANs)</p> <p>Ôn tập</p>	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5, G2.1, G2.2, G2.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	<p>Bài thực hành 1:</p> <p>Môi trường truyền thông dụng.</p> <p>Các bước thực hiện bấm cáp UTP.</p> <p>Một số lệnh cơ bản liên quan về mạng.</p>	G1.1, G1.5	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
2	<p>Bài thực hành 2:</p> <p>Tìm hiểu và sử dụng Packet Tracer.</p> <p>Tìm hiểu và sử dụng Wireshark.</p> <p>Cấu hình cơ bản về Switch.</p> <p>Cấu hình cơ bản về Router.</p>	G1.1,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
3	<p>Bài thực hành 3:</p> <p>Cấu hình các giao thức tầng ứng dụng: Telnet, FTP</p>	G1.1, G1.5, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

			Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	
4	Bài thực hành 4: Cấu hình các giao thức tầng ứng dụng (tiếp theo): Email, DNS	G1.1, G1.5, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2.1
5	Bài thực hành 5: Cấu hình các giao thức tầng vận chuyển: UDP, TCP	G1.1, G1.5, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2.1
6	Bài thực hành 6: Cấu hình các giao thức tầng mạng: Chia địa chỉ IP Chia mạng con VLSM, CIDR	G1.1, G1.2, G1.5, G2.1, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2.1
7	Bài thực hành 7: Cấu hình các giao thức tầng mạng (tiếp theo): DHCP, NAT, ICMP	G1.1, G1.5, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2.1
8	Bài thực hành 8: Cấu hình các giao thức tầng mạng (tiếp theo): Static route, RIP	G1.1, G1.4, G1.5, G2.2, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2.1
9	Bài thực hành 9: Sử dụng các công cụ có sẵn để lắng nghe các lưu thông trên hệ thống mạng. Bắt gói tin và phân tích gói tin bằng Wireshark. Nhận dạng được cấu trúc các gói tin khác nhau (Ethernet, IP, TCP).	G1.1, G1.5,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2.1
10	Kiểm tra thực hành Ôn tập	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5, G2.1, G2.2, G2.3,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2.2

		G4.1, G4.2		
	TỔNG CỘNG:		30 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CĐR môn học (Gx.x) Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1.1-G1.6 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2 10%
		A1.2 Bài tập: AM2 Thuyết trình: AM3		G1.1-G1.6 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Thi thực hành: AM9		G1.1-G1.6 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2 20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi tự luận: AM4		G1.1-G1.6 G2.1-G2.3 50%

Rubrics học phần: KẾT QUA HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và các vấn đề phức tạp liên quan đến mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số lỗi các hệ thống mạng phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá các hệ thống mạng phức tạp.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số lỗi các hệ thống mạng phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống mạng đơn giản.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số lỗi các hệ thống mạng phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống mạng đơn giản.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số lỗi các hệ thống mạng phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống mạng đơn giản.	Còn hạn chế nhiều trong nhận thức về các vấn đề liên quan đến mạng máy tính.	Hầu như không có kiến thức về mạng máy tính.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	• James F. Kurose, Keith W. Ross (2013). Computer Networking-A Top Down Approach, 6th edition. Pearson.				

	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Andrew S. Tanenbaum, David J. Wetheral (2003). Computer Network 5th edition. Pearson • Stanford H. Rowe, Marsha L. Schuh (2005). Computer networking. Pearson. • Cisco Systems, Inc (2003). IT Essentials. II, Networking Operating Systems lab Companion. Cisco Press 	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Giới thiệu tổng quan về mạng máy tính	12	Đọc trước chương 1 sách giáo trình: “Computer Networks and the Internet”
	Bài 2: Tầng ứng dụng (Application Layer)	24	Đọc trước chương 2 sách giáo trình: “The Application Layer” Làm các bài tập Bài 2
	Bài 3: Tầng vận chuyển (Transport Layer)	18	Đọc trước chương 3 sách giáo trình: “The Transport Layer” Làm các bài tập chương 3
	Bài 4: Tầng mạng (Network Layer)	24	Đọc trước chương 4 sách giáo trình: “The Network Layer” Làm các bài tập chương 4
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	Bài 5: Tầng kết nối dữ liệu và các mạng cục bộ	12	Đọc trước chương 5 sách giáo trình: “The Link Layer and Local Area Networks” Làm các bài tập chương 5
	1. ThS. Nguyễn Quang Minh, minhnq@uef.edu.vn 2. TS. Huỳnh Trọng Thura, huynht2@gmail.com		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Võ Thị Khảm Trang

Huỳnh Trọng Thura

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Phát triển ứng dụng Desktop Tên tiếng Anh: Desktop Application Development		
2. Mã học phần	ITE1264E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1208 - Lập trình hướng đối tượng		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức: cung cấp cho sinh viên những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình ứng dụng trên desktop.	PLO3	3.0
G2	Kiến thức: áp dụng những nguyên lý đó xây dựng những ứng dụng thực tế có giao diện đồ họa người dùng.	PLO3	3.0
G3	Luyện tập các kỹ năng để xây dựng, thiết kế chương trình theo phương pháp lập trình ứng dụng trên desktop bằng ngôn ngữ C#.	PLO5	4.0
G4	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính cũng như thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	PLO10	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu, phát biểu và giải thích được các khái niệm căn bản về lập trình ứng dụng desktop.	I, T
G1.2	Phân tích, thiết kế và hiện thực được một chương trình theo phương pháp lập trình có giao diện đồ họa người dùng.	I, U
G2.1	Áp dụng các phương pháp lập trình ứng dụng để có thể tự nghiên cứu xây dựng những ứng dụng thực tế.	T, U
G3.1	Có kỹ năng lập trình trên ngôn ngữ lập trình C#.	T, U
G3.2	Có kỹ năng xây dựng, thiết kế chương trình theo hướng ứng dụng đồ họa người dùng.	T, U
G4.1	Hình thành nhận thức về phát hiện vấn đề và xử lý trong giải bài toán bằng máy tính.	T, U
G4.2	Luyện tập khả năng tự định hướng, thể hiện thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức và phương pháp lập trình ứng dụng desktop: cơ chế quản lý chương trình, lập trình giao diện đồ họa (GUI), thư viện liên kết động,..., từ đó sinh viên có khả năng tự xây dựng được các ứng dụng hoàn chỉnh ở mức độ vừa phải trên desktop bằng ngôn ngữ C#.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Part I: Hello Windows Forms Chapter 1: Getting started with Windows Forms Chapter 2: Getting started with Visual Studio .NET	G1.1, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
2	Part II: Basic Windows Forms Chapter 3: Menus Chapter 4: Status bars Chapter 5: Reusable libraries	G1.1, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
3	Part III: Advanced Windows Forms Chapter 6: Common file dialogs Chapter 7: Drawing and scrolling Chapter 8: Dialog boxes	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả	A1.1 A1.2

		G3.2, G4.1, G4.2	lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
4	Part II: Basic Windows Forms Chapter 9: Basic controls Chapter 10: List controls Chapter 11: More controls	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
5	Part II: Basic Windows Forms Chapter 12: A. NET assortment Chapter 13: Toolbars and tips	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
6	Thảo luận nhóm	G4.1, G4.2	Dạy: đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi.	A1.1 A1.2
7,8	Part III: Advanced Windows Forms Chapter 14: List views Chapter 15: Tree views Chapter 16: Multiple document interfaces	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
9	Part III: Advanced Windows Forms Chapter 17: Data binding Chapter 18: Odds and ends. NET	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
10	Ôn tập	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Ôn tập, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi ôn tập.	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

1	Bài thực hành 1: Part I: Hello Windows Forms Chapter 1: Getting started with Windows Forms Chapter 2: Getting started with Visual Studio .NET	G1.1, G3.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Part II: Basic Windows Forms Chapter 3: Menus Chapter 4: Status bars Chapter 5: Reusable libraries	G1.1, G3.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Part II: Basic Windows Forms Chapter 6: Common file dialogs Chapter 7: Drawing and scrolling Chapter 8: Dialog boxes	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Part II: Basic Windows Forms Chapter 9: Basic controls Chapter 10: List controls Chapter 11: More controls	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Part II: Basic Windows Forms Chapter 12: A. NET assortment Chapter 13: Toolbars and tips	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 6: Thảo luận nhóm	G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Kiểm tra thực hành giữa kỳ	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2

8	Bài thực hành 8: Part III: Advanced Windows Forms Chapter 14: List views Chapter 15: Tree views Chapter 16: Multiple document interfaces	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Part III: Advanced Windows Forms Chapter 17: Data binding Chapter 18: Odds and ends. NET	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Ôn tập	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn ôn tập. Học: Sinh viên thực hành bài tập ôn tập.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1.1-G1.2 G2.1 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	10%
		A1.2 Bài tập: AM2 Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1-G1.2 G2.1 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Thi Thực hành: AM9	G1.1-G1.2 G2.1 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án AM7	G1.1-G1.2 G2.1 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng tự nghiên cứu, nắm chắc và vận dụng các khái niệm cơ bản về lập trình ứng dụng desktop làm ứng dụng có giao diện đồ họa theo các bài toán thực tế vừa và nhỏ.	Có khả năng nắm chắc và vận dụng các khái niệm cơ bản về lập trình ứng dụng desktop làm ứng dụng có giao diện đồ họa theo các bài toán thực tế vừa và nhỏ.	Có khả năng nắm chắc các khái niệm cơ bản về lập trình ứng dụng desktop làm ứng dụng có giao diện đồ họa theo các bài trong giáo trình.	Có khả năng mô tả tư duy giải thuật, các khái niệm cơ bản về lập trình ứng dụng desktop.	Còn hạn chế nhiều trong tư duy giải thuật, các khái niệm cơ bản về lập trình ứng dụng desktop.	Hầu như không có kiến thức về lập trình ứng dụng desktop.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> ERIK BROWN, <i>Windows Forms Programming with C#</i>, Manning 2002. 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Chris Sells (2006). <i>Windows Forms Programming in C#</i>. Addison-Wesley Keegan, Patrick ...[et al.] (2006). <i>NetBeans IDE field guide : developing desktop, Web, enterprise, and mobile applications</i> : 2nd ed. Upper Saddle River, NJ : Prentice Hall 				
	Trang Web/ CDs tham khảo	https://www.w3schools.com/cs/				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		
	Part I: Hello Windows Forms (Chapter 1-2)		6	Đọc trước giáo trình Part 1 (Chapter 1-2)		
	Part II: Basic Windows Forms (Chapter 3-5)		9	Đọc trước giáo trình Part 2 Làm các bài tập (Chapter 1-2)		
	Part II: Basic Windows Forms (Chapter 6-8)		9	Đọc trước giáo trình (Chapter 6-8) Làm các bài tập (Chapter 3-5)		
	Part II: Basic Windows Forms (Chapter 9-11)		9	Đọc trước giáo trình (Chapter 9-11) Làm các bài tập (Chapter 6-8)		
	Part II: Basic Windows Forms (Chapter 12-13)		9	Đọc trước giáo trình (Chapter 12-13) Làm các bài tập (Chapter 12-13)		

	Part III: Advanced Windows Forms (Chapter 14-15)	18	Đọc trước giáo trình (Chapter 14-15) Làm các bài tập (Chapter 12-13)
	Part III: Advanced Windows Forms (Chapter 16)	18	Đọc trước giáo trình (Chapter 16) Làm các bài tập (Chapter 14-15)
	Part III: Advanced Windows Forms (Chapter 17-18) Ôn tập	12	Đọc trước giáo trình (Chapter 17-18) Làm các bài tập (Chapter 16) ôn tập
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS.Nguyễn Hà Giang, giangnh@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Minh Tuấn, tuannm@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Nguyễn Hà Giang



Văn Khê Khâm Trung



Nguyễn Minh Tuấn

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Công nghệ phần mềm Tên tiếng Anh: Software Engineering		
2. Mã học phần	ITE1125E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 135 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Làm bài tập, thảo luận trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng máy. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng. - Yêu cầu hoàn thành đồ án môn học trong vòng 6 tuần - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mờ (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTDT (PLOx)	TĐNL
G1	Hiểu các khái niệm chung về quy trình phát triển phần mềm, các kỹ thuật xây dựng một hệ thống phần mềm có chất lượng.	PLO2	3.0
G2	Vận dụng các kiến thức về phân tích thiết kế để xây dựng yêu cầu, tiến hành phân tích và thiết kế các hệ thống phần mềm.	PLO5	4.0
G3	Có khả năng lựa chọn, áp dụng các quy trình phát triển phần mềm phổ biến.	PLO5	4.0
G4	Có khả năng lập trình chuyên nghiệp, viết mã nguồn chất lượng, vận hành hệ thống, sử dụng các công cụ phần mềm	PLO10	4.0
G5	Tiếp thu công nghệ, học và vận dụng các công nghệ mới, phổ biến để cài đặt giải pháp	PLO3	4.0
G6	Sử dụng kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	PLO7	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu các khái niệm chung về quy trình phát triển phần mềm, các kỹ thuật xây dựng một hệ thống phần mềm có chất lượng.	I
G1.2	Nắm vững các quy trình phát triển phần mềm, các công cụ hỗ trợ	T,U
G2.1	Nắm các định nghĩa và phân loại về yêu cầu phần mềm, cấu trúc và nội dung của mô tả yêu cầu	I,T,U
G2.2	Cách xác định, phân tích và đặc tả yêu cầu phần mềm	T,U
G3.1	Phân tích và so sánh các quy trình phát triển phần mềm để đưa ra được các ưu và hạn chế của từng quy trình	T,U
G3.2	Nắm vững các quy trình phát triển phần mềm để lựa chọn các quy trình phù hợp với từng dự án cụ thể để tối ưu và tiết kiệm chi phí phát triển.	T,U
G4.1	Có khả năng lập trình chuyên nghiệp, viết mã nguồn chất lượng, vận hành hệ thống, sử dụng các công cụ phần mềm	TU
G5.1	Tiếp thu công nghệ, học và vận dụng các công nghệ mới, phổ biến để cài đặt. Không giới hạn ngôn ngữ lập trình	TU
G6.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình	U
G6.2	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Môn học giúp trang bị kiến thức chung về cách làm một phần mềm từ khâu thu thập yêu cầu bài toán đến khâu phân tích thiết kế, lập trình, kiểm thử, và thử nghiệm, cũng như những thách thức khi triển khai và bảo trì, nâng cấp phần mềm.
- Với mỗi hoạt động trong quá trình làm ra một phần mềm môn học sẽ giúp sinh viên thực hành các hoạt động này và tạo ra các sản phẩm, tài liệu cần thiết, cũng như biết khai thác các công cụ hỗ trợ quản lý, phát triển một dự án phần mềm.
- Vận dụng tốt các quy trình, phân tích, thiết kế để thực hiện đồ án môn học và đề tài tốt nghiệp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Giới thiệu chung về Công nghệ phần mềm <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Định nghĩa phần mềm và phân loại phần mềm 1.2 Khái niệm và lịch sử phát triển Công nghệ phần mềm 	G1.1 G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2

	1.3 Các giai đoạn phát triển phần mềm. 1.4 Quá trình phần mềm (software process) 1.5 Quy trình phát triển phần mềm: water fall, unified, agile 1.6 Các công cụ			
2, 3	Bài 2: Phân tích yêu cầu phần mềm và đặc tả hệ thống 2.1 Yêu cầu phần mềm: yêu cầu chức năng, người dùng, hệ thống. Đặc tả giao diện. Tài liệu yêu cầu phần mềm 2.2 Qui trình xác định yêu cầu: Nghiên cứu tính khả thi, phân tích yêu cầu, đặc tả và kiểm chứng yêu cầu 2.3 Các phương pháp mô hình hóa: Lược đồ dòng dữ liệu DFD, mô hình thực thể quan hệ ER...	G2.1 G2.2 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
3, 4	Bài 3: Mô hình hóa phần mềm 3.1 Các định nghĩa cơ bản 3.2 Các phương pháp, kỹ thuật dùng để mô hình hóa phần mềm 3.3 Mô hình hóa nghiệp vụ (Context Diagram, Activity Diagram, State Diagram) 3.4 Mô hình hóa yêu cầu (Use Case Diagram, Sequence Diagram)	G2.2 G3.1 G3.2 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
5, 6	Bài 4: Thiết kế hệ thống phần mềm 4.1 Tổng quan về thiết kế phần mềm 4.2 Kiến trúc phần mềm 4.3 Mô hình client – server – service 4.4 Mô hình Peer to Peer 4.5 Mô hình clouding 4.6 Các quy trình phát triển phần mềm	G2.2 G3.1 G3.2 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
7	Bài 5: Thiết kế giao diện người dùng (UI) 5.1 Các vấn đề thiết kế. 5.2 Quá trình thiết kế UI . 5.3 Phân tích người sử dụng.	G3.1 G3.2 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính	A1.1 A1.2

	5.4 Mô hình hóa UI 5.5 Đánh giá UI		Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	
8, 9	Bài 6: Kỹ thuật lập trình 6.1 Các nguyên lý lập trình. 6.2 Các công cụ lập trình. 6.3 Phát triển mã nguồn incremental. 6.4 Quản lý mã nguồn. 6.5 Kiểm tra mã nguồn. 6.6 Các độ đo.	G3.2 G4.2 G5.1 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
10, 11	Bài 7: Thẩm định và xác minh phần mềm (Verification and Validation – V&V) 7.1 Khái niệm V&V. 7.2 Lập kế hoạch cho V&V. 7.3 Điều tra phần mềm. 7.4 Phân tích tự động. 7.5 Phương pháp hình thức. Thi giữa kỳ	G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G6.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
12, 13	Bài 8: Phương pháp kiểm thử 8.1 Khái niệm kiểm thử. 8.2 Phương pháp thử. 8.3 Kỹ thuật thiết kế trường hợp thử. 8.4 Phương pháp thử các môđun.	G2.2 G3.2 G6.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
14, 15	Bài 9: Quản lý chất lượng phần mềm và các chủ đề khác trong SE 9.1 Khái niệm về chất lượng phần mềm và đảm bảo chất lượng phần mềm. 9.2 Độ đo chất lượng 9.3 Đánh giá độ tin cậy. 9.4 Quản lý dự án phần mềm. 9.5 Ước lượng chi phí phần mềm. 9.6 Cải tiến qui trình phát triển phần mềm.	G3.1 G3.2 G6.1 G6.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2 A2

TỔNG CỘNG:**45 tiết**

	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2 Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1, G3.2 G2.2 ,G3.1 G4.1 ,G5.1	10% 20%
	A2. Điểm	Thuyết trình nhóm: AM3	G2.1, G3.1	20%

	giữa kỳ (20%)		G4.1, G5.1 G6.1, G6.2	
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM17	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1, G6.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Phân chia các công việc cho các thành viên. - Phân tích dự án, để áp dụng các quy trình phát triển phần mềm một cách hợp lý. - Quản lý rủi ro và chi phí phát triển phần mềm tối ưu. - Tự nghiên cứu và kết hợp các quy trình hợp lý trong từng giai đoạn phát triển dự án 	<ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các quy trình để áp dụng cho từng loại dự án và quy mô. - Nắm rõ các giai đoạn phát triển phần mềm. - Kỹ năng làm việc nhóm và tự nghiên cứu tốt. - Phân tích và hạn chế các lỗi thường gặp trong quá trình phát triển phần mềm. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm rõ các khái niệm và các quy trình phát triển phần mềm. Phân tích và áp dụng được một số phương pháp truyền thống và quá trình phát triển phần mềm. Có khả năng phân tích độc lập và làm việc nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các khái niệm. - Nắm cơ bản các quy trình phát triển phần mềm tuy nhiên mức áp dụng ở mức cơ bản. Cần nhiều sự hỗ trợ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nắm được các khái niệm cơ bản. Chưa phân tích và áp dụng các quy trình phát triển phần mềm. 	Hầu như không nắm được các khái niệm và các quy trình phát triển phần mềm

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Roger S. Pressman & Bruce R. Maxim (2014). "Software Engineering - A Practitioner's Approach", Eighth Edition, McGraw-Hill.
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • James F. Peters, Witold Pedrycz (2000). Software engineering: An engineering approach. John Wiley • Shari Lawrence Pfleeger (2001). Software engineering: theory and practice. Prentice Hall • Linda M. Laird, M. Carol Brennan Hoboken (2006). Software measurement and estimation: A practical approach. John Wiley & Sons

	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> Software Engineering [https://www.guru99.com/what-is-software-engineering.html] [https://www.geeksforgeeks.org/software-engineering] Software Engineering Tutorial [https://www.tutorialspoint.com/software_engineering/index.htm] [https://www.tutorialride.com/software-engineering/software-engineering-tutorial.htm] 	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Giới thiệu chung về Công nghệ phần mềm	3	Đọc trước giáo trình Chương 1
	Bài 2: Phân tích yêu cầu phần mềm và đặc tả hệ thống	25	Đọc trước giáo trình Chương 2 Làm các bài tập chương 2
	Bài 3: Mô hình hóa phần mềm	18	Đọc trước giáo trình Chương 3 Làm các bài tập chương 3
	Bài 4: Thiết kế hệ thống phần mềm	20	Đọc trước giáo trình Chương 4 Làm các bài tập chương 4
	Bài 5: Thiết kế giao diện người dùng (UI)	12	Đọc trước giáo trình Chương 5 Làm các bài tập chương 5
	Bài 6: Kỹ thuật lập trình	15	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập chương 6
	Bài 7: Thẩm định và xác minh phần mềm (Verification and Validation – V&V)	15	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập chương 7
	Bài 8: Phương pháp kiểm thử	12	Đọc trước giáo trình chương 8 Làm các bài tập chương 8
	Bài 9: Quản lý chất lượng phần mềm và các chủ đề khác trong SE	15	Đọc trước giáo trình chương 9 Làm các bài tập chương 9
Tổng số tiết tự học		135 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Đình Ánh, nd.anh@hutech.edu.vn 2. ThS. Mai Trọng Khang, khangmt@uit.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

Văn Thị Khảm Trung

Nguyễn Đình Ánh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin Tên tiếng Anh: Analysis and design of Information System		
2. Mã học phần	ITE1214		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (2, 1) TC. Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1207 – Cơ sở dữ liệu		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + E-learning (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Trình bày các phương pháp thu thập, sắp xếp, tóm tắt và trình bày dữ liệu qua các tình huống sử dụng	PLO3	4.0
G2	Hiểu được nguyên lý phân tích và thiết kế	PLO3	4.0
G3	Nắm được ngôn ngữ UML để mô tả kết quả phân tích và thiết kế	PLO3	4.0
G4	Triển khai thiết kế	PLO3	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Trình bày các phương pháp thu thập, sắp xếp, tóm tắt và trình bày dữ liệu qua các tình huống sử dụng	T, U
G2.1	Hiểu được nguyên lý phân tích và thiết kế	I, T
G3.1	Xây dựng được các mô hình mô tả bài toán và thể hiện được kết quả của quá trình phân tích theo đúng cú pháp của ngôn ngữ UML	T, U
G4.1	Triển khai thiết kế	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết để sinh viên có thể thực hiện mô hình hóa một ứng dụng nhỏ theo phương pháp hướng đối tượng và tài liệu hóa dưới dạng ngôn ngữ UML.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1. Giới thiệu tổng quan Phân tích Thiết kế Hướng đối tượng <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Các khái niệm 1.2 Nhu cầu phát sinh Phân tích Thiết kế Hướng đối tượng dùng UML 1.3 Khung nhìn 4 +1 view 	G2.1	<p>Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính.</p> <p>Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi</p>	A1.1 A1.2
2	Bài 2. Thu thập yêu cầu <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Các yêu cầu về kỹ năng (kỹ năng lắng nghe, hỏi đáp...) 2.2 Năm kỹ thuật lấy yêu cầu (Bảng câu hỏi, Phỏng vấn, JAD Joint-Application Development, Phân tích tài liệu, Quan sát) 2.3 Mô hình nghiệp vụ bằng lược đồ Activity 	G1.1	<p>Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính.</p> <p>Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.</p>	A1.1 A1.2
3	Bài 3. Mô hình Đối tượng <ul style="list-style-type: none"> 3.1 Phân biệt Mô hình Phân tích với Mô hình Thiết kế. 3.2 Bản chất của Phương pháp Hướng Đối Tượng 	G3.1	<p>Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính.</p>	A1.1 A1.2 A3

	3.3 Giới thiệu Object Diagram 3.4 Ví dụ minh họa: Stock Control		Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
4	Bài 4. Khung nhìn Use Case 4.1 Khung nhìn Use Case: Mô tả các yêu cầu của người dùng về hệ thống 4.2 Các sơ đồ sử dụng trong Use Case View	G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
5	Bài 5. Khung nhìn Thiết kế 5.1 Khung nhìn thiết kế: Định nghĩa các cấu trúc luận lý hỗ trợ các yêu cầu chức năng 5.2 Các sơ đồ sử dụng trong Design View	G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
6	Bài 6. Khung nhìn Xử lý 6.1 Khung nhìn xử lý: Xem xét các vấn đề về qui trình 6.2 Các sơ đồ sử dụng trong Process View	G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
7	Bài 7. Nhận diện các thành phần thiết kế 7.1 Chuyển lớp phân tích thành lớp thiết kế 7.2 Các khái niệm: sub-system, package 7.3 Tiếp cận phân chia hệ thống thành các hệ thống con: Layering and Partitioning	G3.1 G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
8	Bài 8. Thiết kế lớp 8.1 Thuộc tính 8.2 Phép toán 8.3 Quan hệ 8.4 Tập hợp	G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
9	Bài 9. Thiết kế giao diện 9.1 Các nguyên lý thiết kế giao diện 9.2 Một số mẫu thiết kế giao diện	G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
10	9.3 Ôn tập	G1.1 G2.1 G3.1	Dạy: ôn lại các Bài quan trọng, đặt câu hỏi	A1.1 A1.2 A3

		G4.1	Học: trả lời câu hỏi, viết trả lời trên giấy	
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Nhận diện các yêu cầu từ phát biểu bài toán Thực hành mô hình nghiệp vụ bằng lược đồ Activity.	G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
2	Bài thực hành 2: Use Case Diagram	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
3	Bài thực hành 3: Class Diagram Object Diagram	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
4	Bài thực hành 4: Sequence Diagram Collaboration Diagram State Diagram Activity Diagram	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
5	Kiểm tra thực hành			A2
6	Bài thực hành 5: Component Diagram Deployment Diagram	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
7	Bài thực hành 6: Subsystem/Package Diagram	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
8	Bài thực hành 7: Thiết kế lớp	G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2

9	Bài thực hành 8: Thiết kế giao diện	G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
10	Ôn tập	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài ôn	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:			30 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần AM1		G1.1 10%
		A1.2 Bài tập AM2 Kiểm tra tự luận AM4		G1.1 G2.1 G3.1 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra thực hành AM9		G1.1 G2.1 G3.1 20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi Tự luận AM4		G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9	
	Biết cách chọn và triển khai một giải pháp thiết kế hệ thống tối ưu theo tình hình thực tế của các cá nhân và tổ chức	Biết cách chọn và triển khai giải pháp thiết kế hệ thống phù hợp với tình hình thực tế của cá nhân và tổ chức	Có thể phân tích và thiết kế hệ thống qua UML	Có thể thiết kế hệ thống cơ bản bằng UML	Hiểu sơ lược về phân tích và thiết kế hệ thống và gần như không thể sử dụng UML	Hầu như không có kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống	
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính		<ul style="list-style-type: none"> • Dr. Fritz Solms. Object-Oriented Analysis and Design using UML 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung		<ul style="list-style-type: none"> • Charles S. Wasson Hoboken (2006). System analysis, design, and development: concepts, principles, and practices. John Wiley & Sons. • Mike O'Docherty Chichester (2005). Object-oriented analysis and design: Understanding system development with UML 2.0. Wiley. • Hevner, Alan, Chatterjee, Samir (2010). Design Research in Information Systems: vTheory and Practice: (Integrated Series in Information Systems - Volume 22). Springer US. 				

	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Buổi 1:	9	Đọc trước giáo trình chương 1
	Buổi 2:	9	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 3:	9	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 4:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 5:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 6:	9	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 7:	9	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 8:	9	Đọc trước giáo trình chương 8 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 9:	9	Đọc trước giáo trình chương 9 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 10:	9	Ôn lại tất cả các chương theo đề cương ôn tập, làm trước đề mẫu
Tổng số tiết tự học		90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Ngô Văn Công Bằng, bangnvc@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Phượng Hoàng, hoangnp@yahoo.com		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Khoa

CH
Ngô Văn Công Bằng

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Bảo mật thông tin Tên tiếng Anh: Information security
2. Mã học phần	ITE1257E
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC
5. Học phần học trước	Không
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Minh họa trực tiếp và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20).
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin

8. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Vai trò của bảo mật thông tin, các cơ chế, chính sách an toàn thông tin, các kiểu tấn công và các phương pháp phòng chống.	PLO2	2.0
G2	Nguyên lý hoạt động của mật mã dòng, mật mã khối; Kiến thức về xác thực, toàn vẹn thông tin và sử dụng các thuật toán mật mã để hiện thực những chức năng này.	PLO3	3.0
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực bảo mật thông tin.	PLO4, PLO7	4.0
G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực bảo mật thông tin để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy

		(I, T, U)
G1.1	Trình bày được về vai trò của bảo mật thông tin, các cơ chế, chính sách bảo mật.	T, U
G1.2	So sánh, phân tích các kiểu tấn công và các phương pháp phòng chống.	T, U
G2.1	Trình bày được nguyên lý hoạt động của mật mã cổ điển, mật mã dòng, khối.	T, U
G2.2	Trình bày được cơ sở lý thuyết số để xây dựng các thuật toán mật mã.	T, U
G2.3	Trình bày được nguyên lý hoạt động của mật mã cao cấp.	T, U
G2.4	Mô tả được cơ chế xác thực, toàn vẹn thông tin. Xây dựng được các chức năng này sử dụng các thuật toán mật mã.	T, U
G3.1	Làm việc hiệu quả trong một nhóm.	T, U
G3.2	Trình bày trước đám đông về các vấn đề thiết yếu trong bảo mật thông tin.	T, U
G4.1	Thiết kế, đánh giá và lựa chọn phương pháp triển khai một giải pháp bảo mật thông tin đảm bảo an toàn phù hợp với yêu cầu thực tế.	T, U
G4.2	Xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt và cấu hình các giải pháp bảo mật thông tin.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về bảo mật thông tin, giới thiệu các phương pháp mã hóa, giải mã và ứng dụng của chúng trong bảo mật thông tin, các cơ chế và nghi thức bảo mật: xác thực, chữ ký số. Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp khả năng vận dụng kiến thức về bảo mật thông tin đã học để giải quyết một số bài toán bảo mật trong thực tế. Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề bảo mật thông tin nâng cao.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về bảo mật thông tin <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Giới thiệu môn học, hướng dẫn cách học, tài liệu tham khảo. 1.2 Các khái niệm về bảo mật thông tin 1.3 Các nguy cơ và các kiểu tấn công 1.4 Các mô hình, dịch vụ, cơ chế và công cụ bảo mật 1.5 Hệ thống mã hóa, khái niệm thám mã 	G1.1, G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

	1.6 Khái niệm thuật toán an toàn			
2	Bài 2: Mật mã cỗ điển 2.1 Lịch sử các thuật toán mật mã cỗ điển 2.2 Các kỹ thuật mã hóa 2.3 Mật mã thay thế đơn từ 2.4 Mật mã thay thế đa từ 2.5 Kỹ thuật mã hóa hoán vị, kết hợp 2.6 Mật mã dòng	G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
3	Bài 3: Mật mã khối 3.1 Mã hóa theo khối 3.2 Mạng thay thế và hoán vị Shanon 3.3 Cấu trúc thuật toán Feistel 3.4 Hiệu ứng thác và hiệu ứng toàn vẹn 3.5 Lịch sử của DES 3.6 Tạo các khóa con	G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
4	Bài 3: Mật mã khối (tiếp theo) 3.7 Hàm mở rộng E, các S-box 3.8 Giải mã và chạy thử DES 3.9 Các yêu cầu thiết kế DES 3.10 Các phương thức sử dụng DES 3.11 Sử dụng DES để tạo luồng khóa	G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
5	Bài 4: Cơ sở lý thuyết số 4.1 Số nguyên tố 4.2 Phép tính modulo 4.3 Thuật toán Bình phương và nhân 4.4 USCLN và TT Euclid 4.5 TT Euclid mở rộng 4.6 Định lý Euler và Fermat 4.7 Nhóm, vành, trường 4.8 Các đa thức trong trường Galoa 4.9 Các phép toán trên đa thức 4.10 Lý thuyết phức tạp và mã hóa	G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
6	Bài 5: Chuẩn mật mã cao cấp AES 5.1 Giới thiệu chuẩn mã hóa cao cấp 5.2 Rijndael – AES	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả	A1.1 A1.2 A3

	5.3 Các tham số của AES 5.4 Các vòng mã hóa: SubBytes, ShiftRows, MixColumns, AddRoundkey. 5.5 Tạo khóa mở rộng (Key Expansion) 5.6 Chạy thử AES		lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	
7	Bài 6: Mật mã khoá công khai 6.1 Khái niệm mật mã khoá công khai 6.2 Thuật toán mật mã khoá công khai RSA 6.3 Thuật toán mật mã El-Gamal	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
8	Bài 7: Xác thực và chữ ký số 7.1 Khái niệm xác thực 7.2 Xác thực sử dụng mật mã 7.3 Các hàm băm: MD5, SHA1-3 7.4 Chữ ký số RSA và El-Gamal 7.5 DSA (Digital Signature Algorithm)	G2.1, G2.2, G2.3, G2.4, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
9	Bài 8: Phân phối khoá 8.1 Quản lý và phân phối khoá 8.2 Phân phối khoá công khai 8.3 Phân phối khoá bí mật 8.4 Quy trình tạo khoá phiên Diffie – Hellman 8.5 CA (Certification Authority)	G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
10	Bài 9: Các ứng dụng bảo mật hệ thống thông tin 9.1 Các giao thức 9.2 Hệ thống xác thực 9.3 Ứng dụng bảo mật trong thanh toán điện tử 9.4 Ứng dụng bảo mật trong SSL 9.5 Tường lửa Ôn tập	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G2.3, G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
THỰC HÀNH:				
Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

1	Bài thực hành 1: Mật mã cổ điển	G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
2, 3	Bài thực hành 2: Mật mã khôi	G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
4, 5	Bài thực hành 3: Chuẩn mật mã cao cấp AES	G2.2, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 4: Mật mã khoá công khai	G2.2, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 5: Xác thực và chữ ký số	G2.1, G2.2, G2.3, G2.4	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 6: Phân phối khoá	G2.1, G2.2, G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 7: Các ứng dụng bảo mật hệ thống thông tin	G2.1, G2.2, G2.3, G2.4, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
10	Kiểm tra thực hành Ôn tập	G1.1, G1.2, G2.1- G2.4, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2		G1 - G4 G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.4

		Thuyết trình: AM3	G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Kiểm tra thực hành: AM9	G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi tự luận: AM4	G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng mô tả, tư vấn các vấn đề phức tạp liên quan đến bảo mật thông tin. Có khả năng cầu hình, vận hành, xử lý lỗi các giải pháp bảo mật thông tin. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số giải pháp bảo mật thông tin.	Có khả năng mô tả, tư vấn một số vấn đề phức tạp liên quan đến bảo mật thông tin. Có khả năng cầu hình, vận hành, xử lý lỗi một số giải pháp bảo mật thông tin. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số giải pháp bảo mật thông tin.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ và một số vấn đề phức tạp liên quan đến cơ bản liên bao mật thông quan đến bảo mật thông tin. Có khả năng cầu hình, vận hành, xử lý lỗi một số giải pháp bảo mật thông tin.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ và các vấn đề liên quan đến cơ bản liên bao mật thông quan đến bảo mật thông tin.	Còn hạn chế nhiều trong nhận thức về các vấn đề liên quan đến bảo mật thông tin.	Hầu như không có kiến thức về bảo mật thông tin.

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • William Stallings (2017). Cryptography and Network Security: Principles and Practice, 7th edition. Prentice Hall.
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Corey Schou, Dan Shoemaker (2007). Information assurance for the enterprise: a roadmap to information security. McGraw-Hill Irwin • Steve Kalman (2003). Web security field guide. Cisco Press. • Ivan Ristic (2005). Apache security. O'Reilly Media.
	Trang Web/ CDs tham khảo	

Nội dung**Số tiết**

Nhiệm vụ của sinh viên

14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Bài 1: Tổng quan về bảo mật thông tin	10	Đọc trước chương 1 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Bài 2: Mật mã cổ điển	10	Đọc trước chương 3 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Bài 3: Mật mã khối	10	Đọc trước chương 4 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Bài 4: Cơ sở lý thuyết số	10	Đọc trước chương 2, Bài 5 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Bài 5: Chuẩn mật mã cao cấp AES	10	Đọc trước chương 6 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Bài 6: Mật mã khoá công khai	10	Đọc trước chương 9 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Bài 7: Xác thực và chữ ký số	10	Đọc trước chương 11, 12, 13 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Chương 8: Phân phối khoá	10	Đọc trước chương 10, 14 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
	Chương 9: Các ứng dụng bảo mật hệ thống thông tin	10	Đọc trước chương 16, 17 sách giáo trình: "Cryptography and Network Security: Principles and Practice"
Tổng số tiết tự học		90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Huỳnh Trọng Thusa, huynht2@gmail.com 2. KS. Nguyễn Minh Thắng, thangnm@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hà Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Thị Kim Ngân

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Huỳnh Trọng Thusa

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Phát triển ứng dụng Web Tên tiếng Anh: Web Application Development		
2. Mã học phần	ITE1265E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Làm bài tập, thảo luận trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng máy. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng. - Yêu cầu hoàn thành đồ án môn học trong vòng 6 tuần - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Nắm vững các khái niệm cơ bản và nâng cao về nền tảng xây dựng và phát triển ứng dụng web ASP.NET MVC 5	PLO2	3.0
G2	Hoàn thành một website ASP.NET MVC 5 có tính tương thích cao với các thiết bị di động như iPhone, iPad...	PLO3	4.0
G3	Nắm vững Razor Engine, LINQ, Entity Framework, jQuery và các kỹ thuật nâng cao. Đặc biệt là kỹ thuật lập trình Entity Framework Code-First, Model-First và Database-First rất cần thiết trong các dự án ASP.NET.	PLO3	4.0
G4	Bảo vệ website ở mức độ tốt nhất với chế độ Authentication và Authorization	PLO3	4.0

G5	Phân tích và phát triển website ASP.NET theo qui trình sản xuất phần mềm công nghiệp	PLO10	4.0
G6	Sử dụng kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	PLO7	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Nắm vững các khái niệm cơ bản và nâng cao về nền tảng xây dựng và phát triển ứng dụng web ASP.NET MVC 5	T,U
G2.1	Hoàn thành một website ASP.NET MVC 5 có tính tương thích cao với máy tính và các thiết bị di động như iPhone, iPad...	T,U
G3.1	Nắm vững Razor Engine, LINQ, Entity Framework, jQuery và các kỹ thuật nâng cao	T,U
G4.1	Bảo vệ website ở mức độ tốt nhất với chế độ Authentication và Authorization	T,U
G5.1	Phân tích và phát triển website ASP.NET theo qui trình sản xuất phần mềm công nghiệp	T,U
G6.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình	U
G6.2	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và nâng cao về nền tảng xây dựng và phát triển ứng dụng Web ASP.NET MVC 5.
- Nắm vững kiến thức phát triển ứng dụng web, quản trị cơ sở dữ liệu SQL SERVER, Razor View Engine. Kỹ thuật lập trình với LINQ và Entity Framework sử dụng ASP.NET MVC và công cụ Visual Studio.
- Vận dụng tốt ngôn ngữ C# và công cụ để thực hiện đồ án môn học và đề tài tốt nghiệp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Giới thiệu ứng dụng Web ASP.NET MVC 5 1.1 Định nghĩa và mô tả Controller 1.2 Định nghĩa và mô tả Model 1.3 Định nghĩa và mô tả View 1.4 Mô hình MVC	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2

2	Bài 2: Controllers trong ASP.NET MVC 2.1 Xây dựng Controller 2.2 Mô tả cách thức hoạt động của các hàm Action 2.3 Giải thích điều hướng Route 2.4 Xây dựng URL tùy chỉnh	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
3	Bài 3: Views trong ASP.NET MVC 3.1 Định nghĩa trang View 3.2 Mô tả cách hoạt động của razor engine 3.3 Định nghĩa các phương thức 3.4 HTML helper	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
4	Bài 4: Models trong ASP.NET MVC 4.1 Định nghĩa và xây dựng Model 4.2 Truyền dữ liệu giữa Model – View - Controller 4.3 Sử dụng scaffolding trong Visual Studio.NET	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
5, 6	Bài 5: Kiểm tra và ràng buộc nhập dữ liệu với Data Annotation 5.1 Mô tả và giải thích về ràng buộc dữ liệu 5.2 Cách sử dụng data annotation 5.3 Cách sử dụng ModelState 5.4 Thảo luận nhóm	G2.1 G3.1 G6.1 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
7	Bài 6: Kết nối giữa ứng dụng Web ASP.NET MVC và cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server 6.1 ADO.NET Entity Framework 6.2 Code-First 6.3 Model-First 6.4 Database-First	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
8	Bài 7: Xác thực và phân quyền người dùng 7.1 Giải thích về xác thực người dùng 7.2 Cách xác thực người dùng trong ứng dụng Web ASP.NET MVC5	G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2

	7.3 Cách sử dụng ASP.NET Identity 7.4 Cách phân quyền người dùng			
9	Bài 8: Kiểm thử và triển khai ứng dụng lên internet 8.1 Khái niệm về Unit Test 8.2 Chuẩn bị môi trường triển khai ứng dụng Ôn tập	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
10	Bài 8: Kiểm thử và triển khai ứng dụng lên internet (tiếp theo) 8.3 Triển khai ứng dụng ASP.NET MVC5 lên internet Ôn tập	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Xây dựng layout trang Web với HTML, CSS và Javascript	G1.1 G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Xây dựng ứng dụng Web cơ bản với ASP.NET MVC 5	G2.1 G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Xây dựng ứng dụng Web cơ bản với ASP.NET MVC 5 (tiếp theo)	G2.1 G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Xây dựng ứng dụng Web cơ bản với ASP.NET MVC 5 (tiếp theo)	G2.1 G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: - Xây dựng dự án website nâng cao với ASP.NET MVC 5 và MS SQL Server	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

	- Entity Framework Code First MS SQL Server		Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	
6	Bài thực hành 6: - Xây dựng dự án website nâng cao với ASP.NET MVC 5 và MS SQL Server (tiếp theo) - Entity Framework Code First MS SQL Server	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 6 : - Entity Framework Code First MS SQL Server (tiếp theo) - Thi giữa kỳ	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 7: - Xây dựng dự án website nâng cao với ASP.NET MVC 5 và MS SQL Server (tiếp theo) - Entity Framework Code First MS SQL Server	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 8: Lập trình ASP.NET Web API	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Bài thực hành 9: Lập trình ASP.NET Web API (tiếp theo) Ôn tập	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài ôn	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CĐR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2		G1.1 G2.1, G3.1 G4.1, G5.1
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi Thực hành: AM9		G2.1, G3.1, G4.1, G5.1
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM8, AM3 nếu có)		G1.1, G2.1 G3.1, G4.1 G5.1, G6.1 G6.2

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập - Có khả năng đánh giá năng lực của thành viên - Hiểu sâu về mô hình MVC và hỗ trợ các thành viên trong bất cứ giao đoạn phát triển của dự án. - Dựa ra được các giải pháp tối ưu cho dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng thiết kế, viết mã và tests. - Chỉnh sửa tài liệu và các chương trình phúc tạp dựa trên yêu cầu phần mềm. Sử dụng các công cụ, phương pháp theo tiêu chuẩn đã thống nhất. Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập 	<ul style="list-style-type: none"> - Có các kỹ năng xử lý độc lập, không cần sự hỗ trợ nhiều. Nhưng vẫn cần sự hỗ trợ các khái niệm cơ bản về MVC. - Nắm vững các kỹ thuật về Font-end, nắm được các kỹ thuật xử lý trong mô hình MVC. 	<p>Nắm được các kiến thức về Font-end và hiểu được các khái niệm cơ bản về MVC.</p> <p>Xây dựng được một website đơn giản. Tuy nhiên vẫn còn sự hỗ trợ của người khác.</p>	<p>Cần nhiều sự hỗ trợ từ người khác khi thực hiện công việc,</p> <p>chưa nắm kỹ các kiến thức về lập trình cả về Font-end và Back-end</p>	<p>Hầu như không có kiến thức về lập trình về cả Font-end và Back-end.</p>

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Jon Galloway, Brad Wilson, K. Scott Allen, David Matson (2013). Professional ASP.NET MVC 5. Apress. John Wiley & Sons, Inc.
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Kappel, Gerti (2006). Web engineering: The discipline of systematic development of web applications. John Wiley & Sons, Hoboken, N.J • Deitel, Paul J., Deitel, Harvey M. (2008). Ajax, rich Internet applications, and web development for programmers. Prentice Hall PTR
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • Getting started with ASP.NET MVC 5 [https://docs.microsoft.com/en-us/aspnet/mvc/overview/getting-started/introduction/getting-started] • ASP.NET MVC Tutorial [https://www.tutorialsteacher.com/mvc/asp.net-mvc-tutorials]

	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Giới thiệu ứng dụng Web ASP.NET MVC 5	10	Đọc trước giáo trình Chương 1
	Bài 2: Controllers trong ASP.NET MVC	20	Đọc trước giáo trình Chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu

14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Bài 3: View trong ASP.NET MVC	15	Đọc trước giáo trình Chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 4: Models trong ASP.NET MVC	15	Đọc trước giáo trình Chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 5: Kiểm tra và ràng buộc nhập dữ liệu với Data Annotation (Tiếp theo)	15	Đọc trước giáo trình Chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 6: Kết nối giữa ứng dụng Web ASP.NET MVC và cơ sở dữ liệu Microsoft SQL Server	20	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 7: Xác thực và phân quyền người dùng	15	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 8: Kiểm thử và triển khai ứng dụng lên internet Ôn tập	10	Đọc trước giáo trình chương 8 Làm các bài tập được yêu cầu Ôn tập
	Tổng số tiết tự học	120	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	ThS. Nguyễn Minh Tuấn, tuannm@uef.edu.vn ThS. Trần Thành công, tranthanhcong91@gmail.com		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Thị Thiên Trang

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Hoàng Văn Hải

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Lập trình trên thiết bị di động Tên tiếng Anh: Mobile Device Programming		
2. Mã học phần	ITE1221E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC 30 tiết LT 30 tiết TH 90 tiết tự học		
5. Học phần học trước	ITE1208 - Lập trình hướng đối tượng		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng và kết hợp với thực hành tại phòng máy. - Các bài lab thực hành gồm 2 phần: (1) phần cơ bản: hướng dẫn các bước chi tiết thực hiện; (2) phần gợi mở, nâng cao: hướng dẫn định hướng cho sinh viên làm. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Các phương pháp giảng dạy được áp dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20). + Tham luận (TLM3) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức về phát triển ứng dụng trên nền tảng thiết bị di động	PLO2	3.0
G2	Kiến thức lập trình Java để phát triển ứng dụng trên Android	PLO2	3.0
G3	Kỹ năng phân tích, thiết kế và xây dựng được ứng dụng Java chạy trên nền tảng di động Android	PLO5	4.0
G4	Có khả năng giám sát, triển khai giải pháp, định hướng và lập kế hoạch phát triển các ứng dụng trên thiết bị di động.	PLO7, PLO10	3.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được nền tảng thiết bị di động thông minh	I, T
G1.2	Hiểu được các ứng dụng phát triển cho nền tảng di động.	I, T
G1.3	Phân biệt được sự khác biệt giữa hệ điều hành dành cho thiết bị di động và hệ điều hành cho máy tính.	I, T
G2.1	Ứng dụng được ngôn ngữ Java để xây dựng ứng dụng chạy trên Android	T, U
G2.2	Vận dụng được UI & UX trong thiết kế ứng dụng trên thiết bị di động	T, U
G3.1	Phân tích được các thành phần của ứng dụng triển khai trên Android	T, U
G3.2	Thiết kế được ứng dụng có giao diện thân thiện, tận dụng các tính năng phần cứng của thiết bị di động	T, U
G4.1	Nhận thức được vấn đề, hình thành được ý tưởng xây dựng ứng dụng trên thiết bị di động	T, U
G4.2	Khả năng triển khai được giải pháp trên thiết bị di động cho các vấn đề trong thực tế.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần được xây dựng với các nội dung: kiến thức tổng quan về lập trình ứng dụng cho thiết bị di động; cách thức phát triển ứng dụng dạng Native trên nền tảng di động thông minh Android; lập trình xây dựng các thành phần cho ứng dụng Android: activity, service, content provider, broadcast receiver, intent.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1 Giới thiệu tổng quan lập trình trên thiết bị di động 1.2. Tổng quan về thiết bị di động 1.3. Các dạng ứng dụng trên thiết bị di động 1.4. Các nền tảng di động phổ biến hiện nay 1.5. Sự khác biệt khi phát triển ứng dụng trên PC và trên smartphone	G1.1, G1.2, G1.3, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

2	Chương 2 Phát triển ứng dụng trên nền tảng Android 2.1 Kiến trúc HĐH Android 2.2 Bộ công cụ phát triển ứng dụng trên Android 2.3 Quy trình phát triển ứng dụng Android 2.4 Vòng đời một ứng dụng trên Android 2.5 Chương trình Hello World trên Android	G2.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
3	Chương 3 Xây dựng thành phần Activity 3.1 Đặc điểm của Activity 3.2 Vòng đời hoạt động 3.3 Xây dựng Activity 3.4 Xử lý sự kiện trong Activity 3.5 Khai báo Activity trong Android Manifest	G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
4	Chương 4 Thiết kế giao diện 4.1 Tô chúc giao diện 4.2 Thiết kế giao diện qua XML 4.3 Các thuộc tính XML cơ bản AndroidManifest.xml 4.4 LinearLayout 4.5 AbsoluteLayout 4.6 RelativeLayout 4.7 TableLayout 4.8 FrameLayout 4.9 ScrollView 4.10 GridLayout	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
5	Chương 5 Xây dựng thành phần View-Widget 5.1 Thành phần view cơ bản 5.2 Thành phần view nâng cao 5.3 Thành phần Toast 5.4 Thành phần Dialog	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

6	Chương 6 Thành phần Intent 6.1 Cơ chế Intent 6.2 Đối tượng Intent 6.3 Phân loại Intent 6.4 Sử dụng Intent 6.5 Dùng Intent gọi Activity Kiểm tra tự luận	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A1.3
7	Chương 7 Kết nối CSDL SQLite 7.1 Giới thiệu CSDL SQLite 7.2 Các lớp thư viện thao tác trên SQLite 7.2 Tạo và thao tác CRUD trên SQLite 7.4 Ví dụ minh họa	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
8	Chương 8 Xây dựng Service 8.1 Tổng quan về service trong Android 8.2 Các xây dựng service và thực thi các chức năng start, stop của service 8.3 Ví dụ nghe nhạc Android dùng service	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
9	Chương 9 Thành phần Broadcast Receiver 9.1 Cơ chế broadcast - receiver 9.2 Nhận các thông điệp từ Android 9.3 Cách tạo và bắt các thông điệp từ ứng dụng Android 9.4 Xây dựng ứng dụng SMS cơ bản	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
10	Chương 10 Thành phần Notification	G2.1, G2.2,	Dạy: Thuyết giảng,	A1.1 A1.2

	10.1 Cơ chế thông báo trong Android 10.2 Các lớp cơ bản để thể hiện thông báo trong ứng dụng Android 10.3 Xây dựng ứng dụng SMS có thông báo	G3.1, G3.2, G4.2	cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Xây dựng chương trình Java cơ bản trên Android	G2.1, G4.1, G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Sử dụng thành phần activity để tạo giao diện Làm quen với các phương thức callback khi chuyển trạng thái của activity	G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Thiết kế giao diện qua XML	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Các thành phần tổ chức giao diện Layout: LinearLayout, AbsoluteLayout, RelativeLayout	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Các thành phần tổ chức giao diện Layout: TableLayout, FrameLayout,	G2.1, G2.2, G3.1,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa	A1.1 A2

	ScrollView, GridLayout	G3.2	Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	
6	Bài thực hành 6: Sử dụng các thành phần View – Widget, Toast và Dialog	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
7	Bài thực hành 7: Sử dụng Intent để gọi các activity	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
8	Bài thực hành 8: Kết nối CSDL SQLite	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Xây dựng Service Broadcast Receiver Sử dụng Notification	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
10	Ôn tập và kiểm tra thực hành	G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn , code minh họa Học: sinh viên nghe hướng dẫn, đọc phần hướng dẫn trong bài thực hành	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x) Tỷ lệ
	A1. Điểm	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1, G4 10%

	quá trình (30%)	A1.2 Bài tập: AM2 Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2, Thi Thực hành: AM9	G2, G3, G4	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM3, AM8 nếu có)	G1, G4	50%

Rubrics

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Phân tích được ứng dụng Android với kiến trúc phù hợp với yêu cầu thực tế. Xây dựng được ứng dụng Android theo mô hình client – server. UI & UX xuất sắc	Xây dựng được ứng dụng Android theo mô hình client – server. UI và UX chuyên nghiệp	Có khả năng xây dựng ứng dụng Android đáp ứng các yêu cầu quản lý. Đáp ứng UI và UX. Sử dụng được các thành phần của Android	Có khả năng viết chương trình Android đơn giản với 1 activity và giao diện là View cơ bản	Kiến thức rất hạn chế về lập trình Java cho Android	Hầu như không có kiến thức về lập trình trên thiết bị di động

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Bill Phillips, Chris Stewart, Brian Hardy and Kristin Marsicano (2015), <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i>. Big Nerd Ranch. Tài liệu học tập học phần “<i>Lập trình trên thiết bị di động</i>”. UEF
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Wei-Meng Lee (2012). Beginning Android Application Development. John Wiley & Sons
	Trang Web/ CDs tham khảo	https://developer.android.com/ https://www.androidauthority.com/

	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	BÀI 1 Giới thiệu tổng quan lập trình trên thiết bị di động	9	Đọc bài 1 trong giáo trình UEF Trả lời các câu hỏi trong bài 1
	BÀI 2 Phát triển ứng dụng trên nền tảng Android	9	Đọc Chapter 1: Your first Android application, chapter 2: Android and Model-View-Controller. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i> Đọc bài 2 trong giáo trình UEF Làm các bài tập
	BÀI 3 Xây dựng thành phần Activity	9	Đọc Chapter 3: The activity lifecycle. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i> Đọc bài 3 trong giáo trình UEF Làm các bài tập tương ứng
	BÀI 4 Thiết kế giao diện	9	Đọc chapter 7: UI Fragments and the Fragment Manager; Chapter 8: Creating UI with layouts and Widget. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i> Đọc bài 4 trong giáo trình UEF Làm các bài tập trong bài 4
	BÀI 5 Xây dựng thành phần View-Widget	9	Đọc Chapter 8: Creating UI with layouts and Widget. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i> Đọc bài 5 trong giáo trình UEF Làm các bài tập trong bài 5
	BÀI 6 Thành phần Intent	9	Đọc chapter 15: Implicit Intent. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i> Đọc bài 6 Thành phần Intent trong giáo trình UEF Làm các bài tập trong bài 6
	BÀI 7 Kết nối CSDL SQLite	9	Đọc chapter 14: SQLite Databases. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i>

			<i>Ranch Guide</i> Đọc bài 7 Lập trình SQLite trong giáo trình UEF Làm các bài tập trong bài 7
	BÀI 8 Xây dựng Service	9	Đọc chapter 26: Background Service. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i> Đọc bài 8 trong giáo trình UEF Làm các bài tập trong bài 8
	BÀI 9 Thành phần Broadcast Receiver	9	Đọc chapter 27: Broadcast Intents. Sách <i>Android Programming: The Big Nerd Ranch Guide</i> Đọc bài 9 Broadcast Receiver trong giáo trình UEF Làm các bài tập trong bài 9
	BÀI 10 Thành phần Notification	9	Đọc bài 10 Thành phần Notification trong giáo trình UEF Làm các bài tập trong bài 10
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Nguyễn Hà Giang, giangnh@uef.edu.vn 2. ThS. Trần Thành công, tranthanhcong91@gmail.com		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trang

Nguyễn Hà Giang

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Công nghệ Java Tên tiếng Anh: Java Technology		
2. Mã học phần	ITE1219E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1208 - Lập trình hướng đối tượng		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Làm bài tập, thảo luận trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng máy. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng. - Yêu cầu hoàn thành đồ án môn học trong vòng 6 tuần - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Nắm vững những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình Java.	PLO2	3.0
G2	Nắm vững các cấu trúc dữ liệu và các giải thuật thích hợp với những dữ liệu có trong ngôn ngữ lập trình hướng đối tượng Java	PLO2	4.0
G3	Hiểu rõ và viết tốt các chương trình thể hiện tính chất cốt bản nhất của hướng đối tượng với Java.	PLO3	4.0
G4	Xây dựng ứng dụng desktop, ứng dụng mạng bằng Java. Kết nối cơ sở dữ liệu. Các phương thức bảo mật trong các ứng dụng Java.	PLO3	4.0

G5	Phân tích và phát triển các ứng dụng Java theo qui trình sản xuất phần mềm công nghiệp	PLO3	4.0
G6	Sử dụng kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	PLO7, PLO10	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Nắm vững những nguyên lý, cách tiếp cận và phương pháp lập trình Java.	T,U
G2.1	Hiểu rõ mô hình xử lý sự kiện trong Java và các vấn đề liên quan đến việc phát triển ứng dụng với giao diện đồ họa.	T,U
G3.1	Hiểu rõ và viết tốt các chương trình thể hiện tính chất căn bản nhất của hướng đối tượng với Java.	I,T,U
G4.1	Xây dựng ứng dụng desktop, ứng dụng mạng bằng Java. Kết nối cơ sở dữ liệu với các ứng dụng Java. Các phương thức bảo mật trong các ứng dụng Java.	T,U
G5.1	Phân tích và phát triển các ứng dụng Java theo qui trình sản xuất phần mềm công nghiệp	T,U
G6.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình	U
G6.2	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần [Mô tả sơ lược về học phần (dưới 150 từ)]

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Môn học nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ lập trình Java từ cơ bản đến nâng cao.
- Nắm vững phương pháp luận trong lập trình hướng đối tượng qua ngôn ngữ lập trình Java, sử dụng trong việc tạo ra các ứng dụng quản lý trên nền Winform, WebForm hoặc trên các thiết bị điện thoại di động, xây dựng giao diện người dùng đẹp và thân thiện.
- Tương tác với các loại cơ sở dữ liệu như MySQL, PostgreSQL, DB2 và SQL Server, và trình bày dữ liệu theo nhiều hình thức khác nhau
- Vận dụng tốt ngôn ngữ Java trong các bài tập, đồ án môn học và đề tài tốt nghiệp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Giới thiệu ngôn ngữ lập trình Java 1.1 Giới thiệu về lập trình hướng đối tượng 1.2 Giới thiệu ngôn ngữ Java 1.3 Hướng dẫn cài đặt, cấu hình các phần mềm hỗ trợ	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính	A1.1 A1.2

	1.4 Các thành phần cơ bản của Java		Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	
2	Bài 2: Giới thiệu về lớp và đối tượng 2.1 Giới thiệu 2.2 Thuộc tính và phương thức 2.3 Phạm vi truy cập của thuộc tính và phương thức 2.4 Phương thức khởi tạo 2.5 Nạp chồng phương thức 2.6. Lớp Object 2.7. Bài tập	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
3	Bài 3: Giao diện, kế thừa, đa hình 3.1. Định nghĩa, cài đặt giao diện 3.2. Lớp cơ sở, lớp dẫn xuất 3.3. Ghi đè phương thức 3.4. Lớp trừu tượng 3.5. Định nghĩa và sử dụng gói (package)	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
4	Bài 4: Xử lý ngoại lệ 4.1 Định nghĩa một ngoại lệ (Exception) 4.2 Mô hình xử lý ngoại lệ 4.3 Sử dụng các khối ‘try’, ‘catch’ và ‘finally’ 4.4 Sử dụng các từ khoá ‘throw’ và ‘throws’ 4.5 Tự tạo ra các ngoại lệ	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
5	Bài 5: Luồng và xử lý file 5.1 Khái niệm về luồng 5.2 Lớp File 5.3 File truy cập tuần tự 5.4 Đối tượng Serialization 5.5 File truy cập ngẫu nhiên	G2.1 G3.1 G6.1 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
6	Bài 6: Cấu trúc dữ liệu trong Java 6.1 Xây dựng lớp danh sách liên kết động 6.2 Xây dựng lớp Stack 6.3 Xây dựng lớp Queue 6.4 Xây dựng lớp Tree	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính	A1.1 A1.2

			Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	
7	Bài 7: Cấu trúc dữ liệu tập hợp (Collections) 7.1 Giới thiệu các giao diện trong Collection FrameWork 7.2 Lớp ArrayList 7.3 Lớp HashSet 7.4 Lớp TreeSet 7.5 Lớp TreeMap 7.6 Lập trình tổng quát (Generic Programming)	G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
8	Bài 8: Lập trình đa luồng 8.1 Đa nhiệm và đa luồng 8.2 Tạo lập và sử dụng luồng 8.3 Lớp Thread 8.4 Giao tiếp Runnable 8.5 Đồng bộ hóa các luồng Thi giữa kỳ	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
9	Bài 9: Tạo giao diện người sử dụng 9.1 Giới thiệu AWT và Swing 9.2 Các thành phần Swing GUI cơ bản 9.3 Các thành phần Swing GUI nâng cao	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
10	Bài 10: Lập trình mạng với Java 10.1 Các lớp trong java.net 10.2 Xây dựng ứng dụng Client/Server	G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		45 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: - Hướng dẫn cài đặt môi trường lập trình. - Thao tác với các thành phần cơ bản của Java	G1.1 G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài	A1.1 A2

	Thực hiện một số bài tập đơn giản		tập trong giáo trình.	
2	Bài thực hành 2: - Củng cố lại những kỹ thuật lập trình hướng đối tượng - Thực hiện các bài toán hướng đối tượng.	G2.1 G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: - Làm quen với lập trình giao diện - Thiết kế các giao diện cơ bản - Thiết kế giao diện tương thích với nhiều màn hình	G2.1 G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: - Thực hiện các chương trình đơn giản với giao diện. - Xử lý các sự kiện của người dùng trên giao diện	G2.1 G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: - Xử lý ngoại lệ. - Làm việc với hàng đợi và danh sách. - Làm việc với file	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 6: - Xử lý ngoại lệ. - Lập trình đa luồng. - Làm quen với lập trình làm việc với cơ sở dữ liệu	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 7: - Giới thiệu hệ quản trị SQL Server. Hướng dẫn cài đặt. - Thiết kế cơ sở dữ liệu - Thực hiện kết nối cơ sở dữ liệu với ứng dụng và thực hiện các thao tác cơ bản	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 8: - Tiếp tục lập trình với cơ sở dữ liệu - Xây dựng các chức năng xem, thêm, xóa, sửa theo mô hình MVC. - Thực hiện một chương trình quản lý cơ bản.	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2

	Thi thực hành			
9	Bài thực hành 9: - Bảo mật ứng dụng. - Thực hiện chức năng đăng nhập, quản lý người dùng. - Thực hiện các chức năng thống kê báo cáo.	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Bài thực hành 10: - Tích hợp Socket.IO vào ứng dụng. - Thực hiện chức năng gửi email trong ứng dụng - Hệ thống lại các kiến thức trọng tâm và giải đáp các thắc mắc của sinh viên.	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
TỔNG			30 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2	G1, G4 G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1, G6.2	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập: AM2 Kiểm tra thực hành: AM9	G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1, G6.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM8, AM3 nếu có)	G1.1, G2.1 G3.1, G4.1 G5.1, G6.1 G6.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập - Có khả năng đánh giá năng lực của thành viên - Hiểu sâu về mô hình MVC và hỗ trợ các thành 	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng thiết kế, viết mã và tests. - Chính sửa tài liệu và các chương trình phức tạp dựa trên yêu cầu phần mềm. Sử dụng các công cụ, phương pháp theo tiêu chuẩn đã thống nhất. 	<ul style="list-style-type: none"> -Có các kỹ năng xử lý độc lập, không cần sự hỗ trợ nhiều. Nhưng vẫn cần sự hỗ trợ từ người khác. - Nắm vững các kỹ thuật xử lý trong Java. - Xử lý ngoại các ngoại lệ. - Lập trình đa luồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm được các kiến thức về Java. Xây dựng được các ứng dụng có xử lý các ngoại lệ. Tuy nhiên cần sự hỗ trợ từ người khác 	<ul style="list-style-type: none"> Cần nhiều sự hỗ trợ từ người khác khi thực hiện công việc, chưa nắm kỹ các kiến thức về lập trình Java. 	<ul style="list-style-type: none"> Hầu như không có kiến thức về lập trình Java.

	<p>viên trong bát cú giao đoạn phát triển của dự án.</p> <p>- Đưa ra được các giải pháp tối ưu cho dự án.</p>	<p>Kỹ năng làm việc nhóm tốt.</p> <p>Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập</p>	<p>- Có kỹ năng làm việc nhóm tốt</p>			
	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Tài liệu học tập học phần “Thinking in Java” 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Cay S. Horstmann (2002). Core Java Volume I—Fundamentals. Prentice Hall • Bruce Eckel (2003). Thinking in Java, 3rd Edition. Prentice Hall 				
13. Tài liệu phục vụ học phần	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • Java tutorial: Learn Java Programming with examples [https://beginnersbook.com/java-tutorial-for-beginners-with-examples] [https://www.javatpoint.com/java-tutorial] [https://www.tutorialspoint.com/java/index.htm] • Java Programs – Java Programming Examples with Output [https://beginnersbook.com/2017/09/java-examples/] [https://www.programiz.com/java-programming/examples] 				
	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
	Bài 1: Giới thiệu ngôn ngữ lập trình Java	3	Đọc trước giáo trình Chương 1			
	Bài 2: Giới thiệu về lớp và đối tượng	9	Đọc trước giáo trình Chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu			
	Bài 3: Giao diện, kế thừa, đa hình	9	Đọc trước giáo trình Chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu			
	Bài 4: Xử lý ngoại lệ	9	Đọc trước giáo trình Chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu			
	Bài 5: Luồng và xử lý file	9	Đọc trước giáo trình Chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu			
	Bài 6: Cấu trúc dữ liệu trong Java	9	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu			
	Bài 7: Cấu trúc dữ liệu tập hợp (Collections)	9	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập được yêu cầu			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học						

	Bài 8: Lập trình đa luồng Thi giữa kỳ	12	Đọc trước giáo trình chương 8 Làm các bài tập được yêu cầu Thi giữa kỳ
	Bài 9: Tạo giao diện người sử dụng	12	Đọc trước giáo trình chương 9 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 10: Lập trình mạng với Java	9	Đọc trước giáo trình chương 10 Làm các bài tập được yêu cầu
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Nguyễn Hà Giang, giangnh@uef.edu.vn 2. ThS. Mai Trọng Khang, khangmt@uit.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hà Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Thị Kiên Giang

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Đinh Ánh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Đồ án Tên tiếng Anh: Course Project		
2. Mã học phần	ITE1459		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (0 , 3) TC , 3 tín chỉ đồ án		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	Giảng dạy hướng dẫn thực hiện đề tài - Sinh viên đọc tài liệu học tập do giảng viên hướng dẫn cung cấp - Sinh viên hoàn thành đồ án trong vòng 8 tuần Tương ứng các phương pháp: TLM9, TLM12, TLM15, TLM16		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Giải thích được các kiến thức về một chủ đề trong CNPM, HTTT, MMT&TT và ATTT	PLO3	3.0
G2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về lập trình, phân tích - thiết kế dữ liệu, mạng máy tính và an toàn thông tin để áp dụng vào đề tài ứng dụng cụ thể	PLO2	4.0
G3	Năng lực hướng dẫn, giám sát, tham gia cài đặt, triển khai hệ thống CNTT	PLO9	3.0
G4	Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên môn.	PLO4, PLO10	3.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu các kiến thức về chủ đề cụ thể trong CNPM, HTTT, MMT&TT và ATTT	I, T
G1.2	Giải thích được dưới góc độ chuyên môn CNPM, HTTT, MMT&TT và ATTT cho chủ đề cụ thể	I, T
G2.1	Áp dụng được kiến thức về CNPM để giải quyết vấn đề	T, U
G2.2	Áp dụng được kiến thức về HTTT để giải quyết vấn đề	T, U
G2.3	Áp dụng được kiến thức về MMT&TT để giải quyết vấn đề	T, U
G2.4	Áp dụng được kiến thức về ATTT để giải quyết vấn đề	T, U
G3.1	Khả năng hướng dẫn, giám sát thành viên tham gia trong đề tài	T, U
G3.2	Khả năng cài đặt và triển khai hệ thống CNTT	T, U
G4.1	Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên môn.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Hệ thống các kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết vấn đề cụ thể trong đồ án.

Rèn luyện kỹ năng thực hành và kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học để xây dựng dự án CNTT.

Rèn luyện tính tự chủ, tinh thần trách nhiệm trong công việc, và tính độc lập trong nghiên cứu.

11. Kế hoạch thực hiện đồ án

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Trong 02 tuần đầu tiên, sinh viên phải gấp giảng viên hướng dẫn để thông qua đề cương đồ án. Đề cương được phê duyệt (bản cứng) sinh viên cần lưu giữ để theo dõi thực hiện và được đóng vào báo cáo đồ án học phần (sau trang bìa) để nộp cho khoa	G1, G2,	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	A1, A2

3	Sinh viên nào chưa được duyệt đề cương sẽ bị hủy học phần Sinh viên bắt đầu khảo sát thực tế của đồ án Tìm tài liệu tham khảo	G1, G2, G3, G4	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	A1, A2
4, 5, 6, 7	Thực hiện nội dung đồ án Nền tảng lý thuyết Vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong đề tài	G1, G2, G3, G4	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	A1, A2
8	Hoàn tất báo cáo đồ án Hoàn tất phần demo/thực nghiệm Giảng viên đánh giá	G1, G2, G3, G4	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	A1, A2
TỔNG CỘNG:			8 tuần	

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần, chấm tiến độ hàng tuần về mức độ hoàn thành công việc: AM1	G1, G2, G3, G4	30%
	A2. Điểm thi cuối kỳ (70%)	A2.1 Chấm đồ án cuối kỳ, Khoa phân công thêm 1 GV khác cùng chấm với GVHD: AM6, AM7, AM8 Lấy trung bình cộng điểm của 02 GV	G1, G2, G3, G4	70%

Rubrics:

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
-----	----------	------	-----	------------	-----	-----

Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9
	Đạt mức Giỏi; Đề tài có tính đóng góp mới, có thể áp dụng trong thực tiễn.	Kiến thức nền tảng tốt, báo cáo thể hiện rõ phản lý thuyết mới, có thể áp dụng trong thực tiễn. và phản vận dụng lý thuyết trong bài toán thực tế. Bố cục nội dung rõ ràng, xúc tích.	Đồ án được trình bày có hệ thống, có phản tinh hiểu kỹ và phản vận dụng đê giải quyết vấn đề. Có tính thực tiễn, phản nội dung báo cáo rõ đầy đủ các yêu cầu	Đồ án cơ bản có phần tìm hiểu và phản áp dụng. Trình vận dụng để giải quyết vấn đề. Có tính thực tiễn, phản nội dung báo cáo rõ đầy đủ các yêu cầu	Đồ án làm ở mức sơ sài, chưa hình thành hệ thống, có bày báo cáo tương đối có hiểu cơ bản nhưng chưa có phản vận dụng. Báo cáo quá nhiều lỗi	Hoàn toàn không đạt yêu cầu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Kiên Trang

Huỳnh Thị Thu

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Thực tập tốt nghiệp Tên tiếng Anh: Graduate Internship
2. Mã học phần	ITE1360
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	3 (0 , 3) TC , 3 tín chỉ thực tập
5. Học phần trước	Không
6. Phương pháp giảng dạy	Giảng viên hướng dẫn và giám sát sinh viên trong quá trình đi thực tập. - Sinh viên thực tập dưới sự hướng dẫn của cán bộ doanh nghiệp, và thực tập tại doanh nghiệp (TLM7, TLM16)
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ Thông tin

8. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Kiến thức ngành CNTT thực tế tại doanh nghiệp	PLO3	3.0
G2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về lập trình, phân tích - thiết kế dữ liệu, mạng máy tính và an toàn thông tin để áp dụng vào công việc ở doanh nghiệp	PLO2	4.0
G3	Năng lực hướng dẫn, giám sát, tham gia cài đặt, triển khai hệ thống CNTT	PLO9	3.0
G4	Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên môn.	PLO6, PLO10	3.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu các kiến thức thực tế tại doanh nghiệp	I, T

G2.1	Áp dụng được kiến thức về CNPM để giải quyết vấn đề	T, U
G2.2	Áp dụng được kiến thức về HTTT để giải quyết vấn đề	T, U
G2.3	Áp dụng được kiến thức về MMT&TT để giải quyết vấn đề	T, U
G2.4	Áp dụng được kiến thức về ATTT để giải quyết vấn đề	T, U
G3.1	Khả năng hướng dẫn, giám sát thành viên tham gia trong đề tài	T, U
G3.2	Khả năng cài đặt và triển khai hệ thống CNTT	T, U
G4.1	Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên môn.	T, U

10. Mô tả nội dung học phần

Cũng có kiến thức lý thuyết đã được học trong nhà trường và vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế. Rèn luyện kỹ năng thực hành thông qua việc thực hiện các công việc thực tiễn mà cơ quan tiếp nhận giao cho sinh viên thực tập. Rèn luyện ý thức chấp hành kỷ luật lao động, thái độ giao tiếp với mọi người, phát huy tinh thần học tập, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề.

Thực tập tốt nghiệp (TTTN) giúp sinh viên cơ hội tìm hiểu hoạt động của doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bao gồm các hoạt động sản xuất phần mềm; quản trị hệ thống mạng máy tính; phân tích, thiết kế, vận hành và quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp; phân tích an toàn thông tin trong các hệ thống CNTT. Ngoài ra sinh viên cũng có cơ hội phát hiện những vấn đề thực tế cần phải giải quyết, cần phân tích sâu hơn, có thể làm đề tài cho Đề án tốt nghiệp.

Đo tính chất đặc thù của ngành, nội dung thực tập tốt nghiệp của sinh viên ngành CNTT gồm các loại như sau:

- Thực tập phát triển phần mềm, ứng dụng: sinh viên thực tập tham gia vào quá trình xây dựng hoặc phát triển các ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ sở thực tập.
- Thực tập thiết kế và xây dựng hệ thống thông tin
- Thực tập và cài đặt hệ cơ sở dữ liệu quản lý
- Nghiên cứu, tìm hiểu về công nghệ mạng máy tính: Công nghệ mạng LAN, WAN; quản trị mạng, thiết lập cấu hình Router, ADSL; bảo mật và an toàn mạng; nghiên cứu VPN; công nghệ mạng WIFI và WIMAX...
- Thực tập tìm hiểu công nghệ: sinh viên thực tập tìm hiểu một số vấn đề về công nghệ trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin: quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, sử dụng công cụ phần cứng, phần mềm...tại cơ sở thực tập.
- Thực tập nghiên cứu: sinh viên thực tập nghiên cứu theo đề tài, yêu cầu do bên cơ sở thực tập đề ra.

Lưu ý: Sinh viên phải thực tập ít nhất một trong những nội dung cụ thể như trên, tuy nhiên tùy theo

cơ sở thực tập, sinh viên có thể thực tập nhiều hơn một trong số những loại nội dung trên.

11. Kế hoạch thực hiện đồ án

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	<p>SV thực tập tốt nghiệp theo đề cương tại cơ sở thực tập.</p> <p>GV theo dõi phối hợp cùng với các cơ sở thực tập đã được phân công phụ trách để theo dõi, kiểm tra tình hình thực tập của sinh viên.</p> <p>Trong tuần đầu tiên mọi sai sót về thông tin sinh viên, đơn vị thực tập,...Sinh viên phải báo cáo cho giáo viên theo dõi và Khoa để được chỉnh sửa kịp thời.</p>	G1, G2,	<p>Dạy: GV hướng dẫn/ giám sát sinh viên khi thực tập.</p> <p>Cán bộ tại doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên thực tập</p> <p>Học: Theo hướng dẫn của cán bộ thực tập, xây dựng nội dung báo cáo thực tập</p>	A1, A2
3	<p>SV thực tập tốt nghiệp theo đề cương tại cơ sở thực tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV theo dõi phối hợp cùng với các cơ sở thực tập đã được phân công phụ trách để theo dõi, kiểm tra tình hình thực tập của sinh viên. - Trong tuần 4 và tuần 8, GV báo cáo tình hình thực tập của SV cho Khoa 	G1, G2, G3, G4	<p>Dạy: GV hướng dẫn/ giám sát sinh viên khi thực tập.</p> <p>Cán bộ tại doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên thực tập</p> <p>Học: Theo hướng dẫn của cán bộ thực tập, xây dựng nội dung báo cáo thực tập</p>	A1, A2
Từ 4 - 11	<ul style="list-style-type: none"> - SV thực tập tốt nghiệp theo đề cương tại cơ sở thực tập. - SV xin nhận xét của cơ sở thực tập (Giấy nhận xét theo mẫu qui định). 	G1, G2, G3, G4	<p>Dạy: GV hướng dẫn/ giám sát sinh viên khi thực tập.</p> <p>Cán bộ tại doanh nghiệp hướng dẫn</p>	A1, A2

	<ul style="list-style-type: none"> - SV viết báo cáo thực tập, trình giáo viên theo dõi xem và góp ý để được hoàn chỉnh. - GV kiểm tra, duyệt báo cáo thực tập cho SV 		<p>sinh viên thực tập</p> <p>Học: Theo hướng dẫn của cán bộ thực tập, xây dựng nội dung báo cáo thực tập</p>	
12	<ul style="list-style-type: none"> - SV nộp báo cáo thực tập cho Khoa CNTT - GV phụ trách theo dõi thực tập chấm điểm thực tập dựa trên nhận xét từ cơ sở thực tập 	G1, G2, G3, G4	<p>Dạy: GV hướng dẫn/ giám sát sinh viên khi thực tập.</p> <p>Cán bộ tại doanh nghiệp hướng dẫn sinh viên thực tập</p> <p>Học: Theo hướng dẫn của cán bộ thực tập, xây dựng nội dung báo cáo thực tập</p>	A1, A2
TỔNG CỘNG:		12 tuần		

12. Phương pháp đánh giá	<p>Tiêu chí:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tiêu chí đánh giá phía đơn vị nhận thực tập: tùy theo mức độ hoàn thành công việc được giao trong thời gian thực tập. - Tiêu chí đánh giá phía trường: thái độ về việc báo cáo, trao đổi thường xuyên với người hướng dẫn; mức độ nắm bắt về những nội dung đã được làm trong thời gian thực tập tại đơn vị; chất lượng trình bày báo cáo (cả hình thức và nội dung). <p>Cách tính điểm:</p> <p>Gồm 02 điểm thành phần được tính theo thang điểm 10 làm tròn đến một số lẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điểm quá trình thực tập (40%): Do giảng viên hướng dẫn đánh giá dựa trên cơ sở: Sinh viên tham dự đợt sinh hoạt cuối khóa, nhật ký thực tập, công việc thực hiện theo kế hoạch và tiến độ thực tập. - Điểm nội dung Báo cáo thực tập (60%): Cuối đợt thực tập, sinh viên nộp báo cáo thực tập về cho Khoa quản lý; Giảng viên hướng dẫn đánh giá dựa trên các tiêu chí theo từng ngành đào tạo mà Khoa quản lý đã công bố cho sinh viên và giảng viên. Điểm học phần thực tập tốt nghiệp là điểm trung bình có trọng số của các điểm thành phần làm tròn đến một số lẻ. <p>Điểm học phần thực tập tốt nghiệp được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa. Sinh viên bị điểm F/F+ phải đăng ký học lại học phần thực tập tốt nghiệp.</p>			
	Điểm thành phần	Bài đánh giá	CDR môn học	Tỷ lệ
	A1: Điểm sinh hoạt cuối khoá (10%)	AM1: đánh giá chuyên cần AM7: viết báo cáo	G1.1	10%
	A2: Điểm quá trình (20%)	AM1: đánh giá chuyên cần AM7: viết báo cáo	G1.1, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1	20%
	A3: Điểm thi cuối kỳ (70%)	AM10: báo cáo thực tập	G1.1, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1	70%

Rubrics:

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
-----	----------	------	-----	------------	-----	-----

Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Được doanh nghiệp đánh giá kiến thức kỹ năng và năng lực Xuất sắc. Báo cáo thực tập thể hiện rõ ràng nội dung thực tập. Thể hiện được các kiến thức, kỹ năng, và thái độ qua quá trình thực tập.	Được doanh nghiệp đánh giá kiến thức kỹ năng và năng lực Giới. Báo cáo thực tập thể hiện rõ ràng nội dung thực tập. Thể hiện được các kiến thức, kỹ năng, và thái độ qua quá trình thực tập.	Được doanh nghiệp đánh giá kiến thức kỹ năng và năng lực khá. Báo cáo thực tập thể hiện rõ ràng nội dung thực tập. Thể hiện được các kiến thức, kỹ năng, và thái độ qua quá trình thực tập.	Sinh viên đáp ứng cơ bản các yêu cầu trong quá trình thực tập. Sinh viên đáp ứng được nội dung thực tập.	Sinh viên có đi thực tập, chưa đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp GVHD.	Hoàn toàn không đạt yêu cầu. Doanh nghiệp không xác nhận hoàn thành quá trình thực tập.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Khiêm Trang

Nguyễn Minh Quân

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Khóa luận tốt nghiệp Tên tiếng Anh: Thesis		
2. Mã học phần	ITE1461		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	12 (0, 12) TC , 12 tín chỉ đồ án		
5. Học phần trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<p>Giảng dạy hướng dẫn thực hiện đề tài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên đọc tài liệu học tập do giảng viên hướng dẫn cung cấp - Sinh viên hoàn thành đồ án trong vòng 12 tuần <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Học nhóm (TLM15) + Nghiên cứu độc lập (TLM16) + Dự án nghiên cứu (TLM17) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ Thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Giải thích được các kiến thức về một chủ đề trong CNPM, HTTT, MMT&TT và ATTT	PLO3	4.0
G2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành về lập trình, phân tích - thiết kế dữ liệu, mạng máy tính và an toàn thông tin để áp dụng vào đề tài ứng dụng cụ thể	PLO2	4.0
G3	Năng lực hướng dẫn, giám sát, tham gia cài đặt, triển khai hệ thống CNTT	PLO9	4.0

G4	Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên môn.	PLO6, PLO10	4.0
----	---	-------------	-----

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu các kiến thức về chủ đề cụ thể trong CNPM, HTTT, MMT&TT và ATTT	I, T
G1.2	Giải thích được dưới góc độ chuyên môn CNPM, HTTT, MMT&TT và ATTT cho chủ đề cụ thể	I, T
G2.1	Áp dụng được kiến thức về CNPM để giải quyết vấn đề	T, U
G2.2	Áp dụng được kiến thức về HTTT để giải quyết vấn đề	T, U
G2.3	Áp dụng được kiến thức về MMT&TT để giải quyết vấn đề	T, U
G2.4	Áp dụng được kiến thức về ATTT để giải quyết vấn đề	T, U
G3.1	Khả năng hướng dẫn, giám sát thành viên tham gia trong đề tài	T, U
G3.2	Khả năng cài đặt và triển khai hệ thống CNTT	T, U
G4.1	Có khả năng tự định hướng, lập kế hoạch, điều phối các nguồn lực, đánh giá và đưa ra kết luận chuyên môn.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Hệ thống các kiến thức đã học và áp dụng để giải quyết vấn đề cụ thể trong đồ án.

Rèn luyện kỹ năng thực hành và kỹ năng tổng hợp kiến thức đã học để xây dựng dự án CNTT.

Rèn luyện tính tự chủ, tinh thần trách nhiệm trong công việc, và tính độc lập trong nghiên cứu.

Sinh viên vận dụng kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành đã học để xây dựng một đồ án như: xây dựng phần mềm quản lý, xây dựng các ứng dụng trên nền web, xây dựng website, xây dựng các ứng dụng phục vụ cho kiểm thử phần mềm, thiết kế hệ thống mạng, thiết kế hệ thống an toàn thông tin, thiết kế và xây dựng hệ thống quản lý thông tin cho doanh nghiệp.

11. Kế hoạch thực hiện đồ án

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Trong 02 tuần đầu tiên, sinh viên phải gấp giảng viên hướng dẫn để	G1, G2,	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án	A1, A2

	thông qua đề cương đồ án. Đề cương được phê duyệt (bản cứng) sinh viên cần lưu giữ để theo dõi thực hiện và được đóng vào báo cáo khóa luận tốt nghiệp (sau trang bìa) để nộp cho khoa		Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	
3	Sinh viên nào chưa được duyệt đề cương sẽ bị hủy học phần Sinh viên bắt đầu khảo sát thực tế của đồ án Tìm tài liệu tham khảo	G1, G2, G3, G4	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	A1, A2
Tùy 4 - 11	Thực hiện nội dung khóa luận Nền tảng lý thuyết Vận dụng lý thuyết để giải quyết vấn đề trong khóa luận	G1, G2, G3, G4	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	A1, A2
12	Hoàn tất báo cáo khóa luận Hoàn tất phần demo/thực nghiệm	G1, G2, G3, G4	Dạy: GV hướng dẫn sinh viên làm đồ án Học: Theo hướng dẫn của GVHD, tìm tài liệu, phân tích, xây dựng nội dung đề tài và báo cáo	A1, A2
TỔNG CỘNG:		12 tuần		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	AM1: Chuyên cần, chấm tiến độ hàng tuần về mức độ hoàn thành công việc.		
		CĐR môn học (Gx.x)		
		G1, G2, G3, G4		30%

	A2. Điểm thi cuối kỳ (70%)	AM10: Chấm chuyên đề/ khoá luận Khoa sẽ phân công giảng viên phản biện đề tài, sinh viên sẽ trình bày trước hội đồng đánh giá. Hội đồng đánh giá gồm chủ tịch hội đồng, giảng viên hướng dẫn và giảng viên phản biện. Điểm khóa luận tốt nghiệp là điểm trung bình cộng của các thành viên trong hội đồng.	G1, G2, G3, G4	70%
--	-------------------------------	---	-------------------	-----

Rubrics:

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Đạt mức Giỏi; Đề tài có tính đóng góp mới, có thể áp dụng trong thực tiễn.	Kiến thức nền tảng tốt, bao cát thể hiện rõ phần lý thuyết và phản vận dụng lý thuyết trong bài toán thực tế. Bố cục nội dung rõ ràng, xúc tích.	Đồ án được trình bày có hệ thống, có kỹ và phản vận dụng đẽ giải quyết vấn đề. Có tính thực tiễn, phản nội dung báo cáo rõ đầy đủ các yêu cầu	Đồ án cơ bản có phần tìm hiểu và phản áp dụng. Trình bày báo cáo tương đối có hiểu cơ bản nhưng chưa còn nhiều lỗi trong báo dụng. Báo cáo quá nhiều lỗi	Đồ án làm ở mức sơ sài, chưa hình thành hệ thống, có phản tìm hiểu cơ bản nhưng chưa còn nhiều lỗi trong báo dụng. Báo cáo quá nhiều lỗi	Hoàn toàn không đạt yêu cầu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

MalaummChNguyễn Hà GiangVăn Thị Khảm TrangNgô Văn Công Bằng

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Công nghệ phần mềm nâng cao Tên tiếng Anh: Advanced Software Engineering		
2. Mã học phần	ITE1133E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 95 tiết		
5. Học phần học trước	Công nghệ phần mềm - ITE1125E		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Làm bài tập, thảo luận trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng máy. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng. - Yêu cầu hoàn thành đồ án môn học trong vòng 6 tuần - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Phát triển tiếp những hiểu biết về khái niệm và phương pháp để xây dựng một hệ thống phần mềm lớn.	PLO5	3.0
G2	Tiếp cận được tư duy phát triển phần mềm một cách chuyên nghiệp	PLO3	4.0
G3	Nắm được một số phương pháp, quy trình và công cụ hiện đại cho phát triển phần mềm	PLO3	4.0
G4	Nắm các phương pháp đảm bảo chất lượng phần mềm	PLO3	4.0
G5	Tiếp thu công nghệ, học và vận dụng các công nghệ mới, phổ biến để cài đặt giải pháp	PLO10	4.0

G6	Sử dụng kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	PLO7	4.0	
9. Chuẩn đầu ra của học phần				
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)		
G1.1	Phát triển tiếp những hiểu biết về khái niệm và phương pháp để xây dựng một hệ thống phần mềm lớn.	T,U		
G2.1	Tiếp cận được tư duy phát triển phần mềm một cách chuyên nghiệp	I,U		
G2.2	Cách xác định, phân tích và đặc tả yêu cầu phần mềm	T,U		
G3.1	Nắm được một số phương pháp, quy trình và công cụ hiện đại cho phát triển phần mềm	T,U		
G4.1	Thảo luận các phương pháp đảo bảo chất lượng phần mềm	TU		
G5.1	Tiếp thu công nghệ, học và vận dụng các công nghệ mới, phổ biến để cài đặt giải pháp	TU		
G6.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình	U		
G6.2	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm	U		
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần				
Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:				
<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp các kiến thức cơ sở liên quan đến các đối tượng chính yếu trong lĩnh vực công nghệ phần mềm. Hiểu về hoạt động xây dựng phần mềm một cách có hệ thống, có phương pháp . Trang bị phương pháp luận bài bản cho việc xây dựng phần mềm theo các tiêu chuẩn được áp dụng trong trên các công ty phần mềm như: CMMI (phiên bản cụ thể hóa cho hoạt động sản xuất phần mềm). Cung cấp một số kinh nghiệm, bài học thực tế trong việc xây dựng phần mềm 				
11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy				
LÝ THUYẾT:				
Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2	Bài 1: Tiến trình phần mềm 1.1 Khái niệm tiến trình phần mềm. 1.2 Sự trưởng thành phần mềm. 1.3 Các tiếp cận cải tiến tiến trình. 1.4 Quá trình phần mềm (software process) 1.5 Giới thiệu mô hình CMMI	G1.1 G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
3,4,5	Bài 2: Các độ đo phần mềm 2.1 Khái niệm về độ đo phần mềm	G2.1 G2.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu	A1.1 A1.2

	2.2 Phân loại các độ đo phần mềm 2.3 Đo các thuộc tính của sản phẩm phần mềm 2.4 Đo độ lớn của phần mềm	G6.2	hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	
6,7,8	Bài 3: Ước lượng giá phần mềm 3.1 Giới thiệu ước lượng giá phần mềm 3.2 Giá đề án và giá gia công phần mềm 3.3 Các kỹ thuật ước lượng giá 3.4 Một số mô hình tính giá phần mềm	G2.2 G3.1 G3.2 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
9,10,11,12	Bài 4: Quản lý chất lượng phần mềm 4.1 Giới thiệu chung về chất lượng phần mềm 4.2 Các đặc trưng của chất lượng phần mềm 4.3 Các hoạt động quản lý chất lượng phần mềm 4.4 Các tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng phần mềm 4.5 Hoạch định quản lý chất lượng	G2.2 G3.1 G3.2 G6.1 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi Thi giữa kỳ	A1.1 A1.2 A2
13,14,15	Bài 5: Quản lý cấu hình phần mềm 5.1 Tổng quan về cấu hình phần mềm. 5.2 Hoạch định quản lý cấu hình. 5.3 Quản lý sự thay đổi phần mềm. 5.4 Quản lý phiên bản 5.5 Tích hợp hệ thống từ các thành tố	G3.1 G3.2 G6.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CĐR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2		G1,G3, G4 G2.2 ,G3.1 G4.1 ,G5.1
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra tự luận: AM4		G2.1, G3.1 G4.1, G5.1 G6.1, G6.2
	A3. Điểm	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7		G1.1 G2.1
				50%

	thi cuối kỳ (50%)	(kết hợp AM8, AM3 nếu có)	G3.1 G4.1 G5.1 G6.1, G6.2	
--	----------------------	---------------------------	---------------------------------	--

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập - Có khả năng đánh giá năng lực của thành viên - Hiểu sâu về mô hình, phương pháp, quy trình và hỗ trợ các thành viên trong bất cứ giao đoạn phát triển của dự án. - Đưa ra được các giải pháp tối ưu cho dự án. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng thiết kế, viết mã và tests. - Chính sửa tài liệu và các chương trình phức tạp dựa trên yêu cầu phần mềm. Sử dụng các công cụ, phương pháp theo tiêu chuẩn đã thống nhất. Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập 	<ul style="list-style-type: none"> -Có khả năng thực hiện kỹ năng độc lập, không cần sự hỗ trợ nhiều. Nhưng vẫn cần sự hỗ trợ từ người khác. - Lựa chọn phù hợp các phương pháp và quy trình theo từng dự án. Tối ưu hóa chi phí dự án ở mức cơ bản 	<ul style="list-style-type: none"> Nắm vững các phương pháp và áp dụng được một số phương pháp ở mức trung bình. Có sự tìm hiểu và so sánh các phương pháp và quy trình ở mức độ cơ bản Tuy nhiên cần sự hỗ trợ nhiều từ thầy cô và bạn bè. 	<p>Cơ bản hiểu được các phương pháp và áp dụng được ở mức cơ bản.</p> <p>Tuy nhiên cần sự hỗ trợ nhiều từ thầy cô và bạn bè.</p>	<p>Hầu như không có kiến thức về môn công nghệ phần mềm</p>
13. Tài liệu phục vụ học phần	<p>Tài liệu/giáo trình chính</p> <p>Tài liệu tham khảo/bổ sung</p> <p>Trang Web/CDs tham khảo</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Tài liệu học tập học phần “Software Engineering - A Practitioner's Approach (Eighth Edition)”. • Derek Partridge (1998). Artificial Intelligence and Software Engineering - Understanding the Promise of the Future. Intellect Ltd • Fernando Brito e Abreu (2003) Quantitative approaches in object-oriented software engineering. Kogan Page Science • Software Engineering [https://www.guru99.com/what-is-software-engineering.html] [https://www.geeksforgeeks.org/software-engineering/] • Software Engineering Tutorial [https://www.tutorialspoint.com/software_engineering/index.htm] 				

		<ul style="list-style-type: none"> ◦ Software Engineering Tutorial [https://www.tutorialspoint.com/software_engineering/index.htm] [https://www.tutorialride.com/software-engineering/software-engineering-tutorial.htm] 	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Tiến trình phần mềm	10	Đọc trước giáo trình Chương 1 Làm các bài tập chương 1
	Bài 2: Các độ đo phần mềm	20	Đọc trước giáo trình Chương 2 Làm các bài tập chương 2
	Bài 3: Ước lượng giá phần mềm	25	Đọc trước giáo trình Chương 3 Làm các bài tập chương 3
	Bài 4: Quản lý chất lượng phần mềm	25	Đọc trước giáo trình Chương 4 Làm các bài tập chương 4
	Bài 5: Quản lý cấu hình phần mềm	15	Đọc trước giáo trình Chương 5 Làm các bài tập chương 5
	Tổng số tiết tự học	95	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Nguyễn Hà Giang, giangnh@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc, trucntt@uit.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trang

Nguyễn Hà Giang

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Quản trị dự án phần mềm Tên tiếng Anh: Software Project Management
2. Mã học phần	ITE1140E
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC 45 tiết lý thuyết, 120 tiết tự học.
5. Học phần học trước	ITE1133E - Công nghệ phần mềm nâng cao
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Các phương pháp giảng dạy được áp dụng: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20).
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin

8. Mục tiêu của học phần

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTDT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức về quản trị dự án phần mềm.	PLO3, PLO7	3.0
G2	Kỹ năng xây dựng được mô hình quản lý dự án phần mềm phù hợp cho một dự án thực tế.	PLO5	4.0
G3	Có ý thức quản lý một dự án phần mềm theo các lĩnh vực tri thức quản lý dự án, các giai đoạn phát triển của dự án và khung kế hoạch quản lý dự án phần mềm.	PLO10	3.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu về tầm quan trọng của quản lý dự án phần mềm	I
G1.2	Hiểu tác vụ quản trị dự án, các tiến trình/hoạt động quản lý cần có trong quản lý một dự án.	T, U

G1.3	Hiểu các khái niệm lập dự toán, ước lượng và lập kế hoạch	T, U
G2.1	Xây dựng/phát triển được mô hình quản lý dự án phần mềm phù hợp cho một dự án thực tế.	T, U
G2.2	Sử dụng công cụ để quản lý cho một dự án phần mềm cụ thể.	T, U
G3.1	Có ý thức quản lý một dự án phần mềm theo các lĩnh vực tri thức quản lý dự án, các giai đoạn phát triển của dự án và khung kế hoạch quản lý dự án phần mềm.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học này nhằm cung cấp cho các sinh viên các kiến thức liên quan đến việc quản trị các dự án phần mềm như quản lý tác vụ, quy trình, chi phí, thời gian, nhân sự, rủi ro,... Đồng thời cung cấp một số phương pháp, các phần mềm hỗ trợ quản lý các dự án phần mềm.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Giới thiệu Tổng quan 1.1 Ôn lại về quy trình RUP, các công đoạn / nhóm tác vụ cốt lõi của quá trình sản xuất phần mềm 1.2 Vai trò của công tác quản lý dự án 1.3 Mục tiêu của công tác quản lý dự án 1.4 Các điều kiện cần thiết cho công tác quản lý dự án	G1.1, G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.	A1, A2, A3
2, 3	Bài 2: Các nhóm tác vụ trong quản trị dự án phần mềm thực tế 2.1 Nhóm 1: xây dựng kế hoạch thực hiện dự án 2.2 Nhóm 2: theo dõi, kiểm soát công việc hiện thực trong thực tế và hiệu chỉnh kế hoạch tương ứng 2.3 Nhóm 3: báo cáo thống kê số liệu công việc 2.4 Nhóm 4: quản lý và phát triển con người 2.5 Nhóm 5: đảm bảo quy trình và chất lượng dự án; quản lý cấu hình	G1.2, G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.	A1, A2, A3
4	Bài 3: Quy trình trong dự án	G1.2,	Dạy: Thuyết giảng,	A1, A2, A3

	<p>7.1 Các vấn đề trong quản lý con người / nhóm trong dự án</p> <p>7.2 Các vấn đề trong phát triển con người/ nhóm trong dự án</p> <p>7.3 Các vấn đề trong nhận xét – đánh giá con người / nhóm trong dự án</p> <p>7.4 Giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan dự án</p> <p>7.5 Rủi ro và các vấn đề liên quan dự án</p> <p>7.6 Phương pháp tổ chức nhóm (dạng theo chức năng, phân cấp, hỗn hợp)</p>	G3.1	<p>cho ví dụ, đặt câu hỏi.</p> <p>Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.</p>	
12	<p>Bài 8: Quản lý rủi ro</p> <p>8.1 Quy trình và phương pháp quản lý rủi ro</p> <p>8.2 Các ví dụ điển hình (case study)</p> <p>8.3 Các rủi ro trong công nghệ phần mềm</p>	G1.1, G2.1, G3.1	<p>Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi.</p> <p>Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.</p>	A1, A2, A3
13	<p>Bài 9: Theo dõi và kiểm soát của dự án</p> <p>9.1 Quản lý các số liệu dự án (phạm vi của yêu cầu, thời gian thực hiện, chi phí, chất lượng, phạm vi thực hiện, rủi ro)</p> <p>9.2 Xây dựng các báo cáo dự án (chi tiết giờ công đã làm, việc kiểm soát dự án, chi phí thu/chi (tuần) các phần chưa thực hiện/chậm trễ/ngưng trệ với số liệu chi tiết, tình hình tổng quát dự án, ...)</p>	G1.2, G2.1, G3.1	<p>Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi.</p> <p>Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.</p>	A1, A2, A3
14	<p>Bài 10: Quản lý chất lượng</p> <p>10.1 Xây dựng mục tiêu chất lượng</p> <p>10.2 Các tác vụ thực hiện</p> <p>10.3 Kế hoạch phòng chống lỗi</p>	G1.2, G2.1, G3.1	<p>Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi.</p> <p>Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ</p>	A1, A2, A3

	3.1 Các hạng mục quản lý 3.2 Chu trình phát triển dự án đơn 3. 3 Chu trình phát triển dự án phức hợp 3.4 Các quy trình con trong quản lý	G2.1, G2.2, G3.1	cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.	
5, 6	Bài 4: Lập dự toán dự án và ước lượng kích thước dự án 4.1 Dự toán phần mềm và phương pháp giải quyết 4.2 Tổng quan về phân rã và các phương pháp ước lượng kích thước / độ lớn phần mềm 4.3 Phương pháp ước lượng FPA Function Point Analysis 4.4 Lập dự toán dự án chi tiết 4.5 Xây dựng kế hoạch nhân sự cho dự toán	G1.2, G1.3, G2.1, G2.2, G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.	A1, A2, A3
7, 8	Bài 5: Xây dựng thời biểu thực hiện dự án 5.1 Các điều kiện ràng buộc 5.2 Kỹ thuật xây dựng thời biểu 5.3 Tối ưu kế hoạch với phương pháp con đường nguy hiểm (CPM) 5.4 Sơ đồ PERT, đường gantt và phương pháp tối ưu kế hoạch với chi phí tối thiểu 5.5 Sơ đồ mạng Sơ đồ GANT và Microsoft Project	G2.1, G2.2, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.	A1, A2, A3
9, 10	Bài 6: Xây dựng kế hoạch dự án 6.1 Kế hoạch kiểm tra chương trình 6.2 Kế hoạch nghiệm thu chương trình 6.3 Kế hoạch phát triển dự án phần mềm 6.4 Kế hoạch huấn luyện kỹ thuật 6.5 Kế hoạch phối hợp làm việc với các bộ phận khác 6.6 Kế hoạch quản lý tài nguyên Kiểm tra tự luận	G1.2, G2.1, G2.1, G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.	A1, A2, A3
11	Bài 7: Quản lý con người/nhóm	G1.2,	Dạy: Thuyết giảng,	A1, A2, A3

			án môn học.	
15	Bài 11: Quản lý cấu hình 11. 1 Phiên bản phần mềm và quản lý phiên bản 11. 2 Các hoạt động trong quản lý cấu hình 11.3 Phần mềm quản lý cấu hình Nguồn mở cho quản lý cấu hình	G1.2, G2.1, G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà. Làm đồ án môn học.	A1, A2, A3
TỔNG CỘNG:		45 tiết		

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2	G1, G3 G1, G2, G3	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra tự luận: AM4		20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM8, AM3 nếu có)	G1, G2, G3	50%

Rubrics

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9

	Gồm những khả năng của mức Giới. Phân tích và đánh giá được các vấn đề trong dự án phần mềm ở mức độ tương đối. Có khả năng tham gia vào dự án phần mềm thực tế.	Hiểu biết và giải thích được toàn bộ quy trình trong quản lý dự án phần mềm. Có khả năng xây dựng được mô hình quản lý dự án PM cho dự án thực tế. Sử dụng các công cụ quản lý dự án thành thạo	Hiểu biết và giải thích được toàn bộ quy trình trong quản lý dự án phần mềm. Có khả năng xây dựng được mô hình quản lý dự án PM cho dự án nhỏ. Sử dụng các công cụ quản lý dự án	Hiểu được tầm quan trọng, các tác vụ cơ bản, quy trình phát triển phần mềm. Sử dụng được các công cụ quản lý dự án. Có khả năng quản lý dự án phần mềm đơn giản	Kiến thức rất hạn chế về quản trị dự án phần mềm	Hầu như không có kiến thức về quản trị dự án phần mềm
--	--	---	--	---	--	---

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Roger Pressman, Bruce Maxim (2014). <i>Software Engineering: A Practitioner's Approach</i>. 8th Edition. McGraw-Hill. 			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Project Management Institute (2000). <i>A Guide to the Project Management Body of Knowledge</i>, 5th edition. Project Management Institute. • George Stepanek (2005). Software project secrets : Why software projects fail. Apress • Pankaj Jalote (2002). Software project management in practice. Addison-Wesley • Teresa Luckey, Joseph Phillips (2006). Software project management for dummies. Wiley 			
	Trang Web/ CDs tham khảo	https://www.tutorialspoint.com/software_engineering/			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		
	Bài 1: Giới thiệu tổng quan về quản lý dự án	12	Đọc và ôn lại các nội dung của môn CNPM nâng cao. Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part One: The Software Process Chapter 3: Software Process		

			Structure Chapter 4: Process Models Chapter 5: Agile Development Chapter 6: Human Aspects of Software Engineering
Bài 2: Các nhóm tác vụ trong quản trị dự án phần mềm thực tế	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software Project Chapter 31: Project Management Concepts
Bài 3: Quy trình trong dự án	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software Project Chapter 32: Process and Project Metrics
Bài 4: Lập dự toán dự án và ước lượng kích thước dự án	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software Project Chapter 33: Estimation for Software Project
Bài 5: Xây dựng thời biểu thực hiện dự án	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software Project Chapter 34: Project Scheduling
Bài 6: Xây dựng kế hoạch dự án	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software

			Project Chapter 34: Project Scheduling
Bài 7: Quản lý con người/nhóm	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software Project Chapter 35: Risk Management
Bài 8: Quản lý rủi ro	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software Project Chapter 35: Risk Management
Bài 9: Theo dõi và kiểm soát dự án	12		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part Four: Managing Software Project Chapter 36: Maintenance and Reengineering
Bài 10: Quản lý chất lượng	6		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part three Quality Management Chapter 19 Quality Concepts Chapter 20 Review Techniques Chapter 21 Software Quality Assurance
Bài 11: Quản lý cấu hình	6		Đọc trong giáo trình <i>Software Engineering - A Practitioner's Approach</i> , Eighth Edition. Roger S.Pressman Part three Quality Management Chapter 29 Software Configuration Management
Tổng số tiết tự học	120		

15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Đình Ánh, nd.anh@hutech.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc, trucntt@uit.edu.vn
---	--

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Ualleau

Nguyễn Hà Giang

mm
Võ Thị Phiên Trung

A
Nguyễn Đình Ánh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Kiểm chứng chất lượng phần mềm Tên tiếng Anh: Software Testing		
2. Mã học phần	ITE1231E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0 Tự học, tự nghiên cứu: 95 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1125 - Công nghệ phần mềm		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Làm bài tập, thảo luận trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng máy. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng. - Yêu cầu hoàn thành đồ án môn học trong vòng 6 tuần - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức về kiểm thử phần mềm, qui trình kiểm thử phần mềm	PLO3	3.0
G2	Khả năng thiết kế, cài đặt và đánh giá kiểm thử phần mềm	PLO3	4.0
G3	Khả năng sử dụng công cụ quản lý lỗi và công cụ hỗ trợ kiểm thử tự động	PLO3	4.0
G4	Sử dụng kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	PLO7, PLO10	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Trình bày được các thuật ngữ, các khái niệm căn bản trong kiểm thử phần mềm.	T,U
G1.2	Nêu được các phương pháp, các kiểu kiểm thử và cách áp dụng để kiểm thử một phần mềm. Trình bày được các kỹ thuật cơ bản để thiết kế Test case	T,U
G1.3	Hiểu được khái niệm lỗi phần mềm (software error) và một số nguyên nhân chính dẫn tới lỗi phần mềm. Trình bày được kỹ thuật báo cáo lỗi : sinh lại lỗi, phân tích, báo cáo	T,U
G2.1	Thiết kế bộ testcase phù hợp cho từng yêu cầu kiểm thử (test requirement) cụ thể	T,U
G2.2	Thực thi kiểm thử (execute test) và phát hiện lỗi. Sinh lại lỗi, phân tích và báo cáo lỗi	T,U
G3.1	Sử dụng công cụ quản lý lỗi (Bug management systems) thông dụng: Bugzilla, JIRA	I,T,U
G3.2	Sử dụng một số công cụ hỗ trợ kiểm thử tự động: Quick Test Pro, Selenium, Robotium, Auto IT	T,U
G4.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình	U
G4.2	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về kiểm thử phần mềm, các qui trình kiểm thử phần mềm và các kỹ thuật cơ bản trong thiết kế và cài đặt kiểm thử.
- Giúp sinh viên có khả năng tiến hành thiết kế, kiểm thử và đánh giá hiệu quả kiểm thử một phần mềm cụ thể trong thực tế.
- Ngoài ra, học phần này cũng cung cấp sự hiểu biết và cách sử dụng một số công cụ hỗ trợ quản lý lỗi, một số công cụ hỗ trợ kiểm thử tự động.
- Bên cạnh đó, sinh viên được làm việc trong các nhóm và thuyết trình các vấn đề nâng cao sử dụng các phương tiện trình chiếu.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Bài 1: Tổng quan về kiểm thử phần mềm 1.1 Một số vấn đề thường gặp trong phát triển phần mềm	G1.1 G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính	A1.1 A1.2

	1.2 Mục đích của kiểm thử phần mềm 1.3 Quy trình kiểm thử phần mềm 1.4 Các khái niệm cơ bản trong kiểm thử phần mềm		Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	
3	Bài 2: Kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm (tiếp theo) 2.1 Quy trình phát triển phần mềm 2.2 Các phương pháp kiểm thử 2.3 Các kỹ thuật kiểm thử 2.4 Các mức độ kiểm thử	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
4, 5	Bài 3: Thiết kế trường hợp kiểm thử 3.1. Mục đích của việc thiết kế trường hợp kiểm thử 3.2. Quy trình thiết kế trường hợp kiểm thử 3.3. Các phương pháp thiết kế trường hợp kiểm thử	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
6	Bài 4: Các công cụ hỗ trợ kiểm thử 4.1 Các công cụ kiểm thử cơ bản 4.2 Các công cụ kiểm thử tự động	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
7	Bài 5: Kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử 5.1 Mục tiêu của kế hoạch kiểm thử. 5.2 Kế hoạch kiểm thử. Thi giữa kì	G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2 A2
8	Bài 5: Kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử (tiếp theo) 5.3 Tài liệu kiểm thử. 5.4 Đánh giá chất lượng kiểm thử	G2.1 G3.1 G4.1 G4.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
9	Bài 6: Kiểm thử trong thực tiễn và đảm bảo chất lượng phần mềm 6.1 Các dự án kiểm thử thực tế 6.2 Nhu cầu thực tiễn của kiểm thử. 6.3 Chất lượng phần mềm phụ thuộc vào kiểm thử	G2.1 G3.1 G4.1 G4.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2

10	Bài 7: Kỹ thuật thiết kế Test case-Whitebox 7.1 Kiểm thử luồng điều khiển 7.2 Kiểm thử luồng dữ liệu 7.3 Kiểm thử dựa trên mô hình	G2.1 G3.1 G4.1 G4.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
11, 12	Bài 8: Kiểm thử tích hợp 8.1 Giới thiệu 8.2 Các loại giao diện và lỗi giao 8.3 Tích hợp dựa trên cấu trúc mô-đun 8.4 Tích hợp dựa trên đồ thị gọi hàm	G2.1 G3.1 G4.1 G4.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
13	Bài 9: Lỗi là gì, quản lý lỗi 9.1 Lỗi là gì? Quản lý lỗi như thế nào? 9.2 Các công cụ quản lý lỗi 9.3 Báo cáo test. Các phép đo cơ bản trong hoạt động kiểm thử	G2.1 G3.1 G4.1 G4.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
14	Bài 10: Kiểm thử trong nghiên cứu 10.1 Các nghiên cứu nâng cao chất lượng kiểm thử 10.2 Nghiên cứu và kết hợp các mô hình kiểm thử	G3.1 G4.1 G4.2	Dạy: cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: trả lời câu hỏi, thực hành trên máy	A1.1 A1.2
15	Ôn tập và giải đáp thắc mắc			A1.1 A1.2

TỔNG CỘNG:**45 tiết**

Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1.1 Chuyên cần: AM1	A1.2 Bài tập: AM2		
12. Phương pháp đánh giá	A1.2 Bài tập: AM2		G2.1, G3.1, G4.1, G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra tự luận: AM4	G2.1, G3.1, G4.1, G4.2, G3	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM8, AM3 nếu có)	G1.1, G2.1 G3, G4	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9

		<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập - Có năng lực tiếp thu công nghệ, khai thác, sử dụng công cụ hỗ trợ kiểm thử - Có năng lực vận hành hệ thống, kiểm tra hệ thống với những đầu vào để gây lỗi 	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực thực thi giải pháp, biết phân tích mã nguồn ở mức cơ bản - Có năng lực thiết kế ca kiểm thử đúng và những ca kiểm thử sai để phát hiện lỗi phần mềm - Có năng lực phân tích yêu cầu, tính chất của đưa vào và đầu ra của phần mềm - Có năng lực phân tích yêu cầu, tính chất của đưa vào và đầu ra của phần mềm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực thiết kế ca kiểm thử đúng và những ca kiểm thử sai để phát hiện lỗi phần mềm. - Có năng lực phân tích yêu cầu, tính chất của đưa vào và đầu ra của phần mềm. - Nắm các khái niệm cơ bản của kiểm thử 	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu các khái niệm chung về quy trình phát triển phần mềm, các kỹ thuật xây dựng một hệ thống phần mềm có chất lượng 	<ul style="list-style-type: none"> - Hầu như không nắm được các phương pháp và các khái niệm kiểm thử
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Dorothy Graham, Erik van Veenendaal, Isabel Evans, Rex Black (2006). Foundation of Software testing ISTQB Certification. Thomson. 	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Glenford J. Myers (2004). The art of software testing. John Wiley & Sons. Rätszmann, Manfred, Young, Clinton De (2002). Software Testing and Internationalization. Galileo Press GmbH Testing .NET application Blocks. Microsoft Cor (2005). 	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> Software Testing Tutorial [https://www.tutorialspoint.com/software_testing/index.htm] [https://www.guru99.com/software-testing.html] [https://www.javatpoint.com/software-testing-tutorial] Software Testing Process [https://www.testbytes.net/blog/software-testing-process/] Software Testing - Quick Guide [https://www.tutorialspoint.com/software_testing/software_testing_quick_guide.htm]
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
	Tổng quan về kiểm thử phần mềm	9	Đọc trước giáo trình Chương 1			
	Bài 2: Kiểm thử trong quy trình phát triển phần mềm	12	Đọc trước giáo trình Chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu			
	Bài 3: Thiết kế trường hợp kiểm thử	20	Đọc trước giáo trình Chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu			

	Bài 4: Các công cụ hỗ trợ kiểm thử	15	Đọc trước giáo trình Chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 5: Kế hoạch kiểm thử và tài liệu kiểm thử	15	Đọc trước giáo trình Chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 6: Kiểm thử trong thực tiễn và đảm bảo chất lượng phần mềm	15	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 7: Kiểm thử trong nghiên cứu	9	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập được yêu cầu
	Tổng số tiết tự học	95 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc, trucntt@uit.edu.vn 2. KS. Hoàng Văn Hiếu, hieuhv@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 09 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Khanh Trang

Hoàng Văn Hiếu

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Kiến trúc phần mềm Tên tiếng Anh: Software Architecture		
2. Mã học phần	ITE1166E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 95 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Làm bài tập, thảo luận trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng máy. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng. - Yêu cầu hoàn thành đồ án môn học trong vòng 6 tuần - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Hiểu tầm quan trọng của kiến trúc phần mềm	PLO3	3.0
G2	Hiểu được các qui trình kiến trúc phần mềm	PLO3	4.0
G3	Vận dụng được kiến trúc và kỹ thuật xử lý tầng nghiệp vụ.	PLO3	4.0
G4	Thực hiện tài liệu hóa một kiến trúc phần mềm.	PLO3	4.0
G5	Vận dụng các mẫu thiết kế được vào các tình huống trong quá trình lập trình	PLO3	4.0

G6	Thiết kế và hiện thực một ứng dụng cụ thể.	PLO3	4.0
G7	Sử dụng kỹ năng thuyết trình, làm việc nhóm	PLO10	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được nhu cầu cần phải có kiến trúc của phần mềm Hiểu được định nghĩa về kiến trúc phần mềm	T,U
G1.2	Hiểu được các chỉ tiêu chất lượng phần mềm	T,U
G2.1	Hiểu được qui trình kiến trúc phần mềm	T,U
G3.1	Vận dụng được kiến trúc và kỹ thuật xử lý tầng nghiệp vụ	I,T,U
G3.2	Hiểu được kiến trúc và công nghệ hướng dịch vụ	T,U
G3.3	Hiểu được các kỹ thuật nâng cao của kiến trúc Middleware	T,U
G4.1	Thực hiện tài liệu hóa được cho một kiến trúc phần mềm	T,U
G5.1	Hiểu và vận dụng được Các mẫu thiết kế	T,U
G6.1	Thiết kế và hiện thực một ứng dụng cụ thể	T,U
G7.1	Sử dụng kỹ năng thuyết trình	U
G7.2	Sử dụng kỹ năng làm việc nhóm	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Môn học giới thiệu các khái niệm và cơ sở lý thuyết của kiến trúc phần mềm.
- Dựa trên đó, các khía cạnh của kiến trúc phần mềm được giới thiệu ở cả góc độ lý thuyết, nền tảng, và thực tiễn.
- Môn học cũng nêu các phương pháp xây dựng, viết tài liệu, đánh giá kiến trúc phần mềm, tầm quan trọng của kiến trúc trong việc đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu phi chức năng của hệ thống.
- Tiếp đó phần ứng dụng hệ thống lại các kiến trúc kinh điển và một số kiến trúc hiện đại, ưu nhược điểm của từng phương pháp và với những yêu cầu, tình huống nào thì nên chọn mẫu kiến trúc nào cho phù hợp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

1	Bài 1: Giới thiệu về kiến trúc phần mềm 1.1 Giới thiệu về kiến trúc phần mềm 1.2 Định nghĩa về kiến trúc phần mềm 1.3 Vòng đời hoạt động của phần mềm 1.4 Các mục tiêu của việc phát triển phần mềm 1.5 Qui trình phát triển phần mềm	G1.1 G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
2	Bài 2: Cấu trúc phần mềm hướng đối tượng 2.1 Sự phát triển trong cấu trúc tổ chức phần mềm 2.2 Cấu trúc của 1 ứng dụng hướng đối tượng 2.3 Đối tượng, thuộc tính, tác vụ 2.4 Tính tổng quát hóa	G1.1 G1.2 G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
3, 4	Bài 3: Interface & Class 3.1 Tổng quát về phát biểu class 3.2 Định nghĩa thuộc tính vật lý 3.3 Định nghĩa tác vụ chức năng 3.4 Định nghĩa toán tử chức năng 3.5 Định nghĩa thuộc tính giao tiếp (luận lý)	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
5	Bài 3: Interface & Class (tiếp theo) 3.6 Định nghĩa đối tượng đại diện hàm (delegate) 3.7 Định nghĩa sự kiện (Event) 3.8 Định nghĩa phần tử quản lý danh sách (indexer) 3.9 Thành phần static và thành phần không static	G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
6	Bài 4: Vòng đời đối tượng và sự tương tác giữa chúng 4.1 Quản lý vòng đời đối tượng 4.2 Tương tác giữa các đối tượng 4.3 Liên kết tĩnh trong việc gởi thông điệp	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
7	Bài 4: Vòng đời đối tượng và sự tương tác giữa chúng (tiếp theo) 4.4 Liên kết động để có đa xạ 4.5 Xử lý sự kiện luôn có tính đa xạ	G2.1 G3.1 G4.1 G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính	A1.1 A1.2 A2

			Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	
8	Bài 5: Các mẫu thiết kế phục vụ tổ chức cấu trúc các đối tượng (Structural Patterns) 5.1 Tổng quát về mẫu thiết kế HDT 5.2 Mẫu Adapter 5.3 Mẫu Composite	G2.1 G3.1 G4.1 G7.1 G7.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
9	Bài 5: Các mẫu thiết kế phục vụ tổ chức cấu trúc các đối tượng (Structural Patterns) (tiếp theo) 5.4 Mẫu Proxy 5.5 Mẫu Decorator 5.6 Mẫu Façade 5.7 Mẫu Flyweight Thi giữa kì	G2.1 G3.1 G4.1 G7.1 G7.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
10, 11	Bài 6: Các mẫu thiết kế phục vụ khởi tạo đối tượng (Creational Patterns) 6.1 Tổng quát về nhóm mẫu “Creational” 6.2 Mẫu Abstract Factory 6.3 Mẫu Factory Method 6.4 Mẫu Prototype 6.5 Mẫu Builder 6.6 Mẫu Builder	G4.1 G5.1 G6.1 G7.1 G7.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
12, 13	Bài 7: Các mẫu thiết kế che dấu hành vi, thuật giải trong đối tượng (Behavioral Patterns) 7.1 Tổng quát về nhóm mẫu “Behavioral Patterns” 7.2 Mẫu Chain of Responsibility 7.3 Mẫu Template Method 7.4 Mẫu Strategy 7.5 Mẫu State	G4.1 G5.1 G6.1 G7.1 G7.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
14, 15	Bài 7: Các mẫu thiết kế che dấu hành vi, thuật giải trong đối tượng (Behavioral Patterns) 7.5 Mẫu State 7.6 Mẫu Command 7.7 Mẫu Observer Ôn tập và giải đáp thắc mắc	G4.1 G5.1 G6.1 G7.1 G7.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		45 tiết		

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2	G1, G7 G2.1, G3.1, G7.1, G7.2	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra tự luận: AM4	G2.1, G3.1, G7.1, G7.2, G3	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM8, AM3 nếu có)	G1.1, G2.1 G3, G7	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ năng làm việc nhóm tốt. Có khả năng làm tự nghiên cứu và làm việc độc lập - Có năng lực tiếp thu công nghệ, khai thác, sử dụng công cụ hỗ trợ. - Kết hợp và hiểu rõ các phương pháp để áp dụng cho từng dự án để tối ưu chi phí phát triển. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực thực thi giải pháp, biết phân tích mã nguồn ở mức cơ bản - Sử dụng các phương pháp để xây dựng được cấu trúc phần mềm một cách linh hoạt và dễ phát triển. Quản lý được các rủi ro trong quá trình phát triển phần mềm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu phần mềm, các loại yêu cầu phần mềm, tiến trình kỹ nghệ lấy yêu cầu, các phương pháp đặc tả phần mềm, tài liệu đặc tả phần mềm Thiết kế được cấu trúc phần mềm ở mức đơn giản 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được các khái niệm liên quan đến công nghệ phần mềm. Nắm được các mô hình phát triển phần mềm. Nắm được các tiến trình trong qua trình xây dựng phần mềm. 	<ul style="list-style-type: none"> -Nắm được các khái niệm liên quan đến công nghệ phần mềm. Nắm được các mô hình phát triển phần mềm. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không nắm được các khái niệm như: Công nghệ phần mềm, tiến trình phần mềm, mô hình phần mềm.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> ◦ L. Bass, P. Clements, and R. Kazman (2003). Software Architecture in Practice. Addison-Wesley. 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> ◦ Frank Buschmann, Regine Meunier, Hans Rohnert (1996). Pattern-oriented software architecture : A system of patterns. Wiley 				

	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • Software Architecture & Design Tutorial [https://www.tutorialspoint.com/software_architecture_design/index.htm] • [https://www.tutorialspoint.com/software_architecture_design/introduction.htm] • [https://www.javatpoint.com/software-testing-tutorial] • Software Architecture [http://tutorials.jenkov.com/software-architecture/index.html] • Data Flow Architecture [https://www.tutorialspoint.com/software_architecture_design/data_flow_architecture.htm] 	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: Giới thiệu về kiến trúc phần mềm	9	Đọc trước giáo trình Chương 1
	Bài 2: Cấu trúc phần mềm hướng đối tượng	12	Đọc trước giáo trình Chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 3: Interface & Class	20	Đọc trước giáo trình Chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 4: Vòng đời đối tượng và sự tương tác giữa chúng	15	Đọc trước giáo trình Chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 5: Các mẫu thiết kế phục vụ tổ chức cấu trúc các đối tượng (Structural Patterns)	15	Đọc trước giáo trình Chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 6: Các mẫu thiết kế phục vụ khởi tạo đối tượng (Creational Patterns)	15	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 7: Các mẫu thiết kế che dấu hành vi, thuật giải trong đối tượng (Behavioral Patterns)	9	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập được yêu cầu
	Tổng số tiết tự học	95 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Thị Thanh Trúc, trucnntt@uit.edu.vn 2. KS. Hoàng Văn Hiếu, hieuhv@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

Võ Thị Khởi Trang

Hoàng Văn Hiếu

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Cơ sở dữ liệu nâng cao Tên tiếng Anh: Advanced DataBase		
2. Mã học phần	ITE1224E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (2, 1) TC. Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1207 - Cơ sở dữ liệu		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + E-learning (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Cài đặt được các ràng buộc toàn vẹn nâng cao trên cơ sở dữ liệu.	PLO3, PLO7	4.0
G2	Thiết kế được cơ sở dữ liệu thông qua mô hình E-R	PLO3, PLO7	4.0
G3	Áp dụng được khái niệm phụ thuộc hàm để tìm khóa	PLO3, PLO7	4.0
G4	Áp dụng được các dạng chuẩn trong cơ sở dữ liệu để đánh giá chất lượng của lược đồ quan hệ	PLO3, PLO10	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Cài đặt được các ràng buộc toàn vẹn bằng Trigger, Transaction	T, U
G2.1	Vẽ được sơ đồ E-R từ việc phân tích bài toán	T, U
G2.2	Chuyển từ sơ đồ E-R sang lược đồ quan hệ	T, U
G3.1	Mô tả được khái niệm phụ thuộc hàm	I, T
G3.2	Xác định được khóa quan hệ	T, U
G4.1	Giải thích được khái niệm chuẩn hóa và các dạng chuẩn	I, T
G4.2	Áp dụng được các dạng chuẩn trong cơ sở dữ liệu để đánh giá chất lượng của lược đồ quan hệ	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học này tập trung chủ yếu vào việc trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng về thiết kế cơ sở dữ liệu. Nhờ đó sinh viên có khả năng tham gia phát triển cơ sở dữ liệu cho các dự án CNTT.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1. Ràng buộc toàn vẹn nâng cao. 1.1 Khái niệm 1.2 Cài đặt ràng buộc toàn vẹn trên cơ sở dữ liệu: Assertion, Trigger, Transaction	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
2	Bài 2: Mô hình hóa dữ liệu với mô hình thực thể-kết hợp 2.1 Tổng quan về thiết kế cơ sở dữ liệu theo hướng top down 2.2 Các khái niệm về mô hình thực thể kết hợp 2.3 Các bước xây dựng lược đồ cơ sở dữ liệu bằng ERD 2.4 Một số vấn đề mở rộng.	G2.1 G2.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3

			hỏi, làm bài tập ở nhà.	
3,4,5	Bài 3. Phụ thuộc hàm 3.1 Khái niệm phụ thuộc hàm 3.2 Các tiên đề Armstrong 3.3 Bao đóng của tập thuộc tính. 3.4 Bao đóng của tập phụ thuộc hàm 3.5 Xác định khóa của một quan hệ 3.6 Phủ tối thiểu	G3.1 G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
6,7	Bài 4. Chuẩn hóa dữ liệu 4.1 Khái niệm chuẩn hoá và các dạng chuẩn 4.2 Dạng chuẩn 1 (1NF) 4.3 Dạng chuẩn 2 (2NF) 4.4 Dạng chuẩn 3 (3NF) 4.5 Dạng chuẩn Boyce-Codd (BCNF). 4.6 Đánh giá về các dạng chuẩn.	G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
8,9	Bài 5. Thiết kế cơ sở dữ liệu theo cách tiếp cận bottom-up 5.1 Thế nào là cách tiếp cận bottom- up và phân rã lược đồ quan hệ? 5.2 Phân rã bảo toàn thông tin 5.3 Phân rã bảo toàn phụ thuộc hàm. 5.4 Phương pháp phân rã 5.5 Phương pháp tổng hợp 5.6 Phân tích kết quả của 2 cách tiếp cận	G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3
10	Ôn tập	G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: ôn lại các Bài quan trọng, đặt câu hỏi Học: trả lời câu hỏi, viết trả lời trên giấy	A1.1 A1.2 A3

TỔNG CỘNG: 30 tiết

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Cài đặt ràng buộc toàn vẹn trên hệ quản trị SQL Server Sử dụng Assert, Trigger,	G1.1	Dạy: Giảng viên huống dẫn Học: Sinh viên thực hành bài	A1.1 A2

			tập trong giáo trình.	
2	Bài thực hành 2: Cài đặt ràng buộc tổng quan hệ trên hệ quản trị SQL Server Sử dụng Trigger, Transaction	G1.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Vẽ sơ đồ thực thể liên kết	G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Chuyển sơ đồ thực thể liên kết sang lược đồ quan hệ	G2.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Thi giữa kỳ			A1.1 A2
6	Bài thực hành 5: Xác định khóa	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 6: Xác định chuẩn của lược đồ quan hệ	G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 7: Chuẩn hóa lược đồ quan hệ bằng cách phân rã/ tổng hợp	G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 8: Chuẩn hóa lược đồ quan hệ bằng cách phân rã/ tổng hợp	G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài	A1.1 A2

			tập trong giáo trình.	
10	Ôn tập	G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài ôn	A1.1 A2

TỔNG CỘNG: 30 tiết

	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần AM1	G3.1	10%
		A1.2 Bài tập AM2 Kiểm tra tự luận AM4	G1.1 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra thực hành AM9	G1.1 G2.1 G2.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi Tự luận AM4	G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9
	Biết cách chọn và triển khai một giải pháp cơ sở dữ liệu tối ưu theo tình hình thực tế của các cá nhân và tổ chức	Biết cách chọn và triển khai giải pháp giải pháp cơ sở dữ liệu phù hợp với tình hình thực tế của cá nhân và tổ chức	Có thể vẽ sơ đồ E-R và chuẩn hóa lược đồ quan hệ bằng cách phân tách / tổng hợp	Có thể vẽ sơ đồ E-R	Hiểu sơ lược về chuẩn hóa và gần như không thể vẽ sơ đồ E-R	Hầu như không có kiến thức về chuẩn hóa
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Silberschatz, Korth and Sudarshan, Database System Concepts (6th Edition), McGrawHill, 2011 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Jeffrey A. Hoffer, Ramesh Venkataraman, Heikki Topi (2005). Modern Database Management. Prentice Hall. Raghu Ramakrishnan (2003). Database Management Systems. McGraw-Hill. 				

		<ul style="list-style-type: none"> • Louis Davidson, Kevin Kline, Kurt Windisch Berkeley (2006). <p>Pro SQL server 2005 Database designs and optimization. Apress</p>	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Buổi 1:	9	Đọc trước giáo trình chương 1
	Buổi 2:	9	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 3:	9	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 4:	9	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 5:	9	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 6:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 7:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 8:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 9:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 10:	9	Ôn lại tất cả các chương theo đề cương ôn tập, làm trước đề mẫu
Tổng số tiết tự học		90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Ngô Văn Công Bằng, bangnvch@uef.edu.vn 2. ThS. Võ Hoàng Khang, vh.khang@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

Văn Thị Thiên Trang

Ngô Văn Công Bằng

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Oracle Tên tiếng Anh: Introduction to Oracle		
2. Mã học phần	ITE1237E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (2, 1) TC. Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1207 – Cơ sở dữ liệu		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + E-learning (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Đọc hiểu những kiến thức về quản trị và lập trình trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle, giải quyết các vấn đề, các bài toán ứng dụng thực tế trong các doanh nghiệp	PLO3, PLO7	4.0
G2	Biết khai thác tốt các đối tượng trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle được thể hiện bằng ngôn ngữ PL/SQL.	PLO3, PLO7	4.0
G3	Nắm vững nguyên lý hoạt động của hệ quản trị CSDL Oracle, nắm bắt thành thạo các chức năng cơ bản, thường dùng của hệ quản trị CSDL Oracle	PLO3, PLO10	4.0
G4	Sử dụng Oracle Database + Ngôn ngữ lập trình (Java, C#, PHP...) để thiết kế ứng dụng thực tế (Winform, Webform).	PLO3, PLO5	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Đọc hiểu những kiến thức về quản trị và lập trình trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle, giải quyết các vấn đề, các bài toán ứng dụng thực tế trong các doanh nghiệp	I, T
G2.1	Biết khai thác tốt các đối tượng trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle được thể hiện bằng ngôn ngữ PL/SQL	T, U
G3.1	Nắm vững nguyên lý hoạt động của hệ quản trị CSDL Oracle, nắm bắt thành thạo các chức năng cơ bản, thường dùng của hệ quản trị CSDL Oracle	T, U
G3.2	Nắm vững cách thiết kế các đối tượng chuyên biệt của Oracle như: sequence, rownum, refcursor, package...	T, U
G4.1	Nắm vững các công cụ để thao tác với Oracle như: SQL Developer, Toad Data Modeler, SQL Plus...	T, U
G4.2	Có khả năng lập trình xây dựng phần mềm ứng dụng sử dụng Oracle Database	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần tập trung vào các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao gồm: Tìm hiểu tổng quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle, hướng dẫn cài đặt Oracle theo 2 mô hình, kết nối trực tiếp (Host-Based) và 2 lớp (Two-Tiered: Client - Server). Các công cụ quản trị cơ sở dữ liệu Oracle (SQL Developer, SQL Plus), các hàm có sẵn trong Oracle, SQL cơ bản (Basic SQL), chương trình con trong PL/SQL (Procedure & Function), sao lưu và phục hồi dữ liệu (Export và Import), Sequence, View, Cursor, Refcursor, Trigger, Package...

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1,2	Chương 1. Tổng quan về Oracle và kiến trúc của Oracle 1.1 Lịch sử phát triển của Oracle Ưu điểm của Oracle 1.2 Kết nối tới Oracle Server	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
3,4	Bài 2: Các đối tượng cơ sở dữ liệu Oracle 2.1 Cấu trúc CSDL của Oracle 2.2 Phân loại các Tablespace 2.3 Chế độ Offline 2.4 Thiết lập chế độ chỉ đọc cho Tablespace 2.5 Thông tin về các Tablespace	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

35,6	Bài 3. PL-SQL 3.1 Kiến trúc của PL/SQL 3.2 Các đơn vị của PL/SQL 3.3 Các kiểu dữ liệu của PL/SQL 3.4 Ngôn ngữ cơ bản của PL/SQL	G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
7,8,9	Bài 4. DBA 4.1 Cài đặt Oracle 4.2 Sử dụng Oracle SQL Developer 4.3 Backup và Recovery (Sao lưu và phục hồi) 4.4 Import (Nhập) và Export (Xuất) 4.5 Sử dụng một số đối tượng của CSDL	G3.1 G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2
10	Ôn tập	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2	Dạy: ôn lại các Bài quan trọng, đặt câu hỏi Học: trả lời câu hỏi, viết trả lời trên giấy	A1.1 A1.2

TỔNG CỘNG: **30 tiết**

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Quản lý bán hàng <ul style="list-style-type: none"> • Tạo mới user • Tạo connection, tạo DB • Kết nối DB với user vừa tạo • Tạo các table cùng các ràng buộc • Thiết lập quan hệ giữa các table • Backup Database 	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Quản lý bán hàng (tt) <ul style="list-style-type: none"> • Restore Database • Nhập dữ liệu cho các table (bằng nhiều cách) • Xây dựng các view 	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Quản lý bán hàng (tt)	G1.1 G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

	<ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các view (tt) Xây dựng các procedure 	G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Học: Sinh viên thực hành bài tập.									
4	Bài thực hành 4: Quản lý bán hàng (tt) <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các procedure (tt) Xây dựng các function 	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập.	A1.1 A2								
5	Thi giữa kỳ			A1.1 A2								
6	Bài thực hành 5: Quản lý bán hàng (tt) <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các function (tt) Thiết kế các trigger 	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập.	A1.1 A2								
7	Bài thực hành 6: Quản lý sản xuất <ul style="list-style-type: none"> Tạo mới user Tạo connection, tạo DB Kết nối DB với user vừa tạo Tạo các table cùng các ràng buộc Thiết lập quan hệ giữa các table Backup Database 	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập.	A1.1 A2								
8	Bài thực hành 7: Quản lý sản xuất (tt) <ul style="list-style-type: none"> Restore Database Xây dựng sequence Nhập dữ liệu cho các table Xây dựng các view 	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập.	A1.1 A2								
9	Bài thực hành 8: Quản lý sản xuất (tt) <ul style="list-style-type: none"> Xây dựng các procedure Xây dựng các function Thiết kế các trigger Thiết kế package 	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập.	A1.1 A2								
10	Ôn tập và giải đáp cho các báo cáo môn học	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên làm báo cáo	A1.1 A2								
TỔNG CỘNG: 30 tiết												
<table border="1"> <thead> <tr> <th>Điểm thành phần</th> <th>Bài đánh giá (Ax.x)</th> <th>CDR môn học (Gx.x)</th> <th>Tỷ lệ</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td> <td>A1.1 Chuyên cần AM1</td> <td>G1.1</td> <td>10%</td> </tr> </tbody> </table>		Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ		A1.1 Chuyên cần AM1	G1.1	10%			
Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ									
	A1.1 Chuyên cần AM1	G1.1	10%									

12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.2 Bài tập AM2	G1.1 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra thực hành AM9	G1.1 G2.1 G2.2 G3.1 G3.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM8, AM3 nếu có)	G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CÂN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Biết cách chọn và triển khai một giải pháp Oracle tối ưu theo tình hình thực tế của các cá nhân và tổ chức	Biết cách chọn và triển khai giải pháp Oracle phù hợp với tình hình thực tế của cá nhân và tổ chức	Biết cách triển khai giải pháp Oracle theo yêu cầu của cá nhân và tổ chức	Chỉ có thể triển khai một vài giải pháp của Oracle	Hiểu sơ lược về Oracle và gần như không thể triển khai bất kỳ giải pháp nào	Hầu như không có kiến thức về Oracle

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • OCA Oracle Database 11g SQL Fundamentals I Exam 1Z0-051/ John Watson, 2008.
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Steven Feuerstein, Bill Pribyl (2005). Oracle PL/SQL Programming. O'Reilly Media. • Sam R. Alapati (2005). Expert Oracle database 10g administration. Apress • Sam R. Alapati (2005). Expert Oracle Database 11g Administration.

14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Buổi 1:	9	Đọc trước giáo trình chương 1
	Buổi 2:	9	Đọc trước giáo trình chương 1 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 3:	9	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 4:	9	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 5:	9	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 6:	9	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 7:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu

	Buổi 8:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 9:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 10:	9	Hoàn chỉnh bài báo cáo
	Tổng số tiết tự học	90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Ngô Văn Công Bằng, bangnvch@uef.edu.vn 2. ThS. Võ Hoàng Khang, vh.khang@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

Văn Khiết Trung

Ngô Văn Công Bằng

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Kho dữ liệu và OLAP Tên tiếng Anh: Data Warehouse and OLAP		
2. Mã học phần	ITE1152E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (3, 0) TC. Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1207E – Cơ sở dữ liệu		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + E-learning (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTDT (X.x.x)	TĐNL
G1	Cung cấp các khái niệm cơ bản về kho dữ liệu, nhu cầu và tính thiết yếu của kho dữ liệu	PLO3, PLO7	4.0
G2	Cung cấp kiến thức về kiến trúc các thành phần và cơ sở hạ tầng cơ bản của kho dữ liệu, tầm quan trọng của metadata, thiết kế dữ liệu và chuẩn bị dữ liệu	PLO3, PLO7	4.0
G3	Cung cấp kiến thức về truy cập và phân phối thông tin, kỹ thuật phân tích trực tuyến OLAP, kho dữ liệu và web, cơ bản về khai thác dữ liệu, hiện thực hóa và bảo trì kho dữ liệu	PLO3, PLO5	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	

G1.1	Trình bày được các khái niệm kho dữ liệu, nhu cầu thiết yếu của kho dữ liệu đối với doanh nghiệp; khái niệm các khối, chức năng, thành phần, xu hướng của kho dữ liệu;	T, U
G2.1	Hiểu rõ kiến trúc các thành phần và cơ sở hạ tầng cơ bản của kho dữ liệu, tầm quan trọng của metadata, thiết kế và chuẩn bị dữ liệu	T, U
G2.2	Hiểu rõ các phương pháp khai thác dữ liệu, xây dựng và bảo trì kho dữ liệu	T, U
G3.1	Truy cập và phân phối thông tin hiệu quả, sử dụng được các phương pháp và công cụ phân tích trực tuyến OLAP (SQL Server, Oracle...) trên kho dữ liệu, web	I, T
G3.2	Hoạch định, thiết kế, xây dựng và quản lý được kho dữ liệu theo yêu cầu của doanh nghiệp cụ thể	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần thuộc khối kiến thức ngành, cung cấp những kiến thức cơ bản và nền tảng về kho dữ liệu và khai phá dữ liệu, bao gồm các khái niệm liên quan đến kho dữ liệu và khai phá dữ liệu, quá trình thiết kế và cài đặt kho dữ liệu. Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các cách phân tích và nhu cầu kinh doanh trong việc khám phá tri thức để tạo lợi thế cạnh tranh và áp dụng các công nghệ OLAP nhận dạng giá trị kinh doanh thực sự.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1. Tổng quan Giới thiệu về kho dữ liệu và OLAP Các đặc tính của kho dữ liệu Mối quan hệ giữa kho dữ liệu và OLAP Ứng dụng của kho dữ liệu và OLAP	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi	A1 A2 A3
2, 3, 4, 5	Bài 2. Kiến trúc của kho dữ liệu Kiến trúc chi tiết của kho dữ liệu Kho dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise warehouse) Kho dữ liệu theo chủ đề (Data Mart) Siêu dữ liệu (Meta data) Các công cụ back-end liên quan đến kho dữ liệu	G2.1 G2.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
6, 7, 8	Bài 3. Thiết kế và xây dựng kho dữ liệu Các phương pháp tiếp cận để thiết kế kho dữ liệu	G3.1 G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính.	A1 A2 A3

	Thiết kế mô hình dữ liệu (Data model) Quá trình ETL/ELT Làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu		Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
9	Kiểm tra giữa kỳ			
10, 11, 2, 13, 14	Bài 4. Phân tích trực tuyến OLAP Tổng quan về OLAP Mô hình dữ liệu đa chiều MOLAP, ROLAP, HOLAP Thiết kế và xây dựng Cube Các thao tác trên hệ thống OLAP	G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1 A2 A3
15	Ôn tập	G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	Dạy: ôn lại các Bài quan trọng, đặt câu hỏi Học: trả lời câu hỏi, viết trả lời trên giấy	A1 A2 A3

TỔNG CỘNG:**45 tiết**

Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1.1 Chuyên cần AM1	A1.2 Bài tập AM2		
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.2 Bài tập AM2	G1.1 G2.1	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi Tự luận AM4	G1.1 G2.1 G2.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi Tự luận AM4	G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	20%
			G2.1 G2.2 G3.1 G3.2 G4.1 G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CÂN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Biết cách chọn và triển khai một giải pháp kho dữ liệu tối ưu theo tình hình thực tế của các cá nhân và tổ chức	Biết cách chọn và triển khai giải pháp kho dữ liệu phù hợp với tình hình thực tế của cá nhân và tổ chức	Biết cách thực hiện một giải pháp kho dữ liệu theo yêu cầu của các cá nhân và tổ chức	Chỉ có thể triển khai một vài giải pháp kho dữ liệu	Hiểu sơ lược về kho dữ liệu và gần như không thể triển khai kho dữ liệu	Hầu như không có kiến thức về kho dữ liệu
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	• Robert Wrembel(2007) Data Warehouses and OLAP: Concepts, Architectures, and Solutions. IRM Press				

	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Donald K. Burleson, Joseph Hudicka, Williham H.Inmon (2003). The data warehouse eBusiness DBA handbook. Rampant techpress • Mike Ault (2003). Oracle data warehouse management : Secret of oracle data warehousing. Rampant techpress • Christopher Adamson (2006). Mastering data warehouse aggregates: solutions for star schema performance. Wiley Pub 	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Buổi 1:	6	Đọc trước giáo trình chương 1
	Buổi 2, 3, 4, 5:	24	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 6, 7, 8, 9:	24	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 10, 11, 12, 13, 14:	30	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 15:	6	Ôn lại tất cả các chương theo đề cương ôn tập, làm trước đề mẫu
	Tổng số tiết tự học	90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Ngô Văn Công Bằng, bangnvch@uef.edu.vn 2. ThS. Võ Hoàng Khang, vh.khang@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

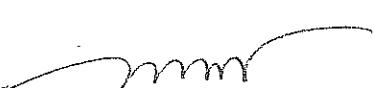
TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN



Nguyễn Thị Giang



Trần Thị Thiên Trang



Ông Văn Công Bằng

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Dữ liệu lớn Tên tiếng Anh: Big data		
2. Mã học phần	ITE1253E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 0 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1207 – Cơ sở dữ liệu		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Thiết kế và xây dựng ứng dụng mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và ôn luyện nội dung đã học ở nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học theo tình huống (TLM14) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Học trực tuyến (TLM19) + Tham luận (TLM3) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Kiến thức tổng quan về dữ liệu lớn	PLO3, PLO7	3
G2	Kiến thức về ngôn ngữ lập trình Scala	PLO3, PLO7	3
G3	Kỹ năng cơ bản về sử dụng ngôn ngữ Scala	PLO7, PLO10	4
G4	Kiến thức cơ bản về công nghệ Spark	PLO3, PLO7	3

G5	Kỹ năng triển khai được một ứng dụng đơn giản sử dụng công nghệ Spark	PLO7, PLO10	4
G6	Kiến thức nâng cao về công nghệ Spark	PLO3, PLO7	3
G7	Kỹ năng thực hiện được các kĩ thuật nâng cao trong công nghệ Spark	PLO7, PLO10	4
G8	Kỹ năng lập trình	PLO7, PLO10	4
G9	Kỹ năng làm việc nhóm, thái độ nghiêm túc trong công việc, có ý chí phấn đấu trong quá trình học	PLO7, PLO10	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được thế nào là dữ liệu lớn, cũng như các đặc tính cơ bản của dữ liệu lớn	I, T
G1.2	Hiểu được tầm quan trọng và phạm vi ứng dụng của dữ liệu lớn trong các nhóm ngành khác nhau	I, T
G2.1	Nắm bắt được phong cách lập trình Functional trong Scala	I, T
G2.2	Nắm bắt được cú pháp cơ bản trong Scala	I, T
G3.1	Xây dựng được một chương trình đơn giản bằng ngôn ngữ Scala	I, T, U
G4.1	Có kiến thức tổng quan về công nghệ Spark	I, T
G4.2	Có kiến thức về phân tích dữ liệu tương tác với Spark Shell	I, T
G4.3	Có kiến thức về triển khai phát triển ứng dụng trong Spark	I, T
G5.1	Triển khai được một ứng dụng đơn giản sử dụng công nghệ Spark	I, T, U
G6.1	Hiểu được khái niệm và cách làm việc của Spark Streaming trong việc xử lý dữ liệu lớn	I, T
G6.2	Hiểu được khái niệm và cách làm việc của Spark SQL trong xử lý dữ liệu lớn	I, T
G7.1	Thực hiện thành công bài thực hành Spark Streaming	I, T, U
G7.2	Thực hiện thành công bài thực hành Spark SQL	I, T, U
G8.1	Biết cách thiết kế cấu trúc dữ liệu, cơ sở dữ liệu trong quá trình phát triển phần mềm	I, T, U
G8.2	Biết cách phát triển thuật toán trong quá trình phát triển phần mềm	I, T, U

G8.3	Biết cách debug chương trình	I, T, U
G9.1	Ước lượng được khối lượng công việc mà nhóm phải thực hiện, ước lượng được mức độ phù hợp của từng cá nhân trong nhóm với mỗi đầu công việc, ước lượng được kịch bản phối hợp giữa các thành viên trong quá trình giải quyết công việc chung của nhóm	I, T, U
G9.2	Có ý thức hoàn thành tốt công việc mà giáo viên, trưởng nhóm yêu cầu mỗi cá nhân phải thực hiện trong quá trình học đúng thời hạn	I, T, U
G9.3	Chủ động liên hệ với giáo viên và bạn học để giải đáp những thắc mắc trong quá trình học	I, T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng liên quan đến dữ liệu lớn. Trong bối cảnh các hoạt động của doanh nghiệp diễn ra ngày càng nhiều trên môi trường mạng Internet, nhu cầu khai thác và phân tích dữ liệu nói chung và dữ liệu lớn nói riêng ngày càng trở nên quan trọng. Chính vì vậy, có thể kết luận rằng học phần là một miếng ghép hoàn hảo cho sinh viên hướng Hệ thống thông tin đối với cơ hội nghề nghiệp của các em trong tương lai sau khi ra trường.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan 1.1 Thế nào là dữ liệu lớn 1.2 Phạm vi ứng dụng của dữ liệu lớn 1.3 Đối tượng nghiên cứu chính trong việc sử dụng dữ liệu lớn 1.4 Một số công nghệ dữ liệu lớn phổ biến hiện nay 1.5 Cơ hội nghề nghiệp liên quan đến kiến thức môn học 1.6 Mô tả project môn học	G1.1, G1.2, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa, đưa ra bài tập tình huống Học: Trả lời câu hỏi, thảo luận để giải quyết bài tập tình huống	A1.1, A1.2
2	Chương 2. Ngôn ngữ lập trình Scala 2.1 Tại sao sử dụng Scala để xây dựng ứng dụng dữ liệu lớn 2.2 Phong cách lập trình ‘Functional’ được sử dụng trong Scala	G2.1, G2.2, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa, đưa ra bài tập tình huống Học: Trả lời câu hỏi, thảo luận để	A1.1, A1.2

	2.3 Cú pháp căn bản trong Scala 2.4 Xây dựng chương trình minh họa		giải quyết bài tập tình huống	
3	Làm bài tập chương 2	G3.1, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Mô tả bài tập thực hành, giải đáp thắc mắc khi cần thiết Học: Thảo luận để giải quyết bài tập thực hành	A1.1, A1.2
4	Chương 3. Công nghệ Spark 3.1 Khái niệm về Spark 3.2 Kiến trúc được sử dụng trong Spark 3.3 Các thành phần cơ bản trong Spark 3.4 Cơ chế làm việc với dữ liệu lớn của các Spark	G4.1, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa, đưa ra bài tập tình huống Học: Đọc trước tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận để giải quyết bài tập tình huống	A1.1, A1.2
5	Chương 4. Phân tích dữ liệu tương tác với Spark Shell 4.1 Cài đặt Spark Shell 4.2 Phân tích số trong Spark Shell 4.3 Phân tích log trong Spark Shell	G4.2, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa, đưa ra bài tập tình huống Học: Đọc trước tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận để giải quyết bài tập tình huống	A1.1, A1.2
6	Chương 5. Triển khai phát triển ứng dụng trong Spark 5.1 Mô tả ứng dụng dữ liệu lớn được minh họa trong buổi học 5.2 Viết code cho ứng dụng 5.3 Biên dịch và chạy thử ứng dụng 5.4 Giám sát và sửa lỗi ứng dụng	G4.3, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa, đưa ra bài tập tình huống Học: Đọc trước tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận để giải quyết bài tập tình huống	A1.1, A1.2

7	Làm bài tập chương 5.	G5.1, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Mô tả bài tập thực hành, giải đáp thắc mắc khi cần thiết Học: Thảo luận để giải quyết bài tập thực hành	A1.1, A1.2
8	Chương 6. Spark Streaming 6.1 Giới thiệu Spark Streaming 6.2 API để sử dụng Spark Streaming 6.3 Mô tả ứng dụng dữ liệu lớn được minh họa trong buổi học 6.4 Chạy thử và phân tích mã lệnh chương trình	G6.1, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa, đưa ra bài tập tình huống Học: Đọc trước tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận để giải quyết bài tập tình huống	A1.1, A1.2
9	- Thi giữa kì - Giải đáp thắc mắc project môn học	G8.1, G8.2, G8.3, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Mô tả bài thi giữa kì, giải đáp thắc mắc liên quan đến đồ án môn học Học: Debug một trong các phần mình đã được giao nhiệm vụ thực hiện trong đồ án môn học. Đặt câu hỏi sau khi thi xong.	A1.1, A1.2 A2
10	Làm bài tập chương 6	G7.1, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Mô tả bài tập thực hành, giải đáp thắc mắc khi cần thiết Học: Thảo luận để giải quyết bài tập thực hành	A1.1, A1.2
11	Chương 7. Spark SQL (buổi 1) 7.1 Giới thiệu Spark SQL	G6.2, G9.1, G9.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh	A1.1, A1.2

	7.2 Kỹ thuật tăng tốc độ xử lý và truy vấn dữ liệu trong Spark SQL 7.3 Ứng dụng của Spark SQL 7.4 API, Built-In Functions, UDFs và UDAFs trong Spark SQL	G9.3	hoạ, đưa ra bài tập tình huống Học: Đọc trước tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận để giải quyết bài tập tình huống	
12	Chương 7. Spark SQL (buổi 2) 7.5 Mô tả dataset dữ liệu lớn được minh họa trong buổi học 7.6 Truy vấn dataset với Spark SQL	G6.2, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa, đưa ra bài tập tình huống Học: Đọc trước tài liệu, trả lời câu hỏi, thảo luận để giải quyết bài tập tình huống	A1.1, A1.2
13	Làm bài tập chương 7	G7.2, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Mô tả bài tập thực hành, giải đáp thắc mắc khi cần thiết Học: Thảo luận để giải quyết bài tập thực hành	A1.1, A1.2,
14	Kiểm tra vấn đáp project môn học	G8.1, G8.2, G8.3, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Mô tả câu hỏi vấn đáp Học: Debug một trong các phần mình đã được giao nhiệm vụ thực hiện trong đồ án môn học.	A1.1, AM7
15	Kiểm tra vấn đáp project môn học	G8.1, G8.2, G8.3, G9.1, G9.2, G9.3	Dạy: Mô tả câu hỏi vấn đáp Học: Debug một trong các phần mình đã được giao nhiệm vụ thực hiện trong đồ án môn học.	A1.1, AM7
TỔNG CỘNG:		45 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	TỔNG CỘNG:	0		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2	G1 - G11 G3.1, G5.1, G7.1, G7.2, G10.1, G11.1	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra viết: AM4	G1 - G5, G6.1, G8.1, G8.2, G9, G10, G11.1	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM3, AM8 nếu có)	G1 - G5, G6.1, G8.1, G8.2, G9, G10, G11.1	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Xếp loại Xuất sắc	Xếp loại Giỏi	Xếp loại Khá	Xếp loại Trung bình	Xếp loại Yếu	Xếp loại Kém
Điểm từ 3.6 – 4.0	Điểm từ 3.2 – 3.5	Điểm từ 2.5 – 3.1	Điểm từ 2.0 – 2.4	Điểm từ 1.0 – 1.9	Điểm từ 0.0 – 0.9
<ul style="list-style-type: none"> - Đã học đầy đủ, thực hiện tốt các bài lab trong quá trình học. - Chức năng của đồ án môn học chạy ổn định. - Thiết kế cấu trúc dữ liệu và thuật toán dễ hiểu, dễ sửa lỗi và nâng cấp. - Có kỹ năng sửa lỗi chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã học đầy đủ, thực hiện tốt các bài lab trong quá trình học. - Chức năng của đồ án môn học chạy ổn định. - Thiết kế cấu trúc dữ liệu và thuật toán khó hiểu, khó sửa lỗi và nâng cấp. - Biết cách sửa lỗi chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã học đầy đủ, thực hiện tốt các bài lab trong quá trình học. - Chức năng của đồ án môn học chạy chưa ổn định. - Thiết kế cấu trúc dữ liệu và thuật toán khó hiểu, khó sửa lỗi và nâng cấp. - Biết cách sửa lỗi chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã học đầy đủ, thực hiện đầy đủ các bài lab trong quá trình học. - Chức năng của đồ án môn học chưa ổn định. - Thiết kế cấu trúc dữ liệu và thuật toán khó hiểu, khó sửa lỗi và nâng cấp. - Biết cách sửa lỗi chương trình 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã học ít, thực hiện không đầy đủ các bài lab trong quá trình học. - Không thực hiện đủ các chức năng của đồ án môn học đã được phân công. - Không tự thiết kế cấu trúc dữ liệu và thuật toán trong phần được phân công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đã học ít, không thực hiện các bài lab trong quá trình học. - Không thực hiện các chức năng của đồ án môn học đã được phân công.

	nhanh, chính xác.	nhung chưa nhanh.	nhung chưa nhanh.	nhung khá chậm.	- Không biết cách sửa lỗi chương trình.	
	Tài liệu/giáo trình chính					
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu tham khảo/bổ sung				<ul style="list-style-type: none"> • Mohammed Guller (2015). Big Data Analytics with Spark: A Practitioner's Guide to Using Spark for Large Scale Data Analysis. Apress Publisher. • Nemati, Namid R., Barko, Christopher D. (2004). Organizational Data Mining: Leveraging Enterprise Data Resources for Optimal Performance. Hershey, PA: Idea Group Pub. • Wang, John (2006). Encyclopedia of data warehousing and mining. Idea group Reference 	
	Trang Web/ CDs tham khảo				<ul style="list-style-type: none"> • https://www.udemy.com/course/the-ultimate-hands-on-hadoop-tame-your-big-data/ • https://www.udemy.com/course/spark-and-python-for-big-data-with-pyspark/ • https://www.coursera.org/learn/big-data-introduction#syllabus • <u>Khái niệm cơ bản về dữ liệu lớn</u> • <u>Phong cách lập trình Functional</u> 	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
	Chương 1: Tổng quan	6	[Bắt buộc]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học trong giáo trình chương 1 và các tài liệu tham khảo bổ sung - Tìm hiểu đồ án kết thúc khóa - Phân bổ nhân sự cho việc chuẩn bị đồ án - Đọc trước giáo trình chương 2 <p>[Tuỳ chọn]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 2 trong hai trang Udemy và Coursera - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera 		
	Chương 2. Ngôn ngữ lập trình Scala	12	[Bắt buộc]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học và thực hành ở chương 2 - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án - Đọc trước giáo trình chương 3 [Tuỳ chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 2, 3 trong hai trang Udemy và Coursera 		

			<ul style="list-style-type: none"> - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Chương 3. Công nghệ Spark	6		<p>[Bắt buộc]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học ở chương 3 - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án - Đọc trước giáo trình chương 4 [Tùy chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 3, 4 trong hai trang Udemy và Coursera - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Chương 4. Phân tích dữ liệu tương tác với Spark Shell	6		<p>[Bắt buộc]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học ở chương 4 - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án - Đọc trước giáo trình chương 5 [Tùy chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 4, 5 trong hai trang Udemy và Coursera - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Chương 5. Triển khai phát triển ứng dụng trong Spark	16		<p>[Bắt buộc]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học và thực hành ở chương 5 - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án - Đọc trước giáo trình chương 6 [Tùy chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 5, 6 trong hai trang Udemy và Coursera - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Chương 6. Spark Streaming	6		<p>[Bắt buộc]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập nội dung đã học ở chương 6 - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án [Tùy chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 6 trong hai trang Udemy và Coursera - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Thi giữa kì	6		<p>[Bắt buộc]</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát các vấn đề cần cải thiện trong đồ án - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án [Tùy chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 6 trong hai trang Udemy và Coursera

			- Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Làm lab chương 6	10		[Bắt buộc] - Ôn tập nội dung đã thực hành ở chương 6 - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án - Đọc trước giáo trình chương 7 [Tuỳ chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 6, 7 trong hai trang Udemy và Coursera - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Chương 7. Spark SQL	22		[Bắt buộc] - Ôn tập nội dung đã học và thực hành ở chương 7 - Chuẩn bị các phần được giao trong đồ án [Tuỳ chọn] - Tham khảo nội dung liên quan kiến thức chương 6, 7 trong hai trang Udemy và Coursera - Tham khảo nội dung liên quan đến đồ án trong hai trang Udemy và Coursera
Tổng cộng	90 tiết		
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Vũ Thanh Hiền, vt.hien@hutech.edu.vn 2. ThS. Văn Thị Thiên Trang, trangvtt@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trang

Văn Thị Thuỷ Trang

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Mạng máy tính nâng cao Tên tiếng Anh: Advanced Computer Networking		
2. Mã học phần	ITE1235E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Mạng máy tính (ITE1210E)		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Minh họa trực tiếp và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TDNL
G1	Mô tả được các khái niệm liên quan đến các chủ đề nâng cao về mạng máy tính.	PLO3	2.0
G2	Ứng dụng các tài liệu thực hành để thao tác trên một số thiết bị và công cụ liên quan đến các chủ đề nâng cao của mạng máy tính.	PLO3	3.0
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực mạng máy tính nâng cao.	PLO4, PLO7	4.0
G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực mạng máy tính nâng cao để phân tích, cài đặt và giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO5, PLO9	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Mô tả được các khái niệm cơ bản về Routing	T, U
G1.2	Mô tả được các vấn đề về giao thức định tuyến OSPF	T, U
G1.3	Mô tả được các vấn đề về giao thức định tuyến EIGRP	T, U
G1.4	Mô tả được các vấn đề về giao thức định tuyến BGP	T, U
G1.5	Mô tả được các vấn đề về Path control trong định tuyến	T, U
G1.6	Mô tả được các vấn đề về Switching	T, U
G1.7	Mô tả được các vấn đề về VLAN và TRUNKING	T, U
G1.8	Mô tả được các vấn đề về cơ chế dự phòng mạng trong Switching	T, U
G2.1	Cài đặt và cấu hình các vấn đề cơ bản về Routing	T, U
G2.2	Cài đặt và cấu hình giao thức định tuyến OSPF	T, U
G2.3	Cài đặt và cấu hình giao thức định tuyến EIGRP	T, U
G2.4	Cài đặt và cấu hình giao thức định tuyến BGP	T, U
G2.5	Cài đặt và cấu hình Path control trong định tuyến	T, U
G2.6	Cài đặt và cấu hình các vấn đề cơ bản về Switching	T, U
G2.7	Cài đặt và cấu hình VLAN và TRUNKING	T, U
G2.8	Cài đặt và cấu hình các cơ chế dự phòng mạng trong Switching	T, U
G3.1	Làm việc hiệu quả trong một nhóm.	T, U
G3.2	Trình bày trước đám đông về các vấn đề nâng cao trong mạng máy tính.	T, U
G4.1	Thiết kế, đánh giá và lựa chọn phương pháp triển khai các vấn đề nâng cao trong một hệ thống mạng theo yêu cầu thực tế.	T, U
G4.2	Xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt và cấu hình các vấn đề nâng cao trong lĩnh vực mạng máy tính.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về hệ thống mạng. Nội dung tập trung vào cấu hình các giao thức định tuyến RIP, OSPF, EIGRP trên thiết bị Cisco, thành thạo trong việc cấu hình VLAN, STP, VTP trên thiết bị Cisco, thành thạo trong việc cấu hình ACL, NAT, PPP, Frame relay trên thiết bị Cisco. Giúp sinh viên có thể quản trị an toàn hệ thống mạng.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan Routing 1.1 IP Header và vấn đề định tuyến. 1.2 Cơ chế hoạt động của định tuyến. 1.3 Sơ đồ các giao thức định tuyến. 1.4 Phân biệt định tuyến tĩnh và định tuyến động. 1.5 Các khái niệm quan trọng trong định tuyến. 1.6 Default Route và cơ chế NAT.	G1.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
2, 3	Bài 2: Giao thức định tuyến OSPF 2.1 Giới thiệu giao thức định tuyến OSPF 2.2 Cơ chế hoạt động của giao thức định tuyến OSPF 2.3 Công thức tính metric của giao thức OSPF 2.4 Định tuyến OSPF đơn vùng 2.5 Link state database và các loại packet trong OSPF 2.6 Các loại LSA và Virtual Link 2.7 Summary trong OSPF 2.8 Các loại Area trong OSPF 2.9 Chứng thực trong OSPF	G1.1, G1.2, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
4	Bài 3: Giao thức định tuyến EIGRP 3.1 Giới thiệu giao thức định tuyến EIGRP 3.2 Cơ chế hoạt động của giao thức định tuyến EIGRP 3.3 Công thức tính metric của giao thức EIGRP 3.4 Unequal-cost load balancing trong EIGRP 3.5 Các loại packet trong EIGRP 3.6 Summary trong EIGRP 3.7 Chứng thực trong EIGRP	G1.1, G1.3, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2

5	Bài 4: Giao thức định tuyến BGP 4.1 Giới thiệu giao thức định tuyến BGP 4.2 IBGP và EBGP 4.3 Quá trình thiết lập neighbor trong BGP 4.4 Số AS trong BGP 4.5 Các thuộc tính của BGP 4.6 Path Selection trong BGP	G1.1, G1.4, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
6	Bài 5: Path control trong định tuyến 5.1 Chức năng của Access Control List 5.2 Phân biệt Standard Access Control List và Extended Access Control List 5.3 Redistribute giữa các giao thức định tuyến và giá trị AD tương ứng 5.4 Distribute list và passive interface 5.5 Route map 5.6 Prefix list và tagging 5.7 Offset list và IP SLA 5.8 Policy Based Routing	G1.1, G1.5, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
7	Bài 6: Tổng quan về Switching 6.1 Mô hình SONA trong Switching 6.2 Địa chỉ MAC và Frame layer 2 6.3 Cơ chế hoạt động của thiết bị Switch 6.4 Các cơ chế chuyển mạch trên Switch 6.5 So sánh thiết bị Switch và thiết bị Bridge	G1.6, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
8	Bài 7: VLAN và TRUNKING 7.1 Giới thiệu VLAN 7.2 Các lợi ích của VLAN 7.3 Các chế độ cấu hình VLAN 7.4 Chức năng của Trunking 7.5 Các mode Trunking trên Switch 7.6 Định tuyến Inter VLan-Routing 7.7 Chức năng của VTP	G1.7, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2

9, 10	Bài 8: Các cơ chế dự phòng mạng trong Switching	G1.1, G1.2, G1.3,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
	8.1 Giới thiệu Spanning Tree Protocol	G1.4,		
	8.2 Cơ cơ chế hoạt động của Spanning Tree Protocol	G1.5, G1.6,		
	8.3 Các cơ chế bảo vệ Spanning Tree Protocol (BPDU guard, Root Guard)	G1.7, G1.8,		
	8.4 Các dạng Spanning Tree Protocol nâng cao (PVST, RAPID STP, MST)	G3.1, G3.2, G4.1		
	8.5 High Availability – HSRP			
	8.6 High Availability – VRRP			
	8.7 High Availability – GLBP			
Ôn tập				

TỔNG CỘNG: **30 tiết**

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Routing.	G1.1, G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
2, 3	Bài thực hành 2: Giao thức định tuyến OSPF.	G1.1, G1.2, G2.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 3: Giao thức định tuyến EIGRP.	G1.1, G1.3, G2.3, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 4: Giao thức định tuyến BGP.	G1.1, G1.4, G2.4, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 5: Path control trong định tuyến.	G1.1, G1.5, G2.5,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

		G4.1, G4.2	Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành. Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	
7	Bài thực hành 6: Switching.	G1.6, G2.6	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 7: VLAN và TRUNKING.	G1.7, G2.7, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 8: Các cơ chế dự phòng mạng trong Switching.	G1.8, G2.8, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
10	Kiểm tra thực hành Ôn tập	G1.1- G1.8, G2.1- G2.8, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x) Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1 - G4 10%
		A1.2 Bài tập: AM2 Thuyết trình: AM3		G1.1 - G1.8 G2.1 - G2.8 G3.1 - G3.2 G4.1 G4.2 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Thi thực hành: AM9		G1.1 - G1.8 G2.1 - G2.8 G3.1 - G3.2 G4.1 G4.2 20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Viết báo cáo đồ án: AM7		G1.1 - G1.8 G2.1 - G2.8 G3.1 - G3.2 G4.1 G4.2 50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9

	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và các vấn đề phức tạp liên quan đến các chủ đề nâng cao trong mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi các hệ thống mạng phức tạp, nâng cao. Có khả năng thiết kế, đánh giá các hệ thống mạng phức tạp, nâng cao.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến các chủ đề nâng cao trong mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống mạng phức tạp, nâng cao. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống mạng nâng cao.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến các chủ đề nâng cao trong mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống mạng phức tạp.	Còn hạn chế nhiều trong nhận thức về các vấn đề liên quan đến các chủ đề nâng cao trong mạng máy tính.	Hầu như không có kiến thức về các chủ đề nâng cao trong mạng máy tính.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide, Wendell Odom, Cisco Press, Copyright© 2010 Pearson Education, Inc. 			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Andrew S. Tanenbaum, David J. Wetheral (2003). Computer Network 5th edition. Pearson. • Cisco Networking Academy program (2003). IT Essentials. I, PC hardware software lab Companion / Cisco System Inc. Cisco press • Wayne Lewis (2005). Cisco networking Academy Program. CCNP 4: network troubleshooting companion guide. Cisco Press 			
	Trang Web/ CDs tham khảo				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Bài 1: Tổng quan Routing		10	Đọc trước chương 1 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”	

	Bài 2: Giao thức định tuyến OSPF	12	Đọc trước chương 5, 6, 7, 8 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”
	Bài 3: Giao thức định tuyến EIGRP	12	Đọc trước chương 2, 3, 4 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”
	Bài 4: Giao thức định tuyến BGP	12	Đọc trước chương 12, 13, 14, 15 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”
	Bài 5: Path control trong định tuyến	12	Đọc trước chương 9, 10, 11 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”
	Bài 6: Tổng quan về Switching	10	Đọc trước chương 20 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”
	Bài 7: VLAN và TRUNKING	12	Đọc trước chương 20 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”
	Bài 8: Các cơ chế dự phòng mạng trong Switching	10	Đọc trước chương 20 sách giáo trình “CCNP ROUTE 642-902 Official Certification Guide”
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Huỳnh Đệ Thủ, thuhd@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Lê Văn, nl.van@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

Nguyễn Khoa Giang

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Thị Thiên Trung

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Huỳnh Đệ Thủ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Thiết kế mạng máy tính Tên tiếng Anh: Computer Networks Design																				
2. Mã học phần	ITE1267E																				
3. Trình độ đào tạo	Đại học																				
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học: 90 tiết																				
5. Học phần học trước	Mạng máy tính (ITE1210E)																				
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Minh họa trực tiếp và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20). 																				
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin																				
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CĐR của CTĐT (PLOx)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td><td>Kiến thức về quy trình thiết kế mạng, các mô hình thiết kế và thiết kế theo mô hình trong các mạng doanh nghiệp.</td><td>PLO3</td><td>2.0</td></tr> <tr> <td>G2</td><td>Khả năng phân tích và hiện thực các bước thiết kế hệ thống mạng.</td><td>PLO3</td><td>3.0</td></tr> <tr> <td>G3</td><td>Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực thiết kế mạng máy tính.</td><td>PLO4, PLO7</td><td>4.0</td></tr> <tr> <td>G4</td><td>Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực thiết kế mạng máy tính để giải quyết các vấn đề trong thực tế.</td><td>PLO9</td><td>4.0</td></tr> </tbody> </table>	Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL	G1	Kiến thức về quy trình thiết kế mạng, các mô hình thiết kế và thiết kế theo mô hình trong các mạng doanh nghiệp.	PLO3	2.0	G2	Khả năng phân tích và hiện thực các bước thiết kế hệ thống mạng.	PLO3	3.0	G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực thiết kế mạng máy tính.	PLO4, PLO7	4.0	G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực thiết kế mạng máy tính để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9	4.0
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL																		
G1	Kiến thức về quy trình thiết kế mạng, các mô hình thiết kế và thiết kế theo mô hình trong các mạng doanh nghiệp.	PLO3	2.0																		
G2	Khả năng phân tích và hiện thực các bước thiết kế hệ thống mạng.	PLO3	3.0																		
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực thiết kế mạng máy tính.	PLO4, PLO7	4.0																		
G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực thiết kế mạng máy tính để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9	4.0																		
9. Chuẩn đầu ra của học phần	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>CĐR (G.x.x)</th> <th>Mô tả chuẩn đầu ra</th> <th>Mức độ giảng dạy</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td></td><td></td><td></td></tr> </tbody> </table>	CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy																	
CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy																			

		(I, T, U)
G1.1	Trình bày được những đặc điểm cơ bản cần lưu ý khi xây dựng hệ thống mạng.	T, U
G1.2	Trình bày được đặc điểm của một số công cụ hỗ trợ phổ biến trong xây dựng hệ thống mạng.	T, U
G1.3	Trình bày được các giai đoạn thiết kế mạng theo PDIOO. Trình bày được vai trò của sơ đồ mạng trong quản trị mạng.	T, U
G1.4	Trình bày được các bước thiết kế mạng LAN, WLAN, WAN.	T, U
G1.5	Trình bày được phương pháp thiết kế mạng đảm bảo tính bảo mật, tính sẵn sàng cao	T, U
G2.1	Lập hồ sơ lấy thông tin về nhu cầu khách hàng, lập hồ sơ thiết kế hệ thống mạng.	T, U
G2.2	Thiết kế mạng LAN, WLAN, WAN theo yêu cầu cụ thể, module quản trị mạng.	T, U
G2.3	Thiết kế mạng đảm bảo tính bảo mật, HA và LB.	T, U
G3.1	Làm việc hiệu quả trong một nhóm.	T, U
G3.2	Trình bày trước đám đông về các vấn đề thiết yếu trong thiết kế mạng máy tính.	T, U
G4.1	Thiết kế, đánh giá và lựa chọn mô hình thiết kế hệ thống mạng phù hợp với yêu cầu thực tế.	T, U
G4.2	Xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt và cấu hình các mô hình thiết kế hệ thống mạng.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức liên quan tới các kỹ thuật thiết kế hệ thống mạng LAN, WLAN, WAN; kiến thức về quy trình các giai đoạn thiết kế hệ thống mạng; kiến thức về các phương pháp thiết kế hệ thống mạng; Trong học phần này, sinh viên cũng được tiếp cận làm quen với các mô hình mạng doanh nghiệp vừa và nhỏ, chức năng của các thiết bị trong thiết kế hệ thống, thiết kế và cấu hình cho hệ thống LAN, WLAN, WAN; sử dụng tốt phần mềm Packet Tracer để thiết kế hệ thống mạng.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Giới thiệu tổng quan về thiết kế mạng máy tính <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Những đặc điểm cần lưu ý khi xây dựng một hệ thống mạng. 1.2 Những công cụ hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống mạng. 	G1.1, G1.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

	1.3 Xây dựng sơ đồ mạng và những đặc điểm liên quan			
2, 3	Bài 2: Phương pháp luận thiết kế mạng <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Các giai đoạn thiết kế theo PDIOO 2.2 Xác định yêu cầu khách hàng. 2.3 Đặc tả hệ thống mạng hiện tại. 2.4 Các mô hình mạng cấu trúc. 	G1.3, G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
4, 5, 6,	Bài 3: Thiết kế mạng LAN & WLAN <ul style="list-style-type: none"> 3.1 Tổng quan về mạng LAN, WLAN 3.2 Các thiết bị trong mạng LAN, WLAN. 3.3 Thiết kế mạng LAN, WLAN. 3.4 Phân tích một số mạng LAN, WLAN mẫu 	G1.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
7, 8, 9	Bài 4: Thiết kế mạng WAN <ul style="list-style-type: none"> 4.1 Tổng quan về mạng WAN 4.2 Thiết kế mạng WAN với tính bảo mật. 4.3 Thiết kế mạng WAN đảm bảo tính HA và LB 4.4 Phân tích một số mạng WAN mẫu 	G1.4, G1.5, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
10	Ôn tập	G1.1- G1.5 G2.1 G2.2 G2.3 G4.1 G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
THỰC HÀNH:				
Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Tổng quan về thiết kế mạng máy tính.	G1.1, G1.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
2, 3	Bài thực hành 2: Phương pháp luận thiết kế mạng.	G1.3, G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

			Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	
4, 5, 6	Bài thực hành 3: Thiết kế mạng LAN & WLAN	G1.4, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
7, 8, 9	Bài thực hành 4: Thiết kế mạng WAN	G1.4, G1.5, G2.3, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
10	Kiểm tra thực hành Ôn tập	G1.1- G1.5 G2.1- G2.3 G4.1 G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:			30 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1 - G4
		A1.2 Bài tập: AM2 Thuyết trình: AM3		G1.1 - G1.2 G2.1 - G.2.3 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2
		A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Thi thực hành: AM9	
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Viết báo cáo đồ án: AM7		G1.1 - G1.2 G2.1 - G.2.3 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng mô tả các khái niệm và các vấn đề phức tạp liên quan đến thiết kế mạng máy tính. Có khả	Có khả năng mô tả các khái niệm và một số vấn đề phức tạp liên quan đến thiết kế mạng máy tính. Có khả	Có khả năng mô tả các khái niệm và một số vấn đề phức tạp liên quan đến thiết kế mạng máy tính. Có khả	Có khả năng mô tả các khái niệm và các vấn đề cơ bản liên quan đến thiết kế mạng máy	Còn hạn chế nhiều trong nhận thức về các vấn đề liên quan đến thiết kế mạng máy tính.	Hầu như không có kiến thức về thiết kế mạng máy tính.

	khả năng thiết kế, cấu hình, xử lý lỗi và đánh giá các hệ thống mạng phức tạp.	năng thiết kế, cấu hình, xử lý lỗi và đánh giá một số hệ thống mạng phức tạp.	năng thiết kế, cấu hình một số hệ thống mạng phức tạp.	tính. Có khả năng thiết kế, cấu hình một hệ thống mạng cơ bản.		
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> ● Priscilla Oppenheimer (2011). Top-Down Network Design Third Edition. Cisco Press. 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> ● Matthew H. Birkner (2000). Cisco internetwork design. Cisco press ● Laura Chappell, Dan Farkas (1999). Cisco internetwork troubleshooting. Cisco Press. ● Cisco Systems (1998). Cisco CCIE fundamentals: network design and case studies. Macmillan Technical Pub 				
	Trang Web/ CDs tham khảo					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
	Bài 1: Giới thiệu tổng quan về thiết kế mạng máy tính	12	Đọc trước giáo trình chương 1 sách “Top-Down Network Design Third Edition”			
	Bài 2: Phương pháp luận thiết kế mạng	24	Đọc trước giáo trình chương 2 sách “Top-Down Network Design Third Edition”			
	Bài 3: Thiết kế mạng LAN & WLAN	30	Đọc trước giáo trình chương 5 sách “Top-Down Network Design Third Edition”			
	Bài 4: Thiết kế mạng WAN	24	Đọc trước giáo trình chương 5 sách “Top-Down Network Design Third Edition”			
	Tổng số tiết tự học	90				
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Huỳnh Đệ Thủ, thuhd@uef.edu.vn 2. KS. Nguyễn Minh Thắng, thangnm@uef.edu.vn					

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hà Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Vũ Ngân Phương

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Huỳnh Đệ Thủ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Quản trị mạng Tên tiếng Anh: Network Administrator		
2. Mã học phần	ITE1241E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1210E – Mạng máy tính		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Nắm vững kiến thức thực tế để xây dựng một hệ thống mạng máy tính tối ưu. Nắm vững cách giám sát, phát hiện các rủi ro gây ảnh hưởng đến hiệu suất mạng	PLO3, PLO7	3.0
G2	Kỹ năng triển khai hệ thống mạng, phát hiện tim lõi và đưa ra cách khắc phục, quản trị hệ thống	PLO5, PLO9	4.0
G3	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý vấn đề, có tính kỷ luật, có đạo đức và lòng yêu nghề	PLO10	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CĐR (G,x,x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy	

		(I, T, U)
G1.1	Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành mạng các kiến thức, kỹ năng cơ bản nền tảng về quản trị mạng, kiểm tra, giám sát quản lý toàn bộ cơ sở hạ tầng nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động tốt	I, T
G1.2	Cung cấp thông tin đánh giá giúp nâng cấp hệ thống, báo cáo khách hàng...	I, T
G2.1	Sinh viên có khả năng triển khai hệ thống mạng, giám sát mạng, xây dựng, cài đặt và quản lý hệ thống mạng hoạt động hiệu quả	T, U
G2.2	Có khả năng phát hiện tìm lỗi và đưa ra các giải pháp khắc phục nhằm nâng cao khả năng đáp ứng của hệ thống mạng.	T, U
G3.1	Có tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao, có lòng yêu nghề, đạo đức nghề nghiệp	T, U
G3.2	Năng động, sáng tạo trong công việc.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học đảm bảo cho sinh viên ngành mạng máy tính và truyền thông nắm vững kiến thức thực tế về việc xây dựng một hệ thống mạng máy tính tối ưu và cách thức giám sát, phát hiện các rủi ro gây ảnh hưởng đến hiệu suất mạng.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về Quản trị mạng và Công cụ quản trị 1.1 Quản trị mạng và nhiệm vụ của Quản trị viên Các phương pháp điều tra 1.2 Phần mềm quản trị mạng	G1.1, G1.2, G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
2	Bài 2: Giao thức quản trị mạng SNMP 2.1 Tổng quan, các khái niệm cơ bản. 2.2 Mô hình máy chủ - máy khách 2.3 Cấu trúc bảng MIB 2.4 Cơ chế hoạt động	G1.1, G1.2, G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
3, 4	Bài 3: Solarwin và Netflow analyzer 3.1 Khái niệm hiệu suất hệ thống, mục đích đo lường, các giá trị đo 3.2 Tổng quan, cách thiết lập và các tính năng của Solarwin	G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả	A1.1 A1.2

	3.3 Giới thiệu Netflow Analyzer, cách thiết lập và tính năng sử dụng		lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
5	Bài 4: Quản trị người dùng và xây dựng chính sách quản trị 4.1 Tạo người dùng 4.2 Tạo nhóm người dùng 4.3 Phân quyền 4.4 Chính sách người dùng	G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
6, 7	Bài 5: Quản lý chất lượng dịch vụ mạng 5.1 Mô hình INTSERV, DIFFSERV 5.2 Nguyên lý hoạt động 5.3 Ưu, khuyết điểm 5.4 Traffic shaping 5.5 Traffic policing	G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
8, 9	Bài 6: Cân bằng tải và ảo hóa 6.1 Khái niệm cân bằng tải 6.2 Sự cần thiết của cân bằng tải 6.3 Cơ chế hoạt động 6.4 Các công nghệ ảo hóa phổ biến	G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
10	Bài 7: Báo cáo, vấn đáp đồ án cuối kì	G1.2, G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A3.
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Tổng quan về Quản trị mạng và Công cụ quản trị	G1.1, G1.2, G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Giao thức quản trị mạng SNMP	G1.1, G1.2, G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

			Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	
3	Bài thực hành 3: Solarwin và Netflow analyzer	G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 3: Solarwin và Netflow analyzer (tt)	G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 4: Quản trị người dùng và xây dựng chính sách quản trị	G2.1, G3.1,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 5: Quản lý chất lượng dịch vụ mạng	G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 5: Quản lý chất lượng dịch vụ mạng (tt)	G3.1, G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 6: Cân bằng tải và ảo hóa	G3.1, G3.2,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 6: Cân bằng tải và ảo hóa (tt)	G3.1, G3.2,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Kiểm tra thực hành	G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2	Sinh viên làm bài tập kiểm tra	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1 - G4	10%
		A1.2 Bài tập: AM2 Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1 - G1.2, G2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2	20%
			G1.1 - G1.2, G2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Thi Thực hành: AM9	G1.1 - G1.2, G2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7	G1.1 - G1.2, G2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Nội dung	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Đồ án môn học quản trị mạng với chủ đề: - Triển khai hệ thống mạng - Cài đặt giám sát, phân tích hệ thống mạng	Kém	Không xác định rõ đề tài để thực hiện
	Yếu	Xác định được nội dung đề tài để thực hiện
	Trung bình	Xác định được tất cả các thông tin, nội dung và cách thức để triển khai
	Khá	- Đạt mức trung bình - Triển khai và giám sát được hệ thống mạng nhỏ
	Giỏi	- Đạt được mức khá - xây dựng hệ thống mạng tối ưu, sử dụng các công cụ giám sát thành thạo
	Xuất sắc	- Đạt được mức giỏi - Tìm hiểu được những tính năng mới trong giám - Phân tích, xử lý được vấn đề khi sự cố xảy ra
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • MCSA Windows Server 2016 Complete Study Guide: Exams 70-740, 70-741, 70-742, 70-743, William Panek.
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • James F. Kurose and Keith W. Ross – Computer Networking A Top-Down Approach 6th – Pearson Education, 2013. ISBN-13: 978-0-13-285620-1, ISBN-10: 0-13-285620-4 • Wendell Odom and Michael J. Cavanaugh – IP Telephony Self-Study Cisco QoS Exam Certification Guide, second Edition – Cisco press, 2005. ISBN 1-58720-124-0

		<ul style="list-style-type: none"> Essential SNMP, 2nd Edition-Douglas Mauro & Kevin Schmidt Performance and Fault Management, Cisco Press, June 2000-James M.Thompson 	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 1: Tổng quan về Quản trị mạng và Công cụ quản trị	9	Đọc trước giáo trình bài 1 Cài đặt PRTG
	BÀI 2: Giao thức quản trị mạng SNMP	9	Đọc trước giáo trình bài 2 Phân tích gói tin SNMP Làm các bài tập bài 1
	BÀI 3: Solarwin và Netflow analyzer	18	Đọc trước giáo trình bài 3, Cài đặt Nfsense Làm các bài tập bài 2
	BÀI 4: Quản trị người dùng và xây dựng chính sách quản trị	9	Đọc trước giáo trình bài 4 Tạo người dùng và phân quyền trên windows Server và Linux
	BÀI 5: Quản lý chất lượng dịch vụ mạng	18	Đọc trước giáo trình bài 5, Phân tích gói tin Làm các bài tập bài 4
	BÀI 6: Cân bằng tải và ảo hóa	27	Làm bài tập bài 5 Thực hành các bài LAB cân bằng tải, cài đặt máy ảo trên Windows và Linux
Tổng số tiết tự học		90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Huỳnh Đệ Thủ, thuhd@uef.edu.vn 2. ThS. Lê Duy An, anld@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

Văn Khí Thiên Giang

Huỳnh Đệ Thủ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Lập trình mạng máy tính Tên tiếng Anh: Computer Network Programming		
2. Mã học phần	ITE1255E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC		
5. Học phần học trước	ITE1210E - Mạng máy tính		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng, nắm vững mô hình tham chiếu mạng OSI, mô hình TCP/IP và cách thức truyền thông tin qua các mô hình.	PLO3, PLO7	3.0
G2	Nắm vững các lớp hỗ trợ lập trình ứng dụng mạng của ngôn ngữ C#. Hiểu được cách thiết kế và xây dựng ứng dụng mạng theo các kỹ thuật khác nhau.	PLO3, PLO7	3.0
G3	Có kỹ năng thiết kế các hệ thống ứng dụng mạng trong thực tế. Sử dụng thành thạo ngôn ngữ C# để xây dựng các ứng dụng mạng. Có khả năng bảo trì và phát triển ứng dụng mạng trong thực tế.	PLO5	4.0

G4	Sinh viên chủ động xem tài liệu trước khi tham dự bài giảng. Sinh viên cần tham gia đầy đủ các bài giảng và chủ động đặt các câu hỏi. Thái độ học tập nghiêm túc, chăm chỉ, tích cực tham gia làm việc nhóm, sinh viên có thái độ yêu thích môn học	PLO5 PLO10	4.0
----	---	---------------	-----

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được cách thức truyền thông tin qua các mô hình OSI, TCP/IP	I, T
G2.1	Nắm vững các lớp hỗ trợ lập trình ứng dụng mạng của ngôn ngữ C#, cách sử dụng lớp Socket	I, T
G2.2	Hiểu được cách thiết kế và xây dựng ứng dụng mạng theo các kỹ thuật khác nhau.	I, T
G3.1	Có khả năng thiết kế được các ứng dụng trong thực tế	T, U
G3.2	Có khả năng bảo trì và phát triển ứng dụng mạng	T, U
G3.3	Sử dụng thành thạo ngôn ngữ C# để xây dựng các ứng dụng mạng	T, U
G4.1	Hình thành khả năng nhìn nhận tổng quan về mô hình triển khai các ứng dụng mạng	T, U
G4.2	Luyện tập khả năng làm việc nhóm, thể hiện thái độ làm việc chăm chỉ	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần Lập trình mạng cung cấp cho sinh viên các khái niệm về cách thiết kế ứng dụng mạng như: ứng dụng mạng sử dụng giao tiếp hướng kết nối, ứng dụng mạng giao tiếp phi kết nối, ứng dụng mạng xử lý đồng bộ hoặc bất đồng bộ, ...

Sinh viên cũng được trang bị các kiến thức nền tảng của chồng giao thức mạng và cách gói tin đi qua các tầng giao thức này nhằm xử lý những ứng dụng mạng phức tạp trong thực tế.

Ngoài ra, môn học cung cấp cách thức sử dụng ngôn ngữ C# và các lớp được hỗ trợ để xây dựng ứng dụng mạng một cách nhanh chóng và chuyên nghiệp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1. Giới thiệu về Lập trình mạng 1.1. Mô hình TCP/IP 1.2. Giao thức TCP 1.3. Giao thức UDP 1.4. Ngôn ngữ C# 1.5. Giới thiệu lập trình mạng	G1.1, G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2

	1.6. Lập trình mạng với C# 1.7. Mô hình hoạt động của ứng dụng mạng			
2	Bài 2. Căn bản về Socket trong C# 2.1 Giới thiệu Socket 2.2 Lớp Socket trong C# 2.3 Các lớp phân giải DNS trong C#	G1.1, G2.1 G2.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
3	Bài 3. Lập trình ứng dụng hướng kết nối TCP 3.1 Mô hình Client – Server của ứng dụng TCP 3.2 Lớp Socket C# 3.3 Xây dựng ứng dụng Server 3.4 Xây dựng ứng dụng Client	G2.1, G2.2 G2.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
4	Bài 4. Lập trình ứng dụng phi kết nối UDP 4.1 Mô hình Client – Server của ứng dụng UDP 4.2 Xây dựng ứng dụng Server 4.3 Xây dựng ứng dụng Client	G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
5	Bài 5. Các lớp hỗ trợ lập trình mạng trong C# 5.1 Lớp TcpListener 5.2 Lớp TcpClient 5.3 Lớp UdpClient	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
6	Bài 6. Xử lý ứng dụng đồng bộ 6.1 Dùng .NET asynchronous socket 6.2 Dùng phương thức non-blocking socket	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
7	Bài 7. Lập trình ứng dụng mạng multi-thread 7.1 Quản lý process 7.2 Lớp Thread C# 7.3 Sử dụng thread cho ứng dụng Server 7.4 Sử dụng Thread cho việc truyền nhận dữ liệu 7.5 Lớp ThreadPool C#	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2

	7.6 Sử dụng ThreadPool cho ứng dụng Server			
8	Bài 8. Lập trình ứng dụng Broadcast và Multicast 8.1 Truyền gói tin Broadcast 8.2 Truyền gói tin Multicast	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
9	Bài 9. Lập trình mạng ngang hàng 9.1 Mạng ngang hàng 9.2 Peer Name Resolution Protocol 9.3 Xây dựng ứng dụng P2P	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
10	Bài 10. Lập trình HTTP, Email với SMTP và POP3 10.1 Các lớp hỗ trợ lập trình web trong C# 10.2 Lập trình web service 10.3 Cơ bản về email 10.2 Giao thức SMTP 10.4 Giao thức POP3 10.5 Ứng dụng nhận email POP3	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1, A1.2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1. Giới thiệu về Lập trình mạng	G1.1, G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài 2. Căn bản về Socket trong C#	G1.1, G2.1 G2.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài 3. Lập trình ứng dụng hướng kết nối TCP	G2.1, G2.2 G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài 4. Lập trình ứng dụng phi kết nối UDP	G2.2 G2.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2

		G3.1	Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	
5	Bài 5. Các lớp hỗ trợ lập trình mạng trong C#	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài 6. Xử lý ứng dụng đồng bộ	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài 7. Lập trình ứng dụng mạng multi-thread	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài 8. Lập trình ứng dụng Broadcast và Multicast	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài 9. Lập trình mạng ngang hàng	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
10	Bài 10. Lập trình HTTP, Email với SMTP và POP3	G2.2 G2.3 G3.1 G3.2 G3.3 G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1 - G4	10%
		A1.2 Bài tập: AM2	G1.1 G2.1 - G2.3 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	20%

	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập: AM2 Kiểm tra thực hành AM9	G1.1 G2.1 - G2.3 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (Kết hợp AM3, AM8 nếu có)	G1.1 G2.1 - G2.3 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng thiết kế ứng dụng mạng, sử dụng được ngôn ngữ C# để xây dựng ứng dụng mạng nâng cao, phức tạp một cách nhanh chóng và chuyên nghiệp	Có khả năng thiết kế ứng dụng mạng, hiểu rõ các giao thức mạng và cách gói tin tin đi qua các tầng giao thức, sử dụng được ngôn ngữ C# để lập trình cơ bản	Có khả năng thiết kế ứng dụng mạng, hiểu rõ các giao thức mạng và cách gói tin tin đi qua các tầng giao thức, sử dụng được C# để lập trình cơ bản	Nắm được các khái niệm truyền tin trong các giao thức, hiểu được cách dùng ngôn ngữ C#	Còn hạn chế nhiều trong tư duy giải thuật, mô hình TCP/IP	Hầu như không có kiến thức về lập trình.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	• Richard Blum (2003). C sharp Network Programming. SYBEX				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	• Douglas C. Schmidt, Stephen D. Huston (2002, 2003). C++ network programming. Addison-Wesley. • Harold, Elliotte Rusty (2004). Java Network Programming: 3rd Ed. O'Reilly • Jones, Anthony, Jim, Ohlund (1999). Network programming for Microsoft Windows. Microsoft Press				
	Trang Web/ CDs tham khảo					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
	Bài 1. Giới thiệu về Lập trình mạng	9	Đọc trước giáo trình Bài 1			
	Bài 2. Căn bản về Socket trong C#	9	Đọc trước giáo trình Bài 2 Làm các bài tập Bài 1			
	Bài 3. Lập trình ứng dụng hướng kết nối TCP	9	Đọc trước giáo trình Bài 3 Làm các bài tập Bài 2			

	Bài 4. Lập trình ứng dụng phi kết nối UDP	9	Đọc trước giáo trình Bài 4 Làm các bài tập Bài 3
	Bài 5. Các lớp hỗ trợ lập trình mạng trong C#	9	Đọc trước giáo trình Bài 5 Làm các bài tập Bài 4
	Bài 6. Xử lý ứng dụng đồng bộ	9	Đọc trước giáo trình Bài 6 Làm các bài tập Bài 5
	Bài 7. Lập trình ứng dụng mạng multi-thread	9	Đọc trước giáo trình Bài 7 Làm các bài tập Bài 6
	Bài 8. Lập trình ứng dụng Broadcast và Multicast	9	Đọc trước giáo trình Bài 8 Làm các bài tập Bài 7
	Bài 9. Lập trình mạng ngang hàng	9	Đọc trước giáo trình Bài 9 Làm các bài tập Bài 8
	Bài 10. Lập trình HTTP, Email với SMTP và POP3	9	Đọc trước giáo trình Bài 10 Làm các bài tập Bài 9
	Tổng số tiết tự học	90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Huỳnh Đệ Thủ, thuhd@uef.edu.vn 2. ThS. Lê Duy An, anld@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hà Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Thị Kiều Trang

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Huỳnh Đệ Thủ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: An toàn thông tin cho ứng dụng Web Tên tiếng Anh: Website Security		
2. Mã học phần	ITE1268Es		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Số tiết lý thuyết: 45 tiết Số tiết tự học: 135 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1257E – Bảo mật thông tin		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	<p>Môn học đảm bảo cho sinh viên ngành an toàn thông tin hoàn chỉnh kiến thức về web và giải pháp bảo mật chống tấn công web.</p> <p>Sinh viên có thể làm việc được ngay sau khi ra trường vì nhu cầu xã hội về độ ngũ phát triển hoặc kiểm tra lỗi bảo mật web ra rất cao trong xã hội Internet hiện nay.</p>	PLO3, PLO7	3.0
G2	<p>Phân tích lỗ hổng website, phát hiện những mối nguy hại đến website</p> <p>Ngăn ngừa những lỗ hổng website, tăng cường độ an toàn và bảo mật cho website</p>	PLO5	4.0

G3	Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm trong công việc và cầu tiến trong công việc	PLO10	4.0	
9. Chuẩn đầu ra của học phần				
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)		
G1.1	Môn học đảm bảo cho sinh viên ngành an toàn thông tin hoàn chỉnh kiến thức về web và giải pháp bảo mật chống tấn công web.	I, T		
G1.2	Nắm được các kỹ thuật tấn công ứng dụng web phổ biến hiện nay	I, T		
G1.3	Nắm được các kỹ thuật cốt lõi mà ứng dụng web hỗ trợ	T, U		
G2.1	Có khả năng phân tích lỗ hổng website, phát hiện những mối nguy hại đến website	T, U		
G2.2	Có khả năng Ngăn ngừa những lỗ hổng website, tăng cường độ an toàn và bảo mật cho website	T, U		
G3.1	Có tính kỷ luật, tinh thần trách nhiệm cao, có lòng yêu nghề, đạo đức nghề nghiệp	T, U		
G3.2	năng động, sáng tạo trong công việc.	T, U		
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần				
Môn học gồm trình bày nhu cầu triển khai ứng dụng web an toàn trong môi trường mạng Internet hiện nay; các kỹ thuật bảo vệ cốt lõi mà ứng dụng web hỗ trợ; các kỹ thuật tấn công ứng dụng web như: lập bản đồ ứng dụng web, tấn công bô qua sự điều khiển, tấn công chứng thực, tấn công phiên làm việc, tấn công cơ sở dữ liệu, tấn công, tấn công người sử dụng, tấn công giả mạo dữ liệu,...; các kỹ thuật quét lỗi cơ bản; các kỹ thuật mã hóa dữ liệu; các kỹ thuật web lỗi tự động và quét lỗi nhiều mặt.				
11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy				
LÝ THUYẾT:				
Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về internet và an toàn web <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Các chức năng thông dụng của ứng dụng web 1.2 Ưu điểm của ứng dụng web 1.3 Tính an toàn của ứng dụng web 1.4 Các nguy cơ và giải pháp bảo vệ 	G1.1, G1.2	<p>Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi.</p> <p>Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.</p>	A1.1 A1.2

2	Bài 2: Các cơ chế bảo vệ cốt lõi của web 2.1 Kiểm soát sự truy cập của người dùng 2.2 Kiểm soát dữ liệu nhập 2.3 Kiểm soát tấn công 2.4 Quản lý ứng dụng	G1.1, G1.2, G1.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
3	Bài 3: Lập bản đồ ứng dụng web và Các kỹ thuật bỏ qua sự điều khiển phía client 3.1 Thu thập nội dung và chức năng của ứng dụng web 3.2 Phân tích ứng dụng web 3.3 Truyền dữ liệu thông qua client 3.4 Bắt dữ liệu người dùng 3.5 Kiểm soát an toàn dữ liệu phía máy khách	G1.3 G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
4, 5	Bài 4: Các kỹ thuật tấn công chứng thực và các kỹ thuật tấn công phiên làm việc 4.1 Các công nghệ chứng thực 4.2 Thiết kế cơ chế tấn công chứng thực và giải pháp an toàn chứng thực 4.3 Nhu cầu duy trì trạng thái, điểm yếu của việc phát sinh và kiểm soát mã phiên giao tiếp 4.4 Giải pháp quản lý an toàn phiên giao tiếp	G1.3 G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
6, 7	Bài 5: Các kỹ thuật tấn công kiểm soát truy cập và các kỹ thuật tấn công cơ sở dữ liệu và tấn công logic ứng dụng 5.1 Các nguy cơ thông dụng 5.2 Các kỹ thuật tấn công kiểm soát truy cập 5.3 Giải pháp an toàn kiểm soát truy cập 5.4 Tấn công chèn vào ngữ cảnh giao tiếp 5.5 Tấn công chèn mã độc SQL 5.6 Tấn công chèn mã độc không SQL 5.7 Tấn công XPath	G1.3 G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A2

	5.8 Tấn công LDAP			
8, 9	Bài 6: Các kỹ thuật tấn công người sử dụng: Cross-Site-Scripting và các kỹ thuật khác 6.1 Tổng quan XSS 6.2 Các kỹ thuật tấn công XSS 6.3 Giải pháp ngăn chặn tấn công XSS 6.4 Tấn công trình duyệt 6.5 Tấn công ActiveX Controls	G1.3 G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
10, 11	Bài 7: Tấn công AJAX 7.1 Quan sát các yêu cầu Ajax 7.2 Nhận biết javascript trong ajax 7.3 Theo dõi dữ liệu phản hồi của ajax 7.4 Tấn công ajax bằng cách chèn dữ liệu 7.5 Tấn công ajax bằng cách chèn XML 7.6 Tấn công ajax bằng cách chèn JSON	G1.3 G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
12, 13	Bài 8: Tấn công máy chủ web 8.1 Các nguy cơ trong tập tin cấu hình máy chủ web 8.2 Các nguy cơ của phần mềm máy chủ 8.3 Các tường lửa của ứng dụng web	G1.3 G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
14	Bài 9: Các kỹ thuật Mã hóa dữ liệu web 9.1 Mã hóa và hàm băm 9.2 SSL 9.3 L2TP, IPSEC 9.4 Chứng chỉ cho WWW	G1.3 G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
15	Bài 10: Quy trình và các kỹ thuật quét lỗi web tự động 10.1 Các tác vụ tự động hóa với cURL 10.2 Tự động hóa với LibWWWPerl	G1.3 G2.1, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x) Tỷ lệ

đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1 - G3	10%
		A1.2 Bài tập: AM2 Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1 - G1.3 G.2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập: AM2 Bài lab thực hành ở nhà AM9	G1.1 - G1.3 G.2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7 (kết hợp AM8, AM3 nếu có)	G1.1 - G1.3 G.2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Nội dung	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá
1. Đồ án môn học với chủ đề: - Phân tích lỗ hổng và phát hiện các nguy hại đến website - Sử dụng công cụ để khai thác lỗ hổng web - phát hiện mối đe dọa và đưa ra giải pháp ngăn ngừa	Kém	Không xác định rõ đề tài để thực hiện
	Yếu	Xác định được nội dung đề tài để thực hiện
	Trung bình	Xác định được tất cả các thông tin, nội dung và cách thức để triển khai
	Khá	- Đạt mức trung bình - Phân tích được lỗ hổng website, phát hiện các mối nguy hại đến website
	Giỏi	- Đạt được mức khá - Đưa ra được giải pháp ngăn ngừa những lỗ hổng website
	Xuất sắc	- Đạt được mức giỏi - Tăng cường độ bảo mật cho website - Demo hoàn chỉnh quy trình khai thác, tấn công website

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> ● Paco Hope and Ben Walther (2008). Web Security Testing Cookbook. O'REILLY, ISBN: 978-0-596-51483-9
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> ● Schackow, Stefan (2006). Professional ASP.NET 2.0 security, membership, and role management. Wiley Pub, Indianapolis, In. ● Lockhart, Andrew (2004). Network security hacks. O'Reilly.
	Trang Web/ CDs tham khảo	

	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Bài 1: Tổng quan về internet và an toàn web	9	Đọc trước giáo trình bài 1 Tìm hiểu lý thuyết, làm bài tập về nhà do giảng viên cho trước ở lớp
	Bài 2: Các cơ chế bảo vệ cốt lõi của web	9	Đọc trước giáo trình bài 2 Làm các bài tập bài 1
	Bài 3: Lập bản đồ ứng dụng web và Các kỹ thuật bô qua sự điều khiển phía client	9	Đọc trước giáo trình bài 3, Làm các bài tập bài 2
	Bài 4: Các kỹ thuật tấn công chứng thực và các kỹ thuật tấn công phiên làm việc	9	Đọc trước giáo trình bài 4 Làm các bài tập bài 3
	Bài 5: Các kỹ thuật tấn công kiểm soát truy cập và các kỹ thuật tấn công cơ sở dữ liệu và tấn công logic ứng dụng	18	Đọc trước giáo trình bài 5, Làm các bài tập bài 4
	Bài 6: Các kỹ thuật tấn công người sử dụng: Cross-Site-Scripting và các kỹ thuật khác	18	Đọc trước giáo trình bài 6, Làm bài tập bài 5
	Bài 7: Tấn công AJAX	18	Đọc trước giáo trình bài 7, Làm bài tập bài 6
	Bài 8: Tấn công máy chủ web	18	Đọc trước giáo trình bài 8, Làm bài tập bài 7
	Bài 9: Các kỹ thuật Mã hóa dữ liệu web	18	Đọc trước giáo trình bài 9, Làm bài tập bài 8
	Bài 10: Quy trình và các kỹ thuật quét lỗi web tự động	18	Đọc trước giáo trình bài 10, Làm bài tập bài 9
Tổng số tiết tự học		135	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Huỳnh Đệ Thủ, thuhd@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Lê Văn, nl.van@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hà Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Thị Thiên Trung

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Huỳnh Đệ Thủ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: An toàn hệ thống mạng máy tính Tên tiếng Anh: Computer Network Security		
2. Mã học phần	ITE1223E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Mạng máy tính (ITE1210E)		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Minh họa trực tiếp và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức về các kỹ thuật an toàn hệ thống mạng máy tính.	PLO3	2.0
G2	Khả năng phân tích và hiện thực các giải pháp an ninh máy tính.	PLO3	3.0
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực an toàn hệ thống mạng máy tính.	PLO4	4.0
G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực an toàn hệ thống mạng máy tính để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO7, PLO9	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy	

		(I, T, U)
G1.1	Trình bày được nguyên nhân tấn công mạng máy tính.	T, U
G1.2	Phân loại và trình bày được đặc điểm cơ bản các lỗ hổng trong hệ thống mạng.	T, U
G1.3	Trình bày được các nhóm giải pháp sử dụng để phát hiện và phòng chống xâm nhập mạng.	T, U
G1.4	Trình bày được vai trò của các công cụ giám sát của hệ thống mạng phân tích các lỗ hổng ở tầng ứng dụng.	T, U
G1.5	Trình bày được các đặc điểm chính của các công cụ phân tích lỗ hổng trong các thiết bị và giao thức mạng.	T, U
G1.6	Trình bày được đặc điểm và cơ chế hoạt động của Firewall, VPN, NAT, IDS/IPS	T, U
G2.1	Cài đặt và cấu hình được các công cụ phân tích lỗ hổng mạng.	T, U
G2.2	Cài đặt và cấu hình các giải pháp an ninh hạ tầng mạng, giám sát mạng và phát hiện xâm nhập mạng.	T, U
G2.3	Cài đặt và cấu hình được các hệ thống mạng an toàn và giao thức bảo mật.	T, U
G3.1	Làm việc hiệu quả trong một nhóm.	T, U
G3.2	Trình bày trước đám đông về các vấn đề thiết yếu trong lĩnh vực an toàn hệ thống mạng máy tính.	T, U
G4.1	Đánh giá và lựa chọn giải pháp an ninh mạng phù hợp cho các mạng thực tế.	T, U
G4.2	Xây dựng giải pháp an ninh và xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt và cấu hình.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về an ninh mạng máy tính; kiến thức về các kỹ thuật, công cụ phân tích các lỗ hổng trong hệ thống mạng; các kỹ thuật bảo mật hạ tầng mạng như Firewall, IDS/IPS; các kỹ thuật trong bảo mật ứng dụng; chính sách và thủ tục an toàn hệ thống mạng; quản trị hệ thống mạng an toàn.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về an toàn hệ thống mạng 1.1 Giới thiệu. 1.2 Các mô hình an toàn hệ thống mạng. 1.3 Chiến lược an toàn hệ thống mạng.	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

	1.4 Các nguy cơ mất an toàn hệ thống mạng. 1.5 Tấn công hệ thống mạng. 1.6 Nguyên tắc xây dựng một hệ thống mạng an toàn.			
2	Bài 2: Nhận dạng các nguy cơ tiềm năng và tấn công hệ thống mạng 2.1 Tính toán các chiến lược tấn công. 2.2 Nhận dạng các kỹ thuật tấn công thông dụng: truy vết, quét, liệt kê. 2.3 Nhận biết mã độc và virus. 2.4 Các bước tấn công hệ thống. 2.5 Cách phòng chống. 2.6 Các ví dụ tấn công hệ thống.	G1.1, G1.2, G1.3, G1.5, G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
3	Bài 3: Các kỹ thuật nghe lén và phân tích gói tin 3.1 Giới thiệu. 3.2 Phân loại tấn công nghe lén. 3.3 Các kỹ thuật nghe lén chủ động. 3.4 Các công cụ phân tích gói tin.	G1.2, G1.4, G2.1, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
4, 5	Bài 4: An ninh hạ tầng mạng, giám sát mạng và phát hiện xâm nhập 4.1 Giải pháp và lộ trình xây dựng bảo mật hạ tầng mạng. 4.2 Thiết kế mô hình mạng an toàn. 4.3 Chính sách an toàn mạng. 4.4 An ninh thiết bị hạ tầng mạng Router, Switch và công cụ quản trị. 4.5 Tổng quan về giám sát mạng và các công cụ. 4.6 Hệ thống phát hiện xâm nhập IDS Snort. 4.7 Hệ thống ngăn chặn xâm nhập IPS trên router và quản trị bằng SDM.	G1.3, G1.4, G1.6, G2.2, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
6, 7	Bài 5: Cài đặt, duy trì hệ thống mạng an toàn và giao thức bảo mật 5.1 Tổng quan 5.2 Một số firewall và proxy phổ biến.	G1.6, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài	A1.1 A1.2

	5.3 IPTable 5.4 SQUID 5.5 ASA 5.6 Các giao thức bảo mật mạng Kerberos, IPSEC, SSL 5.7 Mạng riêng ảo (VPN)	G4.2	tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	
8	Bài 6: Chính sách và thủ tục an toàn mạng 6.1 Hiểu về sự cần thiết của tính liên tục trong hoạt động kinh doanh (sự tiện dụng, nhân bản, khả năng chống chịu lỗi) 6.2 Công nghệ RAID 6.3 Khôi phục hệ thống mạng khi gặp lỗi 6.4 Phát sinh chính sách và thủ tục an toàn mạng 6.5 Quản lý quyền truy cập	G1.3, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
9	Bài 7: Quản trị mạng an toàn 7.1 Hiểu quản lý mạng an toàn 7.2 Đơn giản hóa việc quản trị 7.3 Hiểu về vai trò của đào tạo và nhận thức an toàn mạng 7.4 Tiêu chuẩn ISO 27001, 27002 7.5 Security checklist	G1.4, G1.6, G2.2, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
10	Ôn tập	G1.1- G1.6, G2.1, G2.2, G2.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Tổng quan về an toàn hệ thống mạng.	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G1.5	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2

2	Bài thực hành 2: Nhận dạng các nguy cơ tiềm năng và tấn công hệ thống mạng.	G1.1, G1.2, G1.3, G1.5, G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Các kỹ thuật nghe lén và phân tích gói tin.	G1.2, G1.4, G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
4, 5	Bài thực hành 4: An ninh hạ tầng mạng, giám sát mạng và phát hiện xâm nhập.	G1.3, G1.4, G1.6, G2.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
6, 7	Bài thực hành 5: Hệ thống mạng an toàn và giao thức bảo mật.	G1.6, G2.3, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 6: Chính sách và thủ tục an toàn mạng.	G1.3	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 7: Quản trị mạng an toàn.	G1.4, G1.6, G2.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
10	Kiểm tra thực hành Ôn tập	G1.1 - G1.6, G2.1, G2.2, G2.3, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hiện bài tập thực hành.	A1.1 A2
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
				Tỷ lệ

đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1.1-G1.6 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	10%
		A1.2 Bài tập: AM2 Thuyết trình: AM3	G1.1-G1.6 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Thi thực hành: AM9	G1.1-G1.6 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Viết báo cáo đồ án: AM7	G1-G4	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và các vấn đề phức tạp liên quan đến an toàn hệ thống mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống mạng an toàn, bảo mật tốt. Có khả năng thiết kế, đánh giá các hệ thống mạng an toàn, bảo mật tốt.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến an toàn hệ thống mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống mạng an toàn bảo mật tốt. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống mạng an toàn.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến an toàn hệ thống mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống mạng an toàn bảo mật tốt.	Có khả năng mô tả các khái niệm, dịch vụ mạng và một số vấn đề phức tạp liên quan đến an toàn hệ thống mạng máy tính. Có khả năng cấu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống mạng an toàn bảo mật tốt.	Còn hạn chế nhiều trong nhận thức về các vấn đề liên quan đến an toàn hệ thống mạng máy tính.	Hầu như không có kiến thức về an toàn hệ thống mạng máy tính.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • William Stallings (2011). Network Security Essentials: Applications and Standards, 4th edition. Prentice Hall. 				

	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Michael J. Wenstrom (2001). Managing Cisco network security. Cisco Press. • Tony Bradley (2006). Essential computer security: Everyone's guide to email, internet and wireless security. Syngress Pub • Stuart McClure, Saumil Shah, Shreeraj Shah (2002). Web Hacking: Attacks and Defense Paperback. Addison-Wesley Professional 	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	
	Bài 1: Tổng quan về an toàn hệ thống mạng	12	Đọc trước chương 1 sách giáo trình: "Network Security Essentials: Applications and Standards"
	Bài 2: Nhận dạng các nguy cơ tiềm năng và tấn công hệ thống mạng	12	Đọc trước chương 1, chương 10 sách giáo trình: "Network Security Essentials: Applications and Standards"
	Bài 3: Các kỹ thuật nghe lén và phân tích gói tin	18	Đọc trước chương 1 sách giáo trình: "Network Security Essentials: Applications and Standards"
	Bài 4: An ninh hạ tầng mạng, giám sát mạng và phát hiện xâm nhập	12	Đọc trước chương 9 sách giáo trình: "Network Security Essentials: Applications and Standards"
	Bài 5: Cài đặt, duy trì hệ thống mạng an toàn và giao thức bảo mật	12	Đọc trước chương 11 sách giáo trình: "Network Security Essentials: Applications and Standards"
	Bài 6: Chính sách và thủ tục an toàn mạng	12	Đọc trước chương 13 sách giáo trình: "Network Security Essentials: Applications and Standards"
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	Bài 7: Quản trị mạng an toàn	12	Đọc trước chương 12 sách giáo trình: "Network Security Essentials: Applications and Standards"
	Tổng số tiết tự học	90	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Hồ Giang

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

Văn Khoa Kỹ Thuật Thông Tin

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Huỳnh Trọng Thừa

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Điều tra số Tên tiếng Anh: Computer Hacking Forensic Investigator		
2. Mã học phần	ITE1258E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1223E – An toàn hệ thống mạng máy tính		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Lập trình ví dụ mẫu và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Khái niệm Cracking, các công cụ, các loại tấn công mật khẩu và làm thế nào để điều tra hành vi vi phạm mật khẩu bảo vệ tập tin	PLO3, PLO7	3.0
G2	Làm thế nào để điều tra các bản ghi, lưu lượng mạng, các cuộc tấn công không dây, và các cuộc tấn công web, theo dõi email và điều tra tội phạm e-mail và nhiều hơn nữa	PLO3, PLO7	3.0
G3	Kỹ năng dùng công cụ dò tìm phát hiện các dữ liệu bị mất, phân tích dữ liệu.	PLO5	4.0
G4	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý vấn đề, thiết kế được các giải pháp ngăn ngừa tấn công phù hợp với thực tế của doanh nghiệp, tổ chức	PLO10	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần		
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Nắm được các kiến thức về thu thập thông tin, chứng cứ	I, T
G1.2	Nắm được các kiến thức, quy trình điều tra tìm ra mục tiêu	I, T
G2.1	Nắm được cách triều tra bản ghi, các cuộc tấn công web, tấn công không dây	T, U
G2.2	Hiểu được cách theo dõi email và điều tra tội phạm email	T, U
G3.1	Có khả năng sử dụng công cụ dò tìm phát hiện dữ liệu bị mất, bị xóa, các thông tin cần thiết cho điều tra	T, U
G3.2	Có khả năng phân tích dữ liệu trên Windows, Linux, IOS	T, U
G4.1	Hình thành nhận thức về phát hiện vấn đề và xử lý các thông tin, dữ liệu, lập báo cáo	T, U
G4.2	Luyện tập khả năng tự định hướng, thể hiện thái độ làm việc chăm chỉ, có cường độ cao và chú ý đến chi tiết để xây dựng được các giải pháp ngăn ngừa tấn công	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp khả năng tổng quan về thu thập và phân tích dữ liệu. Quá trình điều tra tuân thủ theo một quy trình với các kỹ thuật cao. Môn học cung cấp kiến thức đa nền tảng như Windows, Linux, ... cho kỹ năng điều tra trên các chứng cứ thu được.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1: Khái niệm điều tra tấn công <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Khái niệm về điều tra Cấu trúc dữ liệu 1.2 Các phương pháp điều tra 1.3 Các bước chuẩn bị cho một cuộc điều tra tấn công 1.4 Khái niệm bằng chứng kỹ thuật số 	G1.1, G1.2, G2.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
2	Chương 2: Kỹ thuật trên HDD và System File <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Cấu trúc vật lý và luận lý của HDD 2.2 Hệ thống tập tin trên Windows 	G1.2, G3.1, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả	A1.1 A1.2 A3

	2.3 Hệ thống tập tin trên Linux và hệ điều hành khác 2.4 Phân tích hệ thống tập tin		lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	
3	Chương 3: Thu thập dữ liệu 3.1 Phục hồi tập tin bị xóa cho Windows, Linux và MAC 3.2 Khái niệm thu thập và sao chép dữ liệu 3.3 Thu thập dữ liệu bằng phần mềm và phần cứng	G2.1, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
4	Chương 4: Windows Forensics 4.1 Thu thập thông tin volatile và non-volatile 4.2 Phân tích bộ nhớ trên windows 4.3 Phân tích Registry trên windows 4.4 Bộ nhớ cache, cookie, history, events và analytics	G2.1, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
5	Chương 5: Cracking 5.1 Khái niệm và phân loại Cracking 5.2 Một số thao tác cơ bản trên Cracking mật khẩu 5.3 Cracking phần mềm	G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
6	Chương 6: Điều tra tấn công hệ thống mạng 6.1 Khái niệm điều tra tấn công mạng 6.2 Điều tra và phân tích bản ghi 6.3 Điều tra và phân tích traffic	G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
7	Chương 7: Điều tra tấn công web 7.1 Các loại tấn công trên website 7.2 Các loại tấn công trên webserver 7.3 Phương pháp điều tra cho từng loại tấn công 7.4 Phân tích log	G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
8	Chương 8: Điều tra tấn công Email Kiểm tra tự luận 8.1 Khái niệm và tấn công trên email 8.2 Phân tích header 8.3 Các bước điều tra	G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

9	Chương 9: Lập báo cáo 9.1 Tổ chức thông tin 9.2 Phương pháp lập báo cáo	G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
10	Chương 10: Ôn tập		Dạy: Hướn dẫn ôn tập Học: ôn tập, thảo luận	A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: - Các phương pháp điều tra - Các bước chuẩn bị cho một cuộc điều tra tấn công	1.1, G1.2, G2.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Kỹ thuật trên HDD và System File	G2.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1
3	Bài thực hành 3: Thu thập dữ liệu	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A2
4	Bài thực hành 4: Windows Forensics	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1
5	Bài thực hành 5: Cracking	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A2

6	Bài thực hành 6: Điều tra tấn công hệ thống mạng	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1
7	Bài thực hành 7: Điều tra tấn công web	G2.4, G3.1, G3.2, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A2
8	Bài thực hành 8: Điều tra tấn công Email	G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1
9	Bài thực hành 9: Lập báo cáo	G2.4, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A2
10	Kiểm tra thực hành	G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1

TỔNG CỘNG:**30 tiết**

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1 - G4	10%
		A1.2 Bài tập: AM2 Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Thi Thực hành: AM9	G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi Tự luận AM4	G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.2 G3.1 - G3.2 G4.1 - G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9

	Có khả năng phục hồi file, phân vùng bị xóa trong Windows, Linux. Thuần thục các quy trình tấn công, lập được bảng báo cáo	Có khả năng theo dõi email và điều tra tội phạm email, phục hồi file, phân vùng bị xóa trong Windows, Linux.	Có khả năng điều tra các bản ghi, lưu lượng mạng, phục hồi được file bị xóa, bị mất	Năm được các khái niệm cơ bản về tấn công, phục hồi được các file bị xóa, bị mất	Chưa phân loại được các loại tấn công, chưa biết cách điều tra hành vi vi phạm	Chưa nắm được các khái niệm cracking, các loại tấn công
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Charles L. Brooks (2014). CHFI Computer Hacking Forensic Investigator Certification All-in-One Exam Guide 1st Edition, McGraw-Hill Education 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Noon, Randall (2001). Forensic engineering investigation. Boca Raton, Florida; New York: CRC Press LLC • Philipp, Aaron, Cowen, David, Davis, Chris (2010). Hacking exposed computer forensics : 2nd ed. McGraw-Hill 				
	Trang Web/ CDs tham khảo					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
	Chương 1: khái niệm điều tra tấn công	9	Đọc trước giáo trình chương 1			
	Chương 2: Kỹ thuật HDD và System File	9	Đọc trước giáo trình chương 2 Sử dụng Kit Sleuth (TSK) Làm các bài tập chương 1			
	Chương 3: Thu thập dữ liệu	9	Đọc trước giáo trình chương 3, Thu thập chứng cứ Làm các bài tập chương 2			
	Chương 4: Windows Forensics	9	Làm lại tất cả các bài tập chương 1, 2, 3 Đọc trước giáo trình chương 4			
	Chương 5: Cracking	9	Đọc trước giáo trình chương 5, Làm các bài tập chương 4			
	Chương 6: Điều tra tấn công hệ thống mạng	9	Làm bài tập chương 5 Thực nghiệm trong mạng có dây và không dây			
	Chương 7: Điều tra tấn công web	9	Đọc trước giáo trình chương 7, Phân tích log Làm bài tập chương 6			
	Chương 8: Điều tra tấn công Email	9	Đọc trước giáo trình chương 8, Làm bài tập chương 7			
	Chương 9: Lập báo cáo	9	Đọc trước giáo trình chương 9, Thực hiện một số báo cáo			

		Làm bài tập chương 8
Chương 10: Ôn tập	9	Ôn tập
TỔNG CỘNG	90 Tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Quang Minh, minnq@uef.edu.vn 2. TS. Huỳnh Trọng Thura, huynht2@gmail.com	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Giang

Võ Thị Thiên Trang

Huỳnh Trọng Thura

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Phân tích và đánh giá an toàn thông tin Tên tiếng Anh: Information System Security & Risk Management		
2. Mã học phần	ITE1239E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Số tiết lý thuyết: 30 Số tiết thực hành: 30 Số tiết tự học: 90		
5. Học phần học trước	ITE1223E – An toàn hệ thống mạng máy tính		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Đưa ra các ví dụ mẫu về các mối đe dọa và các lỗ hổng có thể tấn công - Hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gọi mờ (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Kiến thức tổng quan về lĩnh vực đánh giá rủi ro an ninh thông tin: xác định các lỗ hổng có thể khai thác, các mối đe dọa đến hệ thống tổ chức.	PLO3	3.0
G2	Đề nghị kiểm soát để giảm thiểu rủi ro, tổng hợp dữ liệu và định lượng để thực hiện phân tích rủi ro.	PLO3	3.0
G3	Kỹ năng xây dựng một kế hoạch làm việc để thực hiện một phân tích rủi ro trong tổ chức	PLO5	4.0

G4	Thái độ, chuyên cần: chuẩn bị bài trước khi đến lớp, tham gia lớp học đầy đủ và nghiêm túc trong lớp học, có khả năng tìm hiểu, nghiên cứu chuyên sâu trong lĩnh vực an toàn thông tin	PLO4, PLO6, PLO7, PLO10	4.0
----	--	--------------------------------	-----

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Xác định được các lỗ hổng có thể khai thác	I, T
G1.2	Xác định được các mối đe dọa đến hệ thống tổ chức	T, U
G2.1	Đưa ra các giải pháp kiểm soát để giảm thiểu rủi ro	T, U
G2.2	Có khả năng tổng hợp dữ liệu và định lượng để thực hiện phân tích rủi ro	T, U
G3.1	Tìm hiểu các mối đe dọa để xây dựng một kế hoạch làm việc để phân tích rủi ro	T, U
G4.1	Hình thành nhận thức các mức rủi ro mà các mối đe dọa có thể xảy ra	T, U
G4.2	Luyện tập khả năng phân tích, nghiên cứu chuyên sâu, thái độ làm việc chăm chỉ, áp lực cao	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên các định nghĩa cơ bản và các định nghĩa liên quan đến lĩnh vực đánh giá an ninh. Sau đó, sinh viên sẽ được giảng dạy các phương pháp tiếp cận khác nhau để đánh giá rủi ro. Đồng thời sẽ kết hợp chặt chẽ các trường hợp trong phân tích rủi ro xuất phát từ cơ quan nhà nước và thực thi pháp luật.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1. Tổng quan <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Nhu cầu an toàn thông tin 1.2. Các yếu tố của một Bài trình an toàn thông tin 1.3. Các tình huống thực tế về an toàn thông tin 1.4. Phân tích đánh giá an toàn thông tin 1.5. Quy trình đánh giá nguy cơ thông tin 1.6. Dự án đánh giá an toàn thông tin 	G1.1, G1.2, G2.2, G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, tình huống, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1 A1.2 A3

2,3	Bài 2. Dự án đánh giá an toàn thông tin 2.1. Giới thiệu 2.2. Miêu tả dự án 2.3. Các bước chuẩn bị phân tích nguy cơ về an toàn thông tin	G2.2, G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, tình huống, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1 A1.2 A3
4,5	Bài 3. Phương pháp thu thập dữ liệu 3.1. Giới thiệu 3.2. Các đe dọa và giải pháp bảo vệ 3.3. Phương pháp lấy mẫu RIIOT	G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, tình huống, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1 A1.2 A3
6,7	Bài 4. Phân tích và báo cáo nguy cơ an toàn thông tin 4.1. Xác định nguy cơ 4.2. Đánh giá và đưa ra giải pháp bảo vệ 4.3. Cấu trúc báo cáo 4.4. Phương pháp viết báo cáo 4.5. Tóm tắt các giải pháp bảo vệ 4.6. Kế hoạch hành động	G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, tình huống, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1 A1.2 A3
8,9	Bài 5. Quản lý dự án và phân tích đánh giá an toàn thông tin 5.1. Lập kế hoạch dự án 5.2. Theo dõi 5.3. Đo mức độ hoàn thành và độ chính xác 5.4. Báo cáo tiến trình 5.5. Kết luận dự án	G3.1, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, tình huống, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1 A1.2 A3
10	Bài 6. Các hướng tiếp cận phân tích nguy thông tin 6.1 Định tính 6.2 Định hướng	G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, tình huống, đặt câu hỏi Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

1	Bài thực hành 1: Tổng quan về phân tích đánh giá nguy cơ thông tin	G1.1, G1.2, G2.2, G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
2	Bài thực hành 2: Quy trình đánh giá nguy cơ thông tin	G2.2, G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
3	Bài thực hành 3: Định nghĩa dự án đánh giá an toàn thông tin	G2.2, G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
4	Bài thực hành 4: Các bước chuẩn bị phân tích nguy cơ về an toàn thông tin	G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
5	Bài thực hành 5: Thu thập dữ liệu	G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
6	Bài thực hành 6: Thu thập dữ liệu quản trị, dữ liệu kỹ thuật, và dữ liệu vật lý	G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
7	Bài thực hành 7: Phân tích nguy cơ an toàn thông tin	G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
8	Bài thực hành 8: Báo cáo phân tích nguy cơ thông tin	G3.1, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2
9	Bài thực hành 9: Quản lý dự án phân tích đánh giá an toàn thông tin	G3.1, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2

10	Bài thực hành 10: Các hướng tiếp cận phân tích nguy cơ thông tin	G3.1, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A2		
TỔNG CỘNG:		30 tiết				
12. Phuong pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x) Tỷ lệ		
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1 - G4 10%		
		A1.2 Bài tập: AM2 Kiểm tra tự luận: AM4		G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.2 G3.1 G4.1 - G.42 20%		
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập trên máy: AM2 Kiểm tra thực hành: AM9		G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.2 G3.1 G4.1 - G.42 20%		
A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)		Thi tự luận: AM4		G1.1 - G1.2 G2.1 - G2.2 G3.1 G4.1 - G.42 50%		
Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng phân tích được các mối đe dọa đến hệ thống, lập được kế hoạch phân tích rủi ro, có nghiên cứu các mối đe dọa.	Có khả năng phân tích được các mối đe dọa đến hệ thống. Đưa ra các giải pháp kiểm soát. Tổng hợp dữ liệu, định lượng để phân tích.	Có khả năng phân tích được các mối đe dọa đến hệ thống. Đưa ra các giải pháp kiểm soát.	Có khả năng mô tả các mối đe dọa và lỗ hổng đơn giản.	Chưa phân tích được các mối đe dọa, còn hạn chế trong khai thác lỗ hổng cơ bản.	Hầu như không có kiến thức về lập an toàn thông tin.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Manish Agrawal, Alex Campoe, and Eric Pierce. 2014. Information Security and IT Risk Management (1st. ed.). Wiley Publishing. 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Corey Schou, Dan Shoemaker (2007). Information assurance for the enterprise: a roadmap to information security. McGraw-Hill Irwin • Markus Schumacher (2006). Security patterns: integrating security and systems engineering. John Wiley & Sons 				

	Trang Web/ CDs tham khảo	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Bài 1. Tổng quan	9		Đọc trước giáo trình Bài 1
	Bài 2. Dự án đánh giá an toàn thông tin	18		Đọc trước giáo trình Bài 2 Làm các bài tập Bài 1
	Bài 3. Phương pháp thu thập dữ liệu	18		Đọc trước giáo trình Bài 3 Làm các bài tập Bài 2
	Bài 4. Phân tích và báo cáo nguy cơ an toàn thông tin	18		Đọc trước giáo trình Bài 4 Làm các bài tập Bài 3
	Bài 5. Quản lý dự án và phân tích đánh giá an toàn thông tin	18		Đọc trước giáo trình Bài 5 Làm các bài tập Bài 4
	Bài 6. Các hướng tiếp cận phân tích nguy thông tin	9		Đọc trước giáo trình Bài 6 và làm bài tập ôn tập
	Tổng số tiết tự học	90		
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Huỳnh Đệ Thủ, thuhd@uef.edu.vn 2. KS. Nguyễn Minh Thắng, thangnm@uef.edu.vn			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trung

Huỳnh Đệ Thủ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Máy học Tên tiếng Anh: Machine Learning		
2. Mã học phần	ITE1173E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 00 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 135 tiết		
5. Học phần học trước	Trí tuệ nhân tạo (ITE1218)		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Sinh viên được chia thành các nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập). - Sinh viên xác định các câu hỏi nghiên cứu, tìm phương pháp phù hợp để giải quyết vấn đề hoặc báo cáo các kết quả nghiên cứu dựa trên các bằng chứng thu thập được - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Dự án nghiên cứu (TLM17) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản và cần thiết về lĩnh vực học máy.	PLO3	4.0
G2	Hiểu biết ý tưởng cơ bản và chi tiết giải thuật của các phương pháp học máy phổ biến.	PLO3	4.0
G3	Vận dụng được các phương pháp học máy phổ biến vào các bài toán thực tế.	PLO3	4.0

G4	Hình thành được tính tự học, tự nghiên cứu, khuyến khích mức độ tư duy.	PLO6, PLO10	5.0
----	---	-------------	-----

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Nắm được những kiến thức cơ bản và cần thiết về lĩnh vực học máy.	I, T
G2.1	Hiểu biết ý tưởng cơ bản và chi tiết giải thuật của các phương pháp học máy phổ biến như cây quyết định, mạng nơron, bayes...	T, U
G2.2	Áp dụng được các thuật toán cơ bản của máy học trong các bài toán đơn giản.	T, U
G2.3	Phân tích ưu, khuyết điểm của các thuật toán cơ bản..	T, U
G3.1	Vận dụng được các phương pháp học máy phổ biến vào các bài toán thực tế.	T, U
G4.1	Nhận thức được tầm ảnh hưởng của học máy trong đời sống.	T, U
G4.2	Hình thành được tính tự học, tự nghiên cứu, khuyến khích mức độ tư duy.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này giúp cho sinh viên có cái nhìn khái quát về học máy, hiểu được các khái niệm và nguyên lý cơ bản của học máy, các ý tưởng cơ bản và chi tiết giải thuật của các phương pháp học máy phổ biến như cây quyết định, mạng nơron nhân tạo, Bayes...

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Các khái niệm và nguyên lý cơ bản <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Định nghĩa về Học Máy 1.2. Các kiểu học máy 1.3. Các giai đoạn học máy 1.4. Độ đo hiệu quả 	G1.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
2,3	Bài 2: Học khái niệm <ul style="list-style-type: none"> 2.1. Biểu diễn khái niệm 2.2. Thuật toán học giải thiết tốt nhất hiện thời (Current – best hypothesis) 	G1.1, G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

	2.3. Thuật toán học loại trừ ứng viên (Candidate – Elimination learning algorithm)			
4, 5, 6	BÀI 3: Cây quyết định 3.1. Giới thiệu 3.2. Cây quyết định cơ bản 3.3. Trường hợp thuộc tính có nhiều giá trị 3.4. Trường hợp thuộc tính có giá trị liên tục 3.5. Trường hợp thiếu giá trị thuộc tính 3.6. Dùng để hồi qui	G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
7, 8	Bài 4: Mạng nơron nhân tạo 4.1. Nơron nhân tạo và kiến trúc mạng nơron 4.2. Thuật toán truyền ngược 4.3. Các thuật toán áp dụng trong thuật toán truyền ngược	G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A2 A3
9, 10, 11	Kiểm tra tự luận Bài 5: Học thống kê 5.1. Phân lớp Bayes 5.2. Phân lớp Bayes ngây thơ 5.3. Nguyên lý ML (Maximum-Likelihood)	G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
12, 13	Bài 6: Phương pháp láng giềng gần nhất 6.1. Các độ đo khoảng cách 6.2. Luật láng giềng gần nhất cho phân lớp 6.3. Luật láng giềng gần nhất cho hồi quy	G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
14, 15	Bài 7: Giải thuật di truyền 7.1. Các bước tổng quát 7.2. Biểu diễn giả thuyết 7.3. Các tác vụ di truyền	G2.1, G2.2, G2.3, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập: AM2, Kiểm tra tự luận: AM4	G1-G4 G1.1 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2	10% 20%

		G4.1-G4.2	
A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thuyết trình nhóm AM3	G1.1 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Viết báo cáo AM7	G1.1 G2.1-G2.3 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	<p>Hiểu được các khái niệm cơ bản của máy học.</p> <p>Hiểu được ý tưởng của các thuật toán học máy.</p> <p>Phân tích được điểm mạnh yếu của các giải thuật máy học, vận dụng linh hoạt các thuật giải máy học vào các bài toán thực tế.</p>	<p>Hiểu được các khái niệm cơ bản của máy học.</p> <p>Hiểu được ý tưởng của các thuật toán học máy.</p> <p>Vận dụng được các giải thuật cơ bản cho các bài toán thực tế.</p>	<p>Hiểu được các khái niệm cơ bản của máy học.</p> <p>Hiểu được ý tưởng của các thuật toán học máy.</p> <p>Vận dụng được các giải thuật cơ bản cho các bài toán đơn giản.</p>	<p>Hiểu được các khái niệm cơ bản của máy học.</p> <p>Hiểu được ý tưởng cơ bản của các giải thuật học máy.</p>	<p>Còn hạn chế nhiều trong tư duy, chỉ hiểu được các khái niệm cơ bản của máy học.</p>	<p>Hầu như không có kiến thức về máy học</p>
13. Tài liệu phục vụ học phần		Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Tom Mitchell (1997), Machine Learning. McGraw-Hill 			
		Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Paliouras, Georgios (2001). Machine Learning And Its Applications: Anvanced lecture. Springer. Nguyễn Đình Thúc, Hoàng Đức Hải (2002). Trí tuệ nhân tạo máy học. Lao động - Xã hội. 			
		Trang Web/CDs tham khảo				
		Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		

14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Bài 1: Các khái niệm và nguyên lý cơ bản	9	Đọc trước giáo trình chương 1
	Bài 2: Học khái niệm	18	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 3: Cây quyết định	27	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 4: Mạng nơron nhân tạo	18	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 5: Học thống kê	27	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 6: Phương pháp lảng giềng gần nhất	18	Đọc trước giáo trình chương 8 Làm các bài tập được yêu cầu
	Bài 7: Giải thuật di truyền	18	Đọc trước giáo trình chương 9 Làm các bài tập được yêu cầu
	Tổng số tiết tự học	135 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, linhnth@uef.edu.vn 2. KS. Hoàng Văn Hiếu, hieuhv@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

Văn Khê Giai Trung

Nguyễn Thị Hoài Linh



**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 01

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo Tên tiếng Anh: Developing Artificial Intelligence Application		
2. Mã học phần	ITE1174E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	ITE1218 (Trí tuệ nhân tạo)		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Bài lab hướng dẫn thực hành, sinh viên làm ở nhà, mỗi buổi sẽ trao đổi với giảng viên về bài lab. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ Thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản và nâng cao về phát triển ứng dụng TTNT trong thực tế	PLO3	3.0
G2	Kiến thức về nền tảng Google Cloud Platform để xây dựng ứng dụng thông minh	PLO3	3.0
G3	Kỹ năng phân tích, thiết kế và xây dựng được ứng TTNT thông qua công cụ và nền tảng có sẵn	PLO5	4.0
G4	Có khả năng giám sát, triển khai giải pháp, định hướng và lập kế hoạch phát triển các ứng dụng TTNT	PLO10	3.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được kiến thức về phát triển ứng dụng TTNT trong thực tế	I, T
G2.1	Hiểu được kiến thức nền tảng GCP để giải quyết các bài toán TTNT trong thực tế	T, U
G3.1	Vận dụng đúng giải pháp để giải quyết bài toán TTNT trong lĩnh vực cụ thể	T, U
G3.2	Phân tích và thiết kế được các thành phần của ứng dụng TTNT	T, U
G3.3	Triển khai được các ứng dụng TTNT trên nền tảng GCP	T, U
G4.1	Nhận thức được vấn đề, hình thành được ý tưởng xây dựng ứng dụng TTNT	T, U
G4.2	Khả năng triển khai được giải pháp TTNT cho các vấn đề trong thực tế	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học cung cấp kiến thức nền tảng và công cụ để phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong thực tế. Nền tảng Google Cloud Platform được giới thiệu trong môn học để phát triển các ứng dụng AI. Bao gồm các thư viện AutoML, XGBoost, DialogFlow và TensorFlow.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1. Tổng quan về phát triển ứng dụng AI 1.1. Khái niệm 1.2. Quy trình phát triển các ứng dụng AI 1.3. Công cụ và môi trường để phát triển ứng dụng AI 1.4. Các dạng ứng dụng AI trong thực tế	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.1 A1.2 A3.1
2, 3	Chương 2: Nền tảng Google Cloud Platform (GCP) 2.1. AI trong GCP 2.2 Các tính năng GCP. 2.3. Giới thiệu các component trong GCP	G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài	A1.1 A1.2 A3.1

			tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	
4, 5	Chương 3: Xây dựng ứng dụng học máy với XGBoost 3.1. Tổng quan về thư viện XGBoost 3.2. Huấn luyện và lưu trữ mô hình học máy trong XGBoost 3.3. Sử dụng trained model 3.4 Xây dựng ứng dụng Recommender System.	G2.1, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.1 A1.2 A3.1
6, 7	Chương 4: Sử dụng Cloud AutoML 4.1. Thư viện Cloud AutoML 4.2. Phân lớp sử dụng AutoML Natural Language 4.3. Phân lớp ảnh sử dụng AutoML Vision APIs 4.4 Speech to Text API 4.5 Phân tích cảm xúc dùng AutoML Natural Language APIs	G2.1, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.1 A1.2 A3.1
8, 9	Chương 5: Speech to Text API 5.1. Thư viện Speech to Text 5.2. Sử dụng thư viện 5.3. Phân tích cảm xúc qua AutoML 5.4. Ứng dụng minh họa	G2.1, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.1 A1.2 A3.1
10, 11	Kiểm tra tự luận Chương 6: Ứng dụng hội thoại thông minh với DialogFlow 6.1. Giới thiệu DialogFlow 6.2. Xây dựng DialogFlow agent 6.3. Phân tích cảm xúc audio 6.4 Ứng dụng minh họa	G2.1, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.1 A1.2 A2.1 A3.1
12, 13	Chương 7: TensorFlow trên GCP 7.1. Giới thiệu TensorFlow	G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng,	A1.1

	7.2. Thực thi mô hình TF sử dụng Cloud ML Engine 7.3. Các bước train mô hình 7.4. Đóng gói và cài đặt mô hình	G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.2 A3.1
14	Chương 8: Xây dựng ứng dụng dự báo 8.1. Tổng quan về ứng dụng dự báo thông minh 8.2. Xây dựng mô hình dự báo 8.3. Triển khai mô hình lên GCP 8.4. Ví dụ về mô hình huấn luyện	G2.1, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.1 A1.2 A3.1
15	Chương 9: Ôn tập	G1.1, G2.1, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm bài lab trên máy tính.	A1.1 A1.2 A3.1
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1, G4	10%
		A1.2 Bài tập: AM2	G1.1, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A2.1 Kiểm tra tự luận: AM4	G1.1, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2, G3.3, G4.1, G4.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	A3.1 Thi viết báo cáo AM7	G1, G4	50%

Rubrics:						
Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Phân tích được ứng dụng TTNT với kiến trúc phù hợp với yêu cầu thực tế. Xây dựng được ứng dụng TTNT trên GCP. UI & UX xuất sắc	Xây dựng được ứng dụng TTNT trên GCP. UI và UX chuyên nghiệp	Có khả năng xây dựng ứng dụng TTNT đáp ứng các yêu cầu thực tế. Các chức năng đáp ứng được nhu cầu người dùng	Có khả năng viết chương trình TTNT đơn giản với GCP	Kiến thức rất hạn chế về TTNT và nền tảng GCP	Hầu như không có kiến thức về TTNT và GCP
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Anand Deshpande, Manish Kumar (2020), <i>Hands-On Artificial Intelligence on Google Cloud Platform</i>, Packt. 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> C.S. Krishnamoorthy, S. Rajeev (1996). Artificial intelligence and expert systems for engineers. CRC Press George F. Luger, William A Stubblefield (1998). Artificial intelligence: structures and strategies for complex problem solving. Addison-Wesley 				
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> https://cloud.google.com https://cloud.google.com/ai-platform 				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung			Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	<p style="text-align: center;">BÀI 1: Tổng quan về phát triển ứng dụng AI</p>			6	Đọc các chương đầu của sách: <i>Artificial Intelligence A Modern Approach</i> . Ôn lại kiến thức TTNT đã học	
	<p style="text-align: center;">BÀI 2: Nền tảng Google Cloud Platform (GCP)</p>			6	Đọc chương 2: Overview of AI and GCP, <i>Hands-On Artificial</i>	

			<i>Intelligence on Google Cloud Platform.</i> Làm các bài tập GV cung cấp
BÀI 3: Xây dựng ứng dụng học máy với XGBoost	12		Đọc chương 5: Machine Learning Applications with XGBoost, <i>Hands-On Artificial Intelligence on Google Cloud Platform.</i> Làm các bài tập GV cung cấp
BÀI 4: Sử dụng Cloud AutoML	12		Đọc chương 6: Using Cloud AutoML, <i>Hands-On Artificial Intelligence on Google Cloud Platform.</i> Làm các bài tập GV cung cấp
BÀI 5: Speech to Text API	12		Đọc chương 6: Using Cloud AutoML, <i>Hands-On Artificial Intelligence on Google Cloud Platform.</i> Làm các bài tập GV cung cấp
BÀI 6: Ứng dụng hội thoại thông minh với DialogFlow	12		Đọc chương 6: Smart Conversational Applications Using DialogFlow, <i>Hands-On Artificial Intelligence on Google Cloud Platform.</i> Làm các bài tập GV cung cấp
BÀI 7: TensorFlow trên GCP	12		Đọc chương 9: TensorFlow on Google Cloud Platform, <i>Hands-On Artificial Intelligence on Google Cloud Platform.</i> Làm các bài tập GV cung cấp
BÀI 8: Xây dựng ứng dụng dự báo	12		Đọc chương 12: Building Prediction Applications, <i>Hands-On Artificial Intelligence on Google Cloud Platform.</i>

			Làm các bài tập GV cung cấp
	BÀI 9: Ôn tập	6	Ôn tập các chương trước
	Tổng	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Nguyễn Hà Giang, giangnh@uef.edu.vn 2. TS. Vũ Thanh Hiền, vt.hien@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 08 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thanh Trang

Nguyễn Hà Giang

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Nhận dạng mẫu Tên tiếng Anh: Pattern Recognition																				
2. Mã học phần	ITE1175E																				
3. Trình độ đào tạo	Đại học																				
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Số tiết lý thuyết: 45 tiết Số tiết tự học:																				
5. Học phần học trước	Không																				
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Minh họa trực tiếp và hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20). 																				
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin																				
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CĐR của CTĐT (PLOx)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td> <td>Kiến thức về các khái niệm căn bản về lý thuyết nhận dạng, các hướng tiếp cận để giải quyết bài toán nhận dạng mẫu, các lĩnh vực nghiên cứu và các lĩnh vực liên quan tới môn học.</td> <td>PLO2</td> <td>2.0</td> </tr> <tr> <td>G2</td> <td>Khả năng xây dựng chương trình minh họa giải quyết bài toán nhận dạng đối tượng cụ thể.</td> <td>PLO3</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G3</td> <td>Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực nhận dạng mẫu.</td> <td>PLO4</td> <td>4.0</td> </tr> <tr> <td>G4</td> <td>Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực nhận dạng mẫu để giải quyết các vấn đề trong thực tế.</td> <td>PLO9</td> <td>4.0</td> </tr> </tbody> </table>	Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL	G1	Kiến thức về các khái niệm căn bản về lý thuyết nhận dạng, các hướng tiếp cận để giải quyết bài toán nhận dạng mẫu, các lĩnh vực nghiên cứu và các lĩnh vực liên quan tới môn học.	PLO2	2.0	G2	Khả năng xây dựng chương trình minh họa giải quyết bài toán nhận dạng đối tượng cụ thể.	PLO3	3.0	G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực nhận dạng mẫu.	PLO4	4.0	G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực nhận dạng mẫu để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9	4.0
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL																		
G1	Kiến thức về các khái niệm căn bản về lý thuyết nhận dạng, các hướng tiếp cận để giải quyết bài toán nhận dạng mẫu, các lĩnh vực nghiên cứu và các lĩnh vực liên quan tới môn học.	PLO2	2.0																		
G2	Khả năng xây dựng chương trình minh họa giải quyết bài toán nhận dạng đối tượng cụ thể.	PLO3	3.0																		
G3	Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và thuyết trình về các vấn đề liên quan lĩnh vực nhận dạng mẫu.	PLO4	4.0																		
G4	Khả năng vận dụng các kiến thức trong lĩnh vực nhận dạng mẫu để giải quyết các vấn đề trong thực tế.	PLO9	4.0																		
9. Chuẩn đầu ra của học phần																					

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Trình bày về các khái niệm cơ bản của lý thuyết nhận dạng, vai trò và ứng dụng của nhận dạng mẫu.	I, T
G1.2	Các kiến thức về trích rút thông tin đặc trưng trong bài toán nhận dạng, mô tả đặc trưng.	T, U
G1.3	Các phương pháp tiếp cận trong nhận dạng như: thống kê, phân tích xác suất, phân loại tuyến tính, phân loại phi tuyến.	T, U
G1.4	Kiến thức cơ bản về mạng neuron được ứng dụng trong nhận dạng.	T, U
G2.1	Khả năng xây dựng chương trình minh họa giải quyết bài toán nhận dạng đối tượng cụ thể.	T, U
G3.1	Làm việc hiệu quả trong một nhóm.	T, U
G3.2	Trình bày trước đám đông về các vấn đề thiết yếu trong nhận dạng mẫu.	T, U
G4.1	Thiết kế, đánh giá và lựa chọn phương pháp triển khai một hệ thống nhận dạng mẫu đơn giản phù hợp cho yêu cầu thực tế.	T, U
G4.2	Xử lý các lỗi trong quá trình cài đặt, xây dựng và phát triển các hệ thống nhận dạng mẫu.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học giới thiệu về một số khái niệm cơ bản của lý thuyết nhận dạng để giải quyết bài toán nhận dạng mẫu. Môn học cung cấp các kiến thức về trích rút thông tin đặc trưng trong bài toán nhận dạng, mô tả đặc trưng, các phương pháp tiếp cận trong nhận dạng như: thống kê, phân tích xác suất, phân loại tuyến tính, phân loại phi tuyến. Ngoài ra, môn học còn trang bị kiến thức cơ bản về mạng neuron được ứng dụng trong nhận dạng. Cuối khóa học, người học được giới thiệu và hướng dẫn xây dựng chương trình minh họa giải quyết bài toán nhận dạng đối tượng cụ thể.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Chương 1: Giới thiệu về nhận dạng mẫu <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Giới thiệu về môn học và tổ chức môn học. 1.2. Thế nào là nhận dạng mẫu. 1.3. Các khái niệm. 1.4. Các hệ thống nhận dạng mẫu. 1.5. Tiền xử lý và chuẩn hóa. 1.6. Lựa chọn đặc trưng. 1.7. Phương pháp phân lớp. 1.8. Đánh giá hệ thống. 	G1.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

3, 4	Chương 2: Nhận dạng mẫu dựa trên thống kê học 2.1. Lý thuyết quyết định Bayes. 2.2. Hàm phân biệt và giải quyết vấn đề. 2.3. Phân bố chuẩn. 2.4. Lỗi biên và đo sự phân biệt.	G1.1, G1.2, G1.3, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
5, 6	Chương 3: Ước lượng hàm mật độ xác suất 3.1. Ước lượng tham số trước. 3.2. Ước lượng tham số sau. 3.3. Ước lượng tham số Bayes. 3.4. Mô hình hỗn hợp. 3.5. Ước lượng Entropy. 3.6. Ước lượng không tham số.	G1.1, G1.2, G1.3, G3.1, G3.2,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2
7, 8	Chương 4: Sự phân lớp dựa trên láng giềng gần nhất 4.1. Phương pháp láng giềng gần nhất. 4.2. Phương pháp k láng giềng gần nhất. 4.3. Một số ví dụ về phương pháp láng giềng trong nhận dạng.	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà, làm việc nhóm, thuyết trình.	A1.1 A1.2 A2
9, 10	Chương 5: Phân loại tuyến tính 5.1. Hàm phân biệt tuyến tính. 5.2. Lớp khả tách tuyến tính. 5.3. Phương pháp bình phương nhỏ nhất. 5.4. Biến đổi đặc trưng tuyến tính.	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
11, 12	Chương 6: Phân loại phi tuyến 6.1. Phân loại tuyến tính suy rộng. 6.2. Định lý l López phủ. 6.3. Máy hỗ trợ vector.	G1.1, G1.2, G1.3, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
13, 14	Chương 7: Mạng Neuron nhân tạo 7.1. Mạng perceptron nhiều lớp (MLP). 7.2. Huấn luyện mạng MLP. 7.3. Giới thiệu một số bài toán nhận dạng sử dụng mạng neural.	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.1, G3.1,	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2

		G3.2, G4.1, G4.2		
15	Ôn tập	G1.1, G1.2, G1.3, G1.4, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A3
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1.1-G1.4, G2.1, G4.1-G4.2
		A1.2 Bài tập: AM2		G1.1-G1.4, G2.1, G4.1-
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra tự luận: AM4		G1.1-G1.4, G2.1, G4.1-
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7		G1-G4
Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)				

Mức Điểm	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng mô tả các khái niệm và các vấn đề phức tạp liên quan đến nhận dạng mẫu. Có khả năng cầu hình, vận hành, xử lý lỗi các hệ thống nhận dạng mẫu phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá các hệ thống nhận dạng mẫu đơn giản.	Có khả năng mô tả các khái niệm và một số vấn đề phức tạp liên quan đến nhận dạng mẫu. Có khả năng cầu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống nhận dạng mẫu phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống nhận dạng mẫu đơn giản.	Có khả năng mô tả các khái niệm và một số vấn đề phức tạp liên quan đến nhận dạng mẫu. Có khả năng cầu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống nhận dạng mẫu phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống nhận dạng mẫu đơn giản.	Có khả năng mô tả các khái niệm và một số vấn đề phức tạp liên quan đến nhận dạng mẫu. Có khả năng cầu hình, vận hành, xử lý lỗi một số hệ thống nhận dạng mẫu phức tạp. Có khả năng thiết kế, đánh giá một số hệ thống nhận dạng mẫu đơn giản.	Còn hạn chế nhiều trong nhận thức về các vấn đề liên quan đến nhận dạng mẫu.	Hầu như không có kiến thức về nhận dạng mẫu.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Feature Extraction and Image Processing; Mark S. Nixon - Alberto S. Aguado; Reed Elsevier; 2002. 				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Richard O. Duda, Peter E. Hart, David G. Stork (2001). Pattern classification. Wiley • Hank Pruden (2007). The three skills of top trading : behavioral systems building, pattern recognition, and mental state management. John Wiley & Sons. 				
	Trang Web/ CDs tham khảo					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung			Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Chương 1: Giới thiệu về nhận dạng mẫu			9	Đọc trước chương 1 sách giáo trình: “Feature Extraction and Image Processing”	
	Chương 2: Nhận dạng mẫu dựa trên thống kê học			12	Đọc trước chương 2 sách giáo trình: “Feature Extraction and Image Processing”	

			Làm các bài tập chương 2
Chương 3: Ước lượng hàm mật độ xác suất	18		Đọc trước chương 3 sách giáo trình: “Feature Extraction and Image Processing” Làm các bài tập chương 3
Chương 4: Sự phân lớp dựa trên láng giềng gần nhất	18		Đọc trước chương 4 sách giáo trình: “Feature Extraction and Image Processing” Làm các bài tập chương 4
Chương 5: Phân loại tuyến tính	18		Đọc trước chương 5 sách giáo trình: “Feature Extraction and Image Processing” Làm các bài tập chương 5
Chương 6: Phân loại phi tuyến	18		Đọc trước chương 6 sách giáo trình: “Feature Extraction and Image Processing” Làm các bài tập chương 6
Chương 7: Mạng Neuron nhân tạo	18		Đọc trước chương 7 sách giáo trình: “Feature Extraction and Image Processing” Làm các bài tập chương 7
Tổng số tiết	120		
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, linhnth@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Đình Ánh, nd.anh@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

Văn Khoa Khoa học Tự nhiên

Nguyễn Đình Ánh

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Khai thác dữ liệu và ứng dụng Tên tiếng Anh: Data mining and applications		
2. Mã học phần	ITE1176E		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Hướng dẫn sinh viên đọc tài liệu và làm các bài thực hành ở nhà, mỗi buổi sẽ trao đổi với GV về bài thực hành. - Sinh viên được chia thành các nhóm, tham gia thảo luận và giải quyết các vấn đề (bài tập). - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Học nhóm (TLM15) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khai thác dữ liệu và những ứng dụng của nó vào các ngành khoa học khác.	PLO3	3.0
G2	Hiểu và vận dụng được các bài toán và các phương pháp tiền xử lý dữ liệu; các thuật toán khai phá luật kết hợp diễn hình; các thuật toán phân cụm diễn hình; các thuật toán phân lớp diễn hình	PLO3	3.0
G3	Xây dựng được một số thành phần của một hệ thống khai thác dữ liệu ở quy mô nhỏ	PLO5	4.0

G4	Vận dụng được một số vấn đề và các cách tiếp cận trong khai thác dữ liệu	PLO5	4.0
----	--	------	-----

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu rõ khái niệm khai thác dữ liệu và vai trò của nó trong đời sống và lĩnh vực học thuật	I, T
G2.1	Nắm được các kỹ thuật tiền xử lý dữ liệu để chuẩn bị nguồn dữ liệu tốt cho các tác vụ phân tích ở mức độ cao hơn	T, U
G2.2	Biết cách phân tích dữ liệu để tìm ra thông tin hữu ích tiềm ẩn trong dữ liệu thông qua việc áp dụng thuật toán khai thác mẫu phổ biến và luật kết hợp, phân lớp dữ liệu và gom nhóm dữ liệu	T, U
G3.1	Có khả năng tự triển khai cài đặt một số kỹ thuật khai thác dữ liệu phổ biến	T, U
G4.1	Nhận biết các thách thức trong khai thác dữ liệu và xu hướng giải quyết vấn đề hiện nay	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lĩnh vực khai thác dữ liệu và những ứng dụng của nó vào các ngành khoa học khác. Học phần bao gồm các nội dung tổng quát liên quan đến quy trình khám phá tri thức từ dữ liệu và các nội dung chuyên sâu liên quan đến các kỹ thuật thông dụng trong khai thác dữ liệu như khai thác tập phổ biến và luật kết hợp, phân loại, gom cụm.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Bài 1: Giới thiệu Khai thác dữ liệu 1.1 Nhu cầu KTDL 1.2. Các khái niệm KTDL 1.3. Quá trình phát hiện tri thức trong Cơ sở dữ liệu 1.4. Một số ứng dụng 1.5. Các vấn đề chính trong KTDL	G1.1, G2.1, G3.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
3, 4	Bài 2: Tiền xử lý dữ liệu 2.1 Giới thiệu 2.2. Hiểu dữ liệu 2.3. Tiền xử lý dữ liệu 2.4. Làm sạch dữ liệu 2.5. Tích hợp dữ liệu 2.6. Chuyển đổi dữ liệu	G2.1, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

	2.7. Thu gọn dữ liệu 2.8. Giới thiệu phần mềm Weka			
5, 6, 7, 8	Bài 3: Khai thác mẫu phổ biến và luật kết hợp 3.1 Giới thiệu về luật kết hợp 3.2. Phương pháp khai phá tập mục phổ biến 3.3. Thuật toán Apriori 3.4. Thuật toán FP-Growth 3.5. Một số ứng dụng của luật kết hợp	G2.1, G3.1, G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
9, 10, 11	Kiểm tra tự luận Bài 4: Phân lớp dữ liệu 4.1 Giới thiệu 4.2. Thuật toán phân lớp cây quyết định 4.3. Thuật toán phân lớp Naive Bayes 4.4. Thuật toán phân lớp k-NN 4.5. Một số ứng dụng của thuật toán phân lớp.	G2.1, G2.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A2
12, 13, 14	Bài 5: Gom nhóm dữ liệu 5.1 Khái niệm 5.2. Các độ đo cơ bản trong phân cụm 5.3. Các kỹ thuật phân cụm tiêu biểu 5.4. Gán nhãn cho cụm 5.5. Đánh giá phân cụm	G2.2, G3.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2
15	Bài 6: Các xu hướng trong khai thác dữ liệu 6.1 Một số bài học về KTDL 6.2. Một số lỗi điển hình trong KTDL 6.3. Khuynh hướng hiện đại của KTDL	G2.3, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
THỰC HÀNH: Tự thực hành ở nhà theo chỉ dẫn của giảng viên (không tính giờ môn học)				
Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài tập thực hành 1: Tiền xử lý dữ liệu	G1.1, G1.2,	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A2.1

		G2.1, G4.1	Học: Sinh viên thực hành bài tập về nhà.	
2	Bài tập thực hành 2: Khai thác mẫu phô biến	G2.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập về nhà.	A1.1 A2.1
3	Bài tập thực hành 3: Phân lớp dữ liệu	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập về nhà.	A1.1 A2.1
4, 5	Bài tập thực hành 4: Phân lớp dữ liệu	G2.2, G2.3, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập về nhà.	A1.1 A2.1
TỔNG CỘNG:			15 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CĐR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1-G4
		A1.2 Bài tập: AM2		G1.1 G2.1-G2.2 G3.1
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Kiểm tra tự luận: AM4		G1.1 G2.1-G2.2 G3.1
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Báo cáo đồ án cuối kỳ: AM7		G1.1 G2.1-G2.2 G3.1 G4.1

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém									
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9									
	<p>Hiểu được các khái niệm của khai thác dữ liệu.</p> <p>Hiểu được ý tưởng của các thuật toán khai thác dữ liệu cơ bản. Phân tích được điểm mạnh yếu của từng thuật toán.</p> <p>Vận dụng linh hoạt các giải thuật khai thác dữ liệu cho các bài toán thực tế.</p> <p>Tự nghiên cứu và vận dụng được các kỹ thuật khai thác tiên tiến hiện nay</p>	<p>Hiểu được các khái niệm của khai thác dữ liệu.</p> <p>Hiểu được ý tưởng của các thuật toán khai thác dữ liệu cơ bản.</p> <p>Vận dụng được các giải thuật khai thác dữ liệu cơ bản cho các bài toán đơn giản.</p>	<p>Hiểu được các khái niệm của khai thác dữ liệu.</p> <p>Hiểu được ý tưởng của các thuật toán khai thác dữ liệu cơ bản.</p> <p>Vận dụng được các giải thuật khai thác dữ liệu cơ bản cho các bài toán đơn giản.</p>	<p>Hiểu được các khái niệm của khai thác dữ liệu.</p> <p>Hiểu được ý tưởng của các thuật toán khai thác dữ liệu cơ bản.</p> <p>Vận dụng được các giải thuật khai thác dữ liệu cơ bản cho các bài toán đơn giản.</p>	<p>Còn hạn chế nhiều trong kiến thức về khai thác dữ liệu, chỉ nắm một số khái niệm cơ bản.</p>	<p>Hầu như không có kiến thức về khai thác dữ liệu và ứng dụng.</p>									
13. Tài liệu phục vụ học phần		<ul style="list-style-type: none"> • Jiawei Han, Micheline Kamber, and Jian Pei (2011). Data Mining: Concepts and Techniques (3rd ed.). Morgan Kaufmann Publishers Inc., San Francisco, CA, USA. • Wang, John (2003), Data mining: opportunities and challenges, Idea Group Pub. • Nong Ye Mahwah, N.J (2003). The handbook of data mining. Lawrence Erlbaum Associates, Publishers. • WEKA: http://www.cs.waikato.ac.nz/ml/weka/ 													
14. Hướng dẫn sinh viên tự học		<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="text-align: center;">Nội dung</th> <th style="text-align: center;">Số tiết</th> <th style="text-align: center;">Nhiệm vụ của sinh viên</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td style="text-align: center;">Bài 1: Giới thiệu Khai thác dữ liệu</td> <td style="text-align: center;">10</td> <td>Đọc trước giáo trình chương 1</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Bài 2: Tiền xử lý dữ liệu</td> <td style="text-align: center;">20</td> <td>Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập</td> </tr> </tbody> </table>					Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	Bài 1: Giới thiệu Khai thác dữ liệu	10	Đọc trước giáo trình chương 1	Bài 2: Tiền xử lý dữ liệu	20	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập
Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên													
Bài 1: Giới thiệu Khai thác dữ liệu	10	Đọc trước giáo trình chương 1													
Bài 2: Tiền xử lý dữ liệu	20	Đọc trước giáo trình chương 2 Làm các bài tập													

	Bài 3: Khai thác mẫu phổ biến và luật kết hợp	30	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập
	Bài 4: Phân lớp dữ liệu	30	Đọc trước giáo trình chương 6
	Bài 5: Gom nhóm dữ liệu	20	Đọc trước giáo trình chương 7 Làm các bài tập
	Bài 6: Các xu hướng trong khai thác dữ liệu	10	Đọc trước giáo trình chương 11 Làm bài tập và các bài tập ôn tập
	Tổng số tiết tự học		120 tiết
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Văn Thị Thiên Trang, trangvtt@uef.edu.vn 2. TS. Vũ Thanh Hiền, vt.hien@hutech.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/ BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Hà Giang

Văn Thị Thiên Trang

Đặng Thị Thảo Trang

4/1

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 01

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TOÁN CAO CẤP Tên tiếng Anh: Advanced Mathematics		
2. Mã học phần	MAT1103		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3,0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không.		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, viết bảng. - Kết hợp lý thuyết và làm bài tập trong các buổi học. - Sử dụng các trang thiết bị công nghệ nâng cao hiệu quả giảng dạy. - Sử dụng máy tính bỏ túi và các chương trình trên máy tính để hỗ trợ sinh viên thực tập tính toán nhanh các bài toán về ma trận, định thức, hệ phương trình. - Dùng hệ thống E-learning để cung cấp các bài tập trắc nghiệm nhằm giúp sinh viên kiểm tra kiến thức của mình và tập làm quen với dạng thi trắc nghiệm cuối kỳ. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Tương ứng với các phương pháp giảng dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM12. 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTDT	TĐNL
G1	Cung cấp kiến thức cơ bản về: số phức, Ma trận, Định thức, Hệ phương trình tuyến tính.	PLO1	3
G2	Trang bị kiến thức cơ bản về hàm nhiều biến: Đạo hàm riêng, Vi phân toàn phần, Cực trị.	PLO1	4
G3	Cung cấp kiến thức cơ bản để giải phương trình vi phân: cấp 1; cấp 2.	PLO1	3
9. Chuẩn đầu ra của học phần:			
CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
G1.1	Biết cách biểu diễn số phức dạng đại số và lượng giác.	I, T, U	

G1.2	Tính được định thức của một ma trận vuông cấp n tổng quát.	I, T, U
G1.3	Hiểu và tính toán được các bài toán về ma trận.	I, T, U
G1.4	Biết cách giải và biện luận hệ phương trình tuyến tính bằng phương pháp Gauss và phương pháp Cramer.	T, U
G2.1	Nắm vững các định nghĩa và tính toán được các bài toán về: giới hạn, sự liên tục của hàm nhiều biến.	I, U
G2.2	Nắm vững các định nghĩa và tính toán được các bài toán về: đạo hàm, vi phân phân hàm nhiều biến.	T, U
G2.3	Tính được và được cung cấp các giá trị tự do, cực trị có điều kiện, giá trị lớn nhất, giá trị nhỏ nhất của hàm nhiều biến.	T, U
G2.4	Vận dụng kiến thức về đạo hàm để giải được các bài toán kinh tế.	T, U
G3.1	Biết cách biến đổi và giải được các phương trình vi phân cấp 1.	T, U
G3.2	Biết cách biến đổi và giải được các phương trình vi phân cấp 2.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm: định thức; ma trận, hệ phương trình tuyến tính; hàm nhiều biến, phép tính vi phân hàm nhiều biến, cực trị hàm nhiều biến, phương trình vi phân cấp 1, phương trình vi phân cấp 2.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Buổi/ (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: ĐỊNH THỨC 1.1. Số phức. 1.2. Định thức.	G1.1 G1.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
2	Bài 1: ĐỊNH THỨC (tiếp theo). 1.2. Định thức (tiếp theo). Luyện tập.	G1.1 G1.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
3	Bài 2: MA TRẬN 2.1. Định nghĩa. 2.2. Các phép biến đổi sơ cấp đối với hàng. 2.3. Các phép toán đối với ma trận.	G1.1 G1.2 G1.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2

4	Bài 2: MA TRẬN (<i>tiếp theo</i>). 2.4. Ma trận nghịch đảo. Luyện tập.	G1.1 G1.2 G1.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
5	Bài 3: HỆ PHƯƠNG TRÌNH 3.1. Hệ phương trình tuyến tính. 3.2. Hệ phương trình thuần nhất.	G1.1 G1.2 G1.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
6	Bài 3: HỆ PHƯƠNG TRÌNH 3.3. Hệ Cramer, phương pháp định thức. Luyện tập.	G1.1 G1.2 G1.3 G1.4	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
7	Bài 4: HÀM NHIỀU BIẾN 4.1. Mặt bậc hai. 4.2. Hàm nhiều biến. 4.3. Giới hạn và liên tục. 4.4. Đạo hàm riêng. 4.5. Đạo hàm theo hướng, Gradient.	G2.1	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
8	Bài 5: KHẢ VI VÀ VI PHÂN CỦA HÀM NHIỀU BIẾN 5.1. Khả vi và vi phân. 5.2. Đạo hàm riêng và vi phân của hàm hợp. Kiểm tra giữa kỳ.	G2.1 G2.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
9	Bài 5: KHẢ VI VÀ VI PHÂN CỦA HÀM NHIỀU BIẾN (<i>tiếp theo</i>). 5.3. Đạo hàm riêng và vi phân của hàm ẩn. 5.4. Công thức Taylor.	G2.1 G2.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
10	Bài 6: CỰC TRỊ HÀM NHIỀU BIẾN 6.1. Cực trị tự do. Luyện tập.	G2.1 G2.2 G2.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
11	Bài 6: CỰC TRỊ HÀM NHIỀU BIẾN (<i>tiếp theo</i>). 6.2. Cực trị có điều kiện. Luyện tập.	G2.1 G2.2 G2.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
12	Bài 6: CỰC TRỊ HÀM NHIỀU BIẾN (<i>tiếp theo</i>). 6.3. Giá trị lớn nhất, Giá trị nhỏ nhất. Luyện tập.	G2.1 G2.2 G2.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2

			tập.	
13	Bài 6: CỤC TRỊ HÀM NHIỀU BIẾN (tiếp theo). 6.4. Giải bài toán kinh tế. Luyện tập	G2.1 G2.2 G2.3 G2.4	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
14	Bài 7: PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN 7.1. Khái niệm cơ bản. 7.2. Phương trình vi phân cấp 1. 7.3. Phương trình vi phân cấp 1 có biến phân ly. 7.4. Phương trình vi phân đẳng cấp. 7.5. Phương trình vi phân toàn phần. 7.6. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 1.	G3.1	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
15	Bài 8: PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN CẤP 2 8.1. Khái niệm chung. 8.2. Phương trình giảm cấp được. 8.3. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 2. 8.4. Phương trình tuyến tính cấp cao.	G3.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá		CDR môn học
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G.1 – G.3
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A1.2 Bài tập: AM2		G1.1 – G1.4 G2.1 – G2.4 G3.1 – G3.2
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Trắc nghiệm: AM5		G1.1 – G1.4 G2.1 – G2.2
				20% 20% 50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém		
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9		
	Có khả năng tính toán rất tốt các bài toán về: ma trận, định thức, hệ phương trình, cực trị hàm nhiều biến, các phương trình vi phân và ứng dụng để giải các bài toán kinh tế nâng cao.	Có khả năng tính toán tốt các bài toán về: ma trận, định thức, hệ phương trình, cực trị hàm nhiều biến, các phương trình vi phân và ứng dụng để giải các bài toán kinh tế nâng cao.	Có khả năng giải được các bài toán cơ bản về: ma trận, định thức, hệ phương trình, cực trị hàm nhiều biến, các phương trình vi phân.	Có khả năng giải được một vài bài toán cơ bản về: ma trận, định thức, hệ phương trình, cực trị hàm nhiều biến, các phương trình vi phân.	Kỹ năng tính toán rất hạn chế.	Mất căn bản về kiến thức toán học phổ thông.		
		Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ môn Toán (2019). Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp. UEF. 					
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn, Việt Đông (2007). Toán cao cấp, T.2 - Đại số tuyến tính. NXB. Giáo dục. • Hoàng Anh Tuấn, Đoàn Thiện Ngân (2012). Giáo trình Toán cao cấp - Đại số tuyến tính. Đại học Kinh tế - Tài chính TP. HCM 						
	Trang Web tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • https://www.khanacademy.org/ 						
		Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Bài 1: ĐỊNH THỨC 1.1. Số phức. 1.2. Định thức.			12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 1 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF) . - Chuẩn bị tài liệu môn học trước khi đến lớp. 			
	Bài 2: MA TRẬN 2.1. Định nghĩa. 2.2. Các phép biến đổi sơ cấp đối với hàng. 2.3. Các phép toán đối với ma trận. 2.4. Ma trận nghịch đảo.			12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 2 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF) . - Làm các bài tập được yêu cầu. 			
	Bài 3: HỆ PHƯƠNG TRÌNH 3.1. Hệ phương trình tuyến tính. 3.2. Hệ phương trình thuần nhất. 3.3. Hệ Cramer, phương pháp định thức.			12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 3 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF) . - Làm các bài tập được 			

			yêu cầu.
	Bài 4: HÀM NHIỀU BIẾN 4.1. Mặt bậc hai. 4.2. Hàm nhiều biến. 4.3. Giới hạn và liên tục. 4.4. Đạo hàm riêng. 4.5. Đạo hàm theo hướng, Gradient.	6	- Đọc trước Bài 4 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 5: KHẢ VI VÀ VI PHÂN CỦA HÀM NHIỀU BIẾN 5.1. Khả vi và vi phân. 5.2. Đạo hàm riêng và vi phân của hàm hợp. 5.3. Đạo hàm riêng và vi phân của hàm ẩn. 5.4. Công thức Taylor.	12	- Đọc trước Bài 5 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 6: CỰC TRỊ HÀM NHIỀU BIẾN 6.1. Cực trị hàm nhiều biến (Cực trị tự do). 6.2. Cực trị có điều kiện. 6.3. Giá trị lớn nhất, Giá trị nhỏ nhất. 6.4. Giải bài toán kinh tế.	12	- Đọc trước Bài 6 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 7: PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN 7.1. Khái niệm cơ bản. 7.2. Phương trình vi phân cấp 1. 7.3. Phương trình vi phân cấp 1 có biến phân ly. 7.4. Phương trình vi phân đẳng cấp. 7.5. Phương trình vi phân toàn phần. 7.6. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 1.	12	- Đọc trước Bài 7 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu. Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 8: PHƯƠNG TRÌNH VI PHÂN CẤP 2 8.1. Khái niệm chung. 8.2. Phương trình giảm cấp được. 8.3. Phương trình vi phân tuyến tính cấp 2. 8.4. Phương trình tuyến tính cấp cao.	12	- Đọc trước Bài 8 trong Tài liệu học tập học phần Toán cao cấp (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Hồ Đắc Nghĩa, nghiahd@uef.edu.vn 2. ThS. Trương Nhã Bình, binhtn@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020.

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Giang

TRƯỞNG BỘ MÔN

Hồ Đắc Nghĩa

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Trương Nhã Bình

L2

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 01

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: XÁC SUẤT THÔNG KÊ Tên tiếng Anh: Probability and Statistics
2. Mã học phần	STA1101
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	3 (3,0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết
5. Học phần học trước	MAT1103 – Toán cao cấp
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, viết bảng. - Kết hợp lý thuyết và làm bài tập trong các buổi học. - Sử dụng các trang thiết bị công nghệ nâng cao hiệu quả giảng dạy. - Sử dụng phần mềm MS Excel và máy tính bỏ túi để hướng dẫn sinh viên thực tập tính toán nhanh các bài toán về xác suất, thống kê. - Dùng hệ thống E-learning để cung cấp các bài tập trắc nghiệm nhằm giúp sinh viên kiểm tra kiến thức của mình và tập làm quen với dạng thi trắc nghiệm cuối kỳ. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Tương ứng với các phương pháp giảng dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM12.
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin
8. Mục tiêu của học phần:	

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	TĐNL
G1	Cung cấp kiến thức cơ bản về biến cố và các công thức tính xác suất.	PLO1	4
G2	Trang bị kiến thức cơ bản về biến ngẫu nhiên và các phân phối xác suất thông dụng, biến ngẫu nhiên nhiều chiều.	PLO1	3
G3	Cung cấp kiến thức cơ bản về lý thuyết mẫu.	PLO1	3
G4	Trang bị các khái niệm và phương pháp ước lượng tham số.	PLO1	4
G5	Trang bị các khái niệm và phương pháp kiểm định giả thuyết thống kê (<i>một tổng thể</i>).	PLO1	4
G6	Trang bị khái niệm và phương pháp kiểm định giả thuyết thống kê (<i>hai tổng thể</i>).	PLO1	4
G7	Trang bị kiến thức cơ bản về tương quan và hồi quy.	PLO1	3

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

CĐR	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được định nghĩa và xác định được quan hệ giữa các biến cố.	T, U
G1.2	Áp dụng được các công thức xác suất để giải các bài toán xác suất.	T, U
G2.1	Hiểu định nghĩa về biến ngẫu nhiên và tính được các đặc trưng của biến ngẫu nhiên.	I, T, U
G2.2	Biết cách giải các bài toán áp dụng các phân phối xác suất thông dụng .	I, T, U
G2.3	Giải được các bài toán về biến ngẫu nhiên nhiều chiều.	T, U
G3.1	Nắm vững các định nghĩa về lý thuyết mẫu.	I, U
G3.2	Giải được các bài toán về lý thuyết mẫu.	T, U
G4.1	Hiểu được và giải được các bài toán về ước lượng điểm điểm và ước lượng khoảng.	I, T, U
G4.2	Hiểu được và giải được các bài toán về ước lượng trung bình.	I, T, U
G4.3	Hiểu được và giải được các bài toán về ước lượng tỷ lệ.	I, T, U
G4.4	Hiểu được và giải được các bài toán về ước lượng phương sai.	I, T, U
G5.1	Nắm vững các khái niệm và giải được các bài toán về kiểm định trung bình (<i>một tổng thể</i>).	I, T, U
G5.2	Hiểu được và giải được các bài toán về kiểm định tỷ lệ (<i>một tổng thể</i>).	I, T, U
G5.3	Hiểu được và giải được các bài toán về kiểm định phương sai (<i>một tổng thể</i>).	I, U
G6.1	Nắm vững các khái niệm và giải được các bài toán về kiểm định trung bình (<i>mẫu độc lập</i>).	I, T, U
G6.2	Hiểu được và giải được các bài toán về kiểm định tỷ lệ (<i>hai tổng thể</i>).	I, T, U
G6.3	Hiểu được và giải được các bài toán về kiểm định phương sai (<i>hai tổng thể</i>).	I, T, U
G7.1	Giải được các bài toán về tương quan.	I, U
G7.2	Giải được các bài toán về hồi quy.	I, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm: biến cố ngẫu nhiên, xác suất của một biến cố; biến ngẫu nhiên, luật phân phối xác suất; biến ngẫu nhiên nhiều chiều; mẫu và các đặc trưng mẫu; ước lượng tham số; kiểm định giả thuyết thống kê; lý thuyết tương quan và phương trình hồi quy tuyến tính đơn.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Buổi/ (3 tiết)	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: BIẾN CÓ VÀ XÁC SUẤT 1.1. Giải tích tổ hợp. 1.2. Biến cố. 1.3. Xác suất	G1.1	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
2	Bài 2: CÔNG THỨC TÍNH XÁC SUẤT 2.1. Công thức cộng xác suất. 2.2. Xác suất có điều kiện. 2.3. Công thức nhân.	G1.1 G1.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
3	Bài 2: CÔNG THỨC TÍNH XÁC SUẤT (tiếp theo). 2.4. Công thức Bernoulli. Luyện tập.	G1.1 G1.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
4	Bài 2: CÔNG THỨC TÍNH XÁC SUẤT (tiếp theo). 2.5. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes. Luyện tập.	G1.1 G1.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
5	Bài 3: BIẾN NGẪU NHIÊN 3.1. Biến ngẫu nhiên và Luật phân phối xác suất. 3.2. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên.	G2.1 G2.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
6	Bài 4: CÁC PHÂN PHỐI XÁC SUẤT THÔNG DỤNG 4.1. Phân phối nhị thức. 4.2. Phân phối siêu bội. 4.3. Phân phối Poisson. 4.4. Phân phối đều. 4.5. Phân phối mũ.	G2.1 G2.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
7	Bài 4: CÁC PHÂN PHỐI XÁC SUẤT THÔNG DỤNG (tiếp theo). 4.6. Phân phối chuẩn. 4.7. Phân phối Chi – Squared. 4.8. Phân phối Student. 4.9. Phân phối Fisher – Snedecor.	G2.1 G2.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2

8	Bài 5: BIẾN NGẪU NHIÊN NHIỀU CHIỀU 5.1. Biến ngẫu nhiên hai chiều. 5.2. Hiệp phương sai. 5.3. Hệ số tương quan. Kiểm tra giữa kỳ.	G2.1 G2.2 G2.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
9	Bài 6: LÝ THUYẾT MẪU 6.1. Phương pháp mẫu. 6.2. Mẫu ngẫu nhiên, mẫu cụ thể. 6.3. Các đặc trưng mẫu.	G3.1 G3.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
10	Bài 7: UỐC LƯỢNG THAM SỐ 7.1. Uớc lượng điểm và uớc lượng khoảng. 7.2. Uớc lượng khoảng cho trung bình.	G4.1 G4.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
11	Bài 7: UỐC LƯỢNG THAM SỐ (tiếp theo). 7.3. Uớc lượng khoảng cho tỉ lệ. 7.4. Uớc lượng khoảng cho phương sai.	G4.3 G4.4	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
12	Bài 8: KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT THỐNG KÊ CHO THAM SỐ MỘT TỔNG THỂ 8.1. Các khái niệm. 8.2. Kiểm định giả thuyết thống kê cho trung bình.	G5.1	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
13	Bài 8: KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT THỐNG KÊ CHO THAM SỐ MỘT TỔNG THỂ (tiếp theo). 8.3. Kiểm định giả thuyết thống kê cho tỉ lệ. 8.4. Kiểm định giả thuyết thống kê cho phương sai.	G5.2 G5.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
14	Bài 9: KIỂM ĐỊNH GIÁ THUYẾT THỐNG KÊ CHO THAM SỐ CỦA HAI TỔNG THỂ 9.1. Kiểm định giả thuyết thống kê cho trung bình. 9.2. Kiểm định giả thuyết thống kê cho tỉ lệ. 9.3. Kiểm định giả thuyết thống kê cho phương sai.	G6.1 G6.2 G6.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
15	Bài 10: TƯƠNG QUAN VÀ HỒI QUY 10.1. Phân tích tương quan. 10.2. Phân tích hồi quy.	G7.1 G7.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp	Điểm thành phần	Bài đánh giá		CĐR môn học
	A1. Điểm quá	A1.1 Chuyên cần: AM1		G.1 – G.7

đánh giá	trình (30%)	A1.2 Bài tập: AM2	G1.1 – G1.2 G2.1 – G2.3 G3.1 – G3.2 G4.1 – G4.4 G5.1 – G5.3 G6.1 – G6.3 G7.1 – G7.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Trắc nghiệm: AM5	G1.1 – G1.2 G2.1 – G2.3	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Trắc nghiệm: AM5	G1.1 – G1.2 G2.1 – G2.3 G3.1 – G3.2 G4.1 – G4.4 G5.1 – G5.3 G6.1 – G6.3 G7.1 – G7.2	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CĂN ĐẶT (điểm hệ 4.0)

Ức êm	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng tính toán rất tốt các bài toán về: công thức xác suất, các phân phối xác suất thông dụng, lý thuyết mẫu, ước lượng và kiểm định tham số, phân tích tương quan và hồi quy.	Có khả năng tính toán tốt các bài toán về: công thức xác suất, các phân phối xác suất thông dụng, lý thuyết mẫu, ước lượng và kiểm định tham số, phân tích tương quan và hồi quy.	Có khả năng giải được các bài toán cơ bản về: công thức xác suất, các phân phối xác suất thông dụng, lý thuyết mẫu, ước lượng và kiểm định tham số, phân tích tương quan và hồi quy.	Có khả năng giải được một số bài toán cơ bản về: công thức xác suất, các phân phối xác suất thông dụng, lý thuyết mẫu, ước lượng và kiểm định tham số, phân tích tương quan và hồi quy.	Kỹ năng tính toán rất hạn chế.	Mất cản về kiến thức to học phổ thông.
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính		<ul style="list-style-type: none"> • Bộ môn Toán (2019). Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê. UEF. 			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung		<ul style="list-style-type: none"> • Lê Sĩ Đồng (2013). Giáo trình xác suất – Thống kê. NXB. Giáo dục. • Lê Sĩ Đồng (2007). Xác suất thống kê và ứng dụng. NXB Giáo dục • Lê Bá Long (2010). Giáo trình xác suất và thống kê. NXB 			

		Thông tin – Truyền thông Hà Nội. <ul style="list-style-type: none"> • Tổng Đinh Quý (2007). Giáo trình xác suất thống kê. NXB Bách khoa Hà Nội. 	
	Trang Web tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • https://www.khanacademy.org/ 	
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Bài 1: BIẾN CÓ VÀ XÁC SUẤT 1.1. Giải tích tổ hợp. 1.2. Biến cố. 1.3. Xác suất	12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 1 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF) . - Chuẩn bị tài liệu môn học trước khi đến lớp.
	Bài 2: CÔNG THỨC TÍNH XÁC SUẤT 2.1. Công thức cộng xác suất. 2.2. Xác suất có điều kiện. 2.3. Công thức nhân. 2.4. Công thức Bernoulli. 2.5. Công thức xác suất đầy đủ, công thức Bayes.	12	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 2 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF) . - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 3: BIẾN NGẪU NHIÊN 3.1. Biến ngẫu nhiên và Luật phân phối xác suất. 3.2. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên. 3.3. Luật số lớn.	6	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 3 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF) . - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 4: CÁC PHÂN PHỐI XÁC SUẤT THÔNG DỤNG 4.1. Phân phối nhị thức. 4.2. Phân phối siêu bội. 4.3. Phân phối Poisson. 4.4. Phân phối đều. 4.5. Phân phối mũ. 4.6. Phân phối chuẩn. 4.7. Phân phối Chi – Squared. 4.8. Phân phối Student. 4.9. Phân phối Fisher – Snedecor.	6	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 4 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF) . - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 5: BIẾN NGẪU NHIÊN NHIỀU CHIỀU 5.1. Biến ngẫu nhiên hai chiều. 5.2. Hiệp phương sai. 5.3. Hệ số tương quan.	3	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước Bài 5 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF) . - Làm các bài tập được yêu cầu.

	Bài 6: LÝ THUYẾT MẪU 6.1. Phương pháp mẫu. 6.2. Mẫu ngẫu nhiên, mẫu cụ thể. 6.3. Các đặc trưng mẫu.	12	- Đọc trước Bài 6 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 7: ƯỚC LƯỢNG THAM SỐ 7.1. Ước lượng điểm và ước lượng khoảng. 7.2. Ước lượng khoảng cho trung bình. 7.3. Ước lượng khoảng cho tỉ lệ. 7.4. Ước lượng khoảng cho phương sai.	12	- Đọc trước Bài 7 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 8: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ CHO THAM SỐ MỘT TỔNG THỂ 8.1. Các khái niệm. 8.2. Kiểm định giả thuyết thống kê cho trung bình. 8.3. Kiểm định giả thuyết thống kê cho tỉ lệ. 8.4. Kiểm định giả thuyết thống kê cho phương sai.	12	- Đọc trước Bài 8 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 9: KIỂM ĐỊNH GIẢ THUYẾT THỐNG KÊ CHO THAM SỐ CỦA HAI TỔNG THỂ 9.1. Kiểm định giả thuyết thống kê cho trung bình. 9.2. Kiểm định giả thuyết thống kê cho tỉ lệ. 9.3. Kiểm định giả thuyết thống kê cho phương sai.	12	- Đọc trước Bài 9 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 10: TƯƠNG QUAN VÀ HỒI QUY 10.1. Phân tích tương quan. 10.2. Phân tích hồi quy.sai.	3	- Đọc trước Bài 10 trong Tài liệu học tập học phần Lý thuyết Xác suất và Thống kê (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Tổng số tiết tự học	90	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Trần Nhật Duy Thành, thanhtnd@uef.edu.vn 2. ThS. Trương Nhã Bình, binhtn@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 2 năm 2020

TRƯỜNG KHOA**TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN****NGƯỜI BIÊN SOẠN**

Nguyễn Hà Giang

Huỳnh Ngọc Ðại Linh

Trương Như Bình

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 01

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TOÁN RỘI RẠC Tên tiếng Anh: Discrete Mathematics		
2. Mã học phần	MAT1104		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3,0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không.		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng phương pháp thuyết giảng kết hợp với trình chiếu, viết bảng. - Kết hợp lý thuyết và làm bài tập trong các buổi học. - Sử dụng các trang thiết bị công nghệ nâng cao hiệu quả giảng dạy. - Sử dụng phần mềm MS Excel và máy tính bỏ túi để hướng dẫn sinh viên thực tập tính toán nhanh các bài toán về giải tích tổ hợp và phép đếm. - Dùng hệ thống E-learning để cung cấp các bài tập trắc nghiệm nhằm giúp sinh viên kiểm tra kiến thức của mình và tập làm quen với dạng thi trắc nghiệm cuối kỳ. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Tương ứng với các phương pháp giảng dạy: TLM1, TLM2, TLM4, TLM12. 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	TĐNL
G1	Cung cấp kiến thức cơ bản về: đại số mệnh đề, vị từ, lượng tử, suy luận toán học và phương pháp chứng minh.	PLO1	4
G2	Trang bị kiến thức cơ bản về tập hợp và ánh xạ.	PLO1	3
G3	Cung cấp kiến thức cơ bản về giải tích tổ hợp và phép đếm.	PLO1	4
G4	Cung cấp kiến thức cơ bản về thuật toán.	PLO1	4
G5	Trang bị kiến thức cơ bản về quan hệ.	PLO1	4
G6	Cung cấp các khái niệm về đại số Boole.	PLO1	3
G7	Trang bị kiến thức cơ bản về tổ hợp luận lý.	PLO1	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần:

CDR	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu được bản chất của mệnh đề	I, U
G1.2	Vận dụng được các phép toán luận lý để xác định tính đúng đắn của mệnh đề.	I, U
G1.3	Biết cách ứng dụng các quy luật luận lý để biến đổi, rút gọn các mệnh đề.	I, U
G1.4	Hiểu được khái niệm và giải được các bài toán về vị từ, lượng từ.	I, T, U
G1.5	Hiểu được khái niệm và vận dụng được các quy tắc suy luận để kiểm tra tính đúng đắn của các suy luận.	I, U
G2.1	Biết cách xác định một tập hợp dựa trên các tính chất hay các phép toán.	I, T, U
G2.2	Hiểu về các quy tắc ánh xạ và nhận biết được các quy tắc biến đổi.	I, T, U
G3.1	Nhận biết được nguyên lý đếm cơ bản là cộng và nhân.	I, U
G3.2	Hiểu về phép đếm và các quy tắc đếm cơ bản.	I, T, U
G3.3	Vận dụng được nguyên lý Dirichlet để tính toán.	I, U
G4.1	Hiểu được khái niệm và các tính chất của thuật toán.	I, T, U
G4.2	Biết cách biểu diễn thuật toán và xác định độ phức tạp của thuật toán.	I, T, U
G5.1	Hiểu được bản chất của quan hệ.	I, T, U
G5.2	Biết cách thức xác định các tính chất của quan hệ tương đương hay quan hệ thứ tự.	I, T, U
G6.1	Nắm được các khái niệm và tính chất của đại số Boole, hàm Boole.	I, T, U
G6.2	Nhận biết và tính toán được các biểu thức tổ hợp của hàm Boole.	I, T, U
G7.1	Nắm vững các tính chất của công thức đa thức tối thiểu.	I, U
G7.2	Nhận biết và tính toán được các biểu thức tổ hợp của hàm Boole thông qua phương pháp bảng Karnaugh và Quine – Mc.Cluskey.	I, T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Nội dung của học phần bao gồm: đại số mệnh đề, vị từ và lượng từ, suy luận toán học và phương pháp chứng minh, tập hợp và ánh xạ, giải tích tổ hợp và phép đếm, thuật toán, quan hệ tương đương và quan hệ thứ tự, đại số Boole, tổ hợp luận lý.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Buổi/ (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: ĐẠI SỐ MỆNH ĐỀ 1.1. Mệnh đề và chân trị. 1.2. Các phép toán luận lý. Luyện tập.	G1.1 G1.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
2	Bài 1: ĐẠI SỐ MỆNH ĐỀ (tiếp theo). 1.3. Mệnh đề có điều kiện và tương đương luận lý. 1.4. Các quy luật luận lý. Luyện tập.	G1.1 G1.2 G1.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
3	Bài 2: VỊ TỪ, LUỢNG TỪ 2.1. Vị từ. 2.1. Lượng từ. Luyện tập.	G1.4 G1.5	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
4	Bài 2: VỊ TỪ, LUỢNG TỪ (tiếp theo). 2.3. Phủ định của vị từ. 2.4. Biểu diễn biểu thức luận lý. Luyện tập.	G1.4 G1.5	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
5	Bài 3: SUY LUẬN TOÁN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỨNG MINH 3.1. Suy luận toán học 3.2. Các phương pháp chứng minh.	G1.1 G1.2 G1.3 G1.4 G1.5	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
6	Bài 4: TẬP HỢP VÀ ÁNH XẠ 4.1. Tập hợp 4.2. Ánh xạ	G2.1 G2.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
7	Bài 5: GIẢI TÍCH TỔ HỢP VÀ PHÉP ĐÊM 5.1. Phép đếm. 5.2. Nguyên lý Dirichlet. 5.3. Hoán vị. Luyện tập.	G3.1 G3.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
8	Bài 5: GIẢI TÍCH TỔ HỢP VÀ PHÉP ĐÊM (tiếp theo). 5.4. Chính hợp. 5.5. Tổ hợp.	G3.1 G3.2 G3.3	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2

	5.6. Nhị thức Newton. Luyện tập. Kiểm tra giữa kỳ.			
9	Bài 6: THUẬT TOÁN 6.1. Giới thiệu 6.2. Độ phức tạp của thuật toán. 6.3. Sự phân lớp, thuật giải.	G4.1 G4.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
10	Bài 7: QUAN HỆ 7.1. Quan hệ. 7.2. Quan hệ tương đương.	G5.1 G5.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
11	Bài 7: QUAN HỆ (tiếp theo). 7.3. Quan hệ thứ tự. Luyện tập.	G5.1 G5.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
12	Bài 8: ĐẠI SỐ BOOLE 8.1. Giới thiệu. 8.2. Đại số Boole. 8.3. Hàm Boole.	G6.1	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
13	Bài 8: ĐẠI SỐ BOOLE (tiếp theo). 8.4. Biểu diễn hàm Boole. Luyện tập.	G6.1 G6.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
14	Bài 9: TỔ HỢP LUẬN LÝ 9.1. Công thức đa thức tối thiểu. 9.2. Phương pháp biểu đồ Karnaugh. Luyện tập.	G7.1 G7.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
15	Bài 9: TỔ HỢP LUẬN LÝ (tiếp theo). 9.3. Phương pháp Quine – Mc. Cluskey. Luyện tập.	G7.1 G7.2	Dạy: thuyết giảng. Học: làm ví dụ, làm bài tập.	A1.1 A1.2
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp	Điểm thành phần	Bài đánh giá		CDR môn học
	A1. Điểm quá	A1.1 Chuyên cần: AM1		Tỷ lệ
				G.1 – G.7
				10%

đánh giá	trình (30%)	A1.2 Bài tập: AM2	G1.1 – G1.5 G2.1 – G2.2 G3.1 – G3.3 G4.1 – G4.2 G5.1 – G5.2 G6.1 – G6.2 G7.1 – G7.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Trắc nghiệm: AM5	G1.1 – G1.5 G2.1 – G2.2 G3.1 – G3.3	
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Tự luận: AM4	G1.1 – G1.5 G2.1 – G2.2 G3.1 – G3.3 G4.1 – G4.2 G5.1 – G5.2 G6.1 – G6.2 G7.1 – G7.2	

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CÂN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng giải rất tốt các bài toán về: đại số mệnh đề, vị từ, lượng từ, giải tích tổ hợp và phép đếm, quan hệ, đại số Boole, tổ hợp luận lý.	Có khả năng giải tốt các bài toán về: đại số mệnh đề, vị từ, lượng từ, giải tích tổ hợp và phép đếm, quan hệ, đại số Boole, tổ hợp luận lý.và hồi quy.	Có khả năng giải được các bài toán cơ bản về: đại số mệnh đề, vị từ, lượng từ, giải tích tổ hợp và phép đếm, quan hệ, đại số Boole, tổ hợp luận lý.	Có khả năng giải được một vài bài toán cơ bản về: đại số mệnh đề, vị từ, lượng từ, giải tích tổ hợp và phép đếm, quan hệ, đại số Boole, tổ hợp luận lý.	Kỹ năng tính toán rất hạn chế.	Mất căn bản về kiến thức toán học phổ thông.

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/ giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ môn Toán (2019). Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc. UEF. 	
	Tài liệu tham khảo/ bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Nguyễn Hữu Anh (2007). Toán rời rạc. Nhà xuất bản Lao động xã hội Hà Nội • Trần Nam Dũng (2009). Toán rời rạc và nhập môn lý thuyết đồ thị. Trường Đại học Kinh tế – Tài chính TP. HCM. • Kenneth H. Rosen, Bùi Xuân Toại (2002). Toán học rời rạc ứng dụng trong tin học. Nhà xuất bản Khoa học & Kỹ thuật. 	
	Trang Web tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • https://www.khanacademy.org/ 	
14. Hướng	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên

dẫn sinh viên tự học	Bài 1: ĐẠI SỐ MỆNH ĐỀ 1.1. Mệnh đề và chân trị. 1.2. Các phép toán luận lý. 1.3. Mệnh đề có điều kiện và tương đương luận lý. 1.4. Các quy luật luận lý.	12	- Đọc trước Bài 1 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Chuẩn bị tài liệu môn học trước khi đến lớp.
	Bài 2: VỊ TỪ, LƯỢNG TỪ 2.1. Vị từ. 2.1. Lượng từ. 2.3. Phủ định của vị từ. 2.4. Biểu diễn biểu thức luận lý.	6	- Đọc trước Bài 2 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 3: SUY LUẬN TOÁN HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHỨNG MINH 3.1. Suy luận toán học 3.2. Các phương pháp chứng minh.	12	- Đọc trước Bài 3 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 4: TẬP HỢP VÀ ÁNH XẠ 4.1. Tập hợp 4.2. Ánh xạ	6	- Đọc trước Bài 4 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 5: GIẢI TÍCH TỔ HỢP VÀ PHÉP ĐÉM 5.1. Phép đếm. 5.2. Nguyên lý Dirichlet. 5.3. Hoán vị. 5.4. Chỉnh hợp. 5.5. Tổ hợp. 5.6. Nhị thức Newton.	12	- Đọc trước Bài 5 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 6: THUẬT TOÁN 6.1. Giới thiệu 6.2. Độ phức tạp của thuật toán. 6.3. Các đặc trưng mẫu.	6	- Đọc trước Bài 6 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 7: QUAN HỆ 7.1. Quan hệ. 7.2. Quan hệ tương đương. 7.3. Quan hệ thứ tự.	12	- Đọc trước Bài 7 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.
	Bài 8: ĐẠI SỐ BOOLE 8.1. Giới thiệu. 8.2. Đại số Boole. 8.3. Hàm Boole. 8.4. Biểu diễn hàm Boole.	12	- Đọc trước Bài 8 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.

	Bài 9: TỔ HỢP LUẬN LÝ 9.1. Công thức đa thức tối thiểu. 9.2. Phương pháp biểu đồ Karnaugh. 9.3. Phương pháp Quine – Mc.Cluskey.	12	- Đọc trước Bài 9 trong Tài liệu học tập học phần Toán rời rạc (UEF). - Làm các bài tập được yêu cầu.	
	Tổng số tiết tự học	90		
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Hồ Đắc Nghĩa, nghiahd@uef.edu.vn 2. ThS. Trương Nhã Bình, binhntn@uef.edu.vn			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOÁN



Nguyễn Hà Giang



Hồ Đắc Nghĩa



Trương Nhã Bình

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Triết học Mác – Lê nin Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist Philosophy		
2. Mã học phần	POL1111		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập tại lớp. - Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên; - Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế. <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + E-learning (TLM19) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	TĐNL
G1	Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lê nin.	PLO1	3.0
G2	Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung các môn học khác.	PLO1	3.0

G3	Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác – Lê nin.	PLO1 PLO8	3.0 4.0
----	--	--------------	------------

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1 G1.2	Hiểu được những kiến thức cơ bản, hệ thống về triết học Mác – Lê nin. Trình bày được những kiến thức cơ bản về triết học Mác – Lê nin .	I+T
G2.1 G2.2	Diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế các kiến thức căn bản về những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước Vận dụng những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác trong chuyên ngành	T+U
G3. 1 G3. 2	Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp. Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.	T+U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác – Lê nin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của CNDV BC, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của CNDVBC. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của CNDVLS, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1 → 5	BÀI 1. TRIẾT HỌC VÀ VAI TRÒ CỦA TRIẾT HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái lược về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của Triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác - Lê nin và vai trò của Triết học Mác - Lê nin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của Triết học Mác – Lê nin 1.2.2. Đối tượng và chức năng của Triết học Mác – Lê nin	G1.1 + G1.2+ G2.2+ G3.1+ G3. 2	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấnD	A1, A2, A3

	1.2.3. Vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay.			
6 → 10	<p>BÀI 2. CHỦ NGHĨA DUY VẬT BIỆN CHỨNG</p> <p>2.1. Vật chất và Ý thức</p> <p>2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất</p> <p>2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức</p> <p>2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức</p> <p>2.2. Phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật</p> <p>2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật</p> <p>2.3. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng</p> <p>2.3.1. Các nguyên tắc lý luận nhận thức của CNDVBC</p> <p>2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức</p> <p>2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức</p> <p>2.3.4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức</p> <p>2.3.5. Tính chất của chân lý</p>	G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1+ G3.2	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
11 → 15	<p>BÀI 3. CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ</p> <p>3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội</p> <p>3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội</p> <p>3.1.2. Biện chứng giữa LLSX và QHSX</p> <p>3.1.3. Biện chứng giữa CSHT và KTTT</p> <p>3.1.4. Sự phát triển của các hình thái KT-XH là một quá trình lịch sử - tự nhiên</p> <p>3.2. Giai cấp và dân tộc</p>	G1.1 +G1.2+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp</p> <p>3.2.2. Dân tộc</p> <p>3.2.3. Mối quan hệ giai cấp - dân tộc - nhân loại</p> <p>3.3. Nhà nước và Cách mạng xã hội</p> <p>3.3.1. Nhà nước</p> <p>3.3.2. Cách mạng xã hội</p> <p>3.4. Ý thức xã hội</p> <p>3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội</p> <p>3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội</p> <p>3.5. Triết học về con người</p> <p>3.5.1. Khái lược về con người và bản chất con người</p> <p>3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người</p> <p>3.5.3. Quan điểm triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử</p> <p>3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam</p>			
--	--	--	--	--

TỔNG CỘNG: 45 tiết

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần – AM1 A1.2 Bài tập – AM2	G3 G1.1, G1.2 G2.1, G2.2 G3.1, G3. 2	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A2. Kiểm tra trắc nghiệm – AM5	G1.2 G2.1, G2.2	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	A3. Thi trắc nghiệm – AM5	G1.1, G1.2 G2.1, G2.2 G3.1, G3. 2	50%

Rubrics: Đề thi

	Tài liệu/giáo trình chính	• Giáo trình triết học Mác – Lênin. UEF.
--	------------------------------	--

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Hà Nội: Chính trị quốc gia. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). Giáo trình Triết học Mác-Lênin, Hà Nội: Chính trị quốc gia. 	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.2. Triết học Mác - Lênin và vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội	30	Đọc trước giáo trình Bài 1, các tài liệu tham khảo bổ sung
	BÀI 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và Ý thức 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.3. Lý luận nhận thức duy vật biện chứng	45	Đọc trước giáo trình Bài 2, các tài liệu tham khảo bổ sung
	BÀI 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.2. Giai cấp và dân tộc 3.3. Nhà nước và Cách mạng xã hội 3.4. Ý thức xã hội 3.5. Triết học về con người	45	Đọc trước giáo trình Bài 3, các tài liệu tham khảo bổ sung
Tổng số tiết tự học		120 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	TS. Nguyễn Minh Trí, trinm@uef.edu.vn ThS. Nguyễn Văn Bừng, bungnv@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 4/6 tháng 3 năm 2020

TRƯỜNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

TRƯỜNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Minh Trí

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Bừng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Kinh tế chính trị Mác - Lênin Tên tiếng Anh: Marxist-Leninist Political Economics		
2. Mã học phần	POL1112		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	2 (2, 0) TC Lý thuyết: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần tiên quyết			
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập tại lớp. - Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên; - Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế. <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + E-learning (TLM19) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	<ul style="list-style-type: none"> - Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển kinh tế của đất nước và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính cơ bản, hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, tính sáng tạo, kỹ năng, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lắp, tăng cường tích hợp và giảm tải, lược bỏ những nội dung không còn phù hợp hoặc 	PLO1	3.0

	những nội dung mang tính kinh viện		
G2	- Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội và góp phần giúp sinh viên xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.	PLO1	3.0
G3	- Góp phần xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác – Lênin đối với sinh viên	PLO8	3.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1 G1.2	Hiểu được những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Trình bày được những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	I+T
G2.1	Diễn giải và có khả năng vận dụng, đưa vào thực tế các kiến thức căn bản về những vấn đề kinh tế - xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước	T+U
G2.2	Vận dụng những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị Mác – Lênin lý giải và nắm bắt bản chất nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.	
G3.1 G3.2	Có phẩm chất chính trị – đạo đức nghề nghiệp. Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin theo mục tiêu môn học. Cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc trong phát triển của Việt Nam.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	BÀI 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA	G1.1 + G1.2+	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của kinh tế chính trị mác - lenin 1.1.1. Giai đoạn thứ nhất, từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII 1.1.2. Giai đoạn thứ hai, từ sau thế kỷ XVIII đến nay 1.2. Đôi tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị mác - lenin 1.2.1. Đôi tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lenin 1.2.2. Phương pháp nghiên cứu của kinh tế chính trị Mác - Lenin 1.3. Chức năng của kinh tế chính trị mác - lenin trong phát triển 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng thực tiễn 1.3.3. Chức năng tư tưởng 1.3.4. Chức năng phương pháp luận			
2, 3	BÀI 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỂ THAM GIA THỊ TRƯỜNG 2.1. Lý luận của c. mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa 2.1.3. Tiền 2.1.4. Dịch vụ và một số hàng hóa đặc biệt 2.2. Thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2.1. Thị trường 2.2.2. Vai trò của một số chủ thể chính tham gia thị trường	G1.1+ G1.2+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
4, 5	BÀI 3. GIÁ TRỊ THẶNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG 3.1. Lý luận của c.mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng	G1.1+ G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1+ G3.2	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>đư</p> <p>3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa.</p> <p>3.2. Tích lũy tư bản</p> <p>3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản</p> <p>3.2.2. Những nhân tố góp phần làm tăng quy mô tích lũy</p> <p>3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản</p> <p>3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường</p> <p>3.3.1. Lợi nhuận</p> <p>3.3.2. Lợi tức</p> <p>3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa</p>			
6, 7	<p>BÀI 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG</p> <p>4.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và động quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2. Độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2.1. Lý luận của v.i.lênin về độc quyền trong nền kinh tế thị trường</p> <p>4.2.2. Lý luận của V.I.Lênin về độc quyền nhà nước trong CNTB</p>	G1.1+G1.2 +G2.1+ G3.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
8, 9	<p>BÀI 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM</p> <p>5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam</p> <p>5.1.1. khái niệm kinh tế thị trường định hướng xhcн ở vietnam</p> <p>5.1.2. tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.</p> <p>5.1.3. Đặc trưng của nền kinh tế</p>	G1.1+G1.2 +G2.1+ G3.1+ G3.2	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.</p> <p>5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam.</p> <p>5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</p> <p>5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam</p> <p>5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam</p> <p>5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế</p> <p>5.3.2. Vai trò của nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích</p>			
10	<p>BÀI 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM</p> <p>6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa</p> <p>6.1.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa</p> <p>6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở việt nam</p> <p>6.1.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở việt nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thứ tư.</p> <p>6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam</p> <p>6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế</p> <p>6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển kinh tế ở việt nam</p> <p>6.2.3. Phuong hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam</p>	G1.1+G2.2 G2.1+G2.2 +G3.1+G3. 2	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần – AM1 A1.2 Bài tập – AM2	G3 G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A2. Kiểm tra trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	A3. Thi trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1+ G3. 2	50%

Rubrics:

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Giáo trình Kinh tế Chính trị. UEF 		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Nxb: Chính trị quốc gia, Hà Nội. • Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2006). Giáo trình kinh tế chính trị Mác-Lênin. Hà Nội: Chính trị quốc gia 		
	Trang Web/ CDs tham khảo			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ CHỨC NĂNG CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ MÁC LÊNIN		15	Đọc trước giáo trình Bài 1, các tài liệu tham khảo bổ sung
	BÀI 2. HÀNG HÓA, THỊ TRƯỜNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÁC CHỦ THỀ THAM GIA THỊ TRƯỜNG		15	Đọc trước giáo trình Bài 2, các tài liệu tham khảo bổ sung. Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến Bài 2
	BÀI 3. GIÁ TRỊ THẮNG DƯ TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG		15	Đọc trước giáo trình Bài 3, các tài liệu tham khảo bổ sung
BÀI 4. CẠNH TRANH VÀ ĐỘC QUYỀN TRONG NỀN KINH TẾ		15	Đọc trước giáo trình Bài 4, các	

	THỊ TRƯỜNG		tài liệu tham khảo bổ sung Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến Bài 4
	BÀI 5. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÁC QUAN HỆ LỢI ÍCH KINH TẾ Ở VIỆT NAM	15	Đọc trước giáo trình Bài 5, các tài liệu tham khảo bổ sung. Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến Bài 5
	BÀI 6. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM	15	
Tổng số tiết tự học		90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	<p>1. TS. Nguyễn Minh Trí, trinm@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Văn Thành, thanh@uef.edu.vn</p>		

TRƯỜNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

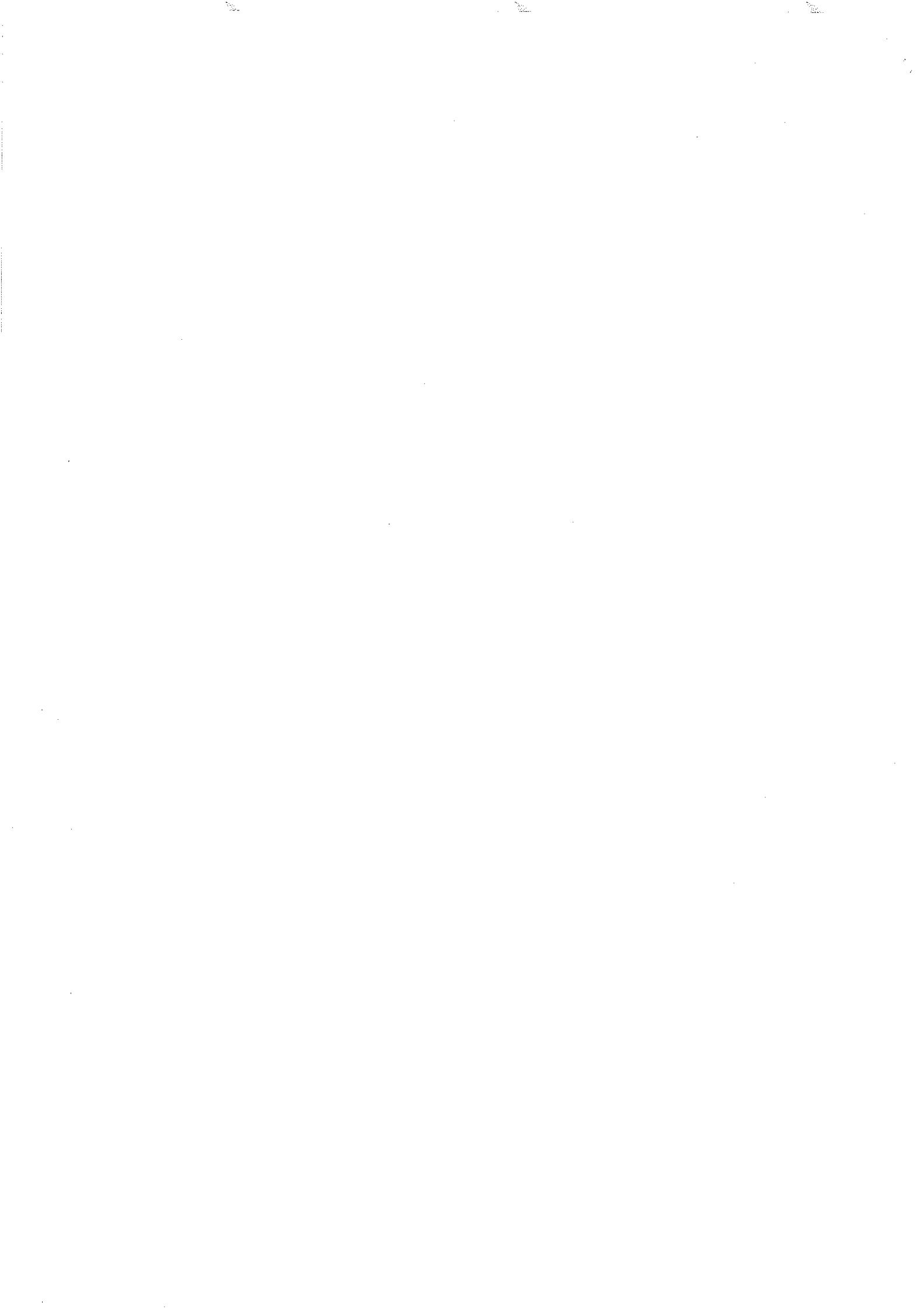
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỜNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Minh Trí

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Văn Phúc Vũ



PHÒNG ĐÀO TẠO

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Chủ nghĩa xã hội khoa học Tên tiếng Anh: Scientific Socialism												
2. Mã học phần	POL113												
3. Trình độ đào tạo	Đại học												
4. Số tín chỉ	2 (2, 0) TC Lý thuyết: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết												
5. Học phần học trước	Không												
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập tại lớp. - Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên; - Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế. <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + E-learning (TLM19) 												
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo												
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CĐR của CTĐT (X.x.x)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td> <td>- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lê nin.</td> <td>PLO1</td> <td>3.0</td> </tr> <tr> <td>G2</td> <td>- Giúp cho sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của</td> <td>PLO1</td> <td>3.0</td> </tr> </tbody> </table>	Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL	G1	- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lê nin.	PLO1	3.0	G2	- Giúp cho sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của	PLO1	3.0
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL										
G1	- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác – Lê nin.	PLO1	3.0										
G2	- Giúp cho sinh viên nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của	PLO1	3.0										

	đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH ở nước ta.		
G3	- Giúp sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học CNXH nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng nói chung.	PLO1 PLO8	3.0 4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	- Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất của Chủ nghĩa xã hội khoa học	I+T+U
G1.2	- Nắm bắt nội dung cơ bản của về những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội	I+T+U
G2.1 G2.2	- Nắm bắt bản chất của cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước - Vận dụng, giải quyết vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước trong cách mạng xã hội chủ nghĩa	I+T+U
G3.1 G3.1	- Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. - Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.	T+U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Nội dung chương trình môn học gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKH theo mục tiêu môn học.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	BÀI 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 1.1. SỰ RA ĐỜI CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời Chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.2. Vai trò của C.Mác và Ph. Ăng - ghen 1.2. CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC 1.2.1. C.Mác và Ph. Ănghen phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học	G1.1+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển Chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới</p> <p>1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo của Chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời đến nay.</p> <p>1.3. ĐỐI TƯỢNG PHƯƠNG PHÁP VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC</p> <p>1.3.1. Đối tượng nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</p> <p>1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học</p>			
	<p>BÀI 2. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN</p> <p>2.1. QUAN NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN</p> <p>2.1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân</p> <p>2.1.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân</p> <p>2.1.3. Điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan quy định và thực hiện SMLS của giai cấp công nhân</p> <p>2.2. GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY</p> <p>2.2.1. Quan niệm về giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</p> <p>2.2.2. Thực hiện SMLS của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay</p> <p>2.3. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM</p> <p>2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam</p> <p>2.3.2. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay</p>	G1.1 + G2.1 + G3.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	2.3.3. Định hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay.			
	<p>BÀI 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>3.1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>3.1.1. CNXH – giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN</p> <p>3.1.2. Điều kiện ra đời CNXH</p> <p>3.1.3. Những đặc trưng cơ bản của CNXH</p> <p>3.2. THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH</p> <p>3.3. QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bô qua chế độ tư bản chủ nghĩa</p> <p>3.3.2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay</p>	G1.1+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
	<p>BÀI 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>4.1. DÂN CHỦ VÀ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ</p> <p>4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.2. NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA</p> <p>4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa</p> <p>4.3. XÂY DỰNG CHẾ ĐỘ DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM</p>	G1.1+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam</p> <p>4.3.2. Nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>4.3.1. Phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.</p>			
	<p>BÀI 5. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.</p> <p>5.1. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>5.1.1. Khái niệm và vị trí của cơ cấu xã hội – giai cấp trong cơ cấu xã hội</p> <p>5.1.2. Sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>5.2. LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.</p> <p>5.2.1. Xét từ góc độ chính trị - xã hội</p> <p>5.2.2. Xét từ góc độ kinh tế</p> <p>5.3. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỚP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM</p> <p>5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <p>5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	G1.1+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
	<p>BÀI 6. VĂN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>6.1. VĂN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p>	G1.1+ G2.1+G 3.1 +G3.2	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>6.1.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc</p> <p>6.1.2. Vấn đề dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam</p> <p>6.2. VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>6.2.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề tôn giáo</p> <p>6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.</p> <p>6.3. MỐI QUAN HỆ GIỮA DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM</p> <p>6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</p> <p>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.</p>			
	<p>BÀI 7. VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>7.1. KHÁI NIỆM, VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG CỦA GIA ĐÌNH</p> <p>7.1.1. Khái niệm gia đình</p> <p>7.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội</p> <p>7.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình</p> <p>7.2. CƠ SỞ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>7.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội</p> <p>7.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội</p> <p>7.2.3. Cơ sở văn hóa</p> <p>7.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ</p> <p>7.3. XÂY DỰNG GIA ĐÌNH VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>7.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p> <p>7.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.</p>	G1.1+ G2.1+ G3.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	7.3.3. Phương hướng cơ bản để xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.			
	TỔNG CỘNG: 30 tiết			
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần – AM1 A1.2 Bài tập – AM2	G3 G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A2. Kiểm tra trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	A3. Thi trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	50%

Rubrics:

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	• Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học. UEF.	
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	• Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2009). Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khóa học. Hà Nội: Chính trị quốc gia. • Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. (2006). Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khóa học. Hà Nội: Chính trị quốc gia.	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 1. NHẬP MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC	9	Đọc trước giáo trình Bài 1, các tài liệu tham khảo bổ sung
	BÀI 2. SỰ MẸNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN	9	Đọc trước giáo trình Bài 2, các tài liệu tham khảo bổ sung
	BÀI 3. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	9	Đọc trước giáo trình Bài 3, các tài liệu tham khảo bổ sung

	BÀI 4. DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA	9	Đọc trước giáo trình Bài 4, các tài liệu tham khảo bổ sung Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến Bài 4
	BÀI 5. CƠ CẤU XÃ HỘI – GIAI CẤP VÀ LIÊN MINH GIAI CẤP, TẦNG LỐP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	18	Đọc trước giáo trình Bài 5, các tài liệu tham khảo bổ sung. Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến Bài 5
	BÀI 6. VĂN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	18	Đọc trước giáo trình Bài 6, các tài liệu tham khảo bổ sung Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến Bài 6
	BÀI 7. VĂN ĐỀ GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	18	Đọc trước giáo trình Bài 7, các tài liệu tham khảo bổ sung Sưu tầm, nghiên cứu các các tài liệu có liên quan đến Bài 7
	Tổng số tiết tự học 90 tiết		
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Nguyễn Minh Trí, trinm@uef.edu.vn 2. ThS. Phạm Đình Huấn, huanpd@uef.edu.vn		

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Minh Trí

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Văn Bétrong

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Tư tưởng Hồ Chí Minh Tên tiếng Anh: HoChinh's thoughts		
2. Mã học phần	POL1114		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	2 (2, 0) TC Lý thuyết: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập tại lớp. - Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên; - Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế. <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15). + E-learning (TLM19) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước Việt Nam; đoàn kết; văn hóa, đạo đức, con người.	PLO1	3.0
G2	Sinh viên nhận thức đúng bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhận thức được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và những	PLO1	3.0

	đóng góp của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển tư tưởng của nhân loại.		
G3	Tích cực bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, rèn luyện bản lĩnh chính trị, phương pháp và phong cách theo gương Hồ Chí Minh. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho bản thân.	PLO1 PLO8	3.0 4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Nắm bắt cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.	I+T+U
G1.2	Nắm bắt nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam (độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước Việt Nam; đoàn kết; văn hóa, đạo đức, con người)	
G2.1	Nhận thức được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với con đường giải phóng dân tộc Việt Nam.	I+T+U
G2.2	Những đóng góp của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển tư tưởng của nhân loại.	
G3.1 G3.2	Xây dựng, bồi dưỡng đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong sinh viên. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, phương pháp và phong cách theo gương Hồ Chí Minh.	T+U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh có 6 chương, bao gồm những nội dung về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Đảng Cộng sản Việt Nam; Nhà nước Việt Nam; Đoàn kết; Văn hóa, đạo đức, con người.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	BÀI 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của môn học tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Phương pháp nghiên cứu 1.2.1. Cơ sở phương pháp luận	G1.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>1.2.2. Các phương pháp cụ thể</p> <p>1.3. Ý nghĩa của việc học tập môn học đối với sinh viên</p> <p>1.3.1. Nâng cao năng lực tư duy lý luận</p> <p>1.3.2. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng và rèn luyện bản lĩnh chính trị</p> <p>1.3.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác</p>			
	<p>BÀI 2. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH</p> <p>2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng hồ chí minh</p> <p>2.1.1. Cơ sở khách quan</p> <p>2.1.2. Nhân tố chủ quan</p> <p>2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng hồ chí minh</p> <p>2.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và tìm đường cứu nước</p> <p>2.2.2. Thời kỳ 1911-1920: Tìm thấy con đường cứu nước, giải phóng dân tộc</p> <p>2.2.3. Thời kỳ từ 1921-1930: Hình thành cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam</p> <p>2.2.4. Thời kỳ từ 1930-1941: Vượt qua thử thách, kiên trì giữ đường lối, phương pháp cách mạng sáng tạo</p> <p>2.2.5. Thời kỳ từ 1941-1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển và tảo sáng</p> <p>2.3. Giá trị tư tưởng hồ chí minh</p> <p>2.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi sáng con đường giải phóng và phát triển dân tộc</p> <p>2.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sự phát triển tư tưởng của nhân loại</p>	G1.1	<p>Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn</p>	A1, A2, A3
	<p>BÀI 3. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI</p> <p>3.1. Tư tưởng hồ chí minh về độc lập dân tộc</p> <p>3.1.1. Khái niệm “độc lập dân tộc”</p> <p>3.1.2. Tư tưởng hồ chí minh về con đường đấu tranh giành độc lập dân tộc</p> <p>3.2. Tư tưởng hồ chí minh về chủ</p>	G1.1+ G1.2+ G2.1+ G2.2 + G3.1	<p>Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn</p>	A1, A2, A3

	nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở việt nam 3.2.1. Khái niệm “chủ nghĩa xã hội” 3.2.2.Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội 3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh và điều kiện thời kỳ quá độ ở Việt Nam 3.3. Tư tưởng hồ chí minh về mối quan hệ biện chứng giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội 3.3.1. Độc lập dân tộc là cơ sở, tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội 3.3.2. Chủ nghĩa xã hội là điều kiện vững chắc để đảm bảo nền độc lập dân tộc			
	BÀI 4. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM 4.1. Tư tưởng hồ chí minh về đảng cộng sản việt nam 4.1.1. Cách mạng việt nam cần có sự lãnh đạo của đảng 4.1.2. Cơ sở lý luận của đảng là chủ nghĩa mác-lênin 4.1.3. Thực hiện tốt các nguyên tắc xây dựng đảng 4.1.4. Xây dựng đội ngũ đảng viên và cán bộ 4.1.5. Thắt chặt mối quan hệ giữa đảng và dân 4.2. Tư tưởng hồ chí minh về nhà nước việt nam 4.2.1. Nhà nước dân chủ 4.2.2. Nhà nước pháp quyền 4.2.3. Nhà nước trong sạch, hiệu quả 4.3. Một số vấn đề về vận dụng vào công tác xây dựng đảng và xây dựng nhà nước giai đoạn hiện nay 4.3.1. Về xây dựng đảng 4.3.2. Về xây dựng Nhà nước	G1.1+ G1.2+ G2.1+ G2.2 + G3.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
	BÀI 5. TƯ TUỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT 5.1. Tư tưởng hồ chí minh về đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vai trò của đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng 5.1.2. Lực lượng đoàn kết dân tộc	G1.1+ G1.2+ G2.1+ G2.2 + G3.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>5.1.3. điều kiện thực hiện đoàn kết dân tộc</p> <p>5.1.4. Hình thức tổ chức của khối đoàn kết dân tộc</p> <p>5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.1. Vai trò của đoàn kết quốc tế</p> <p>5.2.2. Lực lượng đoàn kết và hình thức tổ chức</p> <p>5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế</p> <p>5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong giai đoạn hiện nay</p> <p>5.3.1. Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết trong chủ trương, đường lối của Đảng</p> <p>5.3.2. Xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh công nhân, nông dân, trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng</p> <p>5.3.3. Đoàn kết dân tộc phải gắn với đoàn kết quốc tế</p>			
	<p>BÀI 6. TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI</p> <p>6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa</p> <p>6.1.1. Hồ chí minh-nhà văn hóa kiệt xuất việt nam</p> <p>6.1.2. Quan niệm về văn hóa</p> <p>6.1.3. Quan điểm của hồ chí minh về quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác</p> <p>6.1.4. Quan điểm của hồ chí minh về giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại</p> <p>6.1.5. Quan điểm của hồ chí minh về vai trò của văn hóa</p> <p>6.1.6. Quan điểm của hồ chí minh về xây dựng nền văn hóa mới</p> <p>6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>6.2.1. Hồ Chí Minh và nền đạo đức mới Việt Nam</p>	G1.1+ G1.2+ G2.1+ G2.2 + G3.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>6.2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức</p> <p>6.3. Tư tưởng hồ chí minh về con người</p> <p>6.3.1. Quan niệm của hồ chí minh về con người</p> <p>6.3.2. Quan观点 của hồ chí minh về vai trò của con người</p> <p>6.3.3. Quan观点 của hồ chí minh về xây dựng con người</p> <p>6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người việt nam hiện nay dưới ánh sáng tư tưởng hồ chí minh</p> <p>6.4.1. Sự cần thiết phải xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay</p> <p>6.4.2. Một số nội dung xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh</p>			
--	--	--	--	--

TỔNG CỘNG: 30 tiết

	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần – AM1 A1.2 Bài tập – AM2	G3 G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A2. Kiểm tra trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	A3. Thi trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1+ G3. 2	50%

Rubrics: Đề thi

	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh. UEF
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010). <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. Hà Nội: Chính trị quốc gia. Hồ Chí Minh: toàn tập, tuyển tập, đĩa CDROM Hồ Chí Minh, toàn tập.
	Trang Web/ CDs tham khảo	

	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	BÀI 1. ĐỐI TƯỢNG, PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA HỌC TẬP MÔN TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	12	Đọc trước giáo trình, tài liệu bài 1
	BÀI 2. CƠ SỞ, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH	12	Đọc trước giáo trình, tài liệu bài 2, trả lời câu hỏi ôn tập
	BÀI 3. TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI	18	Đọc trước giáo trình, tài liệu bài 3, trả lời câu hỏi ôn tập
	BÀI 4. TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM, VỀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	18	Đọc trước giáo trình, tài liệu bài 4, trả lời câu hỏi ôn tập
	BÀI 5. TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐOÀN KẾT	12	Đọc trước giáo trình, tài liệu bài 5, trả lời câu hỏi ôn tập
	BÀI 6. TỰ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA, ĐẠO ĐỨC, CON NGƯỜI	18	Đọc trước giáo trình, tài liệu bài 6, trả lời câu hỏi ôn tập
	Tổng số tiết tự học	90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. TS. Nguyễn Minh Trí, trinm@uef.edu.vn 2. ThS. Lưu Đình Vinh, vinhld@uef.edu.vn		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

TS. Nguyễn Minh Trí

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PHÒNG ĐÀO TẠO**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam Tên tiếng Anh: History of the Communist Party of VietNam		
2. Mã học phần	POL1115		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	2 (2, 0) TC Lý thuyết: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với làm bài tập tại lớp. - Sưu tầm, nghiên cứu các tài liệu có liên quan đến nội dung của từng phần, từng chương, mục hay chuyên đề theo sự hướng dẫn của giảng viên; - Tham dự đầy đủ các giờ giảng của giảng viên và các buổi tổ chức thảo luận dưới sự hướng dẫn và điều khiển của giảng viên theo quy chế. <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Học nhóm (TLM15) + E-learning (TLM19) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong đó chủ yếu tập trung vào đường lối của Đảng thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội phục vụ cho cuộc sống và công tác.	PLO1	3.0
G2	- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PLO1, PLO8	3.0

G3	- Xây dựng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng.	PLO1, PLO8	3.0 4.0
----	---	------------	------------

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	- Trang bị cho sinh viên những nội dung căn bản, toàn diện, có hệ thống về lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay	I+T+U
G1.2	- Nắm bắt nội dung cơ bản của đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	
G2.1	- Khẳng định những thành tựu vĩ đại về sự lãnh đạo của Đảng.	
G2.2	- Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	I+T+U
G3.1	- Giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	
G3.1	- Có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị.	T+U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Môn học ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể như sau: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)..

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
	BÀI 1. Đổi tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam <ul style="list-style-type: none"> 1.1. Đổi tượng nghiên cứu 1.1.1. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một ngành của khoa học lịch sử 1.1.2. Đổi tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1.2. Chức năng, nhiệm vụ <ul style="list-style-type: none"> 1.2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 1.2.2. Nhiệm vụ 	G1.1+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>1.3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</p> <p>1.3.1. Cơ sở lý luận, phương pháp lu</p> <p>1.3.2. Phương pháp nghiên cứu, học tập</p>			
	<p>BÀI 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)</p> <p>2.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cường lịnh chính trị đầu tiên của Đảng (Tháng 2 - 1930)</p> <p>2.1.1. Bối cảnh lịch sử</p> <p>2.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện thành lập Đảng</p> <p>2.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cường lịnh chính trị đầu tiên của Đảng</p> <p>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử của sự kiện thành lập Đảng cộng sản Việt Nam</p> <p>2.2. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)</p> <p>2.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935</p> <p>2.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939.</p> <p>2.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945</p> <p>2.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945</p>	G1.1 + G2.1 + G3.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3
	<p>BÀI 3. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)</p> <p>3.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1946)</p>	G1.1+ G2.1	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	<p>3.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946).</p> <p>3.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1946 - 1950)</p> <p>3.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi (1951-1954)</p> <p>3.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ</p> <p>3.2. Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954 - 1975)</p> <p>3.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954-1965)</p> <p>3.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965-1975)</p> <p>3.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975</p>			
	<p>BÀI 4. Đảng lãnh đạo cả nước qua độ lớn CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)</p> <p>4.1. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)</p> <p>4.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)</p> <p>4.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng (3/1982) và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986)</p> <p>4.2. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)</p> <p>4.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng</p>	G1.1+ G2.1+G 3G.1 +G3.2	Dạy: Thuyết trình Học: Nghe giảng + phát vấn	A1, A2, A3

	kinh tế - xã hội (1986-1996) 4.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH, HDH và hội nhập quốc tế (1996-2018) 4.3.3. Thành tựu, kinh nghiệm công cuộc đổi mới			
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần – AM1 A1.2 Bài tập – AM2	G3 G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A2. Kiểm tra trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	A3. Thi trắc nghiệm – AM5	G1.1 G1.2+ G2.1+ G2.2+ G3.1	50%
Rubrics: đề thi				
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.UEF 		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2009). <i>Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i>, Hà Nội: Chính trị quốc gia. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. (2006). <i>Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam</i>. Hà Nội: Chính trị quốc gia. 		
	Trang Web/ CDs tham khảo			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 1. Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu, học tập môn lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam		15	Đọc trước giáo trình Bài 1, các tài liệu tham khảo bổ sung. Trả lời câu hỏi ôn tập

	BÀI 2. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 -1945)	15	Đọc trước giáo trình Bài 1, các tài liệu tham khảo bổ sung. Trả lời câu hỏi ôn tập
	BÀI 3. Đánh lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975)	30	Đọc trước giáo trình Bài 1, các tài liệu tham khảo bổ sung. Trả lời câu hỏi ôn tập
	BÀI 4. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)	30	Đọc trước giáo trình Bài 1, các tài liệu tham khảo bổ sung. Trả lời câu hỏi ôn tập
Tổng số tiết tự học		90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	<p>1. TS. Nguyễn Minh Trí, trinm@uef.edu.vn 2. TS. Lê Bá Vương, vuonglb@uef.edu.vn</p>		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

TS. Nguyễn Minh Trí

Trần Quốc Áo

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA LUẬT & QUAN HỆ QUỐC TẾ

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Pháp luật đại cương Tên tiếng Anh: Fundamental of law		
2. Mã học phần	LAW1101		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	03 (3, 0) Số tiết lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết; - Thảo luận các tình huống và hướng dẫn nhiều dạng bài tập cho sinh viên; - Tự học có định hướng. <p>Cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Học theo-tình huống (TLM14) + Học nhóm (TLM15) + E-learning (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Luật & Quan hệ Quốc tế		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	Hiểu rõ các khái niệm liên quan đến Nhà nước và Pháp luật. Hiểu rõ những vấn đề lý luận chung nhất về Nhà nước xã hội chủ nghĩa.	PLO1	3.0
G2	Phân tích được những nguyên nhân, quá trình ra đời, vai trò và chức năng của Nhà nước và Pháp luật.	PLO1	3.0
G3	Nâng cao khả năng tư duy các vấn đề pháp lý cơ bản một cách khoa học và khách quan. Áp dụng cơ bản các văn bản quy phạm pháp luật để giải thích các vấn đề pháp lý trong đời sống và đưa ra khuyến nghị.	PLO1	4.0

G4	Có khả năng xây dựng nhóm và làm việc theo nhóm để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình lĩnh hội kiến thức. Thuyết trình nhóm theo chủ đề được giảng viên phân công.	PLO1	4.0
G5	Xây dựng một quan điểm, tầm nhìn và định hướng tích cực cho sinh viên về hệ thống pháp luật Việt Nam	PLO1	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu biết và giải thích những lý luận cơ bản về Nhà nước và Pháp luật;	I, T
G2.1	Ứng dụng được kiến thức cơ bản trong thực tế và tiếp tục nghiên cứu hệ thống pháp luật của Việt Nam và trên Thế giới;	I, U
G3.1	Có khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết các vấn đề pháp lý cơ bản	T, U
G3.2	Có tư duy phản biện.	T, U
G4.1	Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng lời và thuyết trình, kỹ năng viết, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.	T, U
G5.1	Tuân thủ luật pháp, chính sách của nhà nước; Biết và tuân thủ đạo đức nghề nghiệp; Cầu tiến, thiện chí học hỏi.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu hiện tượng Nhà nước và Pháp luật theo quan điểm chủ nghĩa Mác-Lenin. Học phần giải quyết những vấn đề chung nhất về Nhà nước và Pháp luật: nguồn gốc, bản chất, các kiểu và chức năng của Nhà nước và Pháp luật. Ngoài ra học phần còn nghiên cứu các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Chương 1. NHẬP MÔN PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG 1.1 Vài nét tổng quan về môn học Pháp luật đại cương 1.2 Những góc độ tiếp cận Lý luận về Nhà nước và Pháp luật 1.2.1 Lý luận về Nhà nước và Pháp luật là một khoa học độc lập.	G1.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời, phân công nhóm thuyết trình theo lộ trình giảng dạy.	A1, A3

	1.1.3 Lý luận về Nhà nước và Pháp luật là một môn học trong chương trình Cử nhân Luật		Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thành lập nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi.	
2	Chương 2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC 2.1 Khái niệm, nguồn gốc Nhà nước 2.1.1 Nguồn gốc Nhà nước 2.1.2 Khái niệm Nhà nước 2.2 Bản chất và các đặc trưng của Nhà nước 2.2.1 Bản chất Nhà nước 2.2.2 Đặc trưng của Nhà nước	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Thuyết trình nhóm đầu giờ về nội dung giảng viên phân công. Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận và trả lời câu hỏi.	A1, A3
3	Chương 2. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC 2.3 Hình thức Nhà nước 2.3.1 Hình thức chính thể 2.3.2 Hình thức cấu trúc lãnh thổ 2.3.3 Chế độ chính trị 2.4 Chức năng Nhà nước 2.4.1 Chức năng đối nội 2.4.2 Chức năng đối ngoại 2.5 Kiểu Nhà nước 2.5.1 Kiểu Nhà nước chủ nô 2.5.2 Kiểu Nhà nước phong kiến 2.5.3 Kiểu Nhà nước tư sản 2.5.4 Kiểu Nhà nước xã hội chủ nghĩa	G1.1 G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.	A1, A3
4	Chương 3. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 3.1 Khái niệm bộ máy nhà nước 3.2 Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Thuyết trình nhóm đầu giờ về	A1, A3

			nội dung giảng viên phân công. Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận và trả lời câu hỏi.	
5	Chương 3. BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 3.3 Cơ cấu bộ máy Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 3.3.1 Cơ quan thực hiện chức năng lập pháp 3.3.2 Cơ quan thực hiện chức năng hành pháp 3.3.3 Cơ quan thực hiện chức năng tư pháp 3.3.4 Chủ tịch nước 3.3.5 Các chế định độc lập bên cạnh Quốc hội	G1.1 G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.	A1, A3
6	Chương 4. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT 4.1 Khái niệm, nguồn gốc Pháp luật 4.1.1 Nguồn gốc Pháp luật 4.1.2 Khái niệm Pháp luật 4.2 Bản chất và các đặc trưng của Pháp luật 4.2.1 Bản chất Pháp luật 4.2.2 Đặc trưng của Pháp luật	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G4.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Thuyết trình nhóm đầu giờ về nội dung giảng viên phân công. Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận và trả lời câu hỏi.	A1, A3
7	Chương 4. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ PHÁP LUẬT 4.3 Hình thức Pháp luật 4.3.1 Tập quán pháp 4.3.2 Tiền lệ pháp 4.3.3 Văn bản quy phạm pháp luật 4.4 Chức năng Pháp luật 4.4.1 Chức năng điều chỉnh 4.4.2 Chức năng bảo vệ	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi,	A1, A3

	4.4.3 Chức năng giáo dục 4.5 Kiểu Pháp luật 4.5.1 Kiểu Pháp luật chủ nô 4.5.2 Kiểu Pháp luật phong kiến 4.5.3 Kiểu Pháp luật tư sản 4.5.4 Kiểu Pháp luật xã hội chủ nghĩa		thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.	
8	Chương 5. QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT 5.1 Quy phạm pháp luật 5.1.1 Khái niệm và đặc điểm của quy phạm pháp luật 5.1.2 Cơ cấu của quy phạm pháp luật 5.1.3 Phương thức thể hiện quy phạm pháp luật	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G4.1	Đạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Thuyết trình nhóm đầu giờ về nội dung giảng viên phân công. Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận và trả lời câu hỏi.	A1, A3
9	Chương 5. QUY PHẠM PHÁP LUẬT VÀ VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT 5.2 Văn bản quy phạm pháp luật 5.2.1 Khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật 5.2.2 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam 5.2.3 Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật 5.2.4 Xử lý trong trường hợp có sự xung đột nội dung văn bản quy phạm pháp luật	G1.1 G2.1 G3.1 G3.2 G5.1	Đạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.	A1, A3
10	Chương 6. VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ 6.1 Vi phạm pháp luật 6.1.1 Khái niệm và các dấu hiệu cơ bản của vi phạm pháp luật 6.1.2 Cấu thành của vi phạm pháp luật	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G4.1	Đạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Thuyết trình nhóm đầu giờ về	A1, A3

	6.1.3 Phân loại vi phạm pháp luật		nội dung giảng viên phân công. Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận và trả lời câu hỏi.	
11	Chương 6. VI PHẠM PHÁP LUẬT VÀ TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ 6.2 Trách nhiệm pháp lý 6.2.1 Khái niệm và đặc điểm của trách nhiệm pháp lý 6.2.2 Phân loại trách nhiệm pháp lý 6.2.3 Cơ sở truy cứu trách nhiệm pháp lý	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.	A1, A3
12	ÔN TẬP GIỮA KỲ VÀ KIỂM TRA GIỮA KỲ	G1.1 G2.1 G3.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thành lập nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi.	A2
13	Chương 7. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM 7.1 Khái niệm và các bộ phận hợp thành hệ thống pháp luật Việt Nam 7.1.1 Khái niệm hệ thống pháp luật 7.1.2 Các bộ phận hợp thành hệ thống pháp luật 7.1.3 Các căn cứ để phân định ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G4.1	Dạy: Thuyết giảng chủ động, giảng viên đặt câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Thuyết trình nhóm đầu giờ về nội dung giảng viên phân công. Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận và trả lời câu hỏi.	A1, A3
14	Chương 7. HỆ THỐNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM	G1.1 G2.1	Dạy: Giảng viên đặt câu hỏi gợi mở	A1, A3

	7.2 Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam 7.2.1 Ngành luật Nhà nước 7.2.2 Ngành luật Hành chính 7.2.3 Ngành luật tài chính 7.2.4 Ngành luật đất đai 7.2.5 Ngành luật lao động 7.2.6 Ngành luật dân sự 7.2.7 Ngành luật kinh tế 7.2.8 Ngành luật hôn nhân và gia đình 7.2.9 Ngành luật hình sự 7.2.10 Ngành luật tố tụng hình sự 7.2.11 Ngành luật tố tụng dân sự	G3.1 G3.2 G5.1 G4.1	và yêu cầu sinh viên thảo luận để trả lời. Học: Ghi chép, lắng nghe câu hỏi, thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi.	
15	TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1		A1, A3
TỔNG SỐ TIẾT		45 Tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	G3.1		Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần (nghỉ 1 buổi trừ 1 điểm; nghỉ từ 4 buổi trở lên 0 điểm chuyên cần) – AM1 Thuyết trình nhóm – AM3	G1-G5	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài kiểm tra trắc nghiệm 40 câu hoặc bài kiểm tra vấn đáp. Yêu cầu tỉ lệ 90% câu hỏi cơ bản, 10% nâng cao – AM5	G1-G5	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Bài kiểm tra trắc nghiệm 40 câu tỉ lệ 70% cơ bản, 30% nâng cao – AM5	G1-G5	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
Nhận biết, giải thích, và vận dụng Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật	Có thể vận dụng một cách sáng tạo để giải quyết các vấn đề pháp lý thực tế phức tạp	Có thể vận dụng hiểu biết của pháp luật để giải quyết các vấn đề pháp lý thực tế	Phát biểu và giải thích chính xác các quy định chung của pháp luật	Phát biểu được các quy định chung của pháp luật	Nhận biết nhưng chưa đầy đủ các quy định chung của pháp luật	Hoàn toàn không nhận biết, nhận biết rất ít hoặc nhận biết sai lệch về các quy định chung của pháp luật
Vận dụng kiến thức pháp luật để dự báo được các tình huống pháp lý này sinh và hoạch định phương án bảo vệ tốt nhất lợi ích của các giai cấp.	Có thể vận dụng sáng tạo kiến thức pháp luật để dự báo được các tình huống pháp lý này sinh và hoạch định phương án bảo vệ tốt nhất lợi ích của các giai cấp.	Có thể vận dụng kiến thức pháp luật về DN để dự báo được các tình huống pháp lý này sinh và hoạch định phương án bảo vệ tốt nhất lợi ích của các giai cấp.	Có thể vận dụng kiến thức pháp luật về DN để dự báo được các tình huống pháp lý này sinh nhưng chưa hoạch định phương án bảo vệ tốt nhất lợi ích của các giai cấp.	Nhận biết được các rủi ro pháp lý có thể này sinh. Chưa hoạch định phương án bảo vệ lợi ích của các giai cấp.	Nhận biết nhưng chưa đầy đủ các rủi ro pháp lý có thể này sinh. Chưa hoạch định phương án bảo vệ lợi ích của các giai cấp.	Hoàn toàn không nhận biết, nhận biết rất ít hoặc nhận biết sai lệch về các rủi ro pháp lý có thể này sinh cũng như phương án bảo vệ lợi ích của các giai cấp.
Kỹ năng tư duy	- Có năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn của ngành. - Phối hợp nhiều nguồn lực khác nhau để thúc đẩy việc giải quyết vấn đề pháp lý	- Thực hiện các phương pháp nghiên cứu - Có khả năng kết hợp các kiến thức liên ngành để phát hiện vấn đề, mối tương quan biện chứng giữa các vấn đề và tìm ra xu hướng phát triển trong	- Rà soát nội dung tài liệu để hình thành các giả thuyết khoa học pháp lý liên quan. - Phân tích được vấn đề liên quan trong lĩnh vực pháp lý.	Tiếp thu một cách có hệ thống các lý thuyết cơ bản liên quan lĩnh vực pháp lý.	Không có tự duy hệ thống, chỉ có thể phân tích một số vấn đề nhỏ riêng biệt	Hoàn toàn không có tự duy hệ thống và tự duy phân tích

	một cách hiệu quả.	lĩnh vực pháp luật.				
Kỹ năng làm việc nhóm	Có khả năng quản lý nhóm hiệu quả, đáp ứng các thay đổi trong thực tế, thực hiện công việc nhóm hoàn thành với kết quả tốt.	Tham gia và có vai trò chủ chốt trong tổ chức và quản lý nhóm, giúp nhóm hoàn thành mục tiêu công việc.	- Tham gia công việc nhóm tích cực, hoàn thành tốt các công việc giao phó. - Có đóng góp trong việc xây dựng và quản lý nhóm.	Tham gia công việc nhóm đầy đủ, hoàn thành các công việc giao phó.	Tham gia công việc nhóm thụ động và có giới hạn trong nhóm.	Hoàn toàn không làm việc nhóm, hoặc tham gia nhưng không tích cực.
Kỹ năng giao tiếp (bằng văn bản và thuyết trình)	Có những sáng tạo trong các trình bày, thuyết trình. Trực tiếp phản biện hoặc bảo vệ quan điểm trước phản biện gây sự thỏa mãn cho lớp học.	Nắm vai trò biên tập bài viết, góp phần hoàn thành mục tiêu tốt bài soạn khoa học. Tham gia thuyết trình, tạo sự thu hút, hấp dẫn khi trình bày.	Tham gia và hoàn thành tốt mục tiêu của phần soạn bài và thuyết trình.	Tham gia và hoàn thành mục tiêu phần việc soạn bài và thuyết trình nhóm theo phân công.	Có tham gia thụ động và có giới hạn hoạt động soạn bài và thuyết trình của nhóm, đạt được một số kết quả nhỏ.	Hoàn toàn không tham gia (viết bài/ thuyết trình) hoặc có tham gia nhưng kết quả thực hiện không đạt.
Năng lực thực hành nghề nghiệp	Hoạch định chiến lược quản trị rủi ro đối với các tình huống pháp lý này sinh đã được dự báo trước, bảo vệ tốt nhất lợi ích của các giai cấp trong quá trình hoạt động.	Dự báo tình huống và xử lý, giải quyết được các tình huống pháp lý phát sinh.	Đánh giá ảnh hưởng của môi bối cảnh kinh tế, xã hội đến pháp luật, xác định được vai trò của ngành luật tư đối với sự thay đổi của thị trường và của nền kinh tế - xã hội	Nhận thức về bối cảnh môi trường vi mô của các giai cấp và thích ứng với yêu cầu pháp lý trong các loại hình nhà nước khác nhau	Có thể thực hiện một số công việc nhỏ theo sự phân công và giám sát của người khác.	Hoàn toàn không có khả năng thực hành nghề nghiệp

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> Trần Huỳnh Thanh Nghị (2010). Giáo trình Pháp luật đại cương. Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP. Hồ Chí Minh. 	
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> Trần Mạnh Đạt, Nguyễn Văn Huy (2017). Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Có hiệu lực từ 01/01/2014. Nhà xuất bản Tư pháp. 	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	CHƯƠNG 1 - CHƯƠNG 7	90	Trước mỗi buổi học, sinh viên cần đọc trước tài liệu phục vụ học phần bên trên
	BUỔI 12 VÀ BUỔI 15	30	Trước buổi 12 và buổi 15, Sinh viên cần xem lại tất cả những nội dung đã học, hệ thống lại kiến thức và chuẩn bị những câu hỏi thắc mắc với Giảng viên khi lên lớp và làm bài kiểm tra giữa học phần.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	Tổng số tiết tự học	120 tiết	
	1. ThS. Phó Hưng Bình, binhph@uef.edu.vn 2. ThS. Nguyễn Đức Trí, trind@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

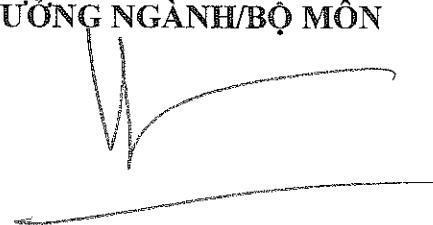
TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

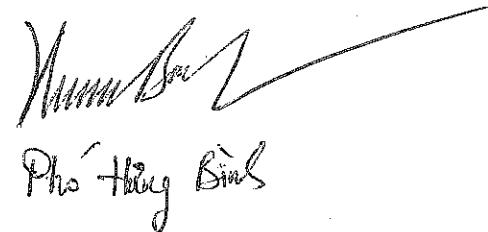
NGƯỜI BIÊN SOẠN



Dương Anh Sơn



ThS. Phan Thị Ánh Sao



Phó Hưng Bình

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bản chính thức số 01

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Tin học đại cương Tên tiếng Anh: Introduction to computer basics		
2. Mã học phần	ITE1201		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (2, 1) TC Lý thuyết: 30 tiết Thực hành: 30 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng, thuyết giảng và minh họa (demonstration) trên máy tính - Hướng dẫn sinh viên làm các bài thực hành. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Minh họa (TLM5) + Thảo luận (TLM9) + E-learning (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20) 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Công nghệ thông tin		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Giải thích được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin	PLO1	3.0
G2	Sử dụng máy tính, quản lý tập tin, thư mục, đĩa thông qua hệ điều hành Windows	PLO4	4.0
G3	Sử dụng Internet và dịch vụ liên quan: web, mail, search, lưu trữ trực tuyến	PLO4	4.0
G4	Sử dụng phần mềm trình chiếu Powerpoint	PLO4	4.0
G5	Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word	PLO4	4.0

G6	Sử dụng phần mềm bảng tính Excel	PLO4	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin	I, T
G2.1	Sử dụng máy tính, hệ điều hành Windows, quản lý tập tin, thư mục, đĩa	T, U
G3.1	Sử dụng Internet và dịch vụ liên quan: web, mail, search, lưu trữ	T, U
G4.1	Sử dụng phần mềm trình chiếu Powerpoint	T, U
G5.1	Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word	T, U
G6.1	Sử dụng phần mềm bảng tính Excel	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, lưu trữ ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng: unikey, winrar, ...
- Sử dụng phần mềm soạn thảo văn bản Word.
- Sử dụng phần mềm bảng tính Excel.
- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình chiếu Powerpoint.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan về CNTT và truyền thông 1.1 Giới thiệu 1.2 Cấu trúc tổng quan máy tính điện tử Bài 2: Hệ điều hành Windows- Quản lý dữ liệu với Windows Explorer 2.1 Các thao tác cơ bản	G1.1 G2.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Thảo luận, trả lời câu hỏi	A1.1 A1.2 A3.1

	2.2 Thao tác với tập tin, thư mục 2.3 Thao tác với đĩa 2.4 Thao tác với Shortcut 2.5 Nén và giải nén tập tin/thư mục			
2	Bài 3: Internet và các dịch vụ 3.1 Mạng máy tính 3.2 Internet 3.3 Các ứng dụng Internet tiêu biểu: Web, Mail, tìm kiếm, lưu trữ online	G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
3	Bài 4: Microsoft PowerPoint 4.1 Tổng quan 4.2 Thao tác với các đối tượng 4.3 Hiệu chỉnh bài thuyết trình 4.4 Làm việc với hiệu ứng 4.5 Làm việc với trình chiếu 4.6 Slide Master 4.7 In	G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
4	Bài 5: Microsoft Word 5.1 Tổng quan 5.2 Định dạng văn bản Font, đoạn văn, trang Tab	G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
5	Microsoft Word (tiếp theo) 5.3 Thao tác với các đối tượng Table, Column, WordArt, Picture, Equation, Footnote...	G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
6	Microsoft Word (tiếp theo) 5.4 Một số chức năng thông dụng khác Style, Table of Content Header/Footer Mail Merge 5.5 In văn bản	G5.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1

7	Bài 6: Microsoft Excel 6.1 Tổng quan 6.2 Thao tác trên bảng tính 6.3 Biểu đồ 6.4 Công thức và hàm SUM, ROUND, ...	G6.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
8	Microsoft Excel (tiếp theo) Hàm IF LEFT, RIGHT, MID, VALUE VLOOKUP, HLOOKUP COUNTIF, SUMIF ...	G6.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
9	Microsoft Excel (tiếp theo) 6.5 Thao tác với dữ liệu: sắp xếp, lọc/trích 6.6 In bảng tính	G6.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi, minh họa trên máy tính Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
10	Ôn tập	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1	Dạy: ôn các chủ đề chính đã học, giải các đề trắc nghiệm mẫu Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3.1
TỔNG CỘNG:		30 tiết		

THỰC HÀNH:

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài thực hành 1: Sử dụng hệ điều hành Windows Thao tác trên đĩa, thư mục, tập tin. Sử dụng một số phần mềm tiện ích: Unikey, Winrar	G1.1 G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
2	Bài thực hành 2:	G3.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	A1.1 A1.2

	Sử dụng các dịch vụ trên Internet: web, mail, tìm kiếm, lưu trữ trực tuyến		Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	
3	Bài thực hành 3: Sử dụng Powerpoint Tạo bài trình chiếu Chèn đối tượng: WordArt, Shapes, Picture, Chart, ... Tạo hiệu ứng chuyển động Tạo liên kết Tạo Slide Master	G4.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
4	Bài thực hành 4: Sử dụng Word Thao tác cơ bản, định dạng Font chữ. Định dạng đoạn văn Định dạng văn bản dạng Tab,	G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
5	Bài thực hành 5: Sử dụng Word (tt) Column, Bảng. Chèn đối tượng đồ họa, ký hiệu toán học, chú thích.	G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
6	Bài thực hành 6: Sử dụng Word (tt) Định dạng văn bản dùng Style Table of Content Header/Footer Mail Merge	G5.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
7	Bài thực hành 7: Sử dụng Excel Nhập và định dạng bảng tính Sao chép và liên kết dữ liệu Tạo biểu đồ	G6.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
8	Bài thực hành 8: Sử dụng Excel(tt) Các hàm	G6.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2
9	Bài thực hành 9: Sử dụng Excel(tt) Sắp xếp, lọc trích danh sách dữ liệu Kiểm tra thực hành	G5.1 G6.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn Học: Sinh viên thực hành bài tập trong giáo trình.	A1.1 A1.2 A2.1
10	Ôn tập	G1.1 G2.1	Dạy: Giảng viên hướng dẫn	

		G3.1 G4.1 G5.1 G6.1	Học: Sinh viên thực hành bài ôn dạng trắc nghiệm	
TỔNG CỘNG:		30 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x) Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1 A1.2 Bài tập trên lớp, về nhà: AM2	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1	10% 20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	A2.1 Thi Thực hành: AM9	G2.1 G5.1 G6.1	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	A3.1 Thi Trắc nghiệm (60 phút): AM5	G1.1 G2.1 G3.1 G4.1 G5.1 G6.1	50%

Rubrics học phần: KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint. Thành thạo sử dụng các tiện ích Internet, các thao tác trên hệ điều hành Nắm vững khái niệm máy tính	Có khả năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint. Thành thạo sử dụng các tiện ích Internet, các thao tác trên hệ điều hành	Có khả năng sử dụng khá các phần mềm Word, Excel, Powerpoint. Khá thành thạo sử dụng các tiện ích Internet, các thao tác trên hệ điều hành	Có khả năng thực hiện các thao tác cơ bản trên phần mềm Word, Excel, Powerpoint. Sử dụng cơ bản vài tiện ích Internet, vài thao tác trên hệ điều hành	Còn hạn chế khi thao tác cơ bản trên phần mềm Word, Excel, Powerpoint. Chưa biết sử dụng tiện ích cơ bản trên Internet, hệ điều hành	Hầu như không có kiến thức về máy tính.

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • “Giáo trình Tin học đại cương Lý Thuyết”, UEF. • “Giáo trình Tin học đại cương Thực hành”, UEF.
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Vermaat, Sebok (2018). Discovering Computers. Shelly Cashman Series. • Steven M. Ferund and ect (2016). Discovering Computers & Microsoft Office 365 & Office 2016: A Fundamental Combined Approach. Microsoft Press. Shelly Cashman Series.

	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Buổi 1:	9	Đọc trước giáo trình chương 1, 2
	Buổi 2:	9	Đọc trước giáo trình chương 3 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 3:	9	Đọc trước giáo trình chương 4 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 4:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 5:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 6:	9	Đọc trước giáo trình chương 5 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 7:	9	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 8:	9	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 9:	9	Đọc trước giáo trình chương 6 Làm các bài tập được yêu cầu
	Buổi 10:	9	Ôn lại tất cả các chương theo đề cương ôn tập, làm trước đề trắc nghiệm mẫu
Tổng số tiết tự học		90 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Nguyễn Thị Hoài Linh, linhnth@uef.edu.vn 2. ThS. Ngô Văn Công Bằng, bangnvc@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Giang

CV

Nguyễn Thị Giang

Ngô Văn Công Bằng

Nguyễn Minh Tuấn

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
PHÒNG ĐÀO TẠO

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Thiết kế Dự án 1 Tên tiếng Anh: Project Design 1		
2. Mã học phần	SKI1107		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<p>1. Giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn SV trong quá trình thiết kế sáng tạo và khoa học để phát triển năng lực tư duy thiết kế (Design Thinking), luôn đặt câu hỏi tại sao (Why) trong việc tìm ra vấn đề, tạo ý tưởng và giải quyết vấn đề.</p> <p>2. Áp dụng mô hình đào tạo tại chỗ (On-the-job-training: OJT): Mô phỏng nhu hoạt động của một doanh nghiệp hay công ty. SV làm việc theo nhóm nhỏ theo quy trình: Làm rõ mục tiêu, nội dung hoạt động → quyết định về chia sẻ trách nhiệm cho từng cá nhân → Mỗi cá nhân có trách nhiệm hoàn thành việc cá nhân đã được giao → các cá nhân chia sẻ thông tin → ý kiến nhận xét, góp ý của nhóm → rút ra kết luận/ kết quả hoạt động → thảo luận công việc tiếp theo. Quy trình này được lặp đi lặp lại trong suốt khóa học ở mỗi hoạt động của mỗi bước.</p> <p>Các phương pháp dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Tranh luận (TLM8) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Học theo tình huống (TLM14) + Học nhóm (TLM15) + Dự án nghiên cứu (TLM17) + Học trực tuyến (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Trung tâm đào tạo Thiết kế Dự án, Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL

G1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để phát triển tư duy thiết kế.	PLO4	3.0
G2	Hiểu và áp dụng các kỹ năng đã học vào các môn học khác và sử dụng các phần mềm để hỗ trợ thuyết trình	PLO4	3.0
G3	Có kỹ năng viết và trình bày văn bản, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm. Cung cấp kỹ năng về phân tích logic.	PLO6	4.0
G4	Có lòng say mê nghề nghiệp. Có ý chí phấn đấu và đạo đức nghề nghiệp; Có khả năng tự cập nhật kiến thức và vận dụng sáng tạo để giải quyết các vấn đề.	PLO10	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Hiểu, phát biểu và giải thích được tại sao các khía cạnh của một sự vật hiện tượng còn chưa được giải quyết một cách thỏa đáng;	I, T
G1.2	Nhận diện được các nhân tố cấu thành và phân tích các khía cạnh của vấn đề.	I, U
G2.1	Biết và vận dụng các kỹ năng về giao tiếp thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả.	I, T
G2.2	Hiểu và biết vận dụng các kỹ năng đã học vào các môn học khác ở mức cơ bản.	I, U
G3.1	Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn và các dạng tư duy khác (tư duy biện chứng, phân tích, phán đoán).	T, U
G3.2	Kỹ năng mềm: Có kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp bằng lời và thuyết trình, kỹ năng viết, kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề.	T, U
G4.1	Có phẩm chất chính trị – nghề nghiệp, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm đối với tổ chức, đơn vị;	T, U
G4.2	Có lòng say mê nghề nghiệp. Có ý chí phấn đấu và đạo đức nghề nghiệp;	T, U
G4.3	Có khả năng tự cập nhật kiến thức và vận dụng sáng tạo các kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề;	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học cung cấp năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề ngay từ những năm đầu tiên này sẽ giúp các bạn sinh viên tích cực, chủ động, sáng tạo để giải quyết vấn đề, thông qua đó chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, thuyết trình, tìm kiếm thông tin, lập kế hoạch, phỏng vấn, phân tích- tổng hợp, viết báo cáo, đưa ra giải pháp tối ưu, v.v.... Đây là môn học cần thiết để sinh viên học tốt các môn học chuyên ngành của ở bậc học cao hơn, đồng thời cũng giúp sinh viên có thể thích nghi ngay với môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
-------	----------	----------------	-------------------------	-----------------

Buổi (3 tiết)				
1, 2, 3, 4, 5	Bài 1: Phát hiện vấn đề từ Chủ đề lớp 1.1 Phát triển đề tài dự án tạm thời từ Chủ đề lớp. Đánh giá các đề tài cá nhân đề xuất 1.2 Đánh giá các đề tài đề xuất 1.3 Thu thập thông tin & đề xuất ứng cử viên cho Đề tài tạm thời	G1.1, G1.2, G2.1, G3.1, G3.2, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
6	Bài 2: Điều tra thực trạng của vấn đề 2.1 Chứng minh sự tồn tại của vấn đề 2.2 Khảo sát các bên liên quan về hiện trạng vấn đề 2.3 Khảo sát các vấn đề tương tự	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
7	Bài 3: Điều tra nhu cầu của các bên liên quan 3.1 Đánh giá lại đề tài tạm thời 3.2 Báo cáo khảo sát thực trạng Đề tài nhóm mới 3.3 Khảo sát nhu cầu của các bên liên quan	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
8	Bài 4: Điều tra các giải pháp hiện có 4.1 Vì sao vấn đề vẫn chưa được giải quyết triệt 4.2 Khảo sát các giải pháp hiện có 4.3 Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của các giải pháp hiện có	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
9, 10	Bài 5: Phân tích cấu trúc nguyên nhân của vấn đề 5.1 Brainwriting các nguyên nhân của vấn đề 5.2 Phân tích cấu trúc nguyên nhân vấn đề 5.3 Cấu trúc các nguyên nhân dẫn đến vấn đề	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
11, 12	Bài 6: Lựa chọn nguyên nhân cụ thể 6.1 Danh sách các điều kiện ràng buộc 6.2 Lựa chọn được vấn đề cụ thể	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G4.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3

	6.3 Khảo sát ý kiến các bên liên quan về điều kiện ràng buộc			
13, 14	<p>Bài 7: Đề xuất đánh giá và lựa chọn giải pháp</p> <p>7.1 Diễn giải ý tưởng giải pháp cá nhân</p> <p>7.2 Đánh giá các giải pháp đề xuất</p> <p>7.3 Minh họa giải pháp cuối cùng của nhóm</p>	G1.1, G1.2, G2.1, G2.2, G3.1, G3.2 G4.1, G4.2	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
15	Bài 8: Thuyết trình báo cáo cuối kỳ	G2.1, G3.1, G3.2, G4.1, G4.2, G4.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1		G1-G4
		A1.2 Bài tập cá nhân: AM2		G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.3
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập nhóm: AM8		G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.3
		A3.1 Đánh giá thuyết trình: AM3		G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.3
		A3.2 Đánh giá làm việc nhóm: AM8		G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.3
		A3.3 Viết báo cáo: AM7		G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.3
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • UEF. (2018). <i>Project Design 1</i>. UEF Lưu hành nội bộ. 		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Brian Cole Miller. 2011. “Xây dựng nhóm hiệu quả”. NXB Lao động-Xã hội 		

		Debra Fine. 2009. "The fine art of the big talk – Bí quyết chinh phục khách hàng, thuyết trình thành công và giải quyết mâu thuẫn trong công việc". NXB Lao động-Xã hội	
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 1: 1.1. Phát triển đề tài dự án tạm thời từ chủ đề lớp 1.2. Đánh giá các đề tài đề xuất 1.3. Thu thập thông tin & đề xuất ứng cử viên cho đề tài tạm thời	15	Hoàn thành các phiếu 1T-1, 1T-2, 1P-1
	BÀI 2: 2.1 Chứng minh sự tồn tại của vấn đề 2.2 Khảo sát các bên liên quan về hiện trạng vấn đề 2.3 Khảo sát các vấn đề tương tự	3	Hoàn thành phiếu 2P-1, 2P-2 Chuẩn bị bài thuyết trình lần 1
	BÀI 3: 3.1 Đánh giá lại đề tài tạm thời 3.2 Báo cáo khảo sát thực trạng đề tài nhóm mới 3.3 Khảo sát nhu cầu của các bên liên quan	3	Hoàn thành phiếu 3T-1, 3T-2, 3P-1
	BÀI 4 : 4.1 Vì sao vấn đề vẫn chưa được giải quyết triệt 4.2 Khảo sát các giải pháp hiện có 4.3 Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của các giải pháp hiện có	3	Hoàn thành phiếu 4P-1
	BÀI 5: 5.1 Brainwriting các nguyên nhân của vấn đề 5.2 Phân tích cấu trúc nguyên nhân vấn đề 5.3 Cấu trúc các nguyên nhân dẫn đến vấn đề	6	Hoàn thành các phiếu 5T-1, 5T-2 Chuẩn bị bài thuyết trình lần 2
	BÀI 6 : 6.1 Danh sách các điều kiện ràng buộc 6.2 Lựa chọn được vấn đề cụ thể 6.3 Khảo sát ý kiến các bên liên quan về điều kiện ràng buộc	6	Hoàn thành các phiếu 6T-1, 6P-1

	BÀI 7: 7.1 Diễn giải ý tưởng giải pháp cá nhân 7.2 Đánh giá các giải pháp đề xuất 7.3 Minh họa giải pháp cuối cùng của nhóm	6	Hoàn thành các phiếu 7T-1, 7T-2, 7P-1
	BÀI 8: Thuyết trình báo cáo cuối kỳ	3	Chuẩn bị bài thuyết trình cuối kỳ Hồ sơ báo cáo cuối kỳ
	Tổng số tiết tự học	45 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	ThS. Hà Lê Thu Hoài, hoaihlt@uef.edu.vn ThS. Nguyễn Thùy Dung, dungnt@uef.edu.vn		

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

ThS. Nguyễn Xuân Hưng

Th.S Hà Lê Thu Hoài

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
PHÒNG ĐÀO TẠO

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Thiết kế Dự án 2 Tên tiếng Anh: Project Design 2		
2. Mã học phần	SKI1108		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết		
5. Học phần học trước	SKI1107 - Project Design 1		
6. Phương pháp giảng dạy	<p>1. Giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn SV trong quá trình thiết kế sáng tạo và khoa học để phát triển năng lực tư duy thiết kế (Design Thinking), luôn đặt câu hỏi tại sao (Why, Critical Thinking) trong việc tìm ra vấn đề, tạo ý tưởng và giải quyết vấn đề.</p> <p>2. Áp dụng mô hình đào tạo tại chỗ (On-the-job-training: OJT): Mô phỏng như hoạt động của một doanh nghiệp hay công ty. SV làm việc theo nhóm nhỏ theo quy trình: Làm rõ mục tiêu, nội dung hoạt động → quyết định về chia sẻ trách nhiệm cho từng cá nhân → Mỗi cá nhân có trách nhiệm hoàn thành việc cá nhân đã được giao → các cá nhân chia sẻ thông tin → ý kiến nhận xét, góp ý của nhóm → rút ra kết luận/ kết quả hoạt động → thảo luận công việc tiếp theo. Quy trình này được lặp đi lặp lại trong suốt khóa học ở mỗi hoạt động của mỗi bước.</p> <p>Các phương pháp dạy và học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Tranh luận (TLM8) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Học theo tình huống (TLM14) + Học nhóm (TLM15) + Dự án nghiên cứu (TLM17) + Học trực tuyến (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Trung tâm đào tạo Thiết kế Dự án, Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (PLOx)	TĐNL

G1	Nắm được quy trình để phát triển năng lực tư duy thiết kế, đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành].	PLO4	3.0
G2	Có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phản biện, tư duy sáng tạo, tư duy thực tiễn; có kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình.	PLO6	4.0
G3	Có lòng say mê nghề nghiệp. Có ý chí phấn đấu và đạo đức nghề nghiệp; Có khả năng tự cập nhật kiến thức và vận dụng sáng tạo để giải quyết các vấn đề.	PLO10	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Phân tích, tổng hợp, đánh giá vấn đề một cách hệ thống kết hợp với tư duy phản biện, tư duy sáng tạo trong xử lý các vấn đề liên quan một cách khoa học và logic	I, T
G1.2	Phân tích, đánh giá để đưa ra được các kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường, phát hiện và giải quyết một số vấn đề phức tạp về chuyên môn	I, T, U
G2.1	Biết và vận dụng được hiệu quả kỹ năng làm việc nhóm	U
G2.2	Vận dụng và phát huy được kỹ năng giao tiếp bằng lời nói, kỹ năng thuyết trình	T, U
G2.3	Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để đạt được những mục tiêu của cá nhân và của tổ chức	T, U
G3.1	Tuân thủ các quy định chung của Nhà trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra (1) Đi học đầy đủ, nếu vi phạm sẽ bị trừ điểm chuyên cần; (2) Chính trực và minh bạch trong quá trình làm bài tập cá nhân, bài thi và các bài kiểm tra liên quan đến học phần.	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Với quan niệm “Người học là trung tâm”, môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hóa giải pháp.

Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp. Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và logic cao.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Bài 1: Tổng quan môn học PDII <ul style="list-style-type: none"> 1.1 1.1. Giới thiệu môn học 1.2 1.2. Tổ chức nhóm 1.3 1.3. Mini-project về SDGs 	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
2	Bài 2: Phát hiện các vấn đề từ các mục tiêu SDGs/ VDGs <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Các nhân tố, điều kiện thúc đẩy/kim hâm Innovation 2.2 Phát hiện các vấn đề từ SDGs/VDGs 	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
3	Bài 3: Xác định nhu cầu thị trường và khách hàng quan trọng <ul style="list-style-type: none"> 3.1 Dự án sáng tạo cá nhân 	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
4	Bài 4: Sáng tạo giá trị của dự án (NABC) <ul style="list-style-type: none"> 4.1 Đánh giá lựa chọn dự án Nhóm 4.2. Điều chỉnh, bổ sung dự án Nhóm 4.3. Chuẩn bị Mini-presentation: Giới thiệu dự án nhóm 	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
5	Bài 5: Thuyết trình Mini-presentation & Tuyên ngôn giá trị NABC <ul style="list-style-type: none"> 5.1 Tổng hợp phản hồi của khán giả 5.2 Thực hiện nghiên cứu điều chỉnh dự án 	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3

6	Bài 6: Phương pháp thuyết trình Elevator Pitch 6.1. Luyện tập giới thiệu dự án theo EP 6.2. Chuẩn bị thuyết trình VCF1	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
7	Bài 7: Thuyết trình VCF1	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
8	Bài 8: Hệ sinh thái kinh doanh và tính cạnh tranh 8.1. Hệ sinh thái kinh doanh (Business eco-system) của dự án Nhóm 8.2. Xác định tính cạnh tranh của dự án Nhóm	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
9	Bài 9: Thuyết trình VCF2	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
10	Bài 10: Thủ lĩnh sáng tạo và mô hình PDMC 10.1. Thủ lĩnh sáng tạo 10.2. Mô hình PDMC của dự án	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
11	Bài 11: Đội nhóm sáng tạo – Tính liên kết của tổ chức - Phân tích SWOT 11.1. Đội nhóm sáng tạo 11.2. Tính liên kết của tổ chức 11.3. Phân tích SWOT cho dự án Nhóm	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
12	Bài 12: Thuyết trình VCF3	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3

13	Bài 13: Hoàn thiện dự án sáng tạo Nhóm – Thiết kế Poster dự án 13.1. Khảo sát ý kiến chuyên gia và các bên liên quan để hoàn thiện dự án sáng tạo Nhóm 13.2. Thiết kế Poster dự án	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
14	Bài 14: Báo cáo kết quả khảo sát và Thuyết trình Poster	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
15	Bài 15: Phiên công bố Poster cuối kỳ	G1.1 G1.2 G2.1 G2.2 G2.3 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1 A2 A3
TỔNG CỘNG:			45 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1-G4	10%
		A1.2 Bài tập: AM2	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Bài tập nhóm: AM8	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
		A3.1 Thuyết trình cá nhân: AM3	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
		A3.2 Thuyết trình nhóm: AM8	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	10%
		A3.3 Poster cuối kỳ: AM7	G1.1-G1.2 G2.1-G2.4 G3.1-G3.2 G4.1-G4.2	20%
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • UEF. (2018). <i>Project Design 2</i>. UEF Lưu hành nội bộ. 		

	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Phan Dũng. 2010. "Phương pháp luận Sáng tạo và đổi mới". NXB Trẻ • The Harvard Business Review. 2010. "Business Model Innovation", Harvard Business Press. ISBN-978-1-4221-3342-2 • Seth Kahan. 2013. "Getting Innovation Right". Jossey-Bass. ISBN: 978-1-118-37833-5 	
	Trang Web/CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 1: Tổng quan môn học PDII	3	Hoàn thành các phiếu : [1T-0] Tổ chức nhóm [1T-00] Mini Project: Innovation on SDGs
	BÀI 2 : Phát hiện các vấn đề từ các mục tiêu SDGs/ VDGs	3	Hoàn thành các phiếu : [2T-1] Các nhân tố, điều kiện thúc đẩy/kìm hãm Innovation [2T-2] Phát hiện các vấn đề từ SDGs *Chuẩn bị phiếu [3P-1] Dự án sáng tạo cá nhân
	BÀI 3: Xác định nhu cầu thị trường và khách hàng quan trọng	3	Hoàn thành các phiếu : [3P-1] Dự án sáng tạo cá nhân
	BÀI 4 : Sáng tạo giá trị của dự án (NABC)	3	Hoàn thành phiếu: [4T-3] Đánh giá lựa chọn dự án Nhóm [4T-4] Điều chỉnh, bổ sung dự án Nhóm *Chuẩn bị Mini-presentation: Giới thiệu dự án nhóm
	BÀI 5: Thuyết trình Mini-presentation & Tuyên ngôn giá trị NABC	3	Hoàn thành phiếu [5P-2] Tuyên ngôn giá trị dự án (cá nhân đề xuất) [5T-5] Tuyên ngôn giá trị dự án Nhóm
	BÀI 6 : Phương pháp thuyết trình Elevator Pitch	3	Hoàn thành các phiếu: [6P-3] Tóm tắt nội dung các dự án Nhóm *Chuẩn bị thuyết trình VCF1
	BÀI 7: Thuyết trình VCF1	3	Hoàn thành các phiếu: [7T-6] Phản hồi VCF1
	BÀI 8 : Hệ sinh thái kinh doanh và Tình cạnh tranh	3	Hoàn thành các phiếu:

			[8P-4] Hệ sinh thái kinh doanh và tính cạnh tranh của Dự án nhóm *Chuẩn bị thuyết trình VCF2
	BÀI 9 : Thuyết trình VCF2	3	Hoàn thành phiếu : [9T-7] Phản hồi VCF2
	BÀI 10 : Thủ lĩnh sáng tạo và mô hình PDMC	3	Hoàn thành phiếu : [10T-8] Đánh giá dự án theo PDMC *Luyện tập đánh giá dự án theo PDMC (Gameshow Shark Tank Việt Nam)
	BÀI 11 : Đội nhóm sáng tạo – Tính liên kết của tổ chức - Phân tích SWOT	3	Hoàn thành các phiếu : [11T-9] Phân tích SWOT *Chuẩn bị thuyết trình VCF3
	BÀI 12 : Thuyết trình VCF3	3	Hoàn thành các phiếu : [12T-10] Phản hồi VCF3
	BÀI 13 : Hoàn thiện dự án sáng tạo Nhóm – Thiết kế Poster dự án	3	- Hoàn thành các phiếu : [13T-11] Khảo sát ý kiến chuyên gia và các bên liên quan [13T-12] Hoàn chỉnh dự án sáng tạo nhóm *Hướng dẫn thiết kế Poster dự án Nhóm
	BÀI 14 : Báo cáo kết quả khảo sát và Thuyết trình Poster	3	*Hướng dẫn in Poster tham gia Phiên công bố Poster cuối kỳ
	BÀI 15: Phiên công bố POSTER	3	
	Tổng số tiết tự học	45 tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	ThS. Nguyễn Xuân Hưng, hungnx@uef.edu.vn ThS. Hà Lê Thu Hoài, hoaihlt@uef.edu.vn		

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

ThS. Nguyễn Xuân Hưng

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Hà Lê Thu Hoài

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**
KHOA KINH TẾ

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Quản trị học Tên tiếng Anh: Principles of Management		
2. Mã học phần	MGT1101		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	3 (3, 0) TC Lý thuyết: 45 tiết Tự học: 90 tiết		
5. Học phần học trước	Không		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết bằng trình chiếu, viết bảng và thuyết giảng. - Sinh viên đọc tài liệu học tập trước mỗi bài giảng và làm các bài tập về nhà. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giáo viên. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giải thích cụ thể (TLM1) + Thuyết giảng (TLM2) + Câu hỏi gợi mở (TLM4) + Thảo luận (TLM9) + Giải quyết vấn đề (TLM12) + Học theo tình huống (TLM14) + Học nhóm (TLM15) + Học trực tuyến (TLM19) + Bài tập ở nhà (TLM20). 		
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Kinh tế		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (PLOx)	TĐNL
G1	<p>Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị bao gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm soát.</p> <p>Cung cấp một cái nhìn tổng quát về các hoạt động quản trị, giúp sinh viên có nền tảng cho việc ra quyết định.</p> <p>Cung cấp kiến thức ngành làm nền tảng để sinh viên có thể học các môn học chuyên ngành</p>	PLO1	3.0
G2	Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng mềm và kỹ năng chuyên môn cần thiết để có thể tham gia thị trường lao	PLO8	4.0

	dòng ngành bảo hiểm nói riêng, ngành tài chính nói chung sau này		
G3	Nhận thức về cách phát hiện vấn đề và xử lý vấn đề, có tính kỷ luật, có đạo đức và lòng yêu nghề	PLO10	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
G1.1	Nhận biết, giải thích và có khả năng vận dụng tốt những nguyên tắc và phương pháp hoạt động quản trị thông qua các chức năng cơ bản của quản trị: Hoạch định; Tổ chức; Điều khiển và Kiểm tra	I, T	
G1.2	<p>Nhận biết, diễn giải kiến thức về những lý thuyết quản trị cổ điển và hiện đại, có kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức nói chung và doanh nghiệp nói riêng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiểu biết những khái niệm cơ bản của lý thuyết quản trị. Hiểu và giải thích được hệ thống những nguyên tắc và phương pháp quản trị từ cổ điển đến hiện đại; biết cách giải thích các tình huống quản trị để nhận diện bản chất vấn đề và triển khai những giải pháp thích hợp để giải quyết các tình huống + Hiểu và vận dụng được một cách có hệ thống những nguyên tắc và phương pháp quản trị vào những tình huống cụ thể trong công việc và cuộc sống, từ đơn giản đến phức tạp + Hiểu và biết cách giải thích các tình huống quản trị để nhận diện bản chất vấn đề và triển khai những giải pháp thích hợp để giải quyết các tình huống. + Hiểu và vận dụng Có khả năng tổng hợp và liên kết những nguyên lý và phương pháp của hoạt động quản trị với những khái niệm khác như marketing, tài chính, chiến lược ... để giải quyết những tình huống phức tạp trong thực tế. 	I, T	
G2.1	Phân tích được vấn đề diễn ra trong các tình huống quản trị; Phối hợp nhiều nguồn lực khác nhau để thúc đẩy việc giải quyết vấn đề quản trị một cách hiệu quả	T, U	
G2.2	Rà soát nội dung tài liệu để hình thành các giả thuyết khoa học liên quan đến tình huống quản trị; Thực hiện các phương pháp nghiên cứu (định tính, định lượng); Có năng lực ứng dụng kết quả nghiên cứu trong thực tiễn của ngành	T, U	
G2.3	Tiếp thu một cách có hệ thống các lý thuyết cơ bản liên quan đến quản trị tại các doanh nghiệp; Có khả năng kết hợp các kiến thức liên ngành để phát hiện vấn đề, mối tương quan biện chứng giữa các vấn đề và tìm ra xu hướng quản trị, lãnh đạo hiện tại ở các doanh nghiệp.	T, U	

G2.4	Ứng dụng kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực hiện tốt các hoạt động trong quá trình học tập môn quản trị, qua đó, rèn luyện kỹ năng để có thể tham gia hoạt động nghề nghiệp sau này	T, U
G3.1	Năng lực nhận thức về bối cảnh bên ngoài, xã hội và môi trường <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá ảnh hưởng của môi trường vĩ mô đến cách thức quản trị, vấn đề quản trị trong doanh nghiệp, từ đó đưa ra được các quyết định, cá giải pháp cho giải quyết vấn đề; + Tận dụng được những tiến bộ trong sự phát triển của phong cách quản trị, lãnh đạo trong tổ chức trên thế giới . 	T, U
G3.2	Năng lực nhận thức về bối cảnh doanh nghiệp và kinh doanh. Nhận thức về bối cảnh môi trường vi mô của tổ chức và thích ứng với yêu cầu công việc trong các mô hình tổ chức khác nhau.	T, U
G3.3	Năng lực tổ chức thực hiện: Xử lý và lập các chứng từ gắn liền các vấn đề quản trị phát sinh trong đơn vị;	T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Quản trị học (*Management*) cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp). Qua học phần này người học sẽ nắm được lý thuyết chung về quản trị một tổ chức (doanh nghiệp), bao gồm: khái niệm và sự cần thiết của quản trị, các chức năng cơ bản của quản trị, các kỹ năng yêu cầu đối với nhà quản trị, ảnh hưởng của môi trường đến hoạt động của doanh nghiệp, ra quyết định quản trị, lãnh đạo và động viên nhân viên. Ngoài ra, học phần còn đề cập đến các tư tưởng quản trị và một số mô hình quản trị hiện đại.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT:

Tuần/ Buổi (3 tiết)	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1, 2	Bài 1: Tổng quan về Quản trị học <ul style="list-style-type: none"> 1.1 Quản trị và tổ chức 1.2 Các chức năng Quản trị 1.3 Nhà Quản trị 	G1.1, G1.2, G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
3, 4	Bài 2: Môi trường của Tổ chức <ul style="list-style-type: none"> 2.1 Khái niệm môi trường 2.2 Ảnh hưởng của môi trường đối với tổ chức 2.3 Giảm bớt bất trắc bằng cách quản trị môi trường 	G1.2, G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1 G3.2 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3

5, 6	Bài 3: Chức năng hoạch định 3.1 Khái niệm, vai trò hoạch định 3.2 Mục tiêu, nền tảng hoạch định 3.3 Tiến trình hoạch định chiến lược	G1.1 G1.2, G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.1 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
7, 8, 9	Bài 4: Chức năng tổ chức 4.1 Khái niệm và nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức 4.2 Một số vấn đề khoa học trong cơ cấu tổ chức 4.3 Các mô hình cơ cấu tổ chức tiêu biểu 4.4 Sự phân quyền (ủy quyền)	G1.1 G1.2, G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A2
10, 11	Bài 5: Chức năng điều khiển 5.1 Khái niệm về Lãnh đạo 5.2 Tuyển dụng và đào tạo 5.3 Các lý thuyết động viên tinh thần làm việc 5.4 Các phong cách lãnh đạo 5.5 Thông tin trong quản trị	G1.1 G1.2, G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
12, 13	Bài 6: Chức năng Kiểm soát (giám sát) trong quản trị 6.1 Định nghĩa và vai trò của kiểm soát 6.2 Các nguyên tắc xây dựng cơ chế kiểm soát 6.3 Quá trình kiểm soát 6.4 Các điểm kiểm soát trọng yếu 6.5 Các công cụ kiểm soát	G1.1 G1.2, G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
14, 15	Bài 7: Quyết định quản trị 7.1 Định nghĩa, chức năng và phân loại của quyết định trong quản trị 7.2 Cơ sở khoa học của việc ra quyết định 7.3 Tiến trình ra quyết định 7.4 Nâng cao hiệu quả quyết định quản trị	G1.1 G1.2, G2.1 G2.2 G2.3 G2.4 G3.3	Dạy: Thuyết giảng, cho ví dụ, đặt câu hỏi. Học: Đọc tài liệu trước, thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài tập ở nhà.	A1.1 A1.2 A3
TỔNG CỘNG:		45 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần: AM1	G1.2, G2.1-G2.3, G3.1-G3.3	10%
		A1.2	G2.4	20%

		Bài tập: AM2 Thuyết trình: AM3		
A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thuyết trình: AM3 Đánh giá làm việc nhóm AM8	G2.4	20%	
A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi tự luận: AM4	G1.1, G1.2, G3.1 - G3.3	50%	
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	• Giáo trình Quản trị học - UEF		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Trường Đại học Kinh tế TP HCM, Quản Trị Học, NXB Phương Đông 2010 • Hà Văn Hội, Quản Trị Học - Những Vấn Đề Cơ Bản, NXB Thông tin & truyền thông, 2012 • Management, Stephen Robbins & Mary Coulter; 13th edition, Prentice Hall, 2015 • MGMT 8, Chuck Williams, 8th edition, 2015 Principles of Management, Mason Carpenter, Talya Bauer, Berrin Erdogan, Jeremy Short, 2nd edition, 2013 • Ikujiro Nonaka, Ryoko Toyama, Toru Hirata – Quản trị dựa vào tri thức – NXB Thời Đại 2012. 		
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • http://www.managementconcepts.com • http://quantri.com.vn 		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	BÀI 1: Tổng quan về Quản trị học	9	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước textbook (chương 1 giáo trình chính), tự trả lời câu hỏi ôn tập chương (trong sách) - Chuẩn bị bài tập nhóm (Bài tập tình huống chương 1). 	
	BÀI 2: Môi trường của Tổ chức	9	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước textbook (chương 2 giáo trình chính), tự trả lời câu hỏi ôn tập chương (trong sách) - Chuẩn bị bài tập nhóm (Câu hỏi thảo luận chương 2). 	
	BÀI 3: Chức năng hoạch định	9	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc trước textbook (chương 3 giáo trình chính), tự trả lời câu hỏi ôn tập chương (trong sách) - Chuẩn bị bài tập nhóm (Bài tập tình huống chương 3). 	

	BÀI 4: Chức năng tổ chức	18	- Đọc trước textbook (chương 4 giáo trình chính), tự trả lời câu hỏi ôn tập chương (trong sách) - Chuẩn bị bài tập nhóm (Bài tập tình huống chương 4).
	BÀI 5: Chức năng điều khiển	18	- Đọc trước textbook (chương 5 giáo trình chính), tự trả lời câu hỏi ôn tập chương (trong sách) - Chuẩn bị bài tập nhóm (Bài tập tình huống chương 5).
	BÀI 6: Chức năng kiểm soát (giám sát) trong quản trị	18	- Đọc trước textbook (chương 6 giáo trình chính), tự trả lời câu hỏi ôn tập chương (trong sách) - Chuẩn bị bài tập nhóm (Bài tập tình huống chương 6).
	BÀI 7: Quyết định quản trị	9	- Đọc trước textbook (chương 7 giáo trình chính), tự trả lời câu hỏi ôn tập chương (trong sách) - Chuẩn bị bài tập nhóm (Bài tập tình huống chương 7).
	TỔNG CỘNG	90 Tiết	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	ThS. Đặng Thanh Thủy, thuydt@uef.edu.vn ThS. Tăng Mỹ Hà, hatm@uef.edu.vn		

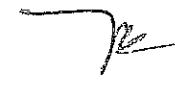
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

 TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG NGÀNH/BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lý Đan Thành

 Đặng Thị Lệ Thủy Đặng Thị Lệ Thủy

KHOA TIẾNG ANH**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 1 Tên tiếng Anh: GEP 1 (GENERAL ENGLISH PROGRAM 1)	
2. Mã học phần	ENG2101	
3. Trình độ đào tạo	Đại học	
4. Số tín chỉ	4 TC {Lý thuyết: 45 tiết, Thực hành: 15 tiết, Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết}	
5. Học phần học trước	Không có	
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giao tiếp. - Kết hợp lý thuyết và thực hành trong mỗi buổi học. - Tận dụng các trang thiết bị công nghệ sẵn có để nâng cao tính trực quan cho mỗi bài học. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên với giảng viên. 	TLM4 TLM6 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Tiếng Anh	
8. Mục tiêu của học phần:	Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần giúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.	

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT	TĐNL
G1	Từ vựng Có thể áp dụng vốn từ ngữ để trao đổi thông tin cá nhân, trao đổi thông tin thường ngày liên quan đến những tình huống và chủ đề quen thuộc, mô tả người như cuộc sống và việc làm, hoạt động thường nhật, sở thích, trang phục, kỳ nghỉ và du lịch, mô tả các hoạt động và sự kiện, công việc nhà, mua sắm.	PLO7	4
G2	Ngữ pháp	PLO7	4

	<p>Có thể sử dụng đúng một số cấu trúc câu đơn giản để đặt và trả lời câu hỏi.</p> <p>Có thể phân biệt và sử dụng tương đối chính xác thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì quá khứ tiếp diễn, các từ nối và từ chỉ thứ tự thời gian, cấu trúc <i>be going to</i> để diễn tả kế hoạch tương lai và tiên đoán, mệnh đề quan hệ xác định, thì hiện tại hoàn thành với <i>yet</i> và <i>already</i>, các đại từ: <i>something, anything, nothing...</i></p>		
G3	<p>Phát âm</p> <p>Có thể phát âm rõ ràng dễ hiểu các từ đơn giản.</p> <p>Có thể nhận biết cách phát âm các nguyên âm, các từ tận cùng là <i>-s</i> và <i>-es</i>, các từ có đuôi <i>-ed</i>, các âm đơn và đôi, cách nhấn trọng âm trong từ và trong câu, và cách phát âm trong từ điển.</p>	PLO7	3
G4	<p>Kỹ năng Nghe</p> <p>Có thể hiểu nội dung thông tin và nhận diện thông tin quan trọng của các chủ đề quen thuộc nếu thông tin được nói rõ ràng và chậm.</p> <p>Có thể hiểu ý chính của những bài nói rõ ràng về những chủ đề quen thuộc.</p> <p>Có thể hiểu đa phần nội dung của các bài phát thanh hoặc ghi âm về chủ đề cá nhân quan tâm</p>	PLO7	3
G5	<p>Kỹ năng Đọc</p> <p>Có thể hiểu các văn bản ngắn, đơn giản về các chủ đề quen thuộc, các văn bản chứa từ vựng thông dụng dùng hằng ngày và liên quan tới công việc.</p> <p>Có thể hiểu tương đối ý chính của các văn bản có chủ đề liên quan tới lĩnh vực quan tâm.</p> <p>Có thể nhận diện những thông tin chi tiết trong văn bản viết đơn giản như thu từ, bài báo ngắn.</p> <p>Có thể đọc nhanh văn bản dài để xác định và thu thập thông tin cần thiết từ văn bản.</p>	PLO7	3
G6	<p>Kỹ năng Nói</p> <p>Có thể khai thác vốn từ ngữ, cấu trúc câu để trao đổi thông tin đơn giản, đáp ứng nhu cầu giao tiếp hằng ngày, hỏi và đặt câu hỏi đơn giản, tương tác tương đối dễ dàng trong những tình huống được cấu trúc và những cuộc trao đổi ngắn.</p> <p>Có thể trao đổi thông tin về những chủ đề cá nhân quan tâm, giải thích vấn đề, bày tỏ ý kiến.</p>	PLO7	3

	Có thể kể chuyện, mô tả và giới thiệu ngắn gọn, đơn giản về các sự kiện và chủ đề quen thuộc.		
G7	<p>Kỹ năng Viết</p> <p>Có thể vận dụng vốn từ vựng, từ nối đơn giản để viết câu và những mẫu thông tin ngắn, đơn giản.</p> <p>Có thể viết thông tin mô tả ngắn gọn và đơn giản về sự kiện, hoạt động và trải nghiệm cá nhân, mô tả chi tiết về các chủ đề quen thuộc.</p>	PLO7	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về đánh vần và đếm số, mô tả ngoại hình và tính cách con người, mô tả trang phục, và mô tả vị trí.	T
G1.2	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về kỳ nghỉ.	T
G1.3	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về sân bay.	T
G1.4	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về công việc nhà, mua sắm.	T
G2.1	Sử dụng chính xác thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn và cách đặt câu hỏi.	U
G2.2	Sử dụng chính xác thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, từ chỉ trình tự thời gian.	U
G2.3	Sử dụng chính xác cấu trúc be going to, thì hiện tại tiếp diễn để diễn tả kế hoạch tương lai, mệnh đề quan hệ xác định.	U
G2.4	Sử dụng chính xác thì hiện tại hoàn thành với yet và already, đại từ (something, anything, nothing...), phân biệt được cách dùng thì hiện tại hoàn thành và thì quá khứ đơn.	U
G3.1	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng các âm nguyên âm và bảng chữ cái, âm cuối -s và -es, âm /ə/ và /ər/.	T
G3.2	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng đuôi -ed của động từ, đặt đúng trọng âm trong từ và trong câu.	T
G3.3	Có thể hiểu và vận dụng cách phát âm trong từ điển.	U
G3.4	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng các âm /y/ và /dʒ/, âm /ɛ/, /ou/ và /ʌ/, cách phát âm chữ c và ch trong từ.	U
G4.1	Có thể nghe hiểu cách đọc tên và đọc số, thông tin mô tả ngoại hình và tính cách, trang phục.	U
G4.2	Có thể nghe hiểu thông tin về chủ đề kỳ nghỉ, thông tin mô tả sự kiện trong quá khứ	U

G4.3	Có thể nghe hiểu thông tin về kế hoạch tương lai.	U
G4.4	Có thể nghe hiểu thông tin về chủ đề công việc nhà, thời trang và mua sắm, hoạt động cuối tuần.	U
G5.1	Có thể hiểu các văn bản ngắn, đơn giản về mô tả ngoại hình và tính cách người.	U
G5.2	Có thể hiểu các văn bản ngắn, đơn giản về kỳ nghỉ, mô tả sự kiện.	U
G5.3	Có thể hiểu các văn bản ngắn, đơn giản về kế hoạch, dự định trong tương lai.	U
G5.4	Có thể hiểu các văn bản ngắn, đơn giản về chủ đề thời trang, mua sắm.	U
G6.1	Có thể sử dụng từ ngữ để gấp gỡ, chào hỏi, giới thiệu ai đó. Có thể trao đổi thông tin thường ngày, liên quan tới công việc và thời gian rảnh.	U
G6.2	Có thể sử dụng từ ngữ để mô tả tính cách và ngoại hình của người khác. Có thể tham gia cuộc nói chuyện về thú vui và các hoạt động trong quá khứ, mô tả ngắn gọn sự kiện và hoạt động.	U
G6.3	Có thể sử dụng từ ngữ để nói về sự vật, sự việc. Có thể mô tả kế hoạch, thói quen, hoạt động thường ngày và trải nghiệm cá nhân.	U
G6.4	Có thể sử dụng từ ngữ để nói về địa điểm. Có thể thể hiện ý kiến cá nhân, trao đổi thông tin về chủ đề công việc nhà, thời trang, mua sắm.	U
G6.5	Có thể sử dụng từ ngữ để lên kế hoạch.	U
G7.1	Có thể viết bài miêu tả người.	U
G7.2	Có thể viết bài miêu tả bức hình.	U
G7.3	Có thể viết email miêu tả dự định du lịch.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống thường ngày (bản thân, gia đình, bạn bè,...), giao tiếp học thuật và công sở.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần	Nội dung	CDR môn	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

		học		
1	Unit 1 1.1 File 1A Where are you from? 1.2 File 1B Charlotte's choice 1.3 Speaking 1: Meeting people	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G6.1	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài mô tả người	A1.2 A2 A3
2	Units 1&2 2.1 File 1C Mr. and Mrs. Clark and Percy 2.2 File 2A Right place, wrong person 2.3 Speaking 2: Describing people	G4.1 G7.1 G1.2 G2.2 G6.2	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
3	Unit 2 3.1 File 2B The story behind the photo 3.2 File 2C One dark October evening 3.3 Speaking 3: Talking about things	G3.2 G5.2 G4.2 G6.3	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài miêu tả bức hình	A1.2 A2 A3
4	Unit 3 4.1 Review and Check 1&2 4.2 File 3A Plans and dreams 4.3 Speaking 4: Talking about places	G1.3 G2.3 G3.3 G6.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
5	Unit 3 5.1 File 3B Let's meet again 5.2 File 3C What's the word? 5.3 Speaking 5: Making arrangements	G4.3 G5.3 G6.3 G7.3	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết email về kế hoạch du lịch	A1.2 A2 A3
6	Unit 4 6.1 File 4A Parents and teenagers 6.2 File 4B Fashion and shopping 6.3 Speaking test	G1.4 G2.4 G3.4 G4.4 G5.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
7	Unit 4 7.1 File 4C Lost weekend 7.2 Review and Check 3&4	G1.4 G4.4 G5.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A3
THỰC HÀNH				

1	Unit 1 File 1A + File 1B Speaking 1: Meeting people	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G6.1	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
2	Units 1&2 File 1C + File 2A Speaking 2: Describing people	G4.1 G7.1 G1.2 G2.2 G6.2	Sinh viên thực tập nghe hiểu, giao tiếp, ngữ pháp và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
3	Unit 2 File 2B + File 2C + Review and Check 1&2 Speaking 3: Talking about things	G3.2 G5.2 G4.2 G6.3	Sinh viên thực tập phát âm, giao tiếp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
4	Unit 3 File 3A Speaking 4: Talking about places	G1.3 G2.3 G3.3 G6.4	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng và giao tiếp.	A1.2 A2 A3
5	Unit 3 File 3B + File 3C What's the word? Speaking 5: Making arrangements	G4.3 G5.3 G6.3 G7.3	Sinh viên thực tập nghe hiểu, giao tiếp, đọc hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
6	Unit 4 File 4A + File 4B	G1.4 G2.4 G3.4 G4.4 G5.4	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
7	Unit 4 File 4C Lost weekend Review and Check 3&4	G1.4 G4.4 G5.4	Sinh viên thực tập sử dụng từ vựng, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
	A1. Diểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần	AM1	10%
		A1.2 Bài tập ngắn và hoạt động thực hành tiếng Anh trong và ngoài giờ học	AM2	G1.1 - G1.4, G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4
				20%

	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi vấn đáp	AM6	G6.1 - G6.5	20%		
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm	AM5	G1.1 - G1.4, G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4	50%		
Rubics (bài thi vấn đáp)	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá					
	Kém	Không mô tả đủ nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp luôn gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Yếu	Mô tả được một số nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp thường gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Trung bình	Mô tả nội dung nêu tên chậm, còn ngập ngừng khá lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây một số khó cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Khá	Mô tả nội dung nêu trên chưa lưu loát lắm, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp đôi khi gây khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Giỏi	Mô tả nội dung nêu trên khá lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây ít khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Xuất sắc	Mô tả nội dung nêu trên hoàn toàn lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp không cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
Rubics (học phần)	KẾT QUẢ HỌC TẬP CÀN ĐẠT (diểm hệ 4.0)						
	Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9
	Nghe	Có khả năng nghe hiểu tốt hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói.	Có khả năng nghe hiểu cơ bản hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói.	Có khả năng nghe hiểu một số ý chính các cuộc đàm thoại và bài nói.	Còn hạn chế nhiều trong việc nghe hiểu các cuộc đàm thoại cơ bản	Hầu như không nghe hiểu các cuộc đàm thoại	

	đàm thoại và bài nói phức tạp	phức tạp.				
Nói	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân	Chưa thể nói được các câu đàm thoại cơ bản
Đọc	Có khả năng đọc hiểu tốt tất cả các văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu tốt hầu hết văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản hầu hết các văn bản	Có khả năng đọc hiểu một số ý chính các văn bản	Còn hạn chế nhiều trong việc đọc hiểu văn bản cơ bản	Hầu như không đọc hiểu được các văn bản đơn giản
Viết	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp, sử dụng cấu trúc câu tương đối	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp, sử dụng cấu trúc câu tương đối	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày, còn mắc một số lỗi cấu trúc	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản, với khá nhiều lỗi cấu trúc	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân với nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Chưa thể viết được các câu sử dụng cấu trúc cơ bản

		dụng cấu trúc câu đa dạng	đa dạng				
	Từ vựng, ngữ pháp và phát âm	Rất chính xác và đa dạng	Chính xác và đa dạng	Tương đối chính xác và đa dạng	Còn một số hạn chế nhất định	Khá nhiều lỗi sai	Rất hạn chế trong việc sử dụng từ vựng, ngữ pháp và chưa phát âm được
13. Tài liệu phục vụ học phản	Tài liệu/giáo trình chính	1) Latham-Koenig, C., & Oxenden, C. (2014). <i>American English File 2 (2nd ed.)</i> . NY: Oxford University Press. (Files 1-4) 2) Snelling, R (2013). <i>English for life - Speaking</i> . Collins (Units 1-5).					
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	1) Lebeau, I. & Rees, G. (2008, 2014). <i>Language leader/ New language leader - Intermediate</i> . Pearson.					
	Trang Web/ CDs tham khảo	• www.bbc.co.uk/languages/ • https://learnenglish.britishcouncil.org/					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên				
	BÀI 1: 1.1 File 1A Where are you from? 1.2 File 1B Charlotte's choice 1.3 File 1C Mr. and Mrs. Clark and Percy 1.4 Speaking 1: Meeting people 1.5 Speaking 2: Describing people	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.				
	BÀI 2: 2.1 File 2A Right place, wrong person 2.2 File 2B The story behind the photo 2.3 File 2C One dark October evening	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.				

	2.4 Speaking 3: Talking about things		
	BÀI 3: 3.1 File 3A Plans and dreams 3.2 File 3B Let's meet again 3.3 File 3C What's the word? 3.4 Speaking 4: Talking about places	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	BÀI 4: 4.1 File 4A Parents and teenagers 4.2 File 4B Fashion and shopping 4.3 File 4C Lost weekend 4.4 Speaking 5: Making arrangements	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và chuẩn bị cho bài thi cuối khóa.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	<p>1. ThS.Lê Công Thiện, thienlc@uef.edu.vn 2. ThS.Hoàng Việt Hiền, hienhv@uef.edu.vn</p>		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TS. Phạm Huy Cường

TRƯỜNG BỘ MÔN

ThS. Lê Công Thiện

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Hoàng Việt Hiền

KHOA TIẾNG ANH**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 2 Tên tiếng Anh: GEP 2 (GENERAL ENGLISH PROGRAM 2)		
2. Mã học phần	ENG2102		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	4 TC {Lý thuyết: 45 tiết, Thực hành: 15 tiết, Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết}		
5. Học phần học trước	Không có		
6. Phương pháp giảng dạy	- Phương pháp giao tiếp. - Kết hợp lý thuyết và thực hành trong mỗi buổi học. - Tận dụng các trang thiết bị công nghệ sẵn có để nâng cao tính trực quan cho mỗi bài học. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên với giảng viên.	TLM4 TLM6 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12	
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Tiếng Anh		
8. Mục tiêu của học phần:	Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần GEP 1. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phầngiúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.		
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Từ vựng Có đủ vốn từ vựng để giao tiếp trong những tình huống về các chủ đề liên quan tới cuộc sống thường ngày như gia đình, sở thích, công việc, du lịch. Có thể áp dụng vốn từ ngữ sơ cấp để diễn đạt suy nghĩ phức tạp và trao đổi trong các tình huống và chủ đề không quen thuộc.	PLO7	3
G2	Ngữ pháp Có thể sử dụng đúng cấu trúc so sánh của tính từ và trạng từ, Có thể phân biệt cách dùng của các thì ở quá khứ, hiện tại và tương lai.	PLO7	4

	Có thể sử dụng đúng các động từ khiếm khuyết, dạng đúng của động từ trong câu và cấu trúc câu điều kiện loại một.		
G3	<p>Phát âm Có thể phát âm rõ ràng dễ hiểu mặc dù thỉnh thoảng phát âm sai. Có thể nhận biết các phát âm một số nguyên âm, cách đặt trọng âm trong từ và trong câu, cách đọc nối các âm trong câu.</p>	PLO7	3
G4	<p>Kỹ năng Nghe Có thể hiểu đa phần nội dung của các bài nghe về chủ đề cá nhân quan tâm nếu được nói bằng rõ ràng. Có thể hiểu nội dung thông tin và nhận diện được ý chính và thông tin chi tiết của các bài nghe trong chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày và công việc nếu thông tin được nói bằng giọng quen thuộc.</p>	PLO7	3
G5	<p>Kỹ năng Đọc Có thể đọc hiểu các văn bản liên quan đến chủ đề trong lĩnh vực quan tâm. Có thể đọc nhanh các văn bản dài để xác định và thu thập thông tin cần thiết. Có thể đoán nghĩa của từ dựa vào bối cảnh và nghĩa của câu nếu chủ đề bài đọc quen thuộc.</p>	PLO7	3
G6	<p>Kỹ năng Nói Có thể vốn từ ngữ căn bản để xử lý hầu hết các tình huống gặp phải khi đi du lịch, tham gia các cuộc nói chuyện về chủ đề quen thuộc, thể hiện ý kiến cá nhân, trao đổi thông tin về các chủ đề liên quan đến cuộc sống hằng ngày, giải thích vấn đề. Có thể giao tiếp tự tin về các vấn đề trong lĩnh vực quan tâm hoặc chuyên môn.</p>	PLO7	4
G7	<p>Kỹ năng Viết Có thể viết bài miêu tả các vấn đề trong lĩnh vực quan tâm, có thể liên kết các ý ngắn theo trình tự. Có thể vận dụng vốn từ vựng để hỏi thêm thông tin cần thiết và nhấn mạnh vào các ý quan trọng.</p>	PLO7	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng dùng để diễn tả thời gian, mô tả thành phố, sức khỏe và cơ thể.	U
G1.2	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về từ trái nghĩa của một số động từ thường gặp, động từ dùng với giới từ back, và tính từ dùng với giới từ.	U
G1.3	Có thể hiểu và áp dụng những động từ thường kết hợp với dạng nguyên mẫu và dạng danh động từ của động từ đi sau, những từ bỏ nghĩa cho tính từ.	U
G1.4	Có thể hiểu và áp dụng các cách sử dụng khác nhau của động từ get, trạng	U

	từ chỉ cách thức.	
G2.1	Có thể sử dụng chính xác cấu trúc so sánh bằng và so sánh hơn của tính từ và trạng từ, cấu trúc so sánh nhất, các từ chỉ số lượng.	U
G2.2	Có thể sử dụng chính xác <i>will</i> và <i>won't</i> để diễn tả tiên đoán, quyết định, đề nghị và lời hứa.	U
G2.3	Có thể phân biệt được và sử dụng chính xác động từ dạng nguyên mẫu và dạng danh động từ, và cấu trúc <i>have to, don't have to, must, must not</i> và <i>can't</i> .	U
G2.4	Có thể sử dụng chính xác thì dạng câu điều kiện loại một, cấu trúc <i>should</i> và <i>shouldn't</i> , đại từ sở hữu.	U
G3.1	Có thể nhận dạng và phát âm đúng từ có âm /ʌ/, /ʊ/, /aɪ/ và /e/, đặt đúng trọng âm trong từ và trong câu.	T
G3.2	Có thể nhận dạng và phát âm đúng trọng âm của động từ có hai âm tiết và phát âm đúng chữ cái <i>ow</i> có trong từ.	T
G3.3	Có thể nhận dạng và phát âm đúng chữ cái <i>i</i> có trong từ.	T
G3.4	Có thể nhận dạng và phát âm đúng từ có âm /o/ và /u/, vận dụng cách nối âm giữa các từ trong câu và phát âm có nhịp điệu.	T
G4.1	Có thể nghe hiểu ý chính của bài nghe được nói rõ ràng liên quan tới các chủ đề quen thuộc	U
G4.2	Có thể nghe hiểu ý chính của bản tin radio và bài nghe đơn giản nếu được nói tương đối rõ ràng và chậm.	U
G4.3	Có thể nghe hiểu và xác định được thông tin chính và thông tin chi tiết nếu bài nghe được nói rõ ràng.	U
G4.4	Có thể nghe hiểu thông tin chuyên môn đơn giản như hướng dẫn sử dụng thiết bị sử dụng hàng ngày.	U
G5.1	Có thể hiểu các văn bản về chủ đề liên quan đến cuộc sống và công việc.	U
G5.2	Có thể hiểu thông tin trong các bài báo ngắn.	U
G5.3	Có thể hiểu thông tin trong các văn bản hàng ngày như thư từ, tài liệu ngắn.	U
G5.4	Có thể hiểu các bài báo về chủ đề quen thuộc và nhận diện các ý quan trọng.	U
G6.1	Có thể sử dụng từ ngữ để đưa ra lời đề nghị trực tiếp hoặc gián tiếp, miêu tả sự kiện trong chủ đề quen thuộc theo trình tự các ý.	U
G6.2	Có thể sử dụng từ ngữ để đặt hàng và mua hàng. Có thể thực hiện cuộc phỏng vấn có cấu trúc bằng bảng câu hỏi được chuẩn bị trước.	U
G6.3	Có thể sử dụng từ ngữ để nói chuyện qua điện thoại, trao đổi thông tin cần thiết khi đi du lịch.	U
G6.4	Có thể sử dụng từ ngữ để thể hiện sự hứng thú hoặc không hứng thú khi nói chuyện. Có thể thể hiện cảm xúc và phản ứng khi giao tiếp.	U
G6.5	Có thể sử dụng từ ngữ để phát triển cuộc nói chuyện.	U
G7.1	Có thể viết bài miêu tả về nơi sinh sống.	U

G7.2	Có thể viết email, thư cá nhân hỏi thăm thông tin đơn giản.	U
G7.3	Có thể viết bài cho lời khuyên.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc như các vấn đề liên quan đến cá nhân, đưa ra yêu cầu, đặt và mua hàng, nói chuyện trên điện thoại, thể hiện sự quan tâm đến nội dung cuộc đàm thoại, ...

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Unit 5 1.1 File 5A No time for anything 1.2 File 5B Superlative cities 1.3 Speaking 6: Making requests	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G6.1	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài mô tả nơi sinh sống	A1.2 A2 A3
2	Units 5&6 2.1 File 5C How much is too much? 2.2 File 6A Are you a pessimist? 2.3 Speaking 7: Ordering and buying	G4.1 G7.1 G1.2 G2.2 G6.2	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
3	Unit 6 3.1 File 6B I'll never forget you 3.2 File 6C The meaning of dreaming 3.3 Speaking 8: Speaking on the phone	G3.2 G4.2 G5.2 G7.2 G6.3	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
4	Unit 7 4.1 Review and Check 5&6 4.2 File 7A How to... 4.3 Speaking 9: Showing interest in a conversation	G1.3 G3.3 G5.3 G7.3 G6.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
5	Unit 7 5.1 File 7B Being happy 5.2 File 7C Learn a language in a month! 5.3 Speaking 10: Developing a conversation	G2.3 G4.3 G5.3 G6.5	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết email hỏi thăm thông tin	A1.2 A2 A3
6	Unit 8 6.1 File 8A I don't know what to do! 6.2 File 8B If something can go wrong	G1.4 G2.4 G4.4 G5.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài cho lời khuyên	A1.2 A2 A3

	6.3 Speaking test			
7	Unit 8 7.1 File 8C You must be mine 7.2 Review and Check 7&8	G3.4 G4.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A3
THỰC HÀNH				
1	Unit 5 File 5A + File 5B Speaking 6: Making requests	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G6.1	Sinh viên thực tập sử dụng từ vựng, phát âm, giao tiếp, ngữ pháp và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
2	Units 5&6 File 5C + File 6A Speaking 7: Ordering and buying	G4.1 G7.1 G1.2 G2.2 G6.2	Sinh viên thực tập sử dụng từ vựng, nghe hiểu, giao tiếp, ngữ pháp và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
3	Unit 6 File 6B + File 6C Speaking 8: Speaking on the phone	G3.2 G4.2 G5.2 G7.2 G6.3	Sinh viên thực tập phát âm, giao tiếp, nghe và đọc hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
4	Unit 7 Review and Check 5&6 + File 7A Speaking 9: Showing interest in a conversation	G1.3 G3.3 G5.3 G7.3 G6.4	Sinh viên thực tập sử dụng từ vựng, phát âm, giao tiếp, đọc hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
5	Unit 7 File 7B + File 7C Speaking 10: Developing a conversation	G2.3 G4.3 G5.3 G6.5	Sinh viên thực tập ngữ pháp, giao tiếp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
6	Unit 8 File 8A + File 8B Speaking test	G1.4 G2.4 G4.4 G5.4	Sinh viên thực tập sử dụng từ vựng, ngữ pháp, giao tiếp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
7	Unit 8 File 8C + Review and Check 7&8	G3.4 G4.4	Sinh viên thực tập phát âm và nghe hiểu.	A1.2 A2 A3
12. Phươn g pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)
		A1.1 Chuyên cần:	AM1	Tỷ lệ 10%
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.2 Bài tập ngắn và hoạt động thực hành tiếng Anh trong và ngoài giờ học	AM2	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.3 20%

	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi vấn đáp	AM6	G6.1 - G6.5	20%		
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm	AM5	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.3	50%		
Rubics (bài thi vấn đáp)	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá					
	Kém	Không mô tả đủ nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp luôn gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Yếu	Mô tả được một số nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp thường gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Trung bình	Mô tả nội dung nêu tên chậm, còn ngập ngừng khá lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây một số khó cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Khá	Mô tả nội dung nêu trên chưa lưu loát lắm, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp đôi khi gây khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Giỏi	Mô tả nội dung nêu trên khá lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây ít khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Xuất sắc	Mô tả nội dung nêu trên hoàn toàn lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp không cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
Rubics (học phân)	KẾT QUÁ HỌC TẬP CÂN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
	Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Nghe	Có khả năng nghe hiểu tốt tất cả các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp	Có khả năng nghe hiểu tốt hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp.	Có khả năng nghe hiểu một số ý chính của các cuộc đàm thoại và bài nói.	Có khả năng nghe hiểu một số ý chính của các cuộc đàm thoại và bài nói.	Còn hạn chế nhiều trong việc nghe hiểu các cuộc đàm thoại cơ bản	Hầu như không nghe hiểu các cuộc đàm thoại
	Nói	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân	Chưa thể nói được các câu đàm thoại cơ bản

			phúc tạp	đề thông dụng trong đời sống hằng ngày		nhân	
	Đọc	Có khả năng đọc hiểu tốt tất cả các văn bản phúc tạp	Có khả năng đọc hiểu tốt hầu hết văn bản phúc tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản hầu hết các văn bản	Có khả năng đọc hiểu một số ý chính các văn bản	Còn hạn chế nhiều trong việc đọc hiểu văn bản cơ bản	Hầu như không đọc hiểu được các văn bản đơn giản
	Viết	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phúc tạp, sử dụng cấu trúc câu đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp, sử dụng cấu trúc câu tương đối đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày, còn mắc một số lỗi cấu trúc	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân với khá nhiều lỗi cấu trúc	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân với nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Chưa thể viết được các câu sử dụng cấu trúc cơ bản
	Từ vựng, ngữ pháp và phát âm	Rất chính xác và đa dạng	Chính xác và đa dạng	Tương đối chính xác và đa dạng	Còn một số hạn chế nhất định	Khá nhiều lỗi sai	Rất hạn chế trong việc sử dụng từ vựng, ngữ pháp và chưa phát âm được
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	1) Latham-Koenig, C., & Oxenden, C. (2014). <i>American English File 2 (2nd ed.)</i> . NY: Oxford University Press. (Files 5-8) 2) Snelling, R. (2013). <i>English for life - Speaking</i> . Collins (Units 6-10).					
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	1) Lebeau, I. & Rees, G. (2008, 2014). <i>Language leader/ New language leader - Intermediate</i> . Pearson.					
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • www.bbc.co.uk/languages/ • https://learnenglish.britishcouncil.org/ 					
14. Hướng	Nội dung			Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		

dẫn sinh viên tự học	BÀI 5: 1.1 File 5A No time for anything 1.2 File 5B Superlative cities 1.3 File 5C How much is too much? 1.4 Speaking 1: Making requests 1.5 Speaking 2: Ordering and buying	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	BÀI 6: 2.1 File 6A Are you a pessimist? 2.2 File 6B I'll never forget you 2.3 File 6C The meaning of dreaming 2.4 Speaking 3: Speaking on the phone	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	BÀI 7: 3.1 File 7A How to... 3.2 File 7B Being happy 3.3 File 7C Learn a language in a month! 3.4 Speaking 4: Showing interest in a conversation	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	BÀI 8: 4.1 File 8A I don't know what to do! 4.2 File 8B If something can go wrong... 4.3 File 8C You must be mine 4.4 Speaking 5: Developing a conversation	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và chuẩn bị cho bài thi cuối khóa.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	<p>1. ThS.Lê Công Thiện, thienlc@uef.edu.vn 2. ThS.Hoàng Việt Hiền, hienhv@uef.edu.vn</p>		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 1/2 tháng 3 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

TRƯỜNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Phạm Huy Cường

ThS. Lê Công Thiện

ThS. Hoàng Việt Hiền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA TIẾNG ANH

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 3 Tên tiếng Anh: GEP 3 (GENERAL ENGLISH PROGRAM 3)		
2. Mã học phần	ENG2103		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	4 TC {Lý thuyết: 45 tiết, Thực hành: 15 tiết, Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết}		
5. Học phần học trước	Không có		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giao tiếp. - Kết hợp lý thuyết và thực hành trong mỗi buổi học. - Tận dụng các trang thiết bị công nghệ sẵn có để nâng cao tính trực quan cho mỗi bài học. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên với giảng viên. 	TLM4 TLM6 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12	
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Tiếng Anh		
8. Mục tiêu của học phần:	Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiền trung cấp. Học phần là tiền đề quan trọng để sinh viên tự tin hơn trong giao tiếp và có thể sử dụng tiếng Anh cho việc học và tham khảo các môn chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phầngiúp sinh viên nhận thấy được ý nghĩa của tiếng Anh trong việc phát triển chuyên môn và nghề nghiệp sau này để từ đó có thái độ đúng đắn hơn đối với học tập tiếng Anh.		
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	<p>Từ vựng Có thể áp dụng vốn từ ngữ để trao đổi trong các tình huống liên quan tới cuộc sống hàng ngày như gia đình, sở thích, mối quan tâm, công việc, du lịch và các sự kiện hiện tại. Có thể sử dụng vốn từ ngữ sơ cấp mặc dù vẫn mắc lỗi khi thể hiện suy nghĩ phức tạp hơn hoặc gặp phải các chủ đề hoặc tình huống không quen thuộc.</p>	PLO7	4
G2	<p>Ngữ pháp Có thể sử dụng đúng thì hiện tại hoàn thành, thì quá khứ hoàn thành, cấu trúc câu điều kiện loại hai, cấu trúc bị động, câu tường thuật, cụm động từ, dạng câu hỏi không dùng trợ động</p>	PLO7	4

	từ, cấu trúc chứa <i>used to, might</i> và cấu trúc <i>so/neither</i> kết hợp trợ động từ.		
G3	Phát âm Có thể phát âm dễ hiểu mặc dù thỉnh thoảng phát âm sai. Có thể phát âm rõ âm /ɔ:/, /ʃ/, /ð/ và /θ/, đặt đúng trọng âm trong từ và trong câu, phát âm đúng đuôi -ed của động từ, cách đọc nối âm.	PLO7	3
G4	Kỹ năng Nghe Có thể nghe hiểu nội dung thông tin của đa phần bài nghe về những chủ đề quen thuộc và chủ đề cá nhân quan tâm nếu được nói rõ ràng. Có thể nghe hiểu và xác định ý chính và nội thông tin chi tiết nếu bài nghe được nói rõ ràng bằng giọng quen thuộc.	PLO7	3
G5	Kỹ năng Đọc Có thể đọc hiểu các văn bản về chủ đề liên quan với lĩnh vực chuyên môn và lĩnh vực cá nhân quan tâm. Có thể đọc nhanh các văn bản dài để xác định và thu thập thông tin cần thiết.	PLO7	3
G6	Kỹ năng Nói Có thể vận dụng vốn từ ngữ để giải quyết đa số các tình huống có thể gặp phải khi đi du lịch. Có thể tham gia các cuộc nói chuyện về chủ đề quen thuộc và lĩnh vực quan tâm, thể hiện ý kiến cá nhân, trao đổi và kiểm tra thông tin, giải thích vấn đề. Có thể kể lại trải nghiệm, miêu tả cảm xúc, sự kiện. Có thể thực hiện cuộc phỏng vấn có cấu trúc dựa trên bảng câu hỏi đã chuẩn bị.	PLO7	4
G7	Kỹ năng Viết Có thể viết các văn bản về chủ đề quen thuộc hoặc quan tâm bằng cách nối các ý ngắn theo trình tự.	PLO7	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về chủ đề động vật, nỗi sợ hãi, tiêu sử.	U
G1.2	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về cá phát minh, các môn học, cách thành lập danh từ từ động từ.	U
G1.3	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về thể thao, sự chuyển động.	U
G1.4	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ vựng về cụm động từ.	U
G2.1	Có thể sử dụng chính xác cấu trúc câu điều kiện loại hai, thì hiện tại hoàn thành với <i>for</i> và <i>since</i> .	U

	Có thể phân biệt và sử dụng chính xác thì hiện tại hoàn thành và quá khứ đơn.	
G2.2	Có thể sử dụng chính xác cấu trúc bị động ở quá khứ và hiện tại, cấu trúc <i>used to/didn't use to</i> và <i>might/might not</i> .	U
G2.3	Có thể sử dụng chính xác động từ kết hợp với giới từ để diễn tả sự chuyên động, cụm động từ phổ biến và thứ tự từ của cụm động từ, cấu trúc kết hợp <i>so/neither</i> và trợ động từ.	U
G2.4	Có thể sử dụng chính xác quá khứ hoàn thành, câu tường thuật và câu hỏi không có trợ động từ.	U
G3.1	Có thể nhận dạng và đặt đúng trọng âm trong từ và trong câu, phát âm rõ ràng âm /ɔː/.	U
G3.2	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng phụ âm /ʃ/, các âm đôi: /ai/, /ei/, /ou/, /er/, /ir/, /ur/, /au/, /ɔɪ/, đọc đúng đuôi -ed của động từ.	T
G3.3	Có thể phân biệt và phát âm rõ ràng âm /ð/ và /θ/.	T
G3.4	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng các từ có nguyên âm đôi.	T
G4.1	Có thể nghe hiểu thông tin mô tả các chứng sợ, cảm giác và phản ứng của con người, thông tin về người nổi tiếng.	U
G4.2	Có thể nghe hiểu thông tin về các phát minh quan trọng và các vấn đề ở trường học.	U
G4.3	Có thể nghe hiểu thông tin cải bản tin phát thanh về sự trùng hợp trong cuộc sống.	U
G4.4	Có thể nghe hiểu thông tin về vấn đề trong cuộc sống thường ngày.	U
G5.1	Có thể hiểu các văn bản về động vật, nỗi sợ hãi, tiêu sử người nổi tiếng.	U
G5.2	Có thể hiểu các văn bản về các phát minh, sự lựa chọn.	U
G5.3	Có thể hiểu các văn bản về thể thao, thói quen.	U
G5.4	Có thể hiểu các văn bản về thông tin thú vị trên thế giới.	U
G6.1	Có thể sử dụng từ ngữ để lakiêm chứng liệu người cùng nói chuyện hiểu điều đang được nói và yêu cầu giải thích thông tin.	U
G6.2	Có thể sử dụng từ ngữ để miêu tả vấn đề và đưa ra gợi ý, nói với giọng điệu thể hiện sự cảm thông.	U
G6.3	Có thể sử dụng từ ngữ để than phiền và phản hồi lời than phiền trong những tình huống khác nhau và than phiền một cách lịch sự.	U
G6.4	Có thể sử dụng từ ngữ để xin lỗi trong các tình huống trang trọng và không trang trọng. Có thể tóm tắt và thể hiện ý kiến về câu chuyện ngắn, bài báo, buổi nói chuyện, thảo luận, phỏng vấn, bình luận.	U
G6.5	Có thể sử dụng từ ngữ để bày tỏ sự cảm thông với người khác.	U
G7.1	Có thể viết tiểu sử của một người sinh viên biết hoặc một người nổi tiếng.	U

G7.2	Có thể viết bài luận bày tỏ quan điểm: Bạn có nghĩ có quá nhiều chương trình bóng đá được chiếu trên tivi không?	U
G7.3	Có thể viết bài luận bày tỏ quan điểm về chủ đề thể thao.	U
G7.4	Có thể viết bảng câu hỏi phỏng vấn.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm cơ bản trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc và tương đối phức tạp trong giao tiếp hằng ngày như nghe và chia sẻ các vấn đề của người khác, khiếu nại, xin lỗi và thể hiện sự đồng cảm.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Unit 9 1.1 File 9A What would you do? 1.2 File 9B I've been afraid of it for years 1.3 Speaking 1: Checking for understanding	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G6.1	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
2	Units 9&10 2.1 File 9C Born to sing 2.2 File 10A The mothers of invention 2.3 Speaking 2: Listening to problems	G1.1 G4.1 G7.1 G1.2 G4.2 G6.2	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết tiểu sử	A1.2 A2 A3
3	Unit 10 3.1 File 10B Could do better 3.2 File 10C Mr. Indecisive 3.3 Speaking 3: Making a complaint	G2.2 G3.2 G4.2 G5.2 G7.2 G6.3	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
4	Unit 11 4.1 Review and Check 9&10 4.2 File 11A Bad losers 4.3 Speaking 4: Making an apology	G1.3 G3.3 G5.3 G6.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài luận thể hiện ý kiến	A1.2 A2 A3
5	Unit 11 5.1 File 11B Are you a morning person? 5.2 File 11C What a coincidence 5.3 Speaking 5: Showing sympathy	G1.3 G2.3 G4.3 G7.3 G6.5	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3

6	Unit 12 6.1 File 12A Strange but true! 6.2 File 12B Gossip is good for you 6.3 Speaking test	G1.4 G2.4 G3.4 G4.4 G5.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
7	Unit 12 7.1 File 12C The American English File quiz 7.2 Review and Check 11&12	G2.4 G7.4	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A3

THỰC HÀNH

1	Unit 9 File 9A + File 9B Speaking 1: Checking for understanding	G1.1 G2.1 G3.1 G5.1 G6.1	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
2	Units 9&10 File 9C + File 10A Speaking 2: Listening to problems	G1.1 G4.1 G7.1 G1.2 G4.2 G6.2	Sinh viên thực tập sử dụng từ vựng, nghe hiểu, giao tiếp, và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
3	Unit 10 File 10B + File 10C Speaking 3: Making a complaint	G2.2 G3.2 G4.2 G5.2 G7.2 G6.3	Sinh viên thực tập phát âm, nghe và đọc hiểu, ngữ pháp, giao tiếp và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
4	Unit 11 Review and Check 9&10 + File 11A Speaking 4: Making an apology	G1.3 G3.3 G5.3 G6.4	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
5	Unit 11 File 11B + File 11C Speaking 5: Showing sympathy	G1.3 G2.3 G4.3 G7.3 G6.5	Sinh viên thực tập ngữ pháp, sử dụng từ vựng, giao tiếp, nghe hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
6	Unit 12 File 12A + File 12B Speaking test	G1.4 G2.4 G3.4 G4.4 G5.4	Sinh viên thực tập ngữ pháp, sử dụng từ vựng, giao tiếp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
7	Unit 12 File 12C + Review and Check 11&12	G2.4 G7.4	Sinh viên thực tập ngữ pháp và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3

	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ		
		A1.1 Chuyên cần	AM1				
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.2 Bài tập ngắn và hoạt động thực hành tiếng Anh trong và ngoài giờ học	AM2	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.2	20%		
		Thi vấn đáp	AM6	G6.1 - G6.5	20%		
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm	AM5	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.2	50%		
	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá					
Rubics (bài thi vấn đáp)	Kém	Không mô tả đủ nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp luôn gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Yếu	Mô tả được một số nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp thường gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Trung bình	Mô tả nội dung nêu tên chậm, còn ngập ngừng khá lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây một số khó cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Khá	Mô tả nội dung nêu trên chưa lưu loát lắm, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp đôi khi gây khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Giỏi	Mô tả nội dung nêu trên khá lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây ít khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Xuất sắc	Mô tả nội dung nêu trên hoàn toàn lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp không cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	KẾT QUẢ HỌC TẬP CÂN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
Rubics (học phần)	Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9
	Nghe	Có khả năng nghe hiểu tốt hầu hết các	Có khả năng nghe hiểu cơ bản hầu hết các	Có khả năng nghe hiểu một số ý chính	Còn hạn chế nhiều trong việc nghe hiểu các	Hầu như không nghe hiểu các	

		hiểu tốt tất cả các cuộc đàm thoại và bài nói phúc tạp	cuộc đàm thoại và bài nói phúc tạp.	cuộc đàm thoại và bài nói.	các cuộc đàm thoại và bài nói.	cuộc đàm thoại cơ bản	cuộc đàm thoại
	Nói	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phúc tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phúc tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hàng ngày	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân	Chưa thể nói được các câu đàm thoại cơ bản
	Đọc	Có khả năng hiểu đọc hiểu tốt tất cả các văn bản phúc tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản hầu hết văn bản phúc tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản hầu hết các văn bản	Có khả năng đọc hiểu một số ý chính các văn bản	Còn hạn chế nhiều trong việc đọc hiểu văn bản cơ bản	Hầu như không đọc hiểu được các văn bản đơn giản
	Viết	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phúc tạp, sù dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phúc tạp, sử dụng cấu trúc câu tương đối đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hàng ngày, còn mắc một số lỗi cấu trúc	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản, với khá nhiều lỗi cấu trúc	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân với nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Chưa thể viết được các câu sử dụng cấu trúc cơ bản

	dụng cấu trúc câu đa dạng					
Từ vựng, ngữ pháp và phát âm	Rất chính xác và đa dạng	Chính xác và đa dạng	Tương đối chính xác và đa dạng	Còn một số hạn chế nhất định	Khá nhiều lỗi sai	Rất hạn chế trong việc sử dụng từ vựng, ngữ pháp và chưa phát âm được
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	1) Latham-Koenig, C., & Oxenden, C. (2014). <i>American English File 2 (2nd ed.)</i> . NY: Oxford University Press. (Files 9-12) 2) Snelling, R. (2013). <i>English for life - Speaking</i> . Collins (Units 11-15).				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	1) Lebeau, I. & Rees, G. (2008, 2014). <i>Language leader/ New language leader - Intermediate</i> . Pearson.				
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • www.bbc.co.uk/languages/ • https://learnenglish.britishcouncil.org/ 				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		
	Unit 9: 1.1 File 9A What would you do? 1.2 File 9B I've been afraid of it for years 1.3 File 9C Born to sing 1.4 Speaking 1: Checking for understanding 1.5 Speaking 2: Listening to problems		30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.		
	Unit 10: 2.1 File 10A The mothers of invention 2.2 File 10B Could do better 2.3 File 10C Mr. Indecisive 2.4 Speaking 3: Making a complaint		30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.		
	Unit 11: 3.1 File 11A Bad losers 3.2 File 11B Are you a morning person? 3.3 File 11C What a coincidence! 3.4 Speaking 4: Making an apology		30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.		

Unit 12: 4.1 File 12A Strange but true! 4.2 File 12B Gossip is good for you 4.3 File 12C The American English File quiz 4.4 Speaking 5: Showing sympathy	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và chuẩn bị cho bài thi cuối khóa.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)		1. ThS.Lê Công Thiện, thienlc@uef.edu.vn 2. ThS.Hoàng Việt Hiền, hienhv@uef.edu.vn

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TS. Phạm Huy Cường

TRƯỞNG BỘ MÔN

ThS. Lê Công Thiện

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Hoàng Việt Hiền

KHOA TIẾNG ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 4 Tên tiếng Anh: GENERAL ENGLISH PROGRAM 4 (GEP 4)		
2. Mã học phần	ENG2104		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	4 TC {Lý thuyết: 45 tiết, Thực hành: 15 tiết, Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết}		
5. Học phần học trước	Không có		
6. Phương pháp giảng dạy	<p>Phương pháp giao tiếp.</p> <p>Kết hợp lý thuyết và thực hành trong mỗi buổi học.</p> <p>Tận dụng các trang thiết bị công nghệ sẵn có để nâng cao tính trực quan cho mỗi bài học.</p> <p>Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên.</p>	TLM4 TLM6 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12	
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Tiếng Anh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (G7)		CĐR của CTĐT	TĐNL
G1	<p>Từ vựng Có thể hiểu và áp dụng vốn từ ngữ về chủ đề thích hợp với cuộc sống hàng ngày như sở thích, công việc, du lịch, và các sự kiện hiện tại. Áp dụng và mở rộng vốn từ về thức ăn, tâm trạng/ cảm xúc, đời sống gia đình, tiền bạc, giao thông, đưa ý kiến cá nhân, phản hồi, lời tri ân và khen ngợi.</p>	PLO7	4
G2	<p>Ngữ pháp Có thể sử dụng hợp lý chính xác các cấu trúc ngữ pháp được sử dụng thường xuyên và các cấu trúc tương đương. Có thể phân biệt, so sánh, và sử dụng tương đối chính xác ngữ pháp tiếng Anh ở cấp độ trung cấp: thì hiện tại, hiện tại tiếp diễn, tương lai, quá khứ và hiện tại hoàn thành, từ loại: danh từ, tính từ, trạng từ, đại từ, các động từ khiêm khuyết, liên từ, và các cấu trúc câu so sánh.</p>	PLO7	4
G3	<p>Phát âm Có thể phát âm rõ ràng dễ hiểu ngay cả khi thỉnh thoảng phát âm chưa chuẩn. Nhận biết cách phát âm các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi; cách</p>	PLO7	3

	nhấn trọng âm câu và cơ cấu nối âm giữa các từ trong câu.		
G4	Kỹ năng Nghe Có thể hiểu nội dung thông tin về các chủ đề quen thuộc từ các tài liệu âm thanh trong bài phát biểu tiêu chuẩn rõ ràng.	PLO7	3
G5	Kỹ năng Đọc Có thể đọc nhanh văn bản dài hơn để xác định vị trí và thu thập thông tin từ các phần khác nhau của văn bản để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. Có thể đọc hiểu các văn bản dễ hiểu về các chủ đề nhuần thực, đời sống gia đình, tiền bạc, giao thông, và trải nghiệm cuộc sống.	PLO7	3
G6	Kỹ năng Nói Có thể khai thác vốn từ ngữ đơn giản để giao tiếp dễ dàng trong hầu hết các tình huống phát sinh trong cuộc sống. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện hiện tại.	PLO7	4
G7	Kỹ năng Viết Có thể nhận thức được các quy ước, hành vi, sự khác biệt đáng kể giữa các phong tục, tập quán, thái độ, giá trị và niềm tin phổ biến trong cộng đồng. Có thể viết được văn bản hoàn chỉnh dễ hiểu để truyền đạt chính kiến. Có thể sử dụng quy tắc chính tả, dấu câu và bố cục chính xác. Có khả năng khai thác các tài nguyên có sẵn để phục vụ cho việc viết văn bản.	PLO7	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ ngữ về chủ đề nấu ăn, thực phẩm và dinh dưỡng và mối quan hệ trong gia đình.	U
G1.2	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ ngữ về chủ đề tiền tệ.	U
G1.3	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ ngữ về chủ đề giao thông.	U
G1.4	Có thể hiểu và áp dụng vốn từ ngữ về chủ đề phép lịch sự khi dùng điện thoại di động.	U
G2.1	Sử dụng chính xác thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì tương lai đơn.	U
G2.2	Sử dụng chính xác thì quá khứ đơn, thì hiện tại hoàn thành, thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn.	U
G2.3	Sử dụng chính xác cấu trúc so sánh tính từ và trạng từ, và mạo từ.	U
G2.4	Sử dụng chính xác các động từ chỉ tình thái (can, could, ..) và đại từ.	U

G3.1	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng nguyên âm đơn /i:/, /ɪ/, /æ/, /ɑ:/, đặt trọng âm đúng cho từ đơn lẻ và từ trong câu.	T
G3.2	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng nguyên âm đơn /ɒ/ và đặt trọng âm đúng cho từ đơn lẻ và từ trong câu.	T
G3.3	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng nguyên âm /ə/, phụ âm /ʃ/, /dʒ/, /tʃ/, /ð/ và nối âm giữa các từ.	T
G3.4	Có thể nhận dạng và áp dụng nguyên tắc phụ âm câm (silent consonants) và nối âm giữa các từ.	T
G4.1	Có thể nghe hiểu thông tin về chủ đề ẩm thực, điều hành nhà hàng và tính cách những thành viên trong gia đình.	U
G4.2	Có thể nghe hiểu thông tin về chủ đề tiền bạc, trải nghiệm cuộc sống tại một đất nước Phi châu.	U
G4.3	Có thể nghe hiểu thông tin về chủ đề an toàn giao thông và tính cách con người.	U
G4.4	Có thể nghe hiểu thông tin về chủ đề phương pháp học tiếng Anh, và sự khác biệt về phép lịch giữa người Mỹ và người Burma.	U
G5.1	Có thể đọc hiểu các văn bản về chủ đề nấu ăn, thực phẩm và dinh dưỡng, và tính cách các thành viên trong gia đình.	U
G5.2	Có thể đọc hiểu các văn bản về chủ đề thách thức và thành công (con đường dẫn đến thành công của một doanh nhân tỷ phú Mỹ), và trải nghiệm cuộc sống (chuyến thám hiểm rừng Amazon).	U
G5.3	Có thể đọc hiểu các văn bản về các chủ đề an toàn giao thông, định kiến và nhận định chung về tính cách, vai trò giữa nam giới và nữ giới trong cuộc sống.	U
G5.4	Có thể hiểu các văn bản về chủ đề phương pháp học tiếng Anh, và cách ứng xử lịch sự trong gia đình.	U
G6.1	Có thể sử dụng từ ngữ để thể hiện lòng biết ơn và cảm kích. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về nấu ăn, thực phẩm và dinh dưỡng, mối quan hệ và tính cách các thành viên trong gia đình.	U
G6.2	Có thể sử dụng từ ngữ để thể hiện quan điểm đồng ý hay phản đối về một chủ đề. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về thói quen mua sắm, tiêu tiền và những trải nghiệm cuộc sống.	U
G6.3	Có thể sử dụng từ ngữ để khẳng định quan điểm và thuyết phục người nghe. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về nguyên nhân và giải pháp cho vấn đề tai nạn giao thông.	U
G6.4	Có thể sử dụng từ ngữ để nhận xét, khen ngợi, chê bai, và góp ý. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về việc học ngoại ngữ, và phép lịch sự khi dùng điện thoại di động.	U
G7.1	Có thể viết được bài mô tả người.	U
G7.2	Có thể viết được một email về một trải nghiệm, và email cảm ơn.	U

G7.3	Có thể viết được bài báo ngắn trình bày quan điểm về tình hình giao thông trong thành phố.	U
G7.4	Có thể viết được bài luận ngắn về chủ đề phép ứng xử lịch thiệp.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Unit 1. 1.1. Mood food 1.2. Speaking 1: Saying “Thank you”	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm.	A1.2 A2 A3
2	Unit 1. 1.3. Family life 1.4. Speaking 2: Speaking: Agreeing and disagreeing	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.2, G7.1.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài mô tả người.	A1.2 A2 A3
3	Unit 2. 2.1. Spend and Save 2.2. Speaking 3: Strong opinion	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
4	Unit 2. 2.3. Changing lives 2.4. Speaking 4: Giving feedback	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết email.	A1.2 A2 A3
5	Unit 3. 3.1. Race across Miami	G1.3, G2.3,	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận	A1.2 A2

	3.1. Speaking 5: Saying “Well done”	G3.3, G4.3, G5.3, G6.5.	nhóm.	A3
6	Unit 3. 3.3. Stereotypes – or are they? 3.4. Speaking test	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài luận thể hiện quan điểm về tình hình giao thông trong thành phố.	A1.2 A2 A3
7	Unit 4. 4.1. Failure and success 4.2. Modern manners	G1.4, G2.4, G3.4, G4.4, G5.4, G7.4.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài luận về chủ đề phép ứng xử lịch thiệp.	A3

THỰC HÀNH

1	Unit 1. 1.1. Mood food 1.2. Speaking 1: Saying “Thank you”	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
2	Unit 1. 1.3. Family life 1.4. Speaking 2: Speaking: Agreeing and disagreeing	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.2, G7.1.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
3	Unit 2. 2.1. Spend and Save 2.2. Speaking 3: Strong opinion	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
4	Unit 2. 2.3. Changing lives 2.4. Speaking 4: Giving feedback	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3

5	Unit 3. 3.1. Race across Miami 3.1. Speaking 5: Saying “Well done”	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.5.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
6	Unit 3. 3.3. Stereotypes – or are they? 3.4. Speaking test	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
7	Unit 4. 4.1. Failure and success 4.2. Modern manners	G1.4, G2.4, G3.4, G4.4, G5.4, G7.4.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết đoạn văn.	A1.2 A2 A3
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần	AM1	10%
	A1.2 Bài tập ngắn và hoạt động thực hành tiếng Anh trong và ngoài giờ học	AM2	G1.1 - G1.4, G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4 20%	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi vấn đáp	AM6	G6.1 - G6.5 20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm	AM5	G1.1 - G1.4, G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4 50%
Rubrics (bài thi vấn đáp)	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá		
	Kém	Không mô tả đủ nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp luôn gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		
	Yếu	Mô tả được một số nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp thường gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		

	Trung bình	Mô tả nội dung nêu tên chậm, còn ngập ngừng khá lâu, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây một số khó cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.
	Khá	Mô tả nội dung nêu trên chưa lưu loát lắm, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp đôi khi gây khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.
	Giỏi	Mô tả nội dung nêu trên khá lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây ít khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.
	Xuất sắc	Mô tả nội dung nêu trên hoàn toàn lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp không cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.

KẾT QUẢ HỌC TẬP CÂN ĐẠT (điểm hệ 4.0)

Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém	
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9	
Rubics (học phần)	Nghe	Có khả năng nghe hiểu tốt tất cả các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp	Có khả năng nghe hiểu tốt hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp.	Có khả năng nghe hiểu cơ bản hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói.	Có khả năng nghe hiểu một số ý chính các cuộc đàm thoại và bài nói.	Còn hạn chế nhiều trong việc nghe hiểu các cuộc đàm thoại cơ bản	Hầu như không nghe hiểu các cuộc đàm thoại
	Nói	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hàng ngày	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân	Chưa thể nói được các câu đàm thoại cơ bản
	Đọc	Có khả năng đọc hiểu tốt tất cả các văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu tốt hầu hết các văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản hầu hết các văn bản	Có khả năng đọc hiểu một số ý chính các văn bản	Còn hạn chế nhiều trong việc đọc hiểu các văn bản cơ bản	Hầu như không đọc hiểu được các văn bản đơn giản

	Viết	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp, sử dụng cấu trúc câu đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp, sử dụng cấu trúc câu tương đối đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày, còn mắc một số lỗi cấu trúc	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản, với khá nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân với nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Chưa thể viết được các câu sử dụng cấu trúc cơ bản
	Từ vựng, ngữ pháp và phát âm	Rất chính xác và đa dạng	Chính xác và đa dạng	Tương đối chính xác và đa dạng	Còn một số hạn chế nhất định	Khá nhiều lỗi sai	Rất hạn chế trong việc sử dụng từ vựng, ngữ pháp và chưa phát âm được
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Latham-Koenig, C., & Oxenden, C. (2014). <i>American English file 3 (2nd ed.)</i>. NY: Oxford University Press. (Files 1-4) • Snelling, R. (2013). <i>English for life - Speaking</i>. Collins. (Units 16-20) 					
	Tài liệu tham khảo/bổ sung		Lebeau, I. & Rees, G. (2008/2014). <i>Language leader/ New language leader - Intermediate</i> . Pearson.				
	Trang Web/ CDs tham khảo		<ul style="list-style-type: none"> • http://www.bbc.co.uk/languages/ • http://learnenglish.britishcouncil.org/en 				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học		Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên			
		BÀI 1: 1.1. File 1A Mood food 1.2. File 1B Family life Speaking skills: 1.3. Unit 16: Saying ‘Thank you’ 1.4. Unit 17: Agreeing and disagreeing	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao, và soạn bài mới.			
		BÀI 2: 2.1. File 2A Spend or save? 2.2. File 2B Changing lives Speaking skills 2.3. Unit 18: Stronger opinion	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao, và soạn bài mới.			

	2.4. Unit 19: Giving feedback		
	BÀI 3: 3.1. File 3A Race across Miami 3.2. File 3B Stereotypes - or are they? Speaking skills: 3.3. Unit 20: Saying ‘Well done’	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao, và soạn bài mới.
	BÀI 4: 4.1. File 4A Failure and success 4.2. File 4B Modern manners 4.3. Review	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và ôn tập cho kỳ thi cuối khóa.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS.Lê Công Thiện, thienlc@uef.edu.vn 2. ThS.Đinh Quốc Anh Thư, thudqa@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG KHOA

TS. Phạm Huy Cường

TRƯỞNG BỘ MÔN

ThS. Lê Công Thiện

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Đinh Quốc Anh Thư



KHOA TIẾNG ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 5 Tên tiếng Anh: GENERAL ENGLISH PROGRAM 5 (GEP 5)		
2. Mã học phần	ENG2105		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	4 TC {Lý thuyết: 45 tiết, Thực hành: 15 tiết, Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết}		
5. Học phần học trước	Không có		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp giao tiếp. - Kết hợp lý thuyết và thực hành trong mỗi buổi học. - Tận dụng các trang thiết bị công nghệ sẵn có để nâng cao tính trực quan cho mỗi bài học. - Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. 	TLM4 TLM6 TLM8 TLM9 TLM11 TLM12	
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Tiếng Anh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu (G7)		CDR của CTĐT	TĐNL
G1	Từ vựng Mở rộng vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề thể thao, phim ảnh, cơ thể con người, giáo dục và nhà cửa.	PLO7	4
G2	Ngữ pháp Phân biệt được sự khác nhau giữa các thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, quá khứ hòa thành; thể bị động của các thì; cách sử dụng các động từ khiêm khuyết và câu điều kiện loại 1, loại 2.	PLO7	4
G3	Phát âm Nhận biết cách phát âm các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi; cách nhấn trọng âm câu.	PLO7	3
G4	Kỹ năng Nghe Nắm vững chiến lược làm bài để giải quyết các dạng bài nghe IELTS như điền vào chỗ trống, chọn câu trả lời đúng, kết nối 2 phần của câu.	PLO7	3
G5	Kỹ năng Đọc Có thể đọc và hiểu các văn bản dễ hiểu về các chủ đề thể thao, tình yêu, phim ảnh, giáo dục và một nơi lý tưởng. Có thể đọc nhanh văn bản dài hơn để xác định vị trí và thu thập thông tin từ các phần khác nhau của văn bản để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.	PLO7	3

G6	Kỹ năng Nói Nắm vững chiến lược làm bài để giải quyết 3 phần trong bài thi nói IELTS. Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề xu thế xã hội, cảm xúc, sở thích, công việc, du lịch, gia đình và một nơi lý tưởng.	PLO7	4
G7	Kỹ năng Viết Hình dung được bố cục và cách viết bài kể lại câu chuyện, nhận xét bộ phim và miêu tả ngôi nhà/căn hộ. Áp dụng linh hoạt từ vựng, cấu trúc, các cách diễn đạt để trình bày và phản biện về một vấn đề đưa ra.	PLO7	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề thể thao và mối quan hệ liên nhân.	U
G1.2	Mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề phim ảnh và cơ thể người.	U
G1.3	Mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề giáo dục và nhà cửa.	U
G2.1	Phân biệt được sự khác nhau giữa các thì quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn và hiện tại hoàn thành.	U
G2.2	Hiểu và sử dụng chính xác thể bị động của các thì.	U
G2.3	Hiểu và sử dụng chính xác các động từ khiêm khuyết và câu điều kiện loại 1, loại 2.	U
G3.1	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng âm /ə:/, /ə/, /s/, /ʃ/, /z/, /dʒ/ và nối âm giữa các từ trong câu.	T
G3.2	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng âm /ai/, /eɪ/, /əʊ/, /au/, /ɔɪ/ và đặt trọng âm đúng cho từ đơn lẻ và từ trong câu.	T
G3.3	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng âm /u:/, /ʊ/, /ʌ/, /ju:/ và nối âm giữa các từ trong câu.	T
G4.1	Nắm vững chiến lược dự đoán đáp án, nhận dạng dấu hiệu gợi ý để giải quyết dạng bài biểu bảng và dạng trả lời ngắn trong bài thi IELTS. Có thể nghe hiểu về nghề trọng tài và mục đích dùng FACEBOOK.	I
G4.2	Nắm vững chiến lược nhận dạng thông tin, dấu hiệu gợi ý để giải quyết dạng bài mô tả tiến trình và dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn trong bài thi IELTS. Có thể nghe hiểu về nghề phiên dịch và vấn đề xét đoán tính cách qua ngoại hình.	T
G4.3	Nắm vững chiến lược nhận dạng thông tin, dấu hiệu gợi ý để giải quyết các dạng bài mô tả bản đồ và dạng hoàn tất thông trong bài thi IELTS. Có thể nghe hiểu về dạy đọc hiểu cho trẻ em và ngôi nhà lý tưởng.	T
G5.1	Có thể đọc hiểu về chủ đề mê tín trong thể thaovà tình yêu từ ánh hìnhdầu tiên.	U
G5.2	Có thể đọc hiểu về chủ đề phim trường, mối liên hệ giữa tính cách và hình ảnh cá nhân trên FACEBOOK và chủ đề tầm quan trọng của ngoại hình.	U

G5.3	Có thể đọc hiểu về chủ đề thiên tài trẻ em và ngôi nhà trong mơ.	U
G6.1	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 1 và phần 2 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để trình bày thông tin về cá nhân, gia đình, thể thao, sở thích, giai thoại, và bạn thân. Có thể mô tả một sự kiện trong quá khứ.	T
G6.2	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 2 và phần 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để thảo luận về phim ảnh, ảnh cá nhân và vấn đề ngoại hình. Có thể trình bày 1-2 phút mô tả người.	T
G6.3	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 2 và phần 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để thảo luận về các môn học tại trường, các dạng trường học, nơi ở lý tưởng. Có thể trình bày 1-2 phút mô tả công việc.	T
G7.1	Hình dung được bố cục và cách viết bài để kể lại câu chuyện.	T
G7.2	Hình dung được bố cục và cách viết bài để nhận xét bộ phim.	T
G7.3	Hình dung được bố cục và cách viết bài để miêu tả ngôi nhà/ căn hộ.	T

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS.

Môn học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Unit 5. 1.1.Sports superstitions 1.2.Speaking 1: Change and consequences	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm.	A1.2 A2 A3
2	Unit 5. 1.3.Love at Exit 19 1.4. Speaking 2: The importance of the past	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.2, G7.1.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài kể lại câu chuyện.	A1.2 A2 A3
3	Unit 6.	G1.2,	Dạy: thuyết giảng	A1.2

	2.1. Shot on location 2.2. Speaking 3: Machines, cycles, and processes	G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Học: bài tập, thảo luận nhóm	A2 A3
4	Unit 6. 2.3. Judging by appearance 2.4. Speaking 4: Education	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài cảm nhận về một bộ phim.	A1.2 A2 A3
5	Unit 7. 3.1. Extraordinary school for boys 3.2. Speaking 5: Youth	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.5.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm.	A1.2 A2 A3
6	Unit 7. 3.3. Stereotypes – or are they? 3.4. Speaking test	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết bài mô tả nhà/ một nơi thú vị.	A1.2 A2 A3
7	Review. 4.1. Review 1 4.2. Review 2	G1.1- G1.3, G2.1- G2.3, G3.1- G3.3, G4.1- G4.3, G5.1- G5.3.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm,	A3

THỰC HÀNH

1	Unit 5. 1.1.Sports superstitions 1.2.Speaking 1: Change and consequences	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
2	Unit 5. 1.3.Love at Exit 19 1.4. Speaking 2: The importance of the past	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.2.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết bài luận.	A1.2 A2 A3

		G7.1.		
3	Unit 6. 2.1. Shot on location 2.2. Speaking 3: Machines, cycles, and processes	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
4	Unit 6. 2.3. Judging by appearance 2.4. Speaking 4: Education	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết bài luận.	A1.2 A2 A3
5	Unit 7. 3.1. Extraordinary school for boys 3.2. Speaking 5: Youth	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.5.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
6	Unit 7. 3.3. Stereotypes – or are they? 3.4. Speaking test	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết bài luận.	A1.2 A2 A3
7	Review. 4.1. Review 1 4.2. Review 2	G1.1- G1.3, G2.1- G2.3, G3.1- G3.3, G4.1-4.3, G5.1-5.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết bài luận.	Tỷ lệ
	A1. Điểm	A1.1 Chuyên cần	AM1	10%

	quá trình (30%)	A1.2 Bài tập ngắn và hoạt động thực hành tiếng Anh trong và ngoài giờ học	AM2	G1.1 - G1.4, G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4	20%		
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi vấn đáp	AM6	G6.1 - G6.5	20%		
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm	AM5	G1.1 - G1.4, G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4	50%		
Rubics (bài thi vấn đáp)	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá					
	Kém	Không mô tả đủ nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp luôn gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Yếu	Mô tả được một số nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp thường gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Trung bình	Mô tả nội dung nêu tên chậm, còn ngập ngừng khá lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây một số khó cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Khá	Mô tả nội dung nêu trên chưa lưu loát lắm, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp đôi khi gây khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Giỏi	Mô tả nội dung nêu trên khá lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây ít khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Xuất sắc	Mô tả nội dung nêu trên hoàn toàn lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp không cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
Rubics (học phần)	KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
	Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
	Nghe	Có khả năng nghe hiểu tốt tất cả các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp	Có khả năng nghe hiểu tốt hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp.	Có khả năng nghe hiểu cơ bản hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói.	Có khả năng nghe hiểu một số ý chính các cuộc đàm thoại và bài nói.	Còn hạn chế nhiều trong việc nghe hiểu các cuộc đàm thoại cơ bản	Hầu như không nghe hiểu các cuộc đàm thoại

	Nói	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân	Chưa thể nói được các câu đàm thoại cơ bản
	Đọc	Có khả năng đọc hiểu tốt tất cả các văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu tốt hầu hết văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản hầu hết các văn bản	Có khả năng đọc hiểu một số ý chính các văn bản	Còn hạn chế nhiều trong việc đọc hiểu các văn bản cơ bản	Hầu như không đọc hiểu được các văn bản đơn giản
	Viết	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp, sử dụng cấu trúc câu đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp, sử dụng cấu trúc câu đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày, còn mắc một số lỗi cấu trúc	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản, với khá nhiều lỗi cấu trúc	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân với nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Chưa thể viết được các câu sử dụng cấu trúc cơ bản
	Từ vựng, ngữ pháp và phát âm	Rất chính xác và đa dạng	Chính xác và đa dạng	Tương đối chính xác và đa dạng	Còn một số hạn chế nhất định	Khá nhiều lỗi sai	Rất hạn chế trong việc sử dụng từ vựng, ngữ pháp và chưa phát âm được
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Latham-Koenig, C., & Oxenden, C. (2014). <i>American English file 3 (2nd ed.)</i>. NY: Oxford University Press. (Files 5-7) • Cusack, B. & McCarter, S., (2014). <i>Improve your Skills - Listening & Speaking for IELTS 4.5-6.0</i>. NY: Macmillan Press. (Units 1-5) 					

	Tài liệu tham khảo/bô sung	<ul style="list-style-type: none"> Lebeau, I. & Rees, G. (2008/2014). <i>Language leader/ New language leader - Intermediate</i>. Pearson. 		
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> http://www.bbc.co.uk/languages/ http://learnenglish.britishcouncil.org/en https://www.ted.com/talks 		
		Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	BÀI 5: 1.1. File 5A Sports superstitions 1.2. File 5B Love at Exit 19 IELTS Speaking & Listening skills: 1.3. Unit 1: Changes & consequences 1.4. Unit 2: The importance of the past		30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao, và soạn bài mới.
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	BÀI 6: 2.1. File 6A Shot on location 2.2. File 6B Judging by appearance IELTS Speaking& Listening skills 2.3. Unit 3: Machines, cycles & processes 2.4. Unit 4: Education		30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	BÀI 7: 3.1. File 7A Extraordinary school for boys 3.2. File 7B Ideal home IELTS Speaking& Listening skills: 3.3. Unit 5: Youth		30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	REVIEW: 4.1. Review 1 4.2. Review 2		30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và ôn tập cho kỳ thi cuối khóa.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS.Lê Công Thiện, thienlc@uef.edu.vn 2. ThS.Đinh Quốc Anh Thư, thudqa@uef.edu.vn			

TRƯỜNG KHOA

TS. Phạm Huy Cường

TRƯỜNG BỘ MÔN

ThS. Lê Công Thiện

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Đinh Quốc Anh Thư

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 6 Tên tiếng Anh: GENERAL ENGLISH PROGRAM 6 (GEP 6)		
2. Mã học phần	ENG2106		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	4 TC {Lý thuyết: 45 tiết, Thực hành: 15 tiết, Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết}		
5. Học phần học trước	Không có		
6. Phương pháp giảng dạy	Phương pháp giao tiếp Kết hợp lý thuyết và thực hành trong mỗi buổi học. Tận dụng các trang thiết bị công nghệ sẵn có để nâng cao tính trực quan cho mỗi bài học. Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên.	TLM4, TLM6, TLM8, TLM9, TLM11 TLM12	
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Tiếng Anh		
8. Mục tiêu của học phần			
Mục tiêu)		CDR của CTĐT	TDNL
G1	Từ vựng Áp dụng và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề mua sắm, công việc, thế giới Internet, pháp luật, v.v..	PLO9	4
G2	Ngữ pháp Phân biệt, so sánh, và sử dụng tốt các điểm ngữ pháp nâng cao: câu tường thuật, câu điều kiện loại 3, các loại mệnh đề, cách thành lập từ loại, cách dùng hình thức động từ.	PLO7	4
G3	Phát âm Nhận biết cách phát âm các nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, cách nhấn trọng âm câu, cách nối âm của các từ trong câu.	PLO7	3
G4	Kỹ năng Nghe Nắm vững chiến lược làm bài để giải quyết các dạng bài nghe IELTS như điền vào chỗ trống, chọn câu trả lời đúng, kết nối 2 phần của câu.	PLO7	3
G5	Kỹ năng Đọc Có thể đọc hiểu các văn bản về các chủ đề mua sắm, ý tưởng kinh doanh, công việc lý tưởng, thế giới Internet. Có thể đọc nhanh văn bản dài hơn để xác định vị trí và thu thập thông tin từ các phần khác nhau của văn bản để thực hiện	PLO7	3

	một nhiệm vụ cụ thể.		
G6	<p>Kỹ năng Nói Nắm vững chiến lược làm bài để giải quyết 3 phần trong bài thi nói IELTS.</p> <p>Có thể tham gia vào cuộc trò chuyện, bày tỏ ý kiến cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề xu thế xã hội, ý tưởng kinh doanh, sở thích, công việc, du lịch, gia đình, thế giới Internet, luật pháp, v.v.</p>	PLO7	3
G7	<p>Kỹ năng Viết Hình dung được bô cục và cách viết thư giao tiếp như thư phản nàn, thư cảm ơn, thư xin việc, CV.</p> <p>Áp dụng linh hoạt từ vựng, cấu trúc, cách viết bài báo ngắn để trình bày và phản biện về một vấn đề đưa ra.</p>	PLO7	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Áp dụng và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề mua sắm, công việc. Áp dụng cách thành lập danh từ.	U
G1.2	Áp dụng và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề thiết bị điện tử. Áp dụng cách thành lập tính từ.	U
G1.3	Áp dụng và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề Internet, pháp luật, tội phạm. Áp dụng cách thành lập từ ghép.	U
G2.1	Phân biệt và sử dụng được cấu trúc câu tường thuật, hình thức động từ.	U
G2.2	Phân biệt và sử dụng được cấu trúc câu điều kiện loại 3, từ chỉ số lượng.	U
G2.3	Phân biệt và sử dụng được cấu trúc mệnh đề liên hệ, câu hỏi đuôi.	U
G3.1	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng âm /eɪ/, /eə/, /ɒ/.	T
G3.2	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng âm /ʌ/, /ɔ:/, /əʊ/, /æ/, /u:/.	T
G3.3	Có thể nhận dạng và phát âm rõ ràng âm /u:/, /ʊ/, /ʌ/, /ju:/. Áp dụng nhấn trọng âm từ và ngữ điệu.	T
G4.1	Nắm vững chiến lược dự đoán đáp án, nhận dạng dấu hiệu gợi ý để giải quyết dạng bài biểu bảng và dạng trả lời ngắn trong bài thi IELTS. Nghe hiểu về chủ đề mua sắm, công việc, phản nàn của khách hàng.	T
G4.2	Nắm vững chiến lược nhận dạng thông tin, dấu hiệu gợi ý để giải quyết dạng bài mô tả tiến trình và dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn trong bài thi IELTS. Nghe hiểu về chủ đề thành công, sự nỗ lực, may mắn và thành công, giao tiếp Internet.	T
G4.3	Nắm vững chiến lược nhận dạng thông tin, dấu hiệu gợi ý để giải quyết các dạng bài mô tả bản đồ và dạng hoàn tất thông trong bài thi IELTS.	T

	Nghe hiểu về chủ đề thiết kế nghệ thuật, điều tra tội phạm.	
G5.1	Đọc hiểu về chủ đề phàn nàn của khách hàng, ý tưởng kinh doanh.	U
G5.2	Đọc hiểu về chủ đề những thách thức trong cuộc sống, nỗ lực, may mắn và thành công.	U
G5.3	Đọc hiểu về chủ đề về thiết kế nghệ thuật, điều tra tội phạm.	U
G6.1	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 1, 2 và 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để trình bày về chủ đề văn hóa, nghệ thuật, khoa học mua sắm, công việc.	T
G6.2	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 1, 2 và 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để thảo luận về chủ đề thiên nhiên, sức khỏe, yếu tố may mắn, thế giới thông tin.	T
G6.3	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 1, 2 và 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để thảo luận về chủ đề cá nhân và cộng đồng, thiết kế nghệ thuật, pháp luật.	T
G7.1	Hình dung bô cục và viết được thư khiêu nại	U
G7.2	Hình dung bô cục và viết được thư xin việc, sơ yếu lý lịch.	U
G7.3	Hình dung bô cục và viết được bài tiểu sử một nhân vật nổi tiếng.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các điểm văn phạm, cấu trúc nâng cao trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện kỹ năng - chú trọng cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết, đặc biệt là những kỹ năng làm bài thi IELTS. Môn học giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin, trôi chảy, sử dụng từ ngữ linh hoạt, trong hầu hết những tình huống quen thuộc trong đời sống thường ngày cũng như trong công việc; có khả năng thảo luận, nêu quan điểm, nhận xét đánh giá đối với kết quả công việc. Môn học hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Unit 8. 1.1.Sell and tell 1.2.Speaking 1: Cultures	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm.	A1.2 A2 A3
2	Unit 8.	G1.1,	Dạy: thuyết giảng	A1.2

	1.3.What's the right job for you? 1.4. Speaking 2: Arts and sciences	G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.2, G7.1.	Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết thư phản nàn. 	A2 A3
3	Unit 9. 2.1. Lucky encounters 2.2. Speaking 3:Nature	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm	A1.2 A2 A3
4	Unit 9. 2.3. Too much information 2.4. Speaking 4: Health	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết thư xin việc, viết sơ yếu lý lịch.	A1.2 A2 A3
5	Unit 10. 3.1. Modern icons 3.2. Speaking 5: Individual and society	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.5.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm.	A1.2 A2 A3
6	Unit 10. 3.3. Two crime stories 3.4. Speaking test	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm, viết tiểu sử một nhân vật nổi tiếng.	A1.2 A2 A3
7	Review. 4.1. Review 1 4.2. Review 2	G1.1- G1.3, G2.1- G2.3, G3.1- G3.3, G4.1- G4.3, G5.1- G5.3.	Dạy: thuyết giảng Học: bài tập, thảo luận nhóm,	A3

THỰC HÀNH

1	Unit 8. 1.1.Sell and tell 1.2.Speaking 1: Cultures	G1.1, G2.1, G3.1,	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ	A1.2 A2 A3
---	--	-------------------------	---	------------------

		G4.1, G5.1, G6.1.	pháp, nghe và đọc hiểu.	
2	Unit 8. 1.3.What's the right job for you? 1.4. Speaking 2: Arts and sciences	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.2, G7.1.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết bài luận.	A1.2 A2 A3
3	Unit 9. 2.1. Lucky encounters 2.2. Speaking 3:Nature	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
4	Unit 9. 2.3. Too much information 2.4. Speaking 4: Health	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết bài luận.	A1.2 A2 A3
5	Unit 10. 3.1. Modern icons 3.2. Speaking 5: Individual and society	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.5.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3
6	Unit 10. 3.3. Two crime stories 3.4. Speaking test	G1.3, G2.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, giao tiếp, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu và viết bài luận.	A1.2 A2 A3
7	Review. 4.1. Review 1 4.2. Review 2	G1.1- G1.3, G2.1- G2.3, G3.1- G3.3, G4.1- G4.3, G5.1- G5.3.	Sinh viên thực tập phát âm, sử dụng từ vựng, ngữ pháp, nghe và đọc hiểu.	A1.2 A2 A3

	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)		CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ		
12. Phương pháp đánh giá	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần:		AM1	10%		
		A1.2 Bài tập ngắn và hoạt động thực hành tiếng Anh trong và ngoài giờ học:		AM2	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4 20%		
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi vấn đáp:		AM6	G6.1 - G6.5 20%		
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm:		AM5	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4 50%		
Rubics (bài thi vấn đáp)	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá					
	Kém	Không mô tả đủ nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp luôn gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Yếu	Mô tả được một số nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp thường gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Trung bình	Mô tả nội dung nêu tên chậm, còn ngập ngừng khá lâu. các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây một số khó cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Khá	Mô tả nội dung nêu trên chưa lưu loát lắm, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp đôi khi gây khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Giỏi	Mô tả nội dung nêu trên khá lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây ít khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
	Xuất sắc	Mô tả nội dung nêu trên hoàn toàn lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp không cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.					
Rubics (học phần)	KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
	Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
	Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 - 3.1	2.0 - 2.4	1.0 - 1.9	0.0 - 0.9

	Nghe	Có khả năng nghe hiểu tốt tất cả các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp	Có khả năng nghe hiểu tốt hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp.	Có khả năng nghe hiểu cơ bản hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói.	Có khả năng nghe hiểu một số ý chính các cuộc đàm thoại và bài nói.	Còn hạn chế nhiều trong việc nghe hiểu các cuộc đàm thoại cơ bản	Hầu như không nghe hiểu các cuộc đàm thoại
	Nói	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân	Chưa thể nói được các câu đàm thoại cơ bản
	Đọc	Có khả năng đọc hiểu tốt tất cả các văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu tốt hầu hết văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản hầu hết các văn bản	Có khả năng đọc hiểu một số ý chính các văn bản	Còn hạn chế nhiều trong việc đọc hiểu văn bản cơ bản	Hầu như không đọc hiểu được các văn bản đơn giản
	Viết	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp, sử dụng cấu trúc câu đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp, sử dụng cấu trúc câu tương đối đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày, còn mắc một số lỗi cấu trúc	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản, với nhiều lỗi cấu trúc	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân với nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Chưa thể viết được các câu sử dụng cấu trúc cơ bản

	Từ vựng, ngữ pháp và phát âm	Rất chính xác và đa dạng	Chính xác và đa dạng	Tương đối chính xác và đa dạng	Còn một số hạn chế nhất định	Khá nhiều lỗi sai	Rất hạn chế trong việc sử dụng từ vựng, ngữ pháp và chưa phát âm được
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<p>Latham-Koenig, C., & Oxenden, C. (2014). <i>American English file 3 (2nd ed.)</i>. NY: Oxford University Press. (Files 8-10)</p> <p>Cusack, B. & McCarter, S., (2014). <i>Improve your Skills - Listening & Speaking for IELTS 4.5-6.0</i>. NY: Macmillan Press. (Units 6-10)</p>					
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<p>Lebeau, I. & Rees, G. (2008/2014). <i>Language leader/ New language leader - Intermediate</i>. Pearson.</p>					
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • http://www.bbc.co.uk/languages/ • http://learnenglish.britishcouncil.org/en • https://www.ted.com/talks 					
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết		Nhiệm vụ của sinh viên		
	BÀI 8: 1.1. File 8A Sell and tell 1.2. File 8B What's the right job for you? IELTS Speaking & Listening skills: 1.3. Unit 6: Cultures 1.4. Unit 7: Arts and sciences		30		Sinh viên hoàn tất bài tập được giao, và soạn bài mới.		
	BÀI 9: 2.1. File 9A Lucky encounters 2.2. File 9B Too much information IELTS Speaking& Listening skills 2.3. Unit 8: Nature 2.4. Unit 9: Health		30		Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.		
	BÀI 10: 3.1. File 10A Modern icons 3.2. File 10B Two crime stories IELTS Speaking& Listening skills: 3.3. Unit 5: Individual and society		30		Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.		
	REVIEW: 4.1. Review 1 4.2. Review 2		30		Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và ôn tập cho kỳ thi cuối khóa.		

15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS. Lê Công Thiện, thienlc@uef.edu.vn 2. ThS. Đinh Quốc Anh Thư, thudqa@uef.edu.vn
--	---

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020
TRƯỞNG KHOA **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

TS. Phạm Huy Cường

ThS. Lê Công Thiện

ThS. Đinh Quốc Anh Thư

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KHOA TIẾNG ANH

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: TIẾNG ANH 7 Tên tiếng Anh: GEP 7 (GENERAL ENGLISH PROGRAM 7)	
2. Mã học phần	ENG2107	
3. Trình độ đào tạo	Đại học	
4. Số tín chỉ	04 TC Lý thuyết: 45 tiết Thực hành: 15 tiết Tự học, tự nghiên cứu: 120 tiết	
5. Học phần học trước	Không có	
6. Phương pháp giảng dạy	Phương pháp giao tiếp. Kết hợp lý thuyết và thực hành trong mỗi buổi học. Tận dụng các trang thiết bị công nghệ sẵn có để nâng cao tính trực quan cho mỗi bài học. Khuyến khích tối đa sự tương tác giữa sinh viên với sinh viên cũng như giữa sinh viên và giảng viên. Tương ứng với các phương pháp giảng dạy: TLM4, TLM6, TLM8, TLM9, TLM11 và TLM12	
7. Đơn vị quản lý HP	Khoa Tiếng Anh	
8. Mục tiêu của học phần		
Mục tiêu)	CDR của CTĐT	TĐNL
G1 Từ vựng Có thể áp dụng và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến các chủ đề môi trường, giáo dục, giải trí, truyền thông, giao thông, thương mại, thiên nhiên.	PLO9	4
G2 Ngữ pháp Có thể sử dụng tốt các điểm ngữ pháp nâng cao để hỗ trợ việc viết Task 1 và Task 2 của bài thi IELTS.	PLO9	4
G3 Phát âm Có thể phát âm chuẩn và tham gia bài thi vấn đáp trong kỳ thi IELTS.	PLO9	4
G4 Kỹ năng Nghe Nắm vững chiến lược làm bài để giải quyết các dạng bài nghe IELTS như điền vào chỗ trống, chọn câu trả lời đúng, kết nối 2 phần của câu.	PLO9	4

G5	Kỹ năng Đọc Có thể đọc hiểu các văn bản về các chủ đề thường gặp trong bài thi IELTS. Có thể đọc nhanh văn bản dài hơn để xác định vị trí và thu thập thông tin từ các phần khác nhau của văn bản để thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.	PLO9	4
G6	Kỹ năng Nói Nắm vững chiến lược làm bài để giải quyết 3 phần trong bài thi nói IELTS.	PLO9	4
G7	Kỹ năng Viết Có thể viết tốt Task 1: Mô tả biểu đồ, biểu bản, quy trình. Có thể viết tốt Task 2: trình bày, lập luận, phản biện, v.v. về một vấn đề đưa ra trong bài thi IELTS.	PLO9	4

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1.1	Sử dụng tốt và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề môi trường nhân tạo, con người, giáo dục, giải trí.	U
G1.2	Sử dụng tốt và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề về phương tiện truyền thông, phương tiện giao thông, du lịch.	U
G1.3	Áp dụng tốt và mở rộng vốn từ vựng liên quan đến chủ đề kinh doanh, môi trường thiên nhiên.	U
G2.1	Sử dụng tốt cấu trúc ngữ pháp nâng cao, liên từ, v.v để viết bài mô tả biểu đồ, biểu bản.	U
G2.2	Sử dụng tốt cấu trúc ngữ pháp nâng cao, liên từ, v.v để viết bài mô tả quy trình.	U
G2.3	Sử dụng tốt cấu trúc câu đơn, câu phức, câu ghép để viết bài luận.	U
G3.1	Có thể phát âm rõ ràng, nhấn trọng âm, nối âm, sử dụng ngữ điệu.	U
G3.2	Có thể phát âm rõ ràng, nhấn trọng âm, nối âm, sử dụng ngữ điệu	U
G3.3	Có thể phát âm rõ ràng, nhấn trọng âm, nối âm, sử dụng ngữ điệu	U
G4.1	Nắm vững chiến lược dự đoán đáp án, nhận dạng dấu hiệu gợi ý để giải quyết dạng bài biểu bảng và dạng trả lời ngắn trong bài thi IELTS. Có thể nghe hiểu về chủ đề thường gặp trong bài thi IELTS.	T, U
G4.2	Nắm vững chiến lược nhận dạng thông tin, dấu hiệu gợi ý để giải quyết dạng bài mô tả tiến trình và dạng trắc nghiệm nhiều lựa chọn trong bài thi IELTS. Có thể nghe hiểu về chủ đề thường gặp trong bài thi IELTS.	T, U
G4.3	Nắm vững chiến lược nhận dạng thông tin, dấu hiệu gợi ý để giải quyết các dạng bài mô tả bản đồ và dạng hoàn tất thông tin trong bài thi IELTS. Có thể nghe hiểu về chủ đề thường gặp trong bài thi IELTS.	T, U
G5.1	Có thể áp dụng chiến lược đọc skimming, scanning để nắm bắt nội dung	U

	chính và tìm thông tin chi tiết trong bài đọc.	
G5.2	Có thể áp dụng các chiến lược giải quyết các dạng bài của bài thi IELTS.	U
G5.3	Có thể áp dụng các chiến lược giải quyết tất cả các dạng bài của bài thi IELTS.	U
G6.1	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 1, 2 và 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để trình bày về chủ đề môi trường nhân tạo, văn hóa, nghệ thuật, giáo dục, khoa học.	T, U
G6.2	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 1, 2 và 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để thảo luận về chủ đề giải trí, truyền thông, du lịch, phương tiện giao thông, thế giới thông tin.	T, U
G6.3	Nắm vững chiến lược ghi chú / chuẩn bị thông tin để hoàn tất tốt phần 1, 2 và 3 trong bài thi nói IELTS. Có thể sử dụng từ ngữ để thảo luận về kinh doanh mua sắm, công việc, cá nhân và cộng đồng, nghệ thuật, lễ hội, phong tục tập quán.	T, U
G7.1	Có thể viết tốt bài task 1: mô tả biểu đồ, biểu bảng.	U
G7.2	Có thể viết tốt bài task 1: mô tả quy trình, bản đồ.	U
G7.3	Có thể viết tốt bài task 2: nêu quan điểm, lập luận và phản biện về các chủ đề thường gặp trong bài thi IELTS.	U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Môn học được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng mở rộng, các cấu trúc ngữ pháp nâng cao và những bài tập rèn luyện kỹ năng làm bài thi IELTS - chú trọng nâng cao 4 kỹ năng nghe, nói, đọc và viết. Môn học giúp sinh viên rèn luyện và áp dụng hiệu quả các chiến lược làm bài thi, và hướng tới giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
1	Unit 1. Man-made Environment 1.1.Reading: Skimming - Scanning 1.2.Listening: Listening for specific information 1.3.Writing: Key features of graphs, tables/charts/diagrams/processes 1.4.Speaking: Speaking Part 1	G1.1, G4.1, G5.1, G6.1.	Dạy: thuyết giảng Học: luyện tập các kỹ năng làm bài IELTS	A1.2 A2 A3
2	Unit 2. Leisure and Recreation 1.1.Reading: Identifying questions 1.2.Listening: Understanding directions, matching descriptions	G1.1, G3.1, G4.1, G5.1,	Dạy: thuyết giảng Học: luyện tập các kỹ năng làm bài IELTS	A1.2 A2 A3

	1.3.Writing: Selecting and comparing key features of graphs, tables... 1.4.Speaking: Speaking Part 1 & 2	G6.2, G7.1.		
3	Unit 3. The News and Media 1.1.Reading: Understanding main ideas, recognizing synonyms 1.2.Listening: Identifying the speaker's attitude 1.3.Writing: Describing a process 1.4.Speaking: Speaking Part 1 & 2	G1.2, G2.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Dạy: thuyết giảng Học: luyện tập các kỹ năng làm bài IELTS	A1.2 A2 A3
4	Unit 4. Travel and Transport 1.1.Reading: Matching information 1.2.Listening: Matching questions and options 1.3.Writing: Describing maps 1.4.Speaking: Speaking Par 2 – Follow-up questions	G1.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Dạy: thuyết giảng Học: luyện tập các kỹ năng làm bài IELTS	A1.2 A2 A3
5	Unit 5. Business and Work 1.1.Reading: Matching beginnings and endings 1.2.Listening: Note completion 1.3.Writing: Essay writing – advantages/ disadvantages 1.4.Speaking: Speaking Par 2 & 3 - Follow-up questions	G1.3, G2.3, G4.3, G5.3, G6.5.	Dạy: thuyết giảng Học: luyện tập các kỹ năng làm bài IELTS	A1.2 A2 A3
6	Unit 6. The Natural Environment 1.1.Reading: T/F/NG, Yes/No/NG, Summary completion 1.2.Listening: diagram completion, MC 1.3.Writing: Essay writing – agree/disagree 1.4.Speaking: Sample Speaking Tests	G1.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Dạy: thuyết giảng Học: luyện tập các kỹ năng làm bài IELTS	A1.2 A2 A3
7	Unit 7. Education systems 1.1.Reading: Flowchart/Summary completion 1.2.Listening: chart/diagram/sentence completion, MC 1.3.Writing: Essay writing – Both views 1.4.Speaking: Sample Speaking Tests Review	G1.1- G1.3, G3.1- G3.3, G4.1- G4.3, G5.1- G5.3.	Dạy: thuyết giảng Học: luyện tập các kỹ năng làm bài IELTS	A3

THỰC HÀNH

1	Unit 1. Man-made Environment 1.1.Reading: Skimming - Scanning 1.2.Listening: Listening for specific information 1.3.Writing: Key features of graphs, tables/charts/diagrams/processes 1.4.Speaking: Speaking Part 1	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.1.	Sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài IELTS.	
2	Unit 2. Leisure and Recreation 1.1.Reading: Identifying questions 1.2.Listening: Understanding directions, matching descriptions 1.3.Writing: Selecting and comparing key features of graphs, tables,,, 1.4.Speaking: Speaking Part 1 & 2	G1.1, G2.1, G3.1, G4.1, G5.1, G6.2, G7.1.	Sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài IELTS.	
3	Unit 3. The News and Media 1.1.Reading: Understanding main ideas, recognizing synonyms 1.2.Listening: Identifying the speaker's attitude 1.3.Writing: Describing a process 1.4. Speaking: Speaking Part 1 & 2	G1.2, G2.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.3.	Sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài IELTS.	
4	Unit 4. Travel and Transport 1.1.Reading: Matching information 1.2.Listening: Matching questions and options 1.3.Writing: Describing maps 1.4.Speaking: Speaking Par 2 – Follow-up questions	G1.2, G3.2, G4.2, G5.2, G6.4, G7.2.	Sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài IELTS.	
5	Unit 5. Business and Work 1.1.Reading: Matching beginnings and endings 1.2.Listening: Note completion 1.3.Writing: Essay writing – advantages/ disadvantages 1.4.Speaking: Speaking Par 2 & 3 - Follow-up questions	G1.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.5.	Sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài IELTS.	
6	Unit 6. The Natural Environment 1.1.Reading: T/F/NG, Yes/No/NG, Summary completion 1.2.Listening: diagram completion, MC 1.3.Writing: Essay writing – agree/disagree	G1.3, G3.3, G4.3, G5.3, G6.1-5, G7.3.	Sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài IELTS.	

	1.4.Speaking: Speaking Test			
7	Sample Tests	G1.1- G1.3, G4.1- G4.3, G5.1- G5.3.	Sinh viên luyện tập kỹ năng làm bài IELTS.	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	A1.1 Chuyên cần AM1 A1.2 Bài tập nhỏ và các hoạt động thực hành tiếng Anh trong và ngoài giờ học. AM2	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4	10%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi Viết AM6	G6.1 - G6.5	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi trắc nghiệm + tự luận AM4, AM5	G1.1 - G1.4 G2.1 - G2.4 G3.1 - G3.4 G4.1 - G4.4 G5.1 - G5.4 G7.1 - G7.4	50%
Rubrics (bài thi vấn đáp)	Mức độ	Các tiêu chí đánh giá		
	Kém	Không mô tả đủ nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp luôn gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		
	Yếu	Mô tả được một số nội dung nêu trên và luôn ngập ngừng lâu, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp thường gây cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		
	Trung bình	Mô tả nội dung nêu tên chậm, còn ngập ngừng khá lâu, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây một số khó cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		
	Khá	Mô tả nội dung nêu trên chưa lưu loát lắm, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp đôi khi gây khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		
	Giỏi	Mô tả nội dung nêu trên khá lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp có gây ít khó cho việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		
	Xuất sắc	Mô tả nội dung nêu trên hoàn toàn lưu loát, các lỗi phát âm, từ vựng và ngữ pháp không cản trở việc nghe hiểu theo tình huống lúc nói.		

KẾT QUẢ HỌC TẬP CẦN ĐẠT (điểm hệ 4.0)						
Mức	Xuất sắc	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	Kém
Điểm	3.6 - 4.0	3.2 - 3.5	2.5 – 3.1	2.0 - 2.4	1.0 – 1.9	0.0 – 0.9
Rubics (học phần)	Nghe	Có khả năng nghe hiểu tốt tất cả các cuộc đàm thoại và bài nói phức tạp	Có khả năng nghe hiểu tốt hầu hết các cuộc đàm thoại và bài nói	Có khả năng nghe hiểu cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc nghe hiểu các cuộc đàm thoại và bài nói	Hầu như không nghe hiểu các cuộc đàm thoại cơ bản
	Nói	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hằng ngày	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân	Chưa thể nói được các câu đàm thoại cơ bản
	Đọc	Có khả năng đọc hiểu tốt tất cả các văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu tốt hầu hết văn bản phức tạp	Có khả năng đọc hiểu cơ bản	Còn hạn chế nhiều trong việc đọc hiểu các văn bản cơ bản	Hầu như không đọc hiểu được các văn bản đơn giản

	Viết	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề phức tạp, sử dụng cấu trúc câu đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề tương đối phức tạp, sử dụng cấu trúc câu tương đối đa dạng	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề thông dụng trong đời sống hàng ngày, còn mắc một số lỗi cấu trúc	Có khả năng trình bày ý kiến cá nhân về các chủ đề cơ bản, với khá nhiều lỗi cấu trúc	Còn hạn chế nhiều trong việc trình bày ý kiến cá nhân với nhiều lỗi cấu trúc cơ bản	Chưa thể viết được các câu sử dụng cấu trúc cơ bản
	Từ vựng, ngữ pháp và phát âm	Rất chính xác và đa dạng	Chính xác và đa dạng	Tương đối chính xác và đa dạng	Còn một số hạn chế nhất định	Khá nhiều lỗi sai	Rất hạn chế trong việc sử dụng từ vựng, ngữ pháp và chưa phát âm được
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	<ul style="list-style-type: none"> • Crosthwaite, P., de Souza, N., & Loewenthal, M. (2017). <i>Mindset for IELTS 2</i>. Cambridge: Cambridge University Press. 					
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> • Cambridge English. (2017).<i>Cambridge IELTS 12</i>. Cambridge: Cambridge University Press. • Cambridge English. (2018).<i>Cambridge IELTS 13</i>. Cambridge: Cambridge University Press. • Cambridge English. (2019).<i>Cambridge IELTS 14</i>. Cambridge: Cambridge University Press. • Cambridge English. (2020).<i>Cambridge IELTS 15</i>. Cambridge: Cambridge University Press. • Cambridge English. (2014).<i>The official Cambridge guide to IELTS (Student's book)</i>. Cambridge: Cambridge University Press. 					
	Trang Web/ CDs tham khảo	<ul style="list-style-type: none"> • http://www.bbc.co.uk/languages/ • http://learnenglish.britishcouncil.org/en • https://www.ted.com/talks 					
14. Hướng	Nội dung			Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên		

dẫn sinh viên tự học	Unit 1: Man-made environment Unit 2: Leisure and Recreation Skills for Reading, Listening, Writing, Speaking	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao, và soạn bài mới.
	Unit 3: The News and Media Unit 4: Travel and Transport Skills for Reading, Listening, Writing, Speaking	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	Unit 5: Business and Work Unit 6: Natural Environment Skills for Reading, Listening, Writing, Speaking	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và soạn bài mới.
	REVIEW: Sample Test 1 Sample Test 2	30	Sinh viên hoàn tất bài tập được giao và ôn tập cho kỳ thi cuối khóa.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. ThS.Lê Công Thiện, thienlc@uef.edu.vn 2. ThS.Đinh Quốc Anh Thư, thudqa@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 5 năm 2020

TRƯỜNG KHOA

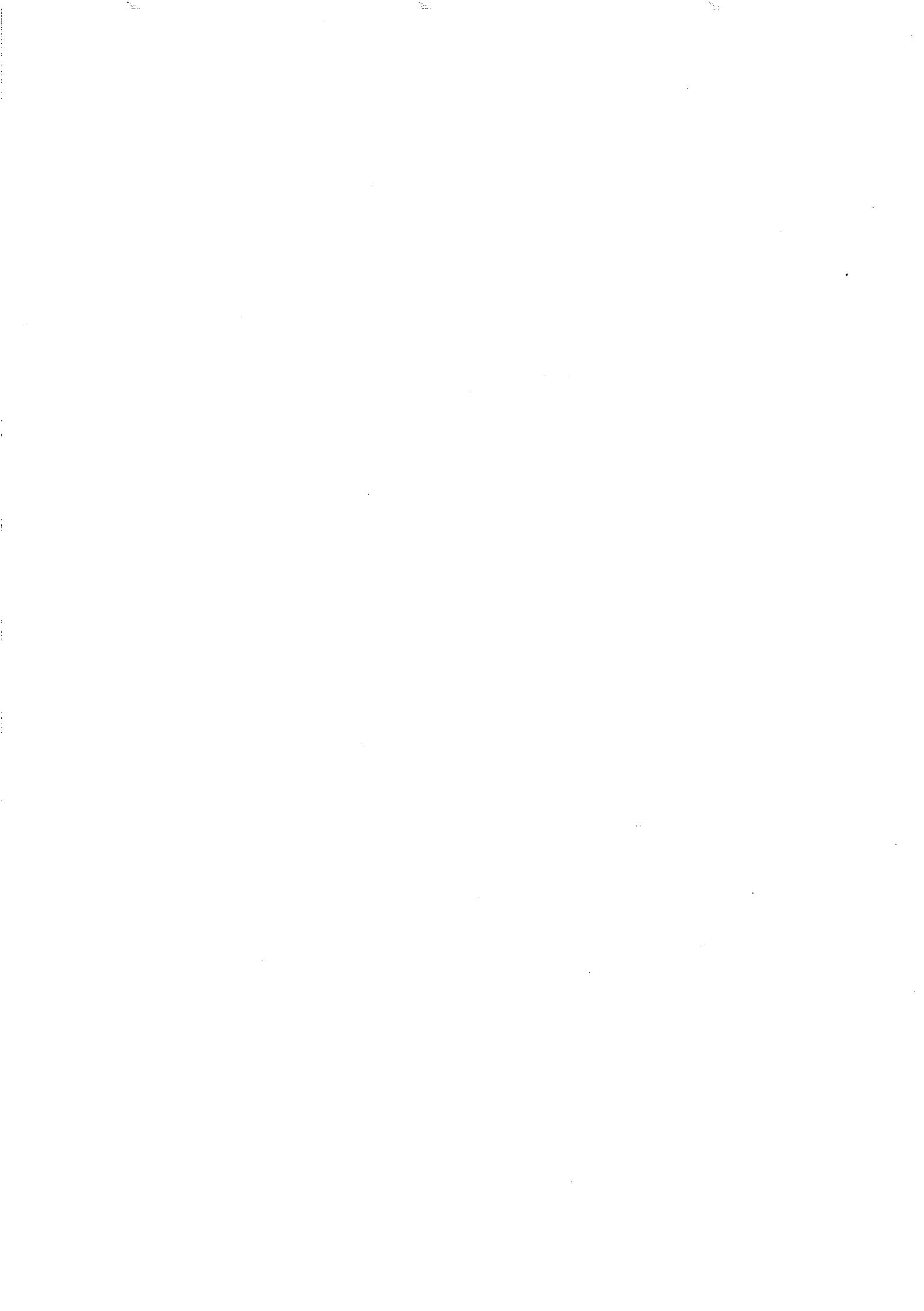
TS. Phạm Huy Cường

TRƯỜNG BỘ MÔN

ThS. Lê Công Thiện

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Công Thiện



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Thể dục Aerobic 1 Tên tiếng Anh: Aerobic gymnastic 1		
2. Mã học phần	GYM1311		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết			
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại sân tập - Thực hành các bài tập thể lực, kết hợp một số trò chơi vận động liên quan đến nội dung giáo án - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra Tương ứng với các phương pháp giảng dạy: <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TDNL
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được các kỹ thuật cơ bản của Môn Aerobic	PLO1	3.0
G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập	PLO1	3.0
G3	Tự rèn luyện cho bản thân	PLO1	4.0
G4	Hưng phấn và ham thích môn thể thao đã chọn trong suốt thời gian học tập của bản thân mỗi sinh viên hôm nay và sau này	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ	

(G.x.x)		giảng dạy (I, T, U)
G1	Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản	ITU
G2	Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện	TU
G3	Áp dụng vào thực tế các kỹ thuật động tác	TU
G4	Hoàn thiện kỹ thuật động tác	TU

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Giới thiệu tổng quát môn học Thể dục Aerobic

Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học

Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn

Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên

Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành

Chương trình tập luyện Thể dục Aerobic đơn giản và đem lại hiệu quả cao, trong quá trình tập luyện sẽ giúp người tập biết đếm nhịp nhạc - kết hợp những động tác tay và chân, chỉ cần có sức khỏe bình thường thậm chí dưới mức bình thường (không bị bệnh mãn tính), không phân biệt trình độ - tầng lớp – lứa tuổi, cả giới tính nam và nữ.

Giới thiệu và phân tích các kỹ thuật của động tác : Hoàn thiện bài Aerobic 2 phút +/- 10 (7 động tác chân cơ bản kết hợp tay)

Giải thích: Bước chân 1 : Dậm chân tại chỗ

Bước chân 2 : chạy bộ

Bước chân 3 : nâng gối

Bước chân 4 : bật jack

Bước chân 5 : đá cao

Bước chân 6 : đá cách quãng

Bước chân 7 : bật lunch

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn học thể dục Aerobic - Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành 	G1		

Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn các động tác kỹ thuật 2 bước chân cơ bản	G1		
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn các động tác kỹ thuật 3 bước chân cơ bản	G1		
Tuần 4: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn các động tác kỹ thuật 7 bước chân cơ bản	G1		
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn các động tác kỹ thuật các động tác kỹ thuật cơ bản, 2 bước chân cơ bản kết hợp tay	G1		
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn các động tác kỹ thuật các động tác kỹ thuật cơ bản, 2 bước chân kết hợp cùng 2 bước tay	G1		
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn các động tác kỹ thuật các động tác kỹ thuật cơ bản, 2 bước chân kết hợp cùng 2 bước tay	G1		
Tổng		7 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	<p>Bài 1: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Giới thiệu tổng quát môn học Thể dục Aerobic - Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành * Khởi động chung, khởi động chuyên môn * Giới thiệu khái quát 7 bước chân cơ bản * Tập thể lực 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật 7 bước chân cơ bản	Dạy: kỹ thuật cơ bản Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật 7 bước chân cơ bản	

Tuần 2: 2 tiết	Bài 2: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản 2 bước chân cơ bản <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản 2 bước chân cơ bản tiếp theo - Bước chân 1 : 4 Lần 8 nhịp (4L8n) - Bước chân 2 : 4 Lần 8 nhịp (4L8n) - Bước chân 3 : 4 Lần 8 nhịp (4L8n) • 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản 2 bước chân cơ bản; bước chân 1, bước chân 2, bước chân 3. Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác của 2 bước chân cơ bản, bước chân 1, bước chân 2, bước chân 3	
Tuần 3: 2 tiết	Bài 3: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản 3 bước chân cơ bản <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản 3 bước chân cơ bản <ul style="list-style-type: none"> - Bước chân 4 : 4 Lần 8 nhịp (4L8n) - Bước chân 5 : 4 Lần 8 nhịp (4L8n) - Bước chân 6 : 4 Lần 8 nhịp (4L8n) - Bước chân 7 : 4 Lần 8 nhịp (4L8n) 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản 4 bước chân cơ bản, bước chân 4, bước chân 5, bước chân 6, bước chân 7. Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác của 3 bước chân cơ bản, bước chân 4, bước chân 5, bước chân 6, bước chân 7.	
Tuần 4: 2 tiết	Bài 4: Thực hành kỹ thuật động tác: 7 bước chân cơ bản, tập thể lực <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành kỹ thuật - 7 bước chân cơ bản : - Đi cùng nhạc, tổng nhịp 28 Lần 8 nhịp. - Tập thể lực - Đá cao chân tại chỗ 1 phút Nâng gối tại chỗ 1 phút 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản 7 bước chân cơ bản đi cùng nhạc, tập thể lực Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác của 7 bước chân cơ bản, đi cùng nhạc, tập thể lực	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			
Tuần 6: 2 tiết	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản,	Nắm vững kỹ	Dạy: kỹ thuật cơ bản 2 bước chân cơ bản	

	<p>2 bước chân cơ bản kết hợp tay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Tập 2 động tác tay : 8 lần 8 nhịp <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi động tác 4 lần 8 nhịp (4L8n) 3. Phối hợp 2 động tác tay cùng 2 động tác chân <p>Tập với nhạc</p>	thuật và thực hành kỹ thuật	<p>kết hợp 2 động tác tay 8 lần 8 nhịp, tập cùng nhạc</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác của 2 bước chân cơ bản kết hợp cùng 2 động tác tay, tập cùng nhạc.</p>	
Tuần 7: 2 tiết	<p>Bài 6: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, 2 bước chân kết hợp cùng 2 bước tay</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Tập 2 động tác tay : 8 lần 8 nhịp <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi động tác 4 lần 8 nhịp (4L8n) 3. Phối hợp 2 động tác tay cùng 2 động tác chân 4. Tập với nhạc 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản 2 bước chân cơ bản kết hợp 2 động tác tay 8 lần 8 nhịp, tập cùng nhạc</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác 2 bước chân cơ bản kết hợp 2 động tác tay 8 lần 8 nhịp, tập cùng nhạc</p>	
Tuần 8: 2 tiết	<p>Bài 7: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, 3 bước chân cơ bản kết hợp 3 động tác tay 12 lần 8 nhịp, tập cùng nhạc, tập thể lực Khởi động chung, khởi động chuyên môn</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Tập 3 động tác tay : 12 lần 8 nhịp. Mỗi động tác 4 lần 8 nhịp (4L8n) 2. Phối hợp 3 động tác tay cùng 3 động tác chân 3. Tập với nhạc 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản 3 bước chân cơ bản kết hợp 3 động tác tay 12 lần 8 nhịp, tập cùng nhạc, tập thể lực</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác 3 bước chân cơ bản kết hợp 3 động tác tay 12 lần 8 nhịp, tập cùng nhạc, tập thể lực</p>	

	4. Tập thể lực dưới sàn Hít đất 10 cái x 3 lần			
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kỳ			
TỔNG CỘNG:		23 tiết		

12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác	
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác	

Hệ thống tính điểm UEF

	Phân loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F	0,0

13. Tài liệu phục vụ học	Tài liệu/giáo trình chính	
--------------------------	---------------------------	--

phân	Tài liệu tham khảo/bô sung		
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Sinh viên tự tập các tổ hợp hợp 7 bước chân cơ bản	30	Từ những động tác cơ bản, sinh viên tự tập các tổ hợp hợp 7 bước chân cơ bản
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Nguyễn Thị Kim Tiên, tienntk@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Bích Ly

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Kim Tiên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Thể dục Aerobic 2 Tên tiếng Anh: Aerobic gymnastic 2		
2. Mã học phần	GYM1312		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Aerobic 1		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Gym - Thực hành các bài tập thể lực, kết hợp một số trò chơi vận động liên quan đến nội dung giáo án - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh năm được cách nghe nhạc, đếm nhạc, phách.	PLO1	3.0
G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên hiểu hơn về tầm quan trọng của bộ môn	PLO1	3.0
G3	Nâng cao thể lực vận động	PLO1	4.0
G4	Hưng phấn và ham thích môn thể thao đã chọn trong suốt thời gian học tập của bản thân mỗi sinh viên hôm nay và sau này	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
G1	Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật, đếm được nhạc	IT	
G2	Hiểu rõ về tầm quan trọng của môn học	IT	
G3	Áp dụng vào thực tế nâng cao thể lực	TU	
G4	Hoàn thiện kỹ thuật động tác	TU	
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần			
Giới thiệu tổng quát môn học Thể dục Aerobic			

Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học

Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn

Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên

Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành

Chương trình tập luyện Thể dục Aerobic đơn giản và đem lại hiệu quả cao, trong quá trình tập luyện sẽ giúp người tập biết đếm nhịp nhạc - kết hợp những động tác tay và chân, chỉ cần có sức khỏe bình thường thậm chí dưới mức bình thường (không bị bệnh mãn tính), không phân biệt trình độ - tầng lớp – lứa tuổi, cả giới tính nam và nữ.

Giới thiệu và phân tích các kỹ thuật của động tác : Hoàn thiện bài Aerobic 2 phút +/- 10 (7 động tác chân cơ bản kết hợp tay)

Giải thích: Bước chân 1 : Dậm chân tại chỗ

Bước chân 2 : chạy bộ

Bước chân 3 : nâng gối

Bước chân 4 : bật jack

Bước chân 5 : đá cao

Bước chân 6 : đá cách quãng

Bước chân 7 : bật lunch

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn học Thể dục Aerobic - Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn sinh viên tự soạn 2 động tác chân kết hợp cùng 2 động tác tay			
Tuần 3: 1 tiết	Hướng dẫn biên soạn bài tổ hợp			
Tuần 4: 1 tiết	Hướng dẫn kỹ thuật chọn nhạc và cắt nhạc			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn sinh viên tự soạn 3 động tác chân kết hợp cùng 3 động tác tay			

Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn cách chọn nhạc, phân biệt nhạc cho bài Aerobic phù hợp			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn soạn tổ hợp kết cấu 1 bài biểu diễn Aerobic			
Tổng		7 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Giới thiệu và phổ biến những động tác mới, chia nhóm và biên soạn <ol style="list-style-type: none"> Những động tác từ dễ đến khó Học sinh chia nhóm tập luyện Tham khảo và trao đổi để tự biên soạn động tác. 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản, những động tác mới • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác những động tác mới	
Tuần 2: 2 tiết	Bài 2: Sinh viên tự soạn 2 động tác chân kết hợp cùng 2 động tác tay <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi nhóm tự biên soạn 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản, tự soạn 2 động tác Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác học sinh tự soạn 2 động tác	
Tuần 3: 2 tiết	Bài 3: Sinh viên tự soạn 2 động tác chân kết hợp cùng 2 động tác tay <ul style="list-style-type: none"> - Trao đổi nhóm tự biên soạn 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản, tự soạn 2 động tác Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác học sinh tự soạn 2 động tác	
Tuần 4: 2 tiết	Ôn Tập <ol style="list-style-type: none"> 4 động tác tay và chân Tập thể lực <ul style="list-style-type: none"> - Dá cắt kéo 1 phút - chống lăn giữ 1 phút 			
Tuần 5: 3 tiết	• Kiểm tra			
Tuần 6: 2 tiết	Bài 4: Sinh viên tự soạn 3 động tác chân kết hợp cùng 3 động tác tay	Nắm vững kỹ thuật và	Dạy: kỹ thuật cơ bản, tự soạn 3 động tác	

	- Trao đổi nhóm tự biên soạn	thực hành kỹ thuật động tác	Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác học sinh tự soạn 3 động tác	
Tuần 7: 2 tiết	Bài 5: Cách chọn nhạc và phân biệt nhạc cho bài Aerobic phù hợp 1. Nghe nhạc và phân tách hợp nhac 2. Chọn nhạc và tập cùng nhac	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản, chọn nhạc và phân biệt nhạc	Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác chọn nhạc và phân biệt nhạc
Tuần 8: 2 tiết	Tập kỹ thuật : - Ép dẽo dọc - Ép dẽo ngang	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản, ép dẽo ngang, ép dẽo dọc	Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác ép dẽo ngang, ép dẽo dọc
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kỳ			
TỔNG CỘNG:		23 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	

Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0

			từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
			từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
Trung bình			từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
			từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
Không đạt	Kém		từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
			từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Khô ng đạt	Kém	Tài liệu/giáo trình chính		F+	0,5
		Tài liệu tham khảo/bổ sung		F	0,0
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung				
	Trang Web/CDs tham khảo				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Thực hành kỹ thuật động tác 7 động tác cơ bản, các bài kiểm tra thể lực		30	Từ những động tác cơ bản, sinh viên tự tập luyện như giáo án tại nhà, phòng tập hoặc trường học	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Nguyễn Thị Kim Tiên, tiennnk@uef.edu.vn				

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Nguyễn Thị Kim Tiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: Thể dục Aerobic 3 Tên tiếng Anh: Aerobic gymnastic 3		
2. Mã học phần	GYM1313		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0,1) TC		
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Aerobic 2		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Gym - Thực hành các bài tập thể lực, kết hợp một số trò chơi vận động liên quan đến nội dung giáo án - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp chọn đội hình, tháp, và các liên kết	PLO1	3.0
G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên nâng cao thể lực.	PLO1	3.0
G3	Rèn luyện độ dẻo, sự khéo léo	PLO1	4.0
G4	Hưng phấn và ham thích môn thể thao đã chọn trong suốt thời gian học tập của bản thân mỗi sinh viên hôm nay và sau này	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
G1	Nắm vững được các kiến thức kỹ thuật và độ khó các nhóm trong bài.	ITU	
G2	Dàn dựng bài Thi Aerobic	TU	
G3	Nâng cao sức mạnh, sức bền, độ dẻo, sự khéo léo	TU	
G4	Hoàn thiện kĩ thuật động tác	ITU	
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần			
	Giới thiệu tổng quát môn học Thể dục Aerobic		

Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học

Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn

Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên

Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành

Chương trình tập luyện Thể dục Aerobic đơn giản và đem lại hiệu quả cao, trong quá trình tập luyện sẽ giúp người tập biết đếm nhịp nhạc - kết hợp những động tác tay và chân, chỉ cần có sức khỏe bình thường thậm chí dưới mức bình thường (không bị bệnh mãn tính), không phân biệt trình độ - tầng lớp – lứa tuổi, cả giới tính nam và nữ.

Giới thiệu và phân tích các kỹ thuật của động tác : Hoàn thiện bài Aerobic 2 phút +/- 10 (7 động tác chân cơ bản kết hợp tay)

Giải thích:

Bước chân 1 : Dậm chân tại chỗ

Bước chân 2 : chạy bộ

Bước chân 3 : nâng gối

Bước chân 4 : bật jack

Bước chân 5 : đá cao

Bước chân 6 : đá cách quãng

Bước chân 7 : bật lunch

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	Giới thiệu và phổ biến các đội hình trong Aerobic			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và phổ biến các tháp nâng trong Aerobic			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và phổ biến các liên kết trong Aerobic			
Tuần 4: 1 tiết	Hướng dẫn kỹ thuật chọn tháp cho phù hợp với kết cấu 1 bài biểu diễn Aerobic			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu, phân tích và hướng dẫn sinh viên tự soạn 1 bài Aerobic hoàn chỉnh			
Tổng		5 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Thực hành các đội hình trong Aerobic:	Nắm vững kỹ thuật và thực	Dạy: kỹ thuật cơ bản, đội hình trong Aerobic	

	<ul style="list-style-type: none"> - Các đội hình từ đơn giản đến phức tạp - Thực hành 	hành kỹ thuật động tác	Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác đội hình trong Aerobic	
Tuần 2: 2 tiết	<p>Bài 2: Thực hành các tháp nâng trong Aerobic</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các tháp nâng từ đơn giản đến phức tạp - Thực hành với các nhóm 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản, tháp nâng trong Aerobic</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tháp nâng trong aerobic</p>	
Tuần 3: 2 tiết	<p>Bài 3: Giới thiệu và phổ biến các liên kết trong Aerobic</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các liên kết từ đơn giản đến phức tạp. <ul style="list-style-type: none"> - Liên kết 2 người - Liên kết 3 người - Liên kết 4 người - Liên kết 5 người - Liên kết 6 người - Thực hành các liên kết: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm tự chọn các liên kết kết hợp vào bài 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản, các liên kết trong Aerobic</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác các liên kết trong Aerobic</p>	
Tuần 4: 2 tiết	Ôn Tập			
Tuần 5: 3 tiết	• Kiểm tra: Đội hình, Tháp nâng, Liên kết			
Tuần 6: 2 tiết	<p>Bài 4: Phối hợp trọn bài Aerobic hoàn chỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhạc 2 phút +/- 10 phút - Vũ đạo (Động tác tay và chân) - Liên kết - Đội hình - Tháp nâng 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản, nhạc, vũ đạo, liên kết, đội hình, tháp nâng</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác nhạc vũ đạo, liên kết, đội hình, tháp nâng</p>	
Tuần 7: 3 tiết	<p>Thực hành thể lực và Kỹ thuật</p> <p>1. Thể Lực</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chóng đẩy 15 cái x 3 bộ - Chóng lăn 1 phút x 3 bộ - Nâng cao đùi 30 giây x 3 bộ 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản, thể lực và kỹ thuật</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác thể lực và kỹ thuật</p>	

	2. Kỹ thuật - Ép dẽo ngang - Ép dẽo dọc			
Tuần 8: 3 tiết	Kiểm tra - Kiểm tra thể lực - Đá cao tại chỗ 2 phút - Kiểm tra kỹ thuật - Xoạt ngang Xoạt dọc			
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kỳ			
TỔNG CỘNG:			25 tiết	
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	

Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4		
		Điểm chữ	Điểm số	
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F	0,0

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung		
	Trang Web/CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Soạn 1 bài Aerobic hoàn chỉnh	30	Từ những động tác cơ bản, sinh viên biên soạn và tự tập luyện tại nhà, phòng tập hoặc trường học.
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Nguyễn Thị Kim Tiên, tienntk@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 10 năm 2020

TRƯỜNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Nguyễn Thị Kim Tiên

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA/BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC – Vovinam 1 Tên tiếng Anh: Vovinam 1		
2. Mã học phần	GYM1321		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết			
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu, giải thích các tư thế võ - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng tập võ Vovinam - Thực hiện các kĩ thuật động tác té ngã, tay chân các đoàn thể phòng ngừa chạm chân thương lúc tập luyện - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản	PLO1	3.0
G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập, khả năng tự vệ.	PLO1	3.0
G3	Ngoài kĩ thuật kĩ ra thì sinh viên cần rèn luyện tâm đức và tinh thần	PLO1	4.0
G4	Trong quá trình tập luyện ngoài việc nâng cao sức khỏe còn vận dụng những kỹ thuật tự vệ cơ bản trong đời sống và trong những trường hợp khẩn cấp.	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy	

		(I, T, U)
G1	Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam	I, T, U
G2	Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện	I, T, U
G3	Thể hiện phẩm chất cao đẹp của võ thuật và áp dụng vào thực tế các kỹ thuật động tác đã được học khi đối luyện với nhau	I, T, U
G4	Hoàn thiện kỹ thuật, đòn thế căn bản và nâng cao khi đã học và tập luyện trong suốt chương trình học.	I, T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tập luyện môn học Vovinam 1 Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản. Ngoài ra trong quá trình tập luyện ngoài việc nâng cao sức khỏe còn vận dụng những kỹ thuật tự vệ cơ bản trong đời sống và trong những trường hợp khẩn cấp.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát về môn Vovinam - Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật, đòn, thế cơ bản để sinh viên nắm bắt như đấm, đá, gạt, trở, các kĩ thuật té ngã 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản tiếp theo, chiến lược từ 1 đến 5			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, chiến lược từ 6 đến 10			
Tuần 4: 1 tiết	Hướng dẫn ôn luyện các kỹ thuật cơ bản, kĩ thuật té ngã, chiến lược từ 1 đến 10, các kĩ thuật khóa gỡ, hướng dẫn phản đòn căn bản trình độ 1			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, hướng dẫn bài khởi quyền			

Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, Hướng dẫn bài khởi quyền (nửa bài sau) và bài Thập tự quyền			
	Tổng	6 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	<p>Bài 1: Thực hành các động tác kỹ thuật, đòn, thế cơ bản để sinh viên nắm bắt như đấm, đá, gạt, trỏ, các kĩ thuật té ngã</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn võ Vovinam: - Trình bày sơ lược về môn võ Vovinam đến Sinh Viên - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của Giảng viên. - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản : <p>a. Các thế tấn cǎn bǎn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung bình tấn - Đinh tấn (Đinh tấn trái-phải) - Chảo mã tấn (Chảo mã tấn trái-phải) - Tam giác tấn (Tam giác tấn trái-phải) <p>b. Các đòn đấm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấm thẳng tay phải - Đấm thẳng tay trái - Đấm thấp tay phải - Đấm thấp tay trái <p>c. Các đòn đá</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đá thẳng trái-phải - Đá tạt trái-phải - Đá cạnh trái-phải - Đá đạp trái-phải 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật, đòn, thế cơ bản để sinh viên nắm bắt như đấm, đá, gạt, trỏ, các kĩ thuật té ngã.</p> <p>Học:Làm quen với nội dung bài tập các kĩ thuật và tiến hành thực hành các đòn, thế, kĩ thuật được học</p>	

Tuần 2: 2 tiết	Bài 2: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản: <ol style="list-style-type: none"> Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của Giảng viên Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản tiếp theo, chiến lược từ 1 đến 5: <ol style="list-style-type: none"> Các thế gạt căn bản <ul style="list-style-type: none"> Gạt số 1 (gạt từ dưới lên trên) Gạt số 2 (gạt từ trên xuống) Gạt số 3 Gạt số 4 Các thế trỏ căn bản <ul style="list-style-type: none"> TrỎ số 1 (từ ngoài vào trong) TrỎ số 2 (từ trước ra sau) TrỎ số 3 (từ dưới lên trên) TrỎ số 4 (từ trên xuống dưới) 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: Hướng dẫn kỹ thuật cơ bản các thế gạt, trỎ, chiến lược từ 1 đến 5 Học: Tiếp thu thực hành những kỹ thuật đã được học. Các thế gạt, trỎ, chiến lược từ 1 đến 5	
Tuần 3: 2 tiết	Bài 3: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, chiến lược từ 6 đến 10 <ul style="list-style-type: none"> Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của Giảng viên Ôn lại các động tác kỹ thuật cơ bản, và chiến lược từ 1 đến 5 sau đó học một số kỹ thuật mới <ol style="list-style-type: none"> Kỹ thuật té ngã cơ bản <ul style="list-style-type: none"> Té sấp Té sấp nghiêng Lăn vai trước Lăn vai sau Kỹ thuật khóa gõ <ul style="list-style-type: none"> Bóp cổ sau số 1 Bóp cổ sau số 1 <p>Tập các bài bổ trợ</p>		Dạy: Các kỹ thuật cơ bản, chiến lược từ 6 đến 10 Học: Thực hành kỹ thuật té ngã, kỹ thuật khóa gõ, ôn lại chiến lược từ 1 đến 5	
Tuần 4: 2 tiết	Bài 4: Thực hành ôn luyện các kỹ thuật cơ bản, kỹ thuật té ngã, chiến lược từ 1 đến 10, các kỹ thuật khóa gõ, hướng dẫn phản đòn căn bản trình độ 1: <ol style="list-style-type: none"> Khởi động chung, khởi động 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật	Dạy: Ôn luyện kỹ thuật cơ bản, hướng dẫn phản đòn căn bản trình độ 1 Học: Ôn luyện thực hành các kỹ thuật cơ	

	<p>chuyên môn</p> <p>2. Phản đòn cắn bản trình độ 1</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấm thẳng phải - Đấm thẳng trái - Đấm móc trái - Đấm móc phải <p>3. Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối</p>	động tác	bản té ngã, chiến lược, kĩ thuật khóa gõ, phản đòn cắn bản trình độ 1, tập thể lực	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			
Tuần 6: 2 tiết	<p>Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, hướng dẫn bài khởi quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của giảng viên - Hướng dẫn bài khởi quyền (nửa bài đầu) và phản đòn cắn bản trình độ 1 tiếp theo <ul style="list-style-type: none"> - Đấm thấp phải - Móc 2 tay số 1 - Đá thẳng - Đá tạt - Hướng dẫn bài khởi quyền (nửa bài đầu) <p>3. Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối</p>	Nâng vững kĩ thuật và thực hành kĩ thuật động tác	Ôn tập và chỉnh sửa lại tất cả các kĩ thuật, các đoàn khóa gõ	
Tuần 7: 2 tiết	<p>Bài 6: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, Hướng dẫn bài khởi quyền (nửa bài sau) và bài Thập tự quyền</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, Khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của giảng viên - Chỉnh sửa bài Khởi quyền <p>3. Tập thể lực : Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối</p>	Nâng vững kĩ thuật và thực hành kĩ thuật động tác	Ôn tập và chỉnh sửa lại tất cả các kĩ thuật, các đoàn khóa gõ	
Tuần 8: 3 tiết	<p>Bài 7: Xây dựng bài đa luyện tay không theo nhóm (4 đến 5 người)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Ôn lại tất cả các kĩ thuật <p>Tập thể lực : Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối</p>	- ám vững kĩ thuật và thực hành kĩ thuật động tác	Ôn tập và chỉnh sửa lại tất cả các kĩ thuật, các đoàn khóa gõ	

Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập		Ôn tập và chỉnh sửa lại tất cả các kĩ thuật, các đoàn khóa gõ	
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kì			
TỔNG CỘNG:		24 tiết		
12. Phươ ng pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A.1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A.2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
13. Tài liệu phục vụ học phần	A.3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%
Hệ thống tính điểm UEF				
		Thang điểm hệ 10		Thang điểm hệ 4
				Điểm chữ
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0		A 4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4		B+ 3,5
		từ 7,0 đến 7,7		B 3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9		C+ 2,5
		từ 5,5 đến 6,2		C 2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4		D+ 1,5
		từ 4,0 đến 4,7		D 1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9		F+ 0,5
		từ 0,0 đến 2,9		F 0,0
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Tài liệu/giáo trình chính			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung			
	Trang Web/ CDs tham khảo			
		Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
		Thực hành kỹ thuật cơ bản trong môn Vovinam	30	Từ những động tác cơ bản, sinh viên tự tập luyện như giáo án tại phòng

		tập hoặc trường học
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Nguyễn Thị Kim Hoàng, hoangntk@uef.edu.vn	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 05 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Nguyễn Thị Kim Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA/BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC – Vovinam 2 Tên tiếng Anh: Vovinam 2		
2. Mã học phần	GYM1322		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Vovinam 1		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu, giải thích các tư thế võ, sơ lược về truyền thống của võ vovinam - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng tập võ Vovinam - Thực hiện các kĩ thuật động tác té ngã, tay chân các đoàn thể phòng ngừa chạm chấn thương lúc tập luyện - Bảo vệ được bản thân và nhữn người xung quanh - Đàm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Học sinh cần tập luyện nghiêm túc và thực hiện đúng kĩ thuật giáo viên đề ra	PLO1	3.0
G2	Sinh viên cần nắm bắt những phương pháp luyện tập về thủ pháp, thân pháp, bộ pháp.	PLO1	3.0
G3	Sinh viên có thể tự mình rèn luyện các thế phản đoàn cẩn bản	PLO1	4.0
G4	Ngoài ra học sinh cần hiểu rõ về khí công, theo định luật cương nhu phối triển nhằm giúp thân thể khỏe mạnh cường tráng, sức lực dẻo dai bền bỉ, đẩy lui bệnh tật và sống lâu	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1	Tinh thần tập luyện theo phương pháp tự giác sẽ giúp các môn sinh dần dần phát triển các đức tin can đảm và tự tin	I, T, U
G2	Thái độ, ý thức, kỷ luật tự giác và sự tôn trọng để từng bước một tiến đến tinh thần tự chủ.	I, T, U
G3	Thể hiện hiện độc lập, đoàn kết, giúp đỡ cùng nhau hoàn thiện tốt kĩ thuật đối luyện	I, T, U
G4	Hoàn thiện kỹ thuật, đòn thế căn bản và nâng cao khi đã học và tập luyện trong suốt chương trình học.	I, T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tập luyện môn học Vovinam giúp Sinh viên có thể tự mình rèn luyện các thế phản đòn căn bản, bên cạnh đó kiên trì luyện tập và tu dưỡng nâng cao tâm hồn lên cao theo thiện tính. Từ đó có thể tạo sự quân bình giữa tâm và vật, giữa trí và tuệ .

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát về môn Vovinam - Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Giới thiệu và hướng dẫn các chiến lược 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật tay, chân cơ bản			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật tay, chân cơ bản, chiến lược			
Tuần 6: 1 tiết	Hướng dẫn ôn luyện các kỹ thuật cơ bản, chiến lược			
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật chân cơ bản			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật khóa gõ cơ bản			

Tổng		6 tiết		
THỰC HÀNH				
Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, chiến lược <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của Giảng viên. - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản : - Ôn tập kỹ thuật căn bản trước đã học - Giới thiệu và phân tích ý nghĩa của chiến lược - Thể lực: Hít đất, cơ bụng (Nam 20, Nữ 15). 	Năm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật, đòn, thế cơ bản để sinh viên nắm bắt như đấm, đá, gạt, trả, các kĩ thuật té ngã. Học: Làm quen với nội dung bài tập các kĩ thuật và tiến hành thực hành các đòn, thế, kĩ thuật được học	
Tuần 2: 2 tiết	Bài 2: Thực hành các động tác kỹ thuật tay, chân cơ bản: <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của Giảng viên - Ôn lại các kĩ thuật tấn pháp các thế gạt chỏ đã học, giới thiệu và hướng dẫn thực hành các kĩ thuật mới, các thế khóa gõ, phản đòn căn bản - Ôn lại các kỹ thuật cũ đã học. - Dạy những kỹ thuật tay, chân mới <ul style="list-style-type: none"> • Đấm thẳng tay phải • Đấm thẳng tay trái • Đá tật • Dạy chiến lược từ 6 đến 10 - Thể lực : Hít đất, cơ bụng (Nam 20, Nữ 15). 	Năm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: Hướng dẫn kỹ thuật tay, chân cơ bản Học: Tiếp thu thực hành những kỹ thuật đã được học.	
Tuần 3: 2 tiết	Bài 3: Thực hành các động tác kỹ thuật tay, chân cơ bản, chiến lược <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên - Chỉnh sửa kỹ thuật tay chân và các chiến lược - Bắt cắp di chuyển né tránh 	đ	Dạy: Các kỹ thuật tay, chân cơ bản, chiến lược Học: Thực hành kỹ thuật tay chân cơ bản, chiến lược đã học, rèn luyện thể	

	<ul style="list-style-type: none"> - nhau, đổi luyện tay - Thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20, Nữ 15) 		lực.	
Tuần 4: 3 tiết	Bài 4: Thực hành kỹ thuật chân cơ bản, chiến lược <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Gia đấu và di chuyển các bước chân - Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20, Nữ 15) - Hoàn thiện các kỹ thuật đã học 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: Kỹ thuật tay, chân cơ bản, chiến lược Học: Ôn luyện thực hành các kỹ thuật cơ bản chiến lược và rèn luyện thể lực.	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			
Tuần 6: 2 tiết	Bài 5: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, chiến lược <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của giảng viên - Học các thế phá gõ, nhào lộn mới - Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20, Nữ 15) - Hoàn thiện chiến lược số 5 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác		
Tuần 7: 2 tiết	Bài 6: Thực hành các động tác kỹ thuật chân cơ bản <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, Khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của giảng viên - Kỹ thuật chân căn bản - Chuyền chân lướt tạt chân trước - Tập thể lực : Hít đất, cơ bụng (Nam 20 cái, Nữ 15 cái) - Hoàn thiện kỹ thuật tay chân căn bản 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: Hướng dẫn các động tác kỹ thuật chân Học: Học và thực hành các kỹ thuật chân, rèn luyện thể lực	
Tuần 8: 2 tiết	Bài 7: Thực hành kỹ thuật khóa gõ cơ bản <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Khóa gõ căn bản <ul style="list-style-type: none"> • Nắm tóc trước số 1 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật	Dạy: giới thiệu và hướng dẫn các thế khóa gõ Học: Học và thực hành các động tác khóa gõ căn bản, rèn	

	<ul style="list-style-type: none"> • Nắm tóc sau số 1 • Nắm tóc trước số 2 • Nắm tóc sau số 2 - Tập thể lực : Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20 cái, Nữ 15 cái) - Hoàn thiện kỹ thuật khóa gỡ 	động tác	luyện thể lực	
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kì			
TỔNG CỘNG:		24 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
Hệ thống tính điểm UEF	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%
Phân loại		Thang điểm hệ 10		Thang điểm hệ 4
				Điểm chữ
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F	0,0
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung			

	Trang Web/ CDs tham khảo			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Thực hành kỹ thuật cơ bản và chiến lược trong môn Vovinam	30	Học sinh cần tập luyện nghiêm túc và thực hiện đúng kỹ thuật giáo viên đề ra	

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Bích Ly

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Kim Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC – Vovinam 3 Tên tiếng Anh: Vovinam 3		
2. Mã học phần	GYM1323		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Vovinam 2		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu, giải thích các tư thế võ - Vovinam cần có thời gian luyện tập và tu dưỡng nhất định - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng tập võ Vovinam - Thực hiện các kĩ thuật động tác té ngã, tay chân các đoàn thể phòng ngừa chậm ch้าน thương lúc tập luyện - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản	PLO1	3.0
G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập, khả năng tự vệ.	PLO1	3.0
G3	Bản thân mỗi sinh viên có thể tự mình rèn luyện, ôn tập để hoàn thiện hơn nội dung bài học cũng như kỹ năng đã được học.	PLO1	4.0
G4	Giúp sinh viên biết và hiểu thêm về môn võ Vovinam, trong quá trình tập luyện ngoài việc nâng cao sức khỏe còn vận dụng những kỹ thuật tự vệ cơ bản trong đời sống và trong những trường hợp khẩn cấp.	PLO1	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)
G1	Cần thực hiện các kỹ thuật di chuyển chân tay nhịp nhàng, khéo léo	I, T, U
G2	Thái độ tập luyện nghiêm túc tránh các va chạm chấn thương	I, T, U
G3	Học sinh phải tự luyện hoặc tập lại từ các bạn sinh viên khác để có tiến bộ hơn	I, T, U
G4	Hoàn thiện kỹ thuật, đòn thế căn bản và nâng cao khi đã học và tập luyện trong suốt chương trình học.	I, T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tập luyện môn học Vovinam giúp Sinh viên rèn luyện tâm đức và tinh thần, hoàn thiện kỹ thuật, đòn thế căn bản và nâng cao khi đã học và tập luyện trong suốt chương trình học, ngoài ra việc phát triển Vovinam đã đẩy mạnh phán trí con người lên đỉnh cao thăng bằng, đầy những căn bệnh của thời đại như: đau tim, cao áp huyết, và hội chứng stress.

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	- Giới thiệu tổng quát về môn Vovinam - Giới thiệu kỹ thuật phòng vệ			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật khóa gõ			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, chiến lược số 6			
Tuần 4: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, chiến lược số 7			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật chân cơ bản, chiến lược số 9			
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật khóa gõ cơ bản, hướng dẫn bài khởi quyền (nửa bài đầu), chiến lược số 10			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn bài Khởi quyền (nửa bài sau)			
Tổng		7 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá

Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Ôn luyện tất cả các kỹ thuật cơ bản đã học. <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn võ Vovinam: - Trình bày sơ lược về môn võ Vovinam đến Sinh Viên - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Khởi động chung, khởi động chuyên môn theo hướng dẫn của Giảng viên. - Chỉnh sửa kĩ thuật - Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20 cái, Nữ 15 cái) 	Nâng vững kĩ thuật và thực hành kĩ thuật động tác	Dạy: Ôn lại tất cả các kĩ thuật cơ bản đã học trước đó. Học: Ôn luyện các kĩ thuật đã học, rèn luyện thể lực	
Tuần 2: 2 tiết	Bài 2: Thực hành các động tác kĩ thuật Khóa gõ: <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên 2. Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kĩ thuật khóa gõ, chiến lược số 5 <ul style="list-style-type: none"> a. Kỹ thuật khóa gõ <ul style="list-style-type: none"> • Nâng ngực áo số 1 • Nâng ngực áo số 2 • Bóp cổ sau số 1 • Dạy chiến lược số 11 đến 15 b. Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20 cái, Nữ 15 cái) 	Nâng vững kĩ thuật và thực hành kĩ thuật động tác	Dạy: Hướng dẫn kĩ thuật khóa gõ, chiến lược số 11 đến 15 Học: Tiếp thu thực hành những kĩ thuật khóa gõ và chiến lược	
Tuần 3: 2 tiết	Bài 3: Thực hành các động tác kĩ thuật cơ bản, chiến lược số 6 <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác di chuyển tay chân phối hợp <ul style="list-style-type: none"> a. Đáu tập b. Tập thể lực: Hít đất, nhảy rút gối (Nam 20 cái, Nữ 15 cái) 	đ	Dạy: Các kĩ thuật khóa cơ bản, chiến lược Học: Thực hành kĩ thuật khóa gõ, chiến lược số 11 đến 16, rèn luyện thể lực	

Tuần 4: 3 tiết	Bài 4: Ôn tập các kỹ thuật khóa gõ đã học, giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật khóa gõ tiếp theo, chiến lược số 7. 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Dạy nữa bài Thập tự quyền 3. Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20 cái, Nữ 15 cái)	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: Ôn luyện kỹ thuật cơ bản, giới thiệu và hướng dẫn các kỹ thuật khóa gõ tiếp theo và chiến lược	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			
Tuần 6: 2 tiết	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật khóa gõ cơ bản, chiến lược số 9 - Khởi động chung, khởi động chuyên - Ôn lại các chiến lược và bài thập tự quyền - Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20 cái, Nữ 15 cái)	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác		
Tuần 7: 2 tiết	Bài 6: Ôn luyện động tác kỹ thuật khóa gõ cơ bản đã học, Hướng dẫn bài khởi quyền (nửa bài đầu), chiến lược số 10 - Khởi động chung, Khởi động chuyên môn - Chỉnh sửa và ôn lại bài Thập tự quyền (nửa bài đầu) - Giới thiệu và hướng dẫn bài Thập tự quyền (nửa bài cuối) - Tập thể lực: Hít đất, cơ bụng (Nam 20 cái, Nữ 15 cái)	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: Hướng dẫn nữa bài đầu Thập tự quyền Học: Tiếp thu và thực hành theo những gì đã được học (quyền, chiến lược), rèn luyện thể lực.	
Tuần 8: 2 tiết	Bài 7: Giới thiệu và hướng dẫn bài Khởi quyền (nửa bài sau) - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Hướng dẫn bài Thập tự quyền (nửa bài sau) - Tập thể lực : Hít đất, cơ bụng, nhảy rút gối (Nam 20 cái, Nữ 15 cái)	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy:Hướng dẫn bài Thập tự quyền (nửa bài sau) Học: Hoàn thiện bài Thập tự quyền, rèn luyện thể lực.	
Tuần 9:	Ôn tập			

3 tiết				
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kì			
TỔNG CỘNG:		23 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%

Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F	0,0

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính	
	Tài liệu tham khảo/bổ sung	

	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung Thực hành kỹ thuật cơ bản và bài khởi quyền trong môn Vovinam	Số tiết 30	Nhiệm vụ của sinh viên Sinh viên tự tập luyện như giáo án tại phòng tập hoặc trường học theo phân công của Giảng viên
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Nguyễn Thị Kim Hoàng hoangntk@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ThS. Lê Dũng

TRƯỞNG BỘ MÔN

Nguyễn Thị Bích Ly

NGƯỜI BIÊN SOẠN

Nguyễn Thị Kim Hoàng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC – Boxing 1 Tên tiếng Anh: Boxing 1																	
2. Mã học phần	GYM1331																	
3. Trình độ đào tạo	Đại học																	
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC																	
5. Học phần tiên quyết																		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Boxing - Thực hành các bài tập thể lực - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) + TLM7 - Thực tập, thực tế 																	
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo																	
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CĐR của CTĐT (X.x.x)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td><td>Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Boxing</td><td>PLO1</td><td>3.0</td></tr> <tr> <td>G2</td><td>Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập</td><td>PLO1</td><td>3.0</td></tr> </tbody> </table>			Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL	G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Boxing	PLO1	3.0	G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập	PLO1	3.0			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL															
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản của môn Boxing	PLO1	3.0															
G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập	PLO1	3.0															
9. Chuẩn đầu ra của học phần	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>CĐR (G.x.x)</th> <th>Mô tả chuẩn đầu ra</th> <th>Mức độ giảng dạy (I, T, U)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td><td>Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản</td><td>I, T, U</td></tr> <tr> <td>G2</td><td>Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện</td><td>I, T, U</td></tr> <tr> <td>G3</td><td>Áp dụng vào thực tế các kỹ thuật động tác</td><td>I, T, U</td></tr> <tr> <td>G4</td><td>Hoàn thiện kỹ thuật động tác</td><td>I, T, U</td></tr> </tbody> </table>			CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	G1	Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản	I, T, U	G2	Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện	I, T, U	G3	Áp dụng vào thực tế các kỹ thuật động tác	I, T, U	G4	Hoàn thiện kỹ thuật động tác	I, T, U
CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)																
G1	Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản	I, T, U																
G2	Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện	I, T, U																
G3	Áp dụng vào thực tế các kỹ thuật động tác	I, T, U																
G4	Hoàn thiện kỹ thuật động tác	I, T, U																
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần	<p>Chương trình tập luyện môn học Boxing 1 với mục đích đơn giản và đem lại hiệu quả cao mà không cần đòi hỏi người tập luyện phải có năng khiếu hay trình độ nào, chỉ cần có sức khỏe bình thường thậm chí sức khỏe dưới mức bình thường (không bị bệnh mãn tính); không phân biệt trình độ - tầng</p>																	

lớp – lứa tuổi ; giới tính nam và nữ.

Giới thiệu và phân tích kĩ thuật của các đòn đấm, di chuyển, lách né đỡ đòn (long bàn tay, cẳng tay, vai và hai cẳng tay)

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	Giới thiệu tổng quát môn Boxing Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn né đỡ hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu hướng dẫn về bộ thủ Boxing			
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn: đấm thẳng tay trái đỡ tay trái đấm tay phải, Đấm thẳng phải đỡ phải đánh thẳng trái			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn: Đấm thẳng trái,phải đỡ tay trái,phải. Đấm phản trái,phải. Đấm thẳng phải né phải phản đòn trái,phải			
Tổng		6 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Thực hành các động tác kỹ thuật của môn Boxing - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Thực hành : • Bộ thủ Boxing • Các bước di chuyển	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản môn Boxing Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật bộ thủ Boxing và các bước di chuyển	

	<ul style="list-style-type: none"> • Các bước di chuyển • Các bài tập thể lực 	động tác		
Tuần 2: 2 tiết	<p>Bài 2: Thực hành hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành hai đòn đấm thẳng: <ul style="list-style-type: none"> - Đòn đấm thẳng tay trái - Đòn đấm thẳng tay phải - Phối hợp di chuyển - Bài tập thể lực 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản Học: thực hành hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển	
Tuần 3: 2 tiết	<p>Bài 3: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành né đỡ hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành né đỡ hai đòn đấm thẳng: <ul style="list-style-type: none"> - Né đỡ đòn đấm thẳng tay trái - Né đỡ đòn đấm thẳng tay phải - Phối hợp di chuyển - Bài tập thể lực 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản Học: thực hành né đỡ hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển	
Tuần 4: 3 tiết	<p>Bài 4: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đòn đấm thẳng tay trái - Đòn đấm thẳng tay phải - Né đỡ đòn đấm thẳng tay trái - Né đỡ đòn đấm thẳng tay phải - Phối hợp di chuyển 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật Học: thực hành	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			
Tuần 6: 2 tiết	<p>Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ thủ Boxing - Đòn đấm thẳng tay trái - Đòn đấm thẳng tay phải - Né đỡ đòn đấm thẳng tay 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật	Dạy và học: thực hành các kỹ thuật đã nêu trên	

	<ul style="list-style-type: none"> - trái - Né đỡ đòn đấm thẳng tay phải - Phối hợp di chuyển <p>Bài tập thể lực</p>	động tác		
Tuần 7: 2 tiết	<p>Bài 6: Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấm thẳng tay trái đỡ tay trái đấm tay phải - Đấm thẳng phải đỡ phải đánh thẳng trái - Phối hợp di chuyển <p>Bài tập thể lực</p>	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật Học:	
Tuần 8: 2 tiết	<p>Bài 7: Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấm thẳng trái, phải đỡ tay trái, phải .Đấm phản trái, phải - Đấm thẳng phải né phải phản đòn trái, phải - Phối hợp di chuyển <p>Bài tập thể lực</p>	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật Học: thực hành nguyên	
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kì			
TỔNG CỘNG:		24 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%

Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại		Thang điểm hệ 10		Thang điểm hệ 4	
		Điểm chữ	Điểm số	Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0		A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4		B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7		B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9		C+	2,5

		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F	0,0

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính		
	Tài liệu tham khảo/bổ sung		
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Thực hành kỹ thuật cơ bản trong môn Boxing	30	Tù những động tác cơ bản, sinh viên tự tập luyện như giáo án tại phòng tập hoặc trường học
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Huỳnh Văn Ron, ronhv@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Huỳnh Văn Ron

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC – Boxing 2 Tên tiếng Anh: Boxing 2		
2. Mã học phần	GYM1332		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Boxing 1		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Boxing - Thực hành các bài tập thể lực - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật đòn đấm vòng và di chuyển khi đấm	PLO1	4.0
G2	Giúp sinh viên tăng sức chịu đựng và linh hoạt trong học tập	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
G1	Phát triển sức mạnh đòn đấm	I, T, U	
G2	Linh hoạt dẻo dai khả năng thích ứng	I, T, U	
G3	Mạnh mẽ và gang dạ hơn	I, T, U	
G4	Phối hợp và hoàn thiện hơn	I, T, U	
10	Mô tả tóm tắt nội dung học phần		

Chương trình tập luyện môn học Boxing 2 giúp Sinh viên phát huy tối đa phát triển các tố chất sức nhanh – bền – khéo léo, linh hoạt hơn trong việc xử lý các tình huống bất ngờ xảy ra trong cuộc sống hàng ngày, tăng cường khả năng tự vệ

Giới thiệu và phân tích kĩ thuật của đòn đấm vòng, di chuyển, lách né đỡ đòn (đảo thân, di chuyển lùi, cẳng tay, vai và hai cẳng tay)

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn Boxing - Trình bày mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận: Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành đấm hai đòn vòng tay trái, phải 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn hành né đỡ hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu hướng dẫn về đánh đòn vòng đỡ đấm đòn thẳng, đánh đòn vòng né đấm thẳng và đòn vòng			
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn: đánh đòn vòng đỡ đấm đòn thẳng, đánh đòn vòng né đấm thẳng và đòn vòng			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn: đánh đòn vòng đỡ đấm đòn vòng, đánh đòn thẳng né đánh đòn vòng			
Tổng		6 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật của môn Boxing <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động 	Năm vững kỹ thuật đòn đấm	Dạy: kỹ thuật cơ bản môn Boxing Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật	

	chuyên môn <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật của môn Boxing và các động tác cơ bản: <ul style="list-style-type: none"> • Đấm hai đòn vòng tay trái, phải • Các bước di chuyển • Các bài tập thể lực 	vòng tay trái phải	đòn vòng tay trái và tay phải	
Tuần 2: 2 tiết	Bài 2: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Giới thiệu và hướng dẫn thực hành né hai đòn vòng tay trái và tay phải: <ul style="list-style-type: none"> - Né đòn vòng tay trái - Né đòn vòng tay phải 3. Phối hợp di chuyển 4. Bài tập thể lực 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản Học: thực hành né hai đòn vòng tay trái và tay phải	
Tuần 3: 2 tiết	Bài 3: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành né đỡ hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển <ol style="list-style-type: none"> 5. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 6. Giới thiệu và hướng dẫn thực hành né đỡ hai đòn đấm vòng: <ul style="list-style-type: none"> - Né đỡ đòn đấm vòng tay trái - Né đỡ đòn đấm vòng tay phải 7. Phối hợp di chuyển 8. Bài tập thể lực 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản Học: thực hành né đỡ hai đòn đấm vòng và phối hợp di chuyển	
Tuần 4: 3 tiết	Bài 4: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> - Né đỡ đòn đấm vòng tay trái - Né đỡ đòn đấm vòng tay phải - Né đòn vòng tay trái - Né đòn vòng tay phải 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật Học: thực hành	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			

Tuần 6: 2 tiết	Bài 5: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành <ul style="list-style-type: none">- Bộ thủ Boxing- Đòn đấm vòng tay trái- Đòn đấm vòng tay phải- Né đỡ đòn đấm vòng tay trái- Né đỡ đòn đấm vòng tay phải- Phối hợp di chuyển Bài tập thể lực	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy và học: thực hành các kỹ thuật đã nêu trên	
Tuần 7: 2 tiết	Bài 6: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành <ul style="list-style-type: none">- Đánh đòn vòng đỡ đấm đòn thẳng- Đánh đòn vòng né đấm thẳng và đòn vòng- Phối hợp di chuyển Bài tập thể lực	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật Học:	
Tuần 8: 2 tiết	Bài 7: Giới thiệu và hướng dẫn thực hành <ul style="list-style-type: none">- Đánh đòn vòng đỡ đấm đòn vòng- Đánh đòn thẳng né đánh đòn vòng- Phối hợp di chuyển Bài tập thể lực	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	- Dạy: kỹ thuật - Học: thực hành nguyên	-
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kì			
TỔNG CỘNG:		24 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%

	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%
--	----------------------------	-------------------	---	-----

Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại	Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
		Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A 4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+ 3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B 3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C+ 2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C 2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+ 1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D 1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9	F+ 0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F 0,0

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung			
	Trang Web/ CDs tham khảo			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Thực hành kỹ thuật cơ bản trong môn Boxing		30	Từ những động tác cơ bản, sinh viên tự tập luyện như giáo án tại phòng tập hoặc trường học
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Huỳnh Văn Ron, ronhv@uef.edu.vn			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 6 năm 2020

TRƯỜNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

TS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Huỳnh Văn Ron

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHOA/BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC – Boxing 3 Tên tiếng Anh: Boxing 3		
2. Mã học phần	GYM1333		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Boxing 2		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Boxing - Thực hành các bài tập thể lực - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể (Explicit Teaching) + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật của đòn đấm móc môn Boxing	PLO1	4.0
G2	Đồng thời thông qua quá trình tập luyện sẽ giúp cho sinh viên hiểu sâu hơn về đòn móc và ứng dụng tốt hơn	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
G1	Nắm vững được kĩ thuật đòn đấm móc	I, T, U	
G2	Phối hợp các đòn đấm với nhau	I, T, U	
G3	Phát huy tối đa sức mạnh đòn đấm	I, T, U	
G4	Linh hoạt tăng cường sức chịu đựng	I, T, U	

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Chương trình tập luyện môn học Boxing giúp các bạn Sinh viên nắm vững hơn các kỹ thuật đòn múa múa và phát huy tối đa sức mạnh các đòn đấm, đồng thời nâng cao tố chất thể lực.

Giới thiệu và phân tích kỹ thuật của đòn đấm móc, di chuyển, lách né đỡ đòn, phòng thủ (lòng bàn tay, cẳng tay, vai và hai cẳng tay)

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn Boxing - Trình bày mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Giới thiệu và hướng dẫn: đấm đòn móc tay trái đấm đòn móc tay phải 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn thực hành hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn hành né đỡ hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu hướng dẫn về kỹ thuật né đỡ các đòn đấm			
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn về kỹ thuật các đòn đấm móc và né đỡ các đòn đấm móc			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các kỹ thuật phòng vệ			
Tổng		6 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Thực hành các động tác kỹ thuật của môn Boxing <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Giới thiệu và hướng dẫn thực 	Năm vững kỹ thuật và thực hành kỹ	Dạy: kỹ thuật cơ bản môn Boxing Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật đánh đòn móc tay	

	<p>hành các động tác kỹ thuật của môn Boxing và các động tác cơ bản:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Đấm đòn móc tay trái • Đấm đòn móc tay phải • Các bài tập thể lực 	thuật động tác	trái, phải và các bước di chuyển	
Tuần 2: 2 tiết	<p>Bài 2: Thực hành hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Giới thiệu và hướng dẫn thực hành hai đòn đấm móc: <ul style="list-style-type: none"> - Đòn đấm móc tay trái - Đòn đấm móc tay phải - Phối hợp di chuyển - Bài tập thể lực 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản Học: thực hành hai đòn đấm móc và phối hợp di chuyển	
Tuần 3: 2 tiết	<p>Bài 3: Thực hành né đỡ hai đòn đấm thẳng và phối hợp di chuyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành né đỡ hai đòn đấm móc: <ul style="list-style-type: none"> • Né đỡ đòn đấm móc tay trái • Né đỡ đòn đấm móc tay phải - Phối hợp di chuyển - Bài tập thể lực 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản Học: thực hành né đỡ hai đòn đấm móc và phối hợp di chuyển	
Tuần 4: 3 tiết	<p>Bài 4: Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đòn đấm móc tay trái - Đòn đấm móc tay phải - Né đỡ đòn đấm móc tay trái - Né đỡ đòn đấm móc tay phải - Phối hợp di chuyển 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật Học: thực hành	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			
Tuần 6: 2 tiết	<p>Bài 5: Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ thủ Boxing - Đấm móc tay trái - Đòn đấm móc tay phải - Né đỡ đòn đấm móc tay trái - Né đỡ đòn đấm móc tay phải - Phối hợp di chuyển <p>Bài tập thể lực</p>	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy và học: thực hành các kỹ thuật đã nêu trên	
Tuần 7: 2 tiết	<p>Bài 6: Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấm thẳng tay trái đỡ tay trái 	Nâng vững kỹ	Dạy và học: thực hành	

	<p>đấm tay phải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấm thẳng phải đỡ phải đánh thẳng trái - Phối hợp di chuyển <p>Bài tập thể lực</p>	thuật và thực hành kỹ thuật động tác	các kỹ thuật đã nêu trên	
Tuần 8: 2 tiết	<p>Bài 7: Thực hành</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đấm móc trái, phải đỡ tay trái, phải. Đấm đòn vòng trái, phải - Đấm móc phải né phải chịu phản đòn vòng, móc trái, phải - Phối hợp di chuyển <p>Bài tập thể lực</p>	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy và học: thực hành các kỹ thuật đã nêu trên	
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kỳ			
TỔNG CỘNG:		24 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%
Hệ thống tính điểm UEF				
Phân loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
		từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
	Trung bình	từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
Không đạt		từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
Trung bình yếu	từ 4,0 đến 4,7	D	1,0	
	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5	
Kém	từ 0,0 đến 2,9	F	0,0	
13. Tài liệu phục vụ	Tài liệu/giáo trình chính			

học phần	Tài liệu tham khảo/bổ sung		
	Trang Web/ CDs tham khảo		
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung Thực hành kỹ thuật cơ bản trong môn Boxing	Số tiết 30	Nhiệm vụ của sinh viên Từ những động tác cơ bản, sinh viên tự tập luyện như giáo án tại phòng tập hoặc trường học
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Huỳnh Văn Ron, ronhv@uef.edu.vn		

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Huỳnh Văn Ron

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
 BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1 Tên tiếng Anh: GYM 1																				
2. Mã học phần	GYM1341																				
3. Trình độ đào tạo	Đại học																				
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC																				
5. Học phần tiên quyết																					
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Gym - Thực hành các bài tập thể lực, kết hợp một số trò chơi vận động liên quan đến nội dung giáo án - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra tương ứng với các phương pháp giảng dạy: <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể + TLM7 - Thực tập, thực tế 																				
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo																				
8. Mục tiêu của học phần:	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>Mục tiêu (Gx)</th> <th>Mô tả mục tiêu</th> <th>CĐR của CTĐT (X.x.x)</th> <th>TĐNL</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td><td>Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản</td><td>PLO1</td><td>3.0</td></tr> <tr> <td>G2</td><td>Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập</td><td>PLO1</td><td>3.0</td></tr> <tr> <td>G3</td><td>Tự rèn luyện cho bản thân từ bước đầu làm quen dần dần,</td><td>PLO1</td><td>4.0</td></tr> <tr> <td>G4</td><td>Hưng phấn và ham thích môn thể thao đã chọn trong suốt thời gian học tập của bản thân mỗi sinh viên hôm nay và sau này</td><td>PLO1</td><td>4.0</td></tr> </tbody> </table>	Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL	G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản	PLO1	3.0	G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập	PLO1	3.0	G3	Tự rèn luyện cho bản thân từ bước đầu làm quen dần dần,	PLO1	4.0	G4	Hưng phấn và ham thích môn thể thao đã chọn trong suốt thời gian học tập của bản thân mỗi sinh viên hôm nay và sau này	PLO1	4.0
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL																		
G1	Thông qua chương trình học và tập luyện sẽ giúp cho các bạn sinh viên nắm được phương pháp và các động tác kỹ thuật cơ bản	PLO1	3.0																		
G2	Đồng thời thông qua quá trình học sẽ giúp cho sinh viên tính độc lập	PLO1	3.0																		
G3	Tự rèn luyện cho bản thân từ bước đầu làm quen dần dần,	PLO1	4.0																		
G4	Hưng phấn và ham thích môn thể thao đã chọn trong suốt thời gian học tập của bản thân mỗi sinh viên hôm nay và sau này	PLO1	4.0																		
9. Chuẩn đầu ra của học phần	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th>CĐR (G.x.x)</th> <th>Mô tả chuẩn đầu ra</th> <th>Mức độ giảng dạy (I, T, U)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>G1</td><td>Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản</td><td>I, T, U</td></tr> <tr> <td>G2</td><td>Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện</td><td>I, T, U</td></tr> </tbody> </table>	CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	G1	Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản	I, T, U	G2	Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện	I, T, U											
CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)																			
G1	Nắm vững được các kiến thức và kỹ thuật cơ bản	I, T, U																			
G2	Thái độ, ý thức, tính tự giác trong quá trình học tập và rèn luyện	I, T, U																			

G3	Áp dụng vào thực tế các kỹ thuật động tác	I, T, U
G4	Hoàn thiện kỹ thuật động tác	I, T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Giới thiệu tổng quát môn học Thể hình & Fitness

Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học

Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn

Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên

Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành

Chương trình tập luyện Thể hình – Thẩm mỹ đơn giản và đem lại hiệu quả cao mà không cần đòi hỏi người tập luyện phải có năng khiếu hay trình độ nào , chỉ cần có sức khỏe bình thường thậm chí sức khỏe dưới mức bình thường (không bị bệnh mãn tính); không phân biệt trình độ - tầng lớp – lứa tuổi ; giới tính nam và nữ.

Giới thiệu và phân tích kỹ thuật của các nhóm cơ : ngực - tay - vai - đùi - bụng - lưng

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn học Thể hình & Fitness - Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ Bụng			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Đùi			
Tuần 4: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Đùi – Ngực – Vai – Bụng			

Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng			
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Lung, cơ tay trước			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ tay sau			
Tổng		7 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	<p>Bài 1: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ : <ul style="list-style-type: none"> a. Cơ ngực trên – ghế ngang <ul style="list-style-type: none"> • Cơ ngực nằm trên ghế ngang (tạ đòn) • Cơ ngực nằm trên ghế ngang (tạ tay) • Cơ ngực nằm trên ghế ngang (tạ tay mở rộng) b. Cơ bụng <ul style="list-style-type: none"> • Cơ bụng dưới (ngồi rút gối) • Cơ bụng dưới (nằm nâng chân một góc 90o) 	Năm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng</p>	
Tuần 2: 2 tiết	<p>Bài 2: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ Bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, 	Năm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ Bụng</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm</p>	

	<p>tác động có chủ đích lên nhóm cơ :</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Cơ vai <ul style="list-style-type: none"> • Đẩy cơ vai trước (tạ tay) • Đẩy cơ vai trước (tạ đòn) • Đẩy cơ vai giữa (tạ tay) • Đẩy cơ vai sau (tạ đòn) b. Cơ bụng <ul style="list-style-type: none"> • Cơ bụng trên nằm gập $\frac{1}{2}$ thân người trên ghế ngang • Cơ bụng dưới nằm gập hết thân người trên ghế ngang 		<p>cơ Vai, cơ bụng</p>	
Tuần 3: 2 tiết	<p>Bài 3: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Đùi</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Giới thiệu và hướng dẫn thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi : <ul style="list-style-type: none"> • Cơ đùi trước : ngồi xổm 90 độ (Squat) - không có tạ) • Cơ đùi trước: ngồi xổm 90 độ (Squat) - tạ Ante • Cơ đùi trước: ngồi xổm 90 độ (Squat) - tạ đòn • Cơ đùi sau - mông : đứng bước (hay còn gọi là bước cắt kéo) - không có tạ • Cơ đùi sau – mông : đứng bước (hay còn gọi là bước cắt kéo) - tạ Ante • Cơ đùi sau – mông : đứng bước (hay còn gọi là bước cắt kéo) - tạ đòn 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ Đùi</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Đùi</p>	
Tuần 4: 2 tiết	<p>Bài 4: Thực hành kỹ thuật động tác: cơ ngực – cơ vai – cơ vai – cơ đùi – cơ bụng</p>	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	<p>Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ ngực – cơ vai – cơ vai – cơ đùi – cơ bụng</p> <p>Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có</p>	

			chủ đích lên nhóm cơ ngực – cơ vai – cơ vai – cơ đùi – cơ bụng	
Tuần 5: 3 tiết	Kiểm tra giữa kì			
Tuần 6: 2 tiết	<p>Bài 5: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Cơ ngực trên – ghế ngang <ul style="list-style-type: none"> • Cơ ngực nằm trên ghế ngang (tạ đòn) • Cơ ngực nằm trên ghế ngang (tạ tay) • Cơ ngực nằm trên ghế ngang (tạ tay mở rộng) 3. Cơ chéo bụng <ul style="list-style-type: none"> • Nghiêng eo với tạ tay (2 tay) • Nghiêng eo với tạ đòn 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng	
Tuần 7: 2 tiết	<p>Bài 6: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Lưng, cơ Tay trước</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Cơ lưng: <ul style="list-style-type: none"> • Cơ lưng rộng – khụy gối với tạ đòn • Cơ lưng rộng – khụy gối với tạ đòn • Cơ lưng dưới (đòn tạ đặt trước đùi) • Cơ lưng dưới (tạ tay đặt trước đùi) • Cơ lưng dưới (đòn tạ đặt trên vai) 3. Cơ Tay trước: <ul style="list-style-type: none"> • Cơ tay trước (tạ đòn) • Cơ tay trước (2 tạ tay – 2 tay cùng một lúc) • Cơ tay trước có điểm tựa ở đùi: tạ tay 	Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ Lưng, cơ Tay trước Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Lưng, cơ Tay trước	
Tuần 8:	Bài 7: Thực hành các động tác kỹ	Nắm	Dạy: kỹ thuật cơ bản	

2 tiết	thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ Tay sau, cơ Bụng <ol style="list-style-type: none"> 1. Khởi động chung, khởi động chuyên môn 2. Cơ Vai <ul style="list-style-type: none"> • Nâng cơ vai trước (tạ tay) • Nâng cơ vai trước (tạ đòn) • Nâng cơ vai giữa tạ tay 3. Cơ Tay sau <ul style="list-style-type: none"> • Cơ Tay sau (tạ đòn) • Cơ Tay sau (tạ tay – 2 tay cùng một lúc) • Cơ Tay sau – tùng tay (tạ tay) • Cơ Tay sau trên ghế 4. Cơ bụng <ul style="list-style-type: none"> • Cơ bụng trên nằm gấp $\frac{1}{2}$ thân người trên ghế dốc • Cơ bụng dưới nằm gấp hết thân người trên ghế dốc 	vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác	tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ Tay sau, cơ Bụng Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ Tay sau, cơ Bụng	
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	Thi cuối kỳ			
TỔNG CỘNG:		23 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%

Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0

	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
	Không đạt	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F	0,0

13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung			
	Trang Web/ CDs tham khảo			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên
	Thực hành kỹ thuật động tác các nhóm cơ: tay - vai - ngực – lưng – đùi – bụng, các bài tập thể lực		30	Từ những động tác cơ bản, sinh viên tự tập luyện như giáo án tại phòng tập hoặc trường học
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lynth@uef.edu.vn 2. Trần Hữu Thuận, thuanth@uef.edu.vn			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 3 năm 2020

TRƯỜNG ĐƠN VỊ

TRƯỜNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Nguyễn Thị Bích Ly

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2 Tên tiếng Anh: GYM 2
2. Mã học phần	GYM1342
3. Trình độ đào tạo	Đại học
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Thể hình thẩm mỹ 1
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Gym - Thực hành các bài tập thể lực, kết hợp một số trò chơi vận động liên quan đến nội dung giáo án - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra Tương ứng với các phương pháp giảng dạy: <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể + TLM7 - Thực tập, thực tế
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo
8. Mục tiêu của học phần:	

Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CDR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Tự tập luyện với hiệu quả nhanh trong việc cung cấp duy trì và nâng cao sức khỏe chung cho sinh viên	PLO1	3.0
G2	Đồng thời giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp tự tập luyện xây dựng và phát triển thể hình cân đối thẩm mỹ	PLO1	3.0
G3	Khắc phục được những khuyết điểm khuyết mất cân đối trên cơ thể, cụ thể về chiều cao- cân nặng – vòng vai – vòng ngực – bụng – vòng mông và vòng đùi ..v.v..	PLO1	4.0

9. Chuẩn đầu ra của học phần

CDR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (L, T, U)
G1	Thực hành tương đối yêu cầu và trọng lượng tạ của buổi học	L, T, U

G2	Thực hành và hoàn thiện kỹ thuật động tác	I, T, U
G3	Sinh viên có thể vận dụng các bài tập vào thực tiễn	I, T, U

10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần

Giới thiệu tổng quát môn học Thể hình & Fitness

Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học

Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn

Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên

Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành

Chương trình tập luyện Thể hình – Thẩm mỹ 2 giúp sinh viên nắm vững hơn về các nguyên lý kỹ thuật động tác của các nhóm cơ trên cơ thể. Đồng thời giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp tự tập luyện xây dựng và phát triển thể hình cân đối thẩm mỹ. Nâng cao tố chất thể lực.

Giới thiệu và phân tích kỹ thuật của các nhóm cơ : ngực - tay - vai - đùi - bụng - lưng

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn học Thể hình & Fitness - Trình bài mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Chế độ dinh dưỡng trong tập luyện 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ lưng			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi, cơ tay			
Tuần 4: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Đùi – Ngực – Đùi – Bụng			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng			

Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai			
Tuần 8: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ bụng			
Tổng		7 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần/ Buổi	Nội dung	CDR môn học	Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 2 tiết	<p>Bài 1: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Cơ ngực dưới – ghế dốc (tạ đòn, tạ tay, tạ tay mở rộng, trên máy) - Cơ ngực trên, trên máy ngang - Cơ ngực trên, trên máy xiên - Cơ bụng trên máy - Cơ bụng dưới nâng chân 90° trên ghế đá bụng - Cơ bụng dưới rút gối trên ghế đá bụng - Ôn tập: <ul style="list-style-type: none"> ◦ Chống đẩy ◦ Cơ ngực nằm trên ghế ngang (tạ đòn, tạ tay, tạ tay mở rộng) ◦ Cơ ngực trên – ghế xiên (tạ đòn, tạ tay, tạ tay mở rộng) ◦ Cơ bụng trên và cơ bụng dưới (ghế ngang- ghế dốc) 	Năm vững kĩ thuật và thực hành kĩ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng 	Ax.x
Tuần 2: 2 tiết	<p>Bài 2: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ Lưng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Cơ lưng rộng kéo phía trước - phía sau trên giàn cáp - Cơ lưng rộng kéo ngang trên giàn cáp - Cơ lưng dưới Deadlift (đòn tạ - tạ 	Năm vững kĩ thuật và thực hành kĩ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ lưng • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ lưng 	

	<p>tay)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập: <ul style="list-style-type: none"> • Cơ lung rộng – khụy gối (tạ đòn – tạ tay) • Cơ lung dưới (tạ đòn – tạ tay) đặt trước đùi, với đòn tạ đặt trên vai - Bài tập thể lực 	cầu của môn học		
Tuần 3: 2 tiết	<p>Bài 3: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi, cơ tay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Cơ đùi trước : nambi đạp đùi trên máy (máy đạp đùi) - Cơ đùi sau : nambi đạp đùi trên máy (máy đạp đùi) - Cơ đùi trước ngồi đá đùi trên máy - Cơ đùi sau đứng gánh đùi trên dàn gánh đùi xiên - Cơ tay trước (tạ đòn – tạ tay) - Cơ tay trước trên ghế có giá đỡ tập tay trước (tạ tay – tạ đòn) - Cơ tay trước trên máy - Ôn tập <ul style="list-style-type: none"> • Cơ tay trước có điểm tựa ở đùi • Cơ tay sau (tạ đòn – tạ tay) • Cơ tay sau với tạ tay – 2 tay cùng một lúc • Cơ tay sau – Trên ghế • Cơ đùi trước, cơ đùi sau (tạ đòn – tạ tay) 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi, cơ tay • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi, cơ tay 	
Tuần 4: 2 tiết	<p>Bài 4: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi, cơ tay, cơ ngực, cơ bụng, cơ lưng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm : cơ đùi, cơ tay, cơ ngực, cơ bụng, cơ lưng - Trò chơi vận động kết hợp với các bài tập thể lực 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác,	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm : cơ đùi, cơ tay, cơ ngực, cơ bụng, cơ lưng • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm : cơ đùi, cơ tay, cơ ngực, cơ bụng, cơ lưng 	

Tuần 5: 3 tiết	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra giữa kì • Yêu cầu: Đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của đề bài và thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác 	Thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác		
Tuần 6: 2 tiết	<p>Bài 5: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ ngực, cơ bụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Cơ bụng dưới (rút gối và nâng chân 90độ) trên giàn cáp - Các bài tập Thể lực - Tổ chức trò chơi vận động - Ôn tập: <ul style="list-style-type: none"> • Chóng đẩy: nam, nữ (yêu cầu thẳng gối) • Cơ ngực trên – ghế ngang (tạ đòn, tạ tay, tạ tay mở rộng) • Cơ ngực trên – ghế xiên (tạ đòn, tạ tay, tạ tay mở rộng) • Cơ ngực dưới – ghế dốc (tạ đòn, tạ tay, tạ tay mở rộng) 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm: cơ ngực, cơ bụng • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm : cơ ngực, cơ bụng 	
Tuần 7: 2 tiết	<p>Bài 6: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ vai, cơ chéo bụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Đẩy cơ vai trước (trên máy, tạ đòn, tạ tay) - Tập cơ cầu vai (cơ thang) với tạ tay – tạ đòn trong tư thế thẳng tay hoặc cong tay (4 ĐT) - Cơ chéo bụng: xoay eo với tạ đòn - Cơ chéo bụng: nghiêng eo trên ghế - Ôn tập : <ul style="list-style-type: none"> • Đẩy cơ vai trước – giữa – sau với tạ đòn – tạ tay • Nâng cơ vai trước – giữa với tạ đòn – tạ tay 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm: cơ vai, cơ bụng • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm : cơ vai, cơ bụng 	

Tuần 8: 3 tiết	Bài 7: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ lưng, cơ bụng: <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Cơ chéo bụng gấp trái – phải trên ghế dốc - Xoay eo trên đĩa tạ - Ôn tập: <ul style="list-style-type: none"> • Tất cả các bài tập nhóm cơ lưng • Cơ bụng dưới nâng chân 90° trên giàn cáp (nữ 10 lần/hiệp, nam 15 lần/hiệp) • Cơ bụng dưới rút gối trên giàn cáp (nữ 10 lần/hiệp, nam 15 lần/hiệp) • Nghiêng eo với tạ đòn • Nghiêng eo trên ghế • Xoay eo trên đĩa tạ • Xoay eo với tạ đòn • Cơ chéo bụng gấp trái – phải trên ghế dốc 	Năm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm: cơ lưng, cơ bụng • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm : cơ lưng, cơ bụng 	
Tuần 9: 3 tiết	Ôn tập			
Tuần 10: 3 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra cuối kì - Yêu cầu: Đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của đề bài và thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác 	Thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác		
TỔNG CỘNG:		23 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CDR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
	A3. Điểm thi cuối kỳ (50%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	50%

Hệ thống tính điểm UEF

Phân loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số
Đạt	Giỏi	từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
	Khá	từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
		từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình	từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
		từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu	từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
		từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Không đạt	Kém	từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
		từ 0,0 đến 2,9	F	0,0
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính			
	Tài liệu tham khảo/bổ sung			
	Trang Web/ CDs tham khảo			
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung	Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Thực hành kỹ thuật động tác các nhóm cơ: tay - vai - ngực - lưng - đùi - bụng, tập luyện nâng cao nâng dần trọng lượng tạ, hoàn thiện kỹ thuật động tác	30	Từ những động tác cơ bản, sinh viên tự tập luyện như giáo án tại nhà, phòng tập hoặc trường học, tự tập luyện nâng cao nâng dần trọng lượng tạ, hoàn thiện kỹ thuật động tác	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lynntb@uef.edu.vn 2. Trần Hữu Thuận, thuanth@uef.edu.vn			

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 10 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

THS. LÂM DŨNG

Nguyễn Thị Bích Ly

Nguyễn Thị Bích Ly

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỘ MÔN GIÁO DỤC THỂ CHẤT

Bản chính thức số 1

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Tên học phần	Tên tiếng Việt: GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3 Tên tiếng Anh: GYM 3		
2. Mã học phần	GYM1343		
3. Trình độ đào tạo	Đại học		
4. Số tín chỉ	1 (0, 1) TC		
5. Học phần tiên quyết	GDTC – Thể hình thẩm mỹ 2		
6. Phương pháp giảng dạy	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết trên lớp kết hợp với thực hành tại phòng Gym - Thực hành các bài tập thể lực, kết hợp một số trò chơi vận động liên quan đến nội dung giáo án - Đảm bảo nội dung và cường độ tập luyện mà chương trình giảng dạy đã đề ra <p>Tương ứng với các phương pháp giảng dạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + TLM1 - Giải thích cụ thể + TLM7 - Thực tập, thực tế 		
7. Đơn vị quản lý HP	Phòng Đào tạo		
8. Mục tiêu của học phần:			
Mục tiêu (Gx)	Mô tả mục tiêu	CĐR của CTĐT (X.x.x)	TĐNL
G1	Thông qua chương trình học giúp sinh viên phát triển tố chất thể lực	PLO1	3.0
G2	Đồng thời giúp cho sinh viên nắm được các phương pháp tự tập luyện xây dựng và phát triển thể hình cân đối thẩm mỹ	PLO1	3.0
G3	Rèn luyện thái độ tự giác tích cực, tính kỷ luật và tinh thần đồng đội thông qua chương trình học	PLO1	4.0
9. Chuẩn đầu ra của học phần			
CĐR (G.x.x)	Mô tả chuẩn đầu ra	Mức độ giảng dạy (I, T, U)	
G1	Thực hành và hoàn thiện kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ của buổi học	I, T, U	
G2	Tự đưa ra một giáo án phù hợp theo mục đích của sinh viên	I, T, U	

G3	Khả năng phối hợp vận động trong quá trình thực hành kỹ thuật động tác	I, T, U
10. Mô tả tóm tắt nội dung học phần		
Sinh viên chọn môn học và tập luyện môn Thể hình – Thẩm mỹ 3 là yêu cầu nâng cao trình độ kỹ thuật và phương pháp tập luyện để củng cố duy trì và nâng cao sức khỏe, nâng cao tố chất thể lực cho sinh viên và rèn luyện khả năng phối hợp và giữ thăng bằng trên bóng hơi ..v.v..		

11. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

LÝ THUYẾT

Tuần/ Buổi	Nội dung	CĐR môn học	• Hoạt động dạy và học	Bài đánh giá
Tuần 1: 1 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát môn học Thể hình & Fitness - Trình bày mục đích và ý nghĩa môn học - Phổ biến quy chế và nội quy học tập chuyên môn - Thảo luận : Hỏi và đáp mọi thắc mắc yêu cầu của Sinh Viên - Giới thiệu hình thức học thực hành và kiểm tra thực hành - Phương pháp xây dựng giáo án tập luyện 			
Tuần 2: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ bụng, cơ vai trên bóng hơi			
Tuần 3: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi			
Tuần 4: 1 tiết	Phương pháp xây dựng giáo án tập luyện			
Tuần 6: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ bụng với bóng hơi			
Tuần 7: 1 tiết	Giới thiệu và hướng dẫn các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ vai với bóng hơi			
Tuần 8: 1 tiết	Chấn thương trong hoạt động Thể dục thể thao			
Tổng		7 tiết		

THỰC HÀNH

Tuần 1: 2 tiết	Bài 1: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên	Năm vững kỹ	• Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích	Ax.x
-------------------	--	----------------	--	------

	<p>nhóm cơ ngực, cơ bụng trên bóng hơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Chóng đẩy trên bóng hơi (phần bụng – phần đùi) - Cơ ngực trên bóng hơi với tạ tay - Cơ ngực trên bóng hơi với tạ tay mở rộng - Tập cơ bụng dưới nằm nâng chân một góc 90 độ đồng thời nâng thân trên đưa thẳng 2 bàn tay chạm 2 mũi bàn chân - Ôn tập: <ul style="list-style-type: none"> • Cơ bụng dưới (ngồi rút gối) • Cơ bụng dưới (nằm nâng chân một góc 90 độ) • Cơ bụng dưới (gập hết thân người trên ghế dốc) 	<p>thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học</p>	<p>lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng trên bóng hơi</p> <ul style="list-style-type: none"> • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Ngực, cơ Bụng trên bóng hơi 	
Tuần 2: 2 tiết	<p>Bài 2: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ vai, cơ bụng trên bóng hơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chung, khởi động chuyên môn - Tập đẩy cơ vai trước - tạ tay (ngồi trên bóng hơi) - Tập đẩy cơ vai giữa - tạ tay (ngồi trên bóng hơi) - Nâng cơ vai trước- tạ tay (ngồi trên bóng hơi) - Cơ bụng dưới nằm trên sàn đặt cẳng chân trên bóng gập hết thân người - Cơ bụng trên nằm trên sàn đặt cẳng chân trên bóng gập $\frac{1}{2}$ thân người - Cơ bụng trên nằm trên bóng gập $\frac{1}{2}$ thân người 	<p>Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ bụng trên bóng hơi • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ Vai, cơ bụng trên bóng hơi 	
Tuần 3: 2 tiết	<p>Bài 3: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi, cơ tay</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn 	<p>Nắm vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật</p>	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ đùi, cơ tay • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ đùi trước: ngồi xổm 90° (tạ Ante – tạ đòn) - Cơ đùi trước : nằm đạp đùi trên máy - Cơ đùi trước: đứng gánh đùi trên máy (máy squat) - Cơ đùi sau : bước cắt kéo hay đứng bước(tạ Ante – tạ đòn) - Cơ căng chân (có điểm tựa trên bóng) - Cơ tay trước tạ đòn trên ghế có giá đỡ (ghế tập tay trước) - Cơ tay trước tạ tay trên ghế có giá đỡ (ghế tập tay trước) - Cơ tay sau trên máy có trợ lực 	động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	nhóm cơ đùi, cơ tay	
Tuần 4: 2 tiết	Bài 4: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ ngực – vai - bụng - đùi trên bóng hơi	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác,		
Tuần 5: 3 tiết	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra giữa kì • Yêu cầu: Đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của đề bài và thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác 	Thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác		
Tuần 6: 2 tiết	Bài 5: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ bụng <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Sửa sai các lỗi thường hay mắc phải ở đợt kiểm tra giữa kỳ - Các bài tập thể lực : giảng viên đưa ra các bài tập thể lực phù hợp để phát triển tố chất sức nhanh,sức mạnh và sức bền - Cơ chéo bụng: - Cơ chéo bụng trên giàn cáp - Nghiêng eo với tạ đòn - Nghiêng eo trên ghế - Xoay eo trên đĩa tạ 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm cơ bụng • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm cơ bụng 	

	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay eo với tạ đòn - Cơ chéo bụng gấp trái – phải trên ghế dốc 			
Tuần 7: 2 tiết	<p>Bài 6: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ vai trên bóng hơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Nâng cơ vai trước trên bóng hơi (2 tạ tay đặt trên đùi + ngồi trên bóng hơi) - Nâng cơ vai trước nằm sấp trên bóng hơi (2 tạ tay đặt trên sàn + nằm sấp trên bóng hơi + nâng thẳng tay lên ngang vai) - Nâng cơ vai sau ngồi trên bóng hơi - gấp thân 45° (2 tạ tay + ngồi trên bóng hơi, gấp thân 45°, nâng 2 tạ tay 2 bên thân lên ngang vai) - Nâng cơ vai sau nằm sấp trên bóng hơi (2 tạ tay + nằm sấp trên bóng nâng 2 tạ tay 2 bên thân lên ngang vai) - Nâng cơ vai giữa trên bóng hơi (2 tạ tay đặt theo thân người ngồi trên bóng) 	Nâng vững kỹ thuật và thực hành kỹ thuật động tác, đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của môn học	<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm: cơ vai • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm : cơ vai trên bóng hơi 	
Tuần 8: 2 tiết	<p>Bài 7: Thực hành các động tác kỹ thuật cơ bản, tác động có chủ đích lên nhóm cơ lưng, cơ đùi trên bóng hơi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khởi động chung, khởi động chuyên môn - Bật cơ lưng dưới (nằm sấp trên bóng + 2 tay đặt sau đầu+ bật lưng lên) - Cơ lưng dưới (quỳ gối trên sàn + 2 tay đặt trên bóng + lăn bóng ra xa sau đó kéo bóng về) - Cơ đùi sau – mông có điểm tựa 1 chân trên bóng hơi – đá lăng chân tung chân sau đó đổi bên. - Cơ căng chân (có điểm tựa trên bóng) - Cơ căng chân (có điểm tựa ngồi) 		<ul style="list-style-type: none"> • Dạy: kỹ thuật cơ bản tác động có chủ đích lên nhóm: cơ lưng, cơ đùi trên bóng hơi • Học: thực hành nguyên lý, kỹ thuật động tác tác động có chủ đích lên nhóm : cơ lưng, cơ đùi trên bóng hơi 	

	<p>trên bóng trên bóng)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu chung: có trọng lượng tạ (nữ từ 3kg-7,5kg <ul style="list-style-type: none"> o Nam từ 7,5kg trở lên) <p>Kiểm tra thử các nội dung thi thể lực</p>			
Tuần 9: 3 tiết	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập - Kiểm tra thử các nội dung thi thể lực <ul style="list-style-type: none"> • Nam: chạy bộ trên máy 5ph (tính calo) - đá bụng trên giàn cáp (tính số cái thực hiện) • Nữ: đạp máy trượt tuyết 5ph (tính calo) - đá bụng trên giàn cáp (tính số cái thực hiện) 			
Tuần 10: 3 tiết	<ul style="list-style-type: none"> • Kiểm tra cuối kì • Yêu cầu: Đảm bảo trọng lượng tạ theo yêu cầu của đề bài và thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác. Thực hành có trọng lượng tạ đối với các bài tập với đòn tạ và tạ tay (Nam: đòn tạ của nam 7,5 kg/bên trở lên, tạ tay 7,5 kg/bên trở lên.Nữ: đòn tạ của nữ 5 kg/bên trở lên, tạ tay 5 kg/bên trở lên) 	Thực hành đúng các nguyên lý kỹ thuật động tác	<ul style="list-style-type: none"> - 5 điểm thi thực hành 3 câu hỏi (mỗi câu 1,5 điểm và 0,5 điểm câu hỏi phụ) - 5 điểm thi test thể lực 2 nội dung (mỗi câu 2,5 điểm) 	
TỔNG CỘNG:		23 tiết		
12. Phương pháp đánh giá	Điểm thành phần	Bài đánh giá (Ax.x)	CĐR môn học (Gx.x)	Tỷ lệ
	A1. Điểm quá trình (30%)	Chuyên cần – AM1, AM2	Đi học đầy đủ, đúng giờ, đảm bảo theo đúng giáo án Giáo viên yêu cầu	30%
	A2. Điểm giữa kỳ (20%)	Thi thực hành – AM9	Hiểu và thực hiện đúng biên độ kỹ thuật động tác và đảm bảo đủ khối lượng bài tập yêu cầu	20%
Hệ thống tính điểm UEF				
Phân loại		Thang điểm hệ 10	Thang điểm hệ 4	
			Điểm chữ	Điểm số

Đạt	Giỏi		từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
	Khá		từ 7,8 đến 8,4	B+	3,5
			từ 7,0 đến 7,7	B	3,0
	Trung bình		từ 6,3 đến 6,9	C+	2,5
			từ 5,5 đến 6,2	C	2,0
	Trung bình yếu		từ 4,8 đến 5,4	D+	1,5
			từ 4,0 đến 4,7	D	1,0
Không đạt	Kém		từ 3,0 đến 3,9	F+	0,5
			từ 0,0 đến 2,9	F	0,0
13. Tài liệu phục vụ học phần	Tài liệu/giáo trình chính				
	Tài liệu tham khảo/bổ sung				
	Trang Web/ CDs tham khảo				
14. Hướng dẫn sinh viên tự học	Nội dung		Số tiết	Nhiệm vụ của sinh viên	
	Thực hành kỹ thuật động tác các nhóm cơ: tay - vai - ngực - lưng - đùi - bụng, các bài tập thể lực		30	Tù những động tác cơ bản, sinh viên tự xây dựng giáo án tập luyện	
15. Giảng viên tham gia giảng dạy (dự kiến)	1. Nguyễn Thị Bích Ly, lyntb@uef.edu.vn 2. Trần Hữu Thuận, thuanth@uef.edu.vn				

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2020

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

ThS. Lê Dũng

Nguyễn Thị Bích Ly

Nguyễn Thị Bích Ly

